MỤC LỤC

Trang

LỜI CAM ĐOAN

LỜI CẢM ƠN

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT 3

MỞ ĐẦU **6**

1. Tính cấp thiết của đề tài 6

2. Mục tiêu và nhiệm vụ của đề tài 8

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 8

4. Phương pháp nghiên cứu 8

5. Đóng góp của Luận án 10

6. Kết cấu của Luận án 11

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN LỊCH SỬ NGHIÊN CỨU **13**

1.1. Các nghiên cứu về khu vực ẤĐD-TBD (bao gồm cả khu vực CÁ-TBD) và cạnh tranh Mỹ - Trung ở khu vực 14

1.2. Các nghiên cứu liên quan đến chính sách, chiến lược đối ngoại của Mỹ nói chung và chiến lược cho khu vực ẤĐD-TBD nói riêng 19

1.3. Các công trình đánh giá về chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở của Mỹ và quan điểm, phản ứng của các nước 24

1.4. Nhận xét về các tài liệu nghiên cứu đề tài chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở của Mỹ 33

CHƯƠNG 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN, THỰC TIỄN CỦA CHIẾN LƯỢC ẤN ĐỘ DƯƠNG - THÁI BÌNH DƯƠNG TỰ DO VÀ RỘNG MỞ CỦA MỸ TRÊN KHÍA CẠNH AN NINH QUÂN SỰ **37**

2.1. CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA VIỆC HÌNH THÀNH CHIẾN LƯỢC 37

2.1.1. Các khái niệm và nội hàm cơ bản của Chiến lược 37

2.1.2. Các lý thuyết giải thích sự hình thành của Chiến lược 40

2.2. CƠ SỞ THỰC TIỄN CỦA VIỆC HÌNH THÀNH CHIẾN LƯỢC 53

2.2.1. Yêu cầu của tình hình thực tế 53

2.2.2. Lợi thế nền tảng sẵn có của Mỹ 69

2.2.3. Nội bộ chính trường Mỹ và yếu tố cá nhân - D.Trump 79

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2 84

CHƯƠNG 3. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH, BIỆN PHÁP VÀ THỰC TIỄN TRIỂN KHAI CHIẾN LƯỢC ẤN ĐỘ DƯƠNG - THÁI BÌNH DƯƠNG TỰ DO VÀ RỘNG MỞ CỦA MỸ TRÊN KHÍA CẠNH AN NINH QUÂN SỰ **86**

3.1. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ BIỆN PHÁP TRIỂN KHAI 86
3.1.1. Quá trình hình thành và phạm vi Chiến lược 86
3.1.2. Biện pháp triển khai Chiến lược 92
3.2. THỰC TIỄN TRIỂN KHAI CHIẾN LƯỢC 103
3.2.1. Củng cố và tăng cường quan hệ với các đồng minh, đối tác 103
3.2.2. Củng cố, tăng cường lực lượng, duy trì ưu thế quân sự ở khu vực 130
3.2.3. Duy trì và tăng cường các hoạt động quân sự tại khu vực 137
TIỂU KẾT CHƯƠNG 3 154
CHƯƠNG 4. TÁC ĐỘNG, TRIỂN VỌNG CỦA CHIẾN LƯỢC ẤN ĐỘ DƯƠNG - THÁI BÌNH DƯƠNG TỰ DO VÀ RỘNG MỞ CỦA MỸ TRÊN KHÍA CẠNH AN NINH QUÂN SỰ VÀ KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI VIỆT NAM 156
4.1. NHẬN XÉT VỀ CHIẾN LƯỢC 156
4.1.1. Nhận xét chung về Chiến lược 156
4.1.2. Một số kết quả và hạn chế của bản thân Chiến lược 162
4.2. TÁC ĐỘNG VÀ PHẢN ỨNG CỦA CÁC NƯỚC 167
4.2.1. Tác động của Chiến lược đối với khu vực ẤĐD-TBD 167
4.2.2. Phản ứng của các nước trong khu vực đối với Chiến lược 172
4.3. DỰ BÁO TƯƠNG LAI CỦA CHIẾN LƯỢC 186
4.4. MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI VIỆT NAM 195
TIỂU KẾT CHƯƠNG 4 202
KẾT LUẬN 204
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN 208
TÀI LIỆU THAM KHẢO 209

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Tiếng Anh	Tiếng Việt
A2/AD	Anti Access/Area Dinial	Chống tiếp cận, chống xâm nhập
ẤĐD-TBD		Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương
ADMM	ASEAN Defence Minister Meeting	Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng các nước ASEAN
ADMM+	ASEAN Defence Minister Meeting Plus	Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng các nước ASEAN Mở rộng
AI	Artificial Intelligence	Trí tuệ nhân tạo
ARF	ASEAN Regional Forum	Diễn đàn khu vực ASEAN
ARIA	Asia Reassuarance Initiative Act	Đạo luật Sáng kiến tái bảo đảm châu Á
ASEAN	Association of Southeast Asian Nations	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
AUKUS	Australia - United Kingdom - United States of America	Đối tác quân sự Mỹ - Anh - Úc
BMD	Ballistic Missile Defence	Hệ thống phòng thủ tên lửa đạn đạo
BNG		Bộ Ngoại giao
BQP		Bộ Quốc phòng
BRI	Belt and Road Initiative	Sáng kiến Vành đai và Con đường
BTL		Bộ Tư lệnh
BTNG		Bộ trưởng Ngoại giao
BTQP		Bộ trưởng Quốc phòng
BUILD	Better Utilization of Investments Leading to Development Act	Đạo luật khai thác hiệu quả hơn các hoạt động đầu tư phát triển
CÁ-TBD		Châu Á - Thái Bình Dương
COC	Code of Conduct in the	Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông

	South China Sea	
DOC	Declaration on the conduct of parties in the South China Sea	Tuyên bố của các bên về ứng xử ở Biển Đông
EAS	East Asia Summit	Hội nghị Cấp cao Đông Á
EU	European Union	Liên minh châu Âu
FONOP	Freedom of Navigation Operation	Chiến dịch tự do hàng hải
GDAP	Guidance for Development of Alliances and Partnerships	Hướng dẫn phát triển mạng lưới đồng minh và đối tác
HĐBA LHQ		Hội đồng Bảo an Liên Hợp quốc
IMF	International Monetary Fund	Quỹ tiền tệ Quốc tế
INDOPACOM	Indo-Pacific Command	Bộ Tư lệnh Ấn Độ - Thái Bình Dương
INF	Intermediate-Range Nuclear Forces Treaty	Hiệp ước lực lượng hạt nhân tầm trung
JSDF	Japan Self-Defence Force	Lực lượng phòng vệ Nhật Bản
LHQ		Liên Hợp quốc
LMI	Lowerd Mekong Initiative	Sáng kiến Hạ nguồn sông Mê Công
MOU	Memorandom of Understanding	Bản ghi nhớ
MSI	Maritime security Initiative	Sáng kiến an ninh hàng hải
NATO	North Atlantic Treaty Organization	Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương
NDAA	National Defense Authorization Act	Đạo luật ủy quyền Quốc phòng
PACOM	Pacific Command	Bộ Tư lệnh Thái Bình Dương

PLA	People's Liberation Army	Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc
PDI	Pacific Deterrence Initiative	Sáng kiến răn đe Thái Bình Dương
QHQT		Quan hệ Quốc tế
QUAD	Quadrilateral Security Dialogue	Nhóm Bộ Tứ (Mỹ, Ấn Độ, Nhật Bản, Australia)
RIMPAC	The Rim of the Pacific Exercise	Diễn tập quân sự vành đai Thái Bình Dương
SIPRI	Stockholm International Peace Research Institute	Viện nghiên cứu hòa bình quốc tế Stockhom
THAAD	Terminal High Altitude Area Defense	Hệ thống phòng thủ khu vực tầm cao giai đoạn cuối
UAV	Unmanned Aerial Vehicle	Thiết bị bay không người lái
UNCLOS	United Nations Convention for the Law of the Sea	Công ước Liên Hợp quốc về Luật biển
WB	World Bank	Ngân hàng Thế giới
WTO	World Trade Organization	Tổ chức Thương mại Quốc tế

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Kể từ khi bắt đầu nhiệm kỳ tổng thống, với tư duy chính trị khác biệt, D.Trump đã tạo nên nhiều thay đổi lớn trong chính sách của Mỹ. Một trong những biểu hiện nổi bật nhất của các thay đổi đó chính là việc hoạch định và thực thi chiến lược *"Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở"*.

Mặc dù chiến lược của D.Trump được đánh giá là một cột mốc mới, đánh dấu bước chuyển trong chính sách của Mỹ nhưng đối với giới nghiên cứu thì "Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương (ẤĐD-TBD)" không phải là thuật ngữ mới. Từ năm 2007, cụm từ này đã xuất hiện trong bài luận *"An ninh hàng hải: Triển vọng hợp tác Ấn Độ - Nhật Bản"* của Tiến sĩ Gurpreet S.Khurana, Giám đốc Quỹ hàng hải Quốc gia Ấn Độ. "ẤĐD-TBD" tiếp tục được sử dụng bởi Thủ tướng Nhật Bản Abe Shinzo trước Nghị viện Ấn Độ trong năm đó và trở nên phổ biến hơn khi được Sách trắng Quốc phòng Australia năm 2013 nhắc đến. Tuy nhiên, chỉ khi được D.Trump đề cập trong bài phát biểu bên lề APEC 2017, thuật ngữ trên mới bắt đầu thu hút sự chú ý của dư luận.

Dựa vào định nghĩa, có thể nhận ra về mặt địa lý, khu vực ẤĐD-TBD của D.Trump ngoài mở rộng thêm Ấn Độ Dương, phần còn lại không có nhiều sự khác biệt với khu vực châu Á - Thái Bình Dương (CÁ-TBD) của Barack Obama. Tuy nhiên, thuật ngữ "CÁ-TBD" bị cho là không còn tương xứng với mục tiêu địa - chính trị và sự hiện diện của Mỹ ở châu Á hiện nay. Về mặt lý thuyết, việc đổi thuật ngữ được cho là vì "CÁ-TBD" không đủ sức bao quát khi tư duy tách biệt Nam Á và Đông Á không còn phù hợp do những lợi ích đan xen và tác động qua lại lẫn nhau giữa hai khu vực này ngày càng trở nên mật thiết hơn. Nếu như "CÁ-TBD" bị cho là chỉ tập trung vào khu vực Đông Á và Tây Thái Bình Dương, thì "ẤĐD-TBD" bao quát được Đông Á và Tây Thái Bình Dương, Australia, New Zealand và cả các nước ven Ấn Độ Dương, khi lấy hai đại dương làm trung tâm. Về mặt lý luận, việc một Tổng thống có tư duy khác biệt như D.Trump lên nắm quyền sẽ muốn ghi dấu ấn về mặt cá nhân thông qua xóa bỏ, thay thế, chỉnh sửa một phần hoặc toàn bộ chiến lược của chính quyền tiền nhiệm. Về mặt thực tiễn,

trong bối cảnh ảnh hưởng của Trung Quốc đang mở rộng hơn về phía Tây, sang tận châu Phi, còn Ấn Độ ngày càng thể hiện mong muốn khẳng định vai trò cường quốc với Chính sách Hành động phía Đông, thì việc thay đổi thuật ngữ đã thể hiện sự nhạy bén và mong muốn chiến lược của Mỹ khi bao trùm hai khu vực quan trọng trong một hệ thống chiến lược đơn nhất. Việc Chính quyền D.Trump dùng thuật ngữ "ẤĐD-TBD" trong Chiến lược An ninh Quốc gia (năm 2017) và bắt đầu triển khai Chiến lược trên thực tế khi đổi tên Bộ Tư lệnh Thái Bình Dương (PACOM) thành Bộ Tư lệnh ẤĐD-TBD (INDOPACOM), đã đánh dấu bước chuyển mới trong trọng tâm chiến lược đối ngoại của Mỹ ở châu Á. Mặt khác, trên thực tế khu vực ÂDĐ-TBD đang trở thành địa bàn cạnh tranh ảnh hưởng của các cường quốc khi Trung Quốc đã công bố sáng kiến "Vành đai, con đường" bao trọn phạm vi của khu vực này, còn Mỹ và đồng minh khu vực không ngừng khẳng định sự hiện diện của mình tại đây thông qua các cuộc tập trận chung và đưa ra những phát biểu chính sách quan trọng khi thăm chính thức các quốc gia Ấn Độ Dương. Việc sử dụng "ẤĐD-TBD" không chỉ biểu thị mối lưu tâm lớn hơn của Mỹ đối với sự hiện diện ngày càng rõ rệt của Trung Quốc ở Ấn Độ Dương và sự phát triển của Ấn Độ mà còn nhằm đề cao vai trò cũng như lôi kéo cường quốc Nam Á này trong việc định hình cấu trúc an ninh khu vực. Đồng thời, cho thấy quyết tâm củng cố và bảo lưu trật tự thế giới do Mỹ đứng đầu, kể từ khi Chiến tranh Lạnh kết thúc.

Với vai trò là một siêu cường quốc tế, bất cứ động thái nào của Mỹ cũng sẽ gây ảnh hưởng lớn đến tình hình thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng, đặc biệt khi liên tiếp từ thời Obama đến D.Trump và Joe Biden, Mỹ luôn dành ưu tiên cao cho châu Á, thay vì chỉ châu Âu và Trung Đông như trước kia. Với mục tiêu kìm hãm Trung Quốc, tái lập và củng cố vị thế bá chủ khu vực dựa trên sức mạnh tổng lực, đặc biệt là ưu thế quân sự, Chiến lược đã và đang tạo ảnh hưởng lớn tại ẤĐD-TBD. Dù có nhiều nghiên cứu về chiến lược ẤĐD-TBD nói chung, nhưng chưa có công trình nào chuyên biệt khai thác về khía cạnh an ninh quân sự, nên việc nghiên cứu chủ đề này nhằm tìm ra cách ứng xử phù hợp đảm bảo an ninh và phát triển của Việt Nam, là điều vô cùng cấp thiết. Đó là lý do tác giả chọn đề tài Luận án là "**Chiến lược Ấn Độ Dương -Thái Bình Dương tự do và rộng mở của Mỹ trên khía cạnh an ninh quân sự**".

2. Mục tiêu và nhiệm vụ của đề tài

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu Chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở của Mỹ trên khía cạnh an ninh quân sự, phản ứng của các nước có liên quan, đánh giá các tác động đối với thế giới, khu vực và đưa ra một số đề xuất, khuyến nghị đối với Việt Nam.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện mục tiêu nghiên cứu Luận án cần trả lời những câu hỏi:

- Nguyên nhân nào dẫn tới sự ra đời Chiến lược?

- Chiến lược được tạo lập dựa trên những cơ sở nào?

- Nội dung và việc triển khai Chiến lược ở khía cạnh an ninh quân sự trên thực tế diễn ra như thế nào?

- Triển vọng của Chiến lược trong thời gian tới?

- Tác động đến Việt Nam như thế nào và Việt Nam cần xử lý ra sao với Chiến lược để phục vụ cho các mục tiêu giữ vững ổn định chủ quyền và phát triển đất nước?

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của Luận án: Chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở của Mỹ trên khía cạnh an ninh quân sự.

Phạm vi nghiên cứu của Luận án:

+ *Về thời gian:* Từ năm 2017, khi D.Trump lần đầu tiên đề cập đến khái niệm ẤĐD-TBD đến đầu năm 2022. Trong quá trình nghiên cứu, tác giả có mở rộng tìm hiểu về vai trò, tác động của lịch sử và các yếu tố bên ngoài đối với quá trình hình thành và triển khai Chiến lược.

+ *Về không gian:* Khu vực ẤĐD-TBD. Đây không phải là khu vực biệt lập mà chịu tác động của các khu vực khác trên thế giới, nên trong quá trình nghiên cứu, tác giả cũng sẽ mở rộng ra các khu vực có liên quan.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận án được nghiên cứu dựa trên phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, các lý thuyết quan hệ quốc tế (QHQT) như chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa tự do, chủ nghĩa kiến tạo. Tập trung làm rõ khung lý thuyết, cơ sở lịch sử và thực tiễn góp phần hình thành quan điểm của Mỹ dưới thời Tổng thống D.Trump về

việc chuyển từ chiến lược CÁ-TBD sang ẤĐD-TBD. Phương pháp nghiên cứu chủ yếu của Luận án bao gồm: *(1) Phương pháp lịch sử,* là phương pháp nghiên cứu và tìm hiểu bản chất của đối tượng nghiên cứu thông qua quá trình hình thành và phát triển của nó. Thông qua quá trình biến hóa của sự vật sẽ giúp bản chất của đối tượng nghiên cứu dễ nhận biết hơn. Theo đó, tác giả sử dụng phương pháp này để so sánh chính sách và chiến lược đối ngoại của Mỹ theo tiến trình lịch sử từ thời Obama đến thời D.Trump và chuyển sang thời chính quyền Joe Biden. *(2) Phương pháp logic,* tìm kiếm điểm chung và điểm nghịch trong triển khai chính sách của Mỹ để rút ra định hướng tương lai. Với việc sử dụng phương pháp này, tác giả không chỉ nghiên cứu đối tượng trong tiến trình lịch sử của chính nó mà còn phân tích sâu vào đặc điểm cụ thể của đối tượng. Phương pháp logic thường kết hợp với phương pháp lịch sử để tăng thêm tính chặt chẽ, sâu sắc và bao quát cho nghiên cứu khoa học. *(3) Phương pháp phân tích,* tìm hiểu các nhân tố tác động đến việc điều chỉnh chính sách khu vực của Mỹ. Tác giả sử dụng phương pháp này để phân tích các kết quả, luận cứ đã thu được trong quá trình nghiên cứu và sau đó tổng hợp lại và đưa ra luận điểm chính. Trong phương pháp này, tác giả phân chia hợp lý các thông tin, kết quả thu thập được thành các nhóm, các bộ cụ thể. *(4) Phương pháp tổng hợp và so sánh,* tìm hiểu môi trường địa chiến lược khu vực, các nhân tố tác động bên ngoài, đặc biệt là từ quan điểm chính sách, chiến lược của các nước có liên quan như Trung Quốc, Nhật Bản, Australia, Ấn Độ đối với Chiến lược và việc triển khai Chiến lược của Mỹ. *(5) Phương pháp chuyên gia,* là phương pháp tận dụng trí tuệ của đội ngũ những người có chuyên môn để xem xét nhận định bản chất của đối tượng. Trong khuôn khổ Luận án này, tác giả sẽ tham khảo, phỏng vấn các chuyên gia, học giả uy tín, giới chức có liên quan để có được cái nhìn tổng quát và sâu sắc hơn về đối tượng, phạm vi nghiên cứu, cũng như đưa ra được các nhận xét, kiến nghị phù hợp với mục đích của đề tài. Bên cạnh phương pháp chuyên gia, tác giả đồng thời sử dụng *phương pháp dự báo* để nhận định chiến lược sẽ diễn biến như thế nào trong tương lai. Phương pháp này có liên hệ mật thiết với phương pháp chuyên gia để tăng tính thuyết phục của các kịch bản có thể xảy ra theo nhận định của tác giả.

5. Đóng góp của Luận án

- Ý nghĩa khoa học:

Luận án góp phần làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn quá trình hình thành, triển khai, tác động của Chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở trên khía cạnh an ninh quân sự của Mỹ . Trong đó, làm rõ được nội hàm các thành phần của Chiến lược; nhận diện được cơ sở phát triển Chiến lược dựa trên các lý thuyết quan hệ quốc tế (chủ nghĩa hiện thực, tự do và kiến tạo) cũng như cơ sở thực tiễn giải thích tại sao Mỹ dưới thời D.Trump chuyển từ chiến lược Tái cân bằng dưới thời Obama sang chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở.

- Ý nghĩa thực tiễn:

+ Thống kê một cách có hệ thống nguồn gốc và quá trình hình thành Chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở trên khía cạnh an ninh quân sự, từ các phát biểu chính sách đến các chuyển động nhằm nội luật hóa và triển khai trên thực tiễn của Chiến lược.

+ Chỉ ra được mục tiêu, nội dung Chiến lược và triển khai chiến lược của Mỹ; chỉ ra những ảnh hưởng, những phản ứng chính sách của các nước trước Chiến lược của Mỹ.

+ Thống kê được tương đối đầy đủ lực lượng quân sự, bố trí và tái bố trí, phân bổ lực lượng của Mỹ ở khu vực ẤĐD-TBD trong quá trình triển khai Chiến lược, trong đó tập trung vào tìm hiểu quá trình tăng cường, củng cố quan hệ với đồng minh, đối tác; củng cố và tăng cường lực lượng nhằm duy trì ưu thế quân sự ở khu vực; thống kê, phân tích việc Mỹ duy trì và tăng cường các hoạt động quân sự của Mỹ ở khu vực.

+ Đưa ra các nhận xét, đánh giá về Chiến lược, những tác động đối với thế giới, khu vực và Việt Nam, từ đó đưa ra các kịch bản và đề xuất kiến nghị đáng chú ý đối với Việt Nam trong xử lý cạnh tranh giữa các nước lớn trong khu vực nói chung và việc tham gia vào Chiến lược của Mỹ nói riêng.

Kết quả của Luận án có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo, vận dụng vào thực tiễn hoạt động nghiên cứu, hoạch định chính sách liên quan đến Chiến lược ẤĐD-TBD, phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy, học tập và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho các trường Đại học, các Viện, Trung tâm nghiên cứu tại Việt

Nam và khu vực.

6. Kết cấu của Luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, nội dung của Luận án được chia làm bốn chương với những nội dung chính sau:

Chương I. "Tổng quan lịch sử nghiên cứu" sẽ tập trung nghiên cứu, làm rõ các tài liệu viết về Chiến lược ẤĐD-TBD, chính sách đối ngoại của Mỹ dưới thời D.Trump liên quan đến khu vực này. Trong đó, tập trung vào các tài liệu của những chuyên gia, học giả trong và ngoài nước về các vấn đề (1) Quá trình hình thành và triển khai Chiến lược ẤĐD-TBD của Mỹ đặc biệt tập trung vào việc thực thi Chiến lược với các nước như Nhật Bản, Ấn Độ và Australia; (2) Tác động của Chiến lược đối với thế giới, khu vực; (3) Triển vọng của Chiến lược trong và sau giai đoạn D.Trump nắm quyền; (4) Việt Nam cần có đối sách thế nào với Chiến lược này để phục vụ cho mục tiêu bảo vệ và phát triển đất nước. Thông qua việc tìm hiểu, Luận án sẽ đưa ra những nhận xét, đánh giá về các tài liệu này, chỉ ra các vấn đề chưa được đề cập, làm rõ, cần nghiên cứu thêm để phát triển và hoàn thiện.

Chương II. "Cơ sở lý luận, thực tiễn của chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở của Mỹ trên khía cạnh an ninh quân sự":

Cơ sở lý luận gồm 02 phần: (1) Giải thích các khái niệm như Chiến lược, An ninh quân sự, ẤĐD-TBD, tự do và rộng mở để hiểu rõ hơn bản chất, mục tiêu của Chiến lược và (2) Đề cập đến các quan điểm lý thuyết quan hệ quốc tế, tập trung vào các lý thuyết có liên quan đến đề tài, gồm chủ nghĩa hiện thực (cạnh tranh Mỹ - Trung, thuyết ổn định bá quyền và cân bằng quyền lực); chủ nghĩa tự do (mở rộng hợp tác); chủ nghĩa kiến tạo (phân tích về vai trò cá nhân của Tổng thống D.Trump).

Cơ sở thực tiễn sẽ làm rõ các cơ sở hoạch định Chiến lược ẤĐD-TBD cùng những nhân tố tác động đến việc ra đời Chiến lược.

Chương III. "Biện pháp và thực tiễn triển khai Chiến lược ẤĐD-TBD của Mỹ trên khía cạnh an ninh quân sự" sẽ tập trung làm rõ các nội dung lớn: (1) Biện pháp triển khai chiến lược, tập trung vào biện pháp chung và biện pháp cụ thể; (2) Thực tiễn triển khai Chiến lược ở khía cạnh an ninh quân sự dưới thời Chính quyền D.Trump và giai đoạn đầu của chính quyền Joe Biden.

Chương IV. "Tác động, triển vọng của Chiến lược ÁĐD-TBD và khuyến nghị đối với Việt Nam" sẽ tập trung làm rõ:

(1) Tác động của Chiến lược đối với môi trường địa chiến lược khu vực; các mô hình hợp tác đa phương khác trong khu vực; đối với từng quốc gia cụ thể trong khu vực;

(2) Triển vọng của Chiến lược sau thời gian khảo sát (2017-2022);

(3) Một số đề xuất đối với Việt Nam, làm rõ Việt Nam cần xử lý thế nào để có thể tận dụng tốt nhất những ưu điểm của Chiến lược này, phục vụ các nhiệm vụ bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước.

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN LỊCH SỬ NGHIÊN CỨU

Sau khi Liên Xô tan rã, Mỹ nổi lên là siêu cường số một và có tác động sâu rộng đến tình hình chính trị thế giới nói chung cũng như khu vực ẤĐD-TBD nói riêng. Có thể nói, giai đoạn sau Chiến tranh Lạnh, Mỹ gần như không có đối thủ cạnh tranh và trước khi sự trỗi dậy của Trung Quốc được chú ý thì hầu như các nghiên cứu, đánh giá về tình hình thế giới, khu vực, đều tập trung vào các chiến lược và động thái của Mỹ. Chính vì vậy, lượng sách, báo, tạp chí, công trình nghiên cứu về Mỹ rất nhiều. Tại khu vực ẤĐD-TBD nói riêng, trước giai đoạn D.Trump lên nắm quyền, các công trình nghiên cứu có xu hướng tập trung vào chiến lược "Xoay trục sang châu Á" và cạnh tranh Mỹ - Trung dưới thời Tổng thống Obama. Sau khi D.Trump đắc cử, trở thành Tổng thống thứ 45 của Mỹ và công bố Chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở, thì thuật ngữ ẤĐD-TBD mới được sử dụng rộng rãi và các công trình nghiên cứu mới bắt đầu hướng vào chủ đề này. Mặc dù không phải là một thuật ngữ hoàn toàn mới nhưng chỉ từ sau khi được D.Trump đề cập đến trong bài phát biểu vào năm 2017 thì ẤĐD-TBD mới thực sự được giới ngoại giao và nghiên cứu quan tâm. Theo đó, nhiều khái niệm, định nghĩa hoàn chỉnh về ẤĐD-TBD được đưa ra. Tuy có nhiều khác biệt về việc giới hạn khu vực địa lý, địa chính trị cũng như ý đồ chiến lược trong việc chọn sử dụng ẤĐD-TBD thay vì khu vực địa lý cũ là châu Á - Thái Bình Dương (CÁ-TBD) nhưng nhìn chung ẤĐD-TBD là một sự mở rộng về mặt địa lý, lấy các đại dương làm trung tâm, tập trung vào ẤĐD và TBD. Chính vì vậy việc tìm hiểu về khu vực ẤĐD-TBD cần bắt đầu từ khu vực CÁ-TBD. Một lý do nữa là trước năm 2017, hầu như các tài liệu đều sử dụng thuật ngữ CÁ-TBD nên nếu không dựa vào các tài liệu này việc tìm hiểu ẤĐD-TBD sẽ thiếu đi nền tảng vững chắc. Đó là lý do nhiều tài liệu được tham khảo, sử dụng trong Luận án là những tài liệu nghiên cứu về khu vực CÁ-TBD - nơi mà ý nghĩa địa chính trị, địa kinh tế cũng như vai trò trong hoạch định chiến lược của Mỹ không có nhiều khác biệt với khu vực mà thuật ngữ ẤĐD-TBD hướng tới.

Như đã đề cập, việc nghiên cứu về khu vực ẤĐD-TBD trước hết cần những tài liệu về CÁ-TBD làm nền tảng, đặc biệt là trong việc nghiên cứu về nội hàm của

thuật ngữ mới này. Khái niệm, định nghĩa về ẤĐD-TBD có thể được tìm hiểu thông qua một số công trình tiêu biểu như:

1.1. Các nghiên cứu về khu vực ẤĐD-TBD (bao gồm cả khu vực CÁ-TBD) và cạnh tranh Mỹ - Trung ở khu vực

Cuốn *"By more than Providence: Grand strategy and American Power in Asia Pacific since 1783"* (Hơn cả số mệnh: Đại chiến lược và quyền lực Mỹ tại CÁ-TBD từ năm 1783) của Michael J. Green (2017) ghi nhận tầm quan trọng của CÁ-TBD trong quá trình hoạch định và triển khai chính sách của Mỹ với khu vực. Tác giả cho rằng, nước Mỹ thực tế đã rất coi trọng vị trí chiến lược của khu vực này ngay từ những ngày đầu lập quốc. Bằng phân tích lịch sử chính sách ngoại giao Mỹ tại CÁ-TBD, Green chỉ ra rằng "coi trọng CÁ-TBD" đã là một chính sách nhất quán có từ lâu trong ngoại giao Mỹ, bất kể đảng nào cầm quyền. Quan điểm nổi bật của tác giả là Mỹ luôn cho rằng mình có vai trò không thể thay thế trong đảm bảo hòa bình và thịnh vượng của khu vực và "nước Mỹ sẽ không chấp nhận bất cứ một cường quốc nào khác áp đặt bá quyền lên khu vực CÁ-TBD".

Cuốn *The Indo-Pacific Axis: Peace and Prosperity or Conflict?* (Trục ẤĐD-TBD: Hòa bình và thịnh vượng hay xung đột?) của tác giả Satish Chandra và Baladas Ghoshal (2018) cho rằng thuật ngữ ẤĐD-TBD ngày càng được đề cập nhiều trong các phát biểu, bài diễn văn chiến lược/ địa chính trị toàn cầu, cùng với sự trỗi dậy của Trung Quốc, chính sách của Mỹ và các nước liên quan. Các tác giả cũng đề cập đến các vấn đề an ninh truyền thống và phi truyền thống ở khu vực, trong đó hiện đại hóa quân sự, đặc biệt là lực lượng Hải quân của một số cường quốc, tham vọng và kế hoạch xây dựng cảng ở các vị trí chiến lược đang làm trầm trọng thêm sự bất an và dẫn đến cuộc chạy đua vũ trang lớn hơn. Câu hỏi được các tác giả đặt ra là liệu khu vực ẤĐD-TBD sẽ trở thành một khu vực căng thẳng và bất ổn, hay là một khu vực hòa bình và thịnh vượng?

Cuốn *"Geopolitics and the Indo-Pacific Region"* (Địa chính trị và khu vực ẤĐD-TBD) của tác giả Ashok Kapur (2019). Tác giả mô tả khá chi tiết về địa chính trị của khu vực ẤĐD-TBD - một trung tâm lớn của kinh tế/ thương mại, quân sự, ngoại giao và văn hóa trong thế kỷ XXI. Đồng thời, giải thích bối cảnh lịch sử để làm nổi bật vị thế của khu vực, sự dịch chuyển quyền lực từ Tây sang

Đông và tầm quan trọng của sự kết nối ngày càng tăng giữa CÁ-TBD và khu vực Ấn Độ Dương. Tác giả cũng đề cập đến các mối quan hệ giữa Trung Quốc và Mỹ, Ấn Độ, Việt Nam và các nước ở Đông Nam Á, cùng với Nhật Bản, Đài Loan, Australia, Sri Lanka và Myanmar, với những lập luận khác nhau. Bằng cách đó, tác giả cho thấy khu vực này là trung tâm của cạnh tranh quyền lực và sức mạnh, cho thấy các bên thứ ba có một vị thế nhất định trong quan hệ với cả Mỹ và Trung Quốc. Cuốn *"The Rise and Return of the Indo-Pacific"* (Sự trỗi dậy và trở lại của ẤĐD-TBD), tác giả Timothy Doyle và Dennis Rumley (2020) khẳng định thế kỷ XXI, ẤĐD-TBD trở thành trung tâm mới của thế giới. Các tác giả đi sâu vào phân tích sự hiện diện của Mỹ và Ấn Độ ở khu vực nhằm thách thức vị trí, vai trò đang lên của Trung Quốc và cho rằng việc đưa ra các mô tả gây tranh cãi về khu vực ẤĐD-TBD là do lăng kính địa chiến lược cố hữu của các quốc gia, nhưng điều quan trọng là sự tái xuất hiện của các ý tưởng cũ - một sự hồi sinh khái niệm giai cấp - dựa trên các ý tưởng địa chính trị từ đầu đến giữa thế kỷ XX ở các quốc gia này. An ninh biển cũng được các tác giả đề cập sâu với dự đoán rằng Mỹ sẽ thực thi nhiều biện pháp khác nhau để bảo vệ bá quyền của mình ở khu vực.

Cuốn *"Evolving Geopolitics of Indo-Pacific Region: Challenges and Prospects"* (Những phát triển địa chính trị ở ẤĐD-TBD: Thách thức và triển vọng) của tác giả Subhasish Sarangi (2019). Đây là tập hợp các bài nghiên cứu của các học giả nổi tiếng tham dự hội thảo "Những phát triển địa chính trị ở ẤĐD-TBD" do Viện Liên quân Ấn Độ (USI) tổ chức. Các tác giả đánh giá, ẤĐD-TBD nổi lên là một sự xoay trục chiến lược trong bối cảnh cân bằng quyền lực ở khu vực.

Cuốn *"The Indo Pacific Region: Security Dynamics and Challenges"* (Khu vực ẤĐD-TBD: Động lực và thách thức an ninh), tác giả Sharad Tewari và Roshan Khanijo (2016) cho rằng sự đa dạng của châu Á trong văn hóa, dân tộc, tôn giáo, tư tưởng, môi trường, lịch sử, kinh tế và hệ thống quản trị là không song song. Do đó, xung đột là đặc hữu. Đi đôi với xung đột là cạnh tranh nhiều mặt. Ví dụ: các nền kinh tế mới nổi của CÁ-TBD, Nam và Đông Nam Á cạnh tranh về tài nguyên năng lượng và khoáng sản với các nước phát triển, bao gồm Mỹ, châu Âu, Nhật Bản và Hàn Quốc. Tuy nhiên, song song với đó, tăng trưởng kinh tế và sự phát triển liên tục của châu Á nói chung phụ thuộc vào an ninh và ổn định nên cần

có một cơ sở hạ tầng khu vực để giải quyết các vấn đề an ninh truyền thống và phi truyền thống. Từ đó, các tác giả kết luận khu vực cần một hệ thống an ninh toàn diện, bao quát và các ý tưởng để phát triển hệ thống này.

Cuốn *"Strategic Balance in the Indo-Pacific Region: Challenges and Prospects"* (Cân bằng chiến lược ở khu vực ẤĐD-TBD: Thách thức và triển vọng) của tác giả M.H.Rajesh (2017). Trong cuốn sách, tác giả làm rõ khái niệm và chỉ ra tầm quan trọng của khu vực ẤĐD-TBD. Theo đó, ẤĐD-TBD là sự kết hợp giữa Khu vực CÁ-TBD (APR) và Khu vực Ấn Độ Dương (IOR). Đồng thời, cuốn sách cũng cho thấy một bức tranh của sự thay đổi quyền lực. Trong khi Mỹ tìm cách duy trì vị trí của mình trong trật tự thế giới và hệ thống quốc tế, thì Trung Quốc cũng không ngừng nỗ lực khẳng định để được công nhận là một cường quốc có tầm ảnh hưởng toàn cầu. Trong bối cảnh đó, Nga, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Australia và các nước ASEAN đã trở thành các bên liên quan quan trọng trong việc cân bằng quyền lực ở khu vực ẤĐD-TBD. Cuốn sách này tập hợp các quan điểm khác nhau về các thách thức an ninh, lập bản đồ tiềm năng kinh tế và đề xuất kiến trúc cho an ninh tập thể và hội nhập kinh tế trong khu vực.

Cuốn *"The Indo-Pacific: D.Trump, China, and the New Struggle for Global Mastery"* (ẤĐD-TBD: D.Trump, Trung Quốc và cuộc chiến làm chủ toàn cầu mới) của tác giả Richard Javad Heydarian (2019) đã đặt D.Trump cùng cuộc chiến tranh lạnh mới giữa Mỹ và Trung Quốc trong một bối cảnh lịch sử rộng lớn hơn của bá quyền Mỹ ở châu Á, bắt nguồn từ lời kêu gọi của Alfred Thayer Mahan về việc xây dựng Hải quân ở Thái Bình Dương. Cuốn sách này phản ánh chiến lược của Mỹ một cách tổng quát nhất trên cơ sở tổng hợp các chuyến thăm của giới lãnh đạo nước này từ Cairo đến California và Perth tới Bình Nhưỡng cũng như các cuộc phỏng vấn và trao đổi với các nguyên thủ quốc gia và cấp cao từ khắp ẤĐD-TBD.

Cuốn *"Contest for the Indo-Pacific: Why China Won't Map the Future"* (Cạnh tranh tại ẤĐD-TBD: Tại sao Trung Quốc không lập bản đồ tương lai?) của tác giả Rory Medcalf (2020) cho rằng các khu vực địa lý riêng rẽ như châu Á, châu Âu hay Trung Đông vốn không gây tranh cãi, nhưng nếu kết hợp một lúc hai đại dương với hai khu vực địa lý khác nhau thành một danh từ riêng, rồi bàn về vấn đề trật tự, chiến tranh và hòa bình quốc tế thì lại là đề tài của các nhà chiến lược.

Trong những năm gần đây, cụm từ "ẤĐD-TBD" đã được sử dụng rộng rãi bởi các nhà lãnh đạo của Mỹ, Ấn Độ, Nhật Bản, Australia, Indonesia và Pháp. Tác giả đã đi tìm ý nghĩa của cụm từ này, trên cơ sở kết hợp các yếu tố lịch sử, địa chính trị, địa lý học, chiến lược quân sự, kinh tế, trò chơi quyền lực để giải quyết một câu hỏi quan trọng - làm thế nào để ngăn chặn sự thống trị của Trung Quốc mà không cần chiến tranh? Nội dung cuốn sách này tương tự như như cuốn *"Indo-Pacific Empire: China, America and the contest for the world's pivotal region"* (Đế chế ẤĐD-TBD: Trung Quốc, Mỹ và cuộc cạnh tranh cho khu vực quan trọng của thé giới) của tác giả Rory Medcalf (2020), cũng thảo luận về việc làm sao Mỹ có thể ngăn chặn sự thống trị của Trung Quốc mà không để xảy ra một cuộc chiến nào.

Cuốn *"The Korean Peninsula and Indo-Pacific Power Politics: Status Security at Stake"* (Chính trị quyền lực Bán đảo Triều Tiên và ẤĐD-TBD: Tình trạng an ninh đang bị đe dọa), tác giả Jagannath P. Panda (2020), đánh giá các mối liên kết chiến lược giữa bán đảo Triều Tiên và ẤĐD-TBD, đưa ra một bức tranh súc tích về các vấn đề sẽ định hình quỹ đạo của bán đảo Triều Tiên trong tương lai. Cuốn sách phân tích tại sao Mỹ, Trung Quốc, Nga và Nhật Bản lại bị cuốn vào một cuộc đấu tranh quyền lực ảnh hưởng đến bán đảo Triều Tiên. Nó cho thấy các quốc gia này đang kiểm soát bán đảo Triều Tiên như thế nào trong khi vẫn giữ được vị thế là những người đóng vai trò quan trọng trong một khu vực ẤĐD-TBD rộng lớn hơn. Triển vọng hòa bình, ổn định và thống nhất trên bán đảo Triều Tiên và tác động của điều này đối với chính trị quyền lực ẤĐD-TBD cũng như các lợi ích và cạnh tranh trong khu vực cũng được tìm hiểu.

Cuốn *"Quan hệ Mỹ - Trung hợp tác và cạnh tranh luận giải dưới góc độ cân bằng quyền lực"* do Nguyễn Thái Yên Hương chủ biên (2011) đã đề cập đến cặp quan hệ quan trọng nhất trong nền chính trị quốc tế hiện đại, có vai trò lớn trong định hình cục diện quốc tế, tác động trực tiếp đến quá trình hình thành các chiến lược khu vực của cả hai cường quốc này. Xem xét mối quan hệ này trên góc độ cân bằng lực lượng, cuốn sách đã tập trung đánh giá, phân tích về quan hệ Mỹ - Trung trong hơn 30 năm qua, kể từ khi hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao (1979), tập trung vào cả khía cạnh hợp tác và đấu tranh giữa hai nước. Cuốn sách đã dự báo chiều hướng phát triển của tình hình khu vực CÁ-TBD cũng như của

mối quan hệ Mỹ - Trung đến năm 2020, qua đó đưa ra những nhận định về tác động của mối quan hệ này đối với các nước trong khu vực, trong đó có Việt Nam.

Cuốn *"Fire on the water: China, America, and the Future of the Pacific"* (Lửa trên nước: Trung Quốc, Mỹ và tương lai của Thái Bình Dương), tác giả Robert Haddick (2014) nhận định, sự trỗi dậy của Trung Quốc dường như đang đặt châu Á vào nguy cơ chiến tranh, như bẫy lịch sử năm 1914 gắn liền với sự nổi lên của nước Đức. Trong khi đó, Mỹ không có chiến lược hiệu quả để đối phó với những nguy cơ trên khiến uy tín suy giảm, các nguyên tắc tự do hàng hải toàn cầu gặp nguy hiểm. Trước bối cảnh đó, Mỹ cần một chiến lược mới để ngăn chặn xung đột và duy trì trật tự quốc tế có lợi cho tất cả. Theo tác giả, Mỹ cần một chiến lược hiệu quả dựa trên các tính toán chính xác trên cả bốn bước: Đánh giá, thiết kế, thi hành và dự báo. Cụ thể: Về đánh giá, Mỹ cần nghiên cứu toàn diện sức mạnh của mình, lợi ích hiện tại và lâu dài, điểm mạnh và điểm yếu của đối thủ với 7 biện pháp cụ thể là: (i) Các đối tác của Mỹ cần đẩy mạnh đấu tranh pháp lý chống các hành động lấn tới chiếm lãnh thổ của Trung Quốc. Điều này sẽ làm các hoạt động lấn tới của Trung Quốc trên thực địa trở nên vô giá trị; (ii) Các đối tác của Mỹ ở Biển Đông và Hoa Đông cần có đủ sức mạnh đối kháng với sự hiện diện quân sự của Trung Quốc. Mỹ cần kéo các nước Ấn Độ, Nhật Bản, Australia cùng hỗ trợ các nước nhỏ có đủ sức mạnh quân sự và dân sự (tàu cá) để đối kháng với Trung Quốc; (iii) Các đối tác của Mỹ cần tăng cường thông tin tình hình cho cộng đồng toàn cầu vì họ có ưu thế pháp lý hơn Trung Quốc; (iv) Mỹ cần mở rộng và củng cố mạng lưới đối tác trên khắp châu Á, kể cả những nước ít liên quan như Myanmar, các nước trên dãy Himalaya; tăng cường quan hệ với một số đối tác quan trọng như Ấn Độ, Việt Nam (những nước có chung lợi ích với Mỹ chống lại sự lấn tới của Trung Quốc) và mở rộng quan hệ phi chính phủ; (v) Mỹ cần đi đầu trong việc chia sẻ thông tin và nhận thức về hàng hải để có một bức tranh kịp thời và chính xác về các hoạt động của Trung Quốc; (vi) Mỹ cần khuyến khích các đối tác xây dựng năng A2/AD của riêng mình để ngăn ngừa các lực lượng của Trung Quốc xâm nhập; (vii) Mỹ và các đối tác cần chuẩn bị sẵn sàng cho một cuộc chiến phi thông thường vì Trung Quốc đã phát triển học thuyết "Tam chủng chiến pháp" (thông tin, tâm lý và pháp lý). Về thực hiện, Mỹ cần giải quyết một số tồn tại trong

quan hệ với đối tác như tình thế lưỡng nan do áp lực từ Trung Quốc, vấn đề "ngồi không hưởng lợi" (free riding) hay các đối tác dè dặt trong hợp tác quân sự với Mỹ. Mỹ cần duy trì một hình ảnh khiêm tốn, thúc đẩy các nước khác chia sẻ vai trò lãnh đạo với Mỹ; mở rộng các cơ chế đa phương thay vì tập trận và tham vấn song phương để xây dựng lòng tin và trao đổi quan điểm, đề ra những mục tiêu quan trọng nhất khi phát triển hoặc triển khai các hoạt động luyện tập quân sự với đối tác; và cần hợp tác với các đối tác củng cố sự phụ thuộc lẫn nhau. Trong đó, Mỹ phải đi đầu mở rộng vai trò với đối tác, chia sẻ chuyên môn về hệ thống liên lạc, cảm biến, thậm chí hệ thống chống tên lửa. Về dự báo, tác giả cho rằng, trong tương lai, sự thống trị của không lực tầm xa sẽ là nhân tố chủ chốt cho thành công quân sự ở Đông Á. Do đó, Mỹ cần tái thiết kế lực lượng quân sự và nâng cao năng lực Không quân để đối phó với quá trình Trung Quốc hiện đại hóa quân sự.

1.2. Các nghiên cứu liên quan đến chính sách, chiến lược đối ngoại của Mỹ nói chung và chiến lược cho khu vực ÁĐD-TBD nói riêng

Cuốn *"Các vấn đề nghiên cứu về Mỹ"* do tác giả Nguyễn Thái Yên Hương và Tạ Minh Tuấn (2011) đồng chủ biên là công trình nghiên cứu công phu, cung cấp thông tin một cách cơ bản, toàn diện mọi mặt của Mỹ, trong đó có đề cập cơ sở lý luận và thực tiễn của quá trình hoạch định, ra quyết định và thực thi chính sách nói chung, chính sách đối ngoại nói riêng của Mỹ. Các tác giả đã đề cập đến vai trò của Mỹ trong các cơ chế an ninh "mềm" của Mỹ ở khu vực CÁ-TBD; chính sách của Mỹ đối với khu vực Đông Nam Á; chiến lược mới của Mỹ đối với một Trung Quốc mới. Tác giả Nguyễn Thái Yên Hương trong cuốn sách *"Tôn giáo và việc sử dụng vấn đề tôn giáo trong chính sách đối ngoại của Mỹ thời kỳ sau Chiến tranh lạnh"* đã cho thấy một bức tranh khá đầy đủ về vai trò của tôn giáo trong hoạch định chính sách đối ngoại của Mỹ trên phạm vi toàn cầu, trong đó có Việt Nam. Với cách tiếp cận tổng thể và toàn diện, vừa tiếp cận sâu trên góc độ lĩnh vực chuyên biệt, các công trình trên đã giúp người đọc có được kiến thức cơ bản, tổng thể về Mỹ cũng như hiểu sâu về quá trình hoạch định, thực thi chính sách đối ngoại của Mỹ nói chung và tại khu vực ÁĐD-TBD nói riêng.

Bài *"Về chiến lược lớn của Mỹ tới 2025-2030"*, tác giả Nguyễn Đình Luân (2014) cung cấp chi tiết những cơ hội và thách thức tác động đến quá trình hoạch

định chính sách đối ngoại của Mỹ đến 2025-2030, trong đó xác định các nội dung trong "chiến lược lớn" gồm: Tiền đề, mục tiêu và các nguyên tắc; ưu tiên và mô hình chiến lược; biện pháp chiến lược. Theo tác giả, để triển khai "chiến lược lớn, Mỹ phải: (i) Cam kết giữ vai trò lãnh đạo thế giới; (ii) Thúc đẩy một tầm nhìn lạc quan, hy vọng và tích cực về một thế giới mà Mỹ muốn xây dựng; (iii) Lôi cuốn được sự ủng hộ rõ ràng từ công chúng và các nhà hoạch định chính sách. Về mô hình chiến lược, tác giả cho rằng để giữ vững vai trò siêu cường số một thế giới, Mỹ phải cấu trúc lại quyền lực toàn cầu theo mô hình "đại bàng hai cánh": Đầu là Mỹ, thân là Mỹ, hai cánh là châu Âu - Đại Tây Dương (NATO và TIPP) và CÁ-TBD (hệ thống đồng minh, trục nan hoa và TPP), hai chân là hai hệ thống an ninh toàn diện ở hai khu vực then chốt này. Về biện pháp, tác giả cho rằng Mỹ cần: (i) Kiên trì chủ nghĩa hiện thực, đẩy mạnh can dự toàn diện và hợp tác nhiều mặt với cả đồng minh, đối tác và đối thủ cạnh tranh chiến lược; (ii) Giữ quyền hành động đơn phương nếu cần thiết để bảo vệ an ninh quốc gia và lợi ích sống còn, nhưng sẽ tìm cách "tôn trọng" những chuẩn mực trong việc sử dụng sức mạnh quân sự, hoặc khôn khéo dùng hình thức "chuyển lửa qua tay kẻ khác"; (iii) Sử dụng linh hoạt các đòn bẩy chính trị và kinh tế, quân sự và ngoại giao, văn hóa và giáo dục, thêu dệt, bịa đặt và chiến tranh truyền thông, chiến tranh phi đối xứng... nhằm chia rẽ, gây mâu thuẫn và làm suy yếu các đối thủ có ý định tập hợp lực lượng chống Mỹ, đồng thời lôi kéo các nước vào tập hợp lực lượng có lợi cho Mỹ.

Luận án Tiến sĩ (2016) về *"Quy trình hoạch định chính sách đối ngoại của Mỹ: Trường hợp xây dựng quan hệ đối tác chiến lược Việt - Mỹ"* của tác giả Lê Trí Dũng xác định: Các chủ thể tham gia hoạch định chính sách đối ngoại Mỹ gồm Tổng thống, Quốc hội, Ngoại trưởng, giới chuyên gia, cơ quan bộ ngành, các nhóm lợi ích, hệ thống thông tin truyền thông và chính phủ, tổ chức, cá nhân nước ngoài, chia thành ba nhánh chính là lập pháp, hành pháp và tư pháp. Mục tiêu chung của Mỹ là bảo vệ lợi ích quốc gia nhưng thực chất là đấu tranh để thỏa hiệp các lợi ích nhóm, trong đó nhà hoạch định chính sách vừa có thể phản ứng vừa có thể dẫn dắt. Bản chất của mối quan hệ giữa Quốc hội và chính quyền Mỹ là quan hệ mang tính tranh giành quyền lực và ảnh hưởng. Quy trình hoạch định chính sách đối ngoại của Mỹ là tam quyền phân lập với nguyên tắc mở, nhưng thực chất

là sự cạnh tranh, thỏa hiệp lẫn nhau.

Cuốn *"The pivot: The future of American Statedraft in Asia"* (Xoay trục: Tương lai của thuật quản lý nhà nước của Mỹ tại châu Á) do Kurt Campbell viết (2016) cho rằng Mỹ cần tập trung sâu hơn nữa vào khu vực châu Á, can dự vào hoạt động ngoại giao năng động và nâng cao chi tiêu quốc phòng trong khu vực trong vài thập kỷ tới. Kurt Campbell cũng thẳng thừng loại bỏ phương án "G-2" mà một số nhà ngoại giao Mỹ ủng hộ - tập trung xây dựng quan hệ, chia sẻ quyền lực với Trung Quốc và phá vỡ thể chế đa phương tại đây. Thay vào đó, ông cho rằng Mỹ nên tránh để khu vực bị rơi vào tay của bá quyền Trung Quốc bằng cách mở rộng liên minh với các nước như Nhật Bản, Hàn Quốc, xích lại gần Ấn Độ và Indonesia, và quan trọng nhất là duy trì thế cân bằng hợp tác, cạnh tranh với Trung Quốc. Cuốn sách này dù không trực tiếp nhắc tới ÁĐD-TBD, nhưng đã đề cập đến việc mở rộng phạm vi ảnh hưởng chiến lược của Mỹ. Thay vì chỉ CÁ-TBD, tác giả đã nhắc đến Ấn Độ như một đối tác quan trọng để cân bằng ảnh hưởng với Trung Quốc, tạo tiền đề để đến thời D.Trump, Mỹ đã phát triển chiến lược của người tiền nhiệm Obama thành Chiến lược ÁĐD-TBD tự do và rộng mở.

Bài viết *"The US Rebalance Policy and the Management of Power Politics in Asia"* (Chính sách tái cân bằng của Mỹ và sự quản lý chính trị quyền lực khu vực tại châu Á) của nhóm tác giả người Singapore, Anak Agung Banyu Perwinta và Denisa Rizkiy (2014) cho rằng sự trỗi dậy của Trung Quốc là nguyên nhân khiến các nước trong khu vực CÁ-TBD phát triển mạnh hơn không chỉ trên lĩnh vực kinh tế mà còn cả lĩnh vực quân sự và nền dân chủ. Sức hấp dẫn đó cùng với vị trí chiến lược của CÁ-TBD đã mời gọi Mỹ (dưới thời Tổng thống Obama) chuyển sự quan tâm sang khu vực bằng việc công bố chính sách đối ngoại mới gọi là "Tái cân bằng". Các tác giả còn cho rằng việc Trung Quốc tuyên bố chủ quyền ở Biển Đông đã khiến cho một số nước thành viên ASEAN chào đón sự hiện diện quân sự của Mỹ ở khu vực, là nguyên nhân dẫn đến các cuộc diễn tập quân sự chung và mua sắm vũ khí hiện đại từ phía các đối tác và đồng minh của Mỹ tại Đông Nam Á. Ngoài ra, các tác giả còn luận bàn về sự chuyển dịch sang châu Á trong chính sách đối ngoại của Mỹ và những tác động về mặt an ninh đối với khu vực. Trong công trình *"Chính quyền D.Trump và chiến lược Tái cân bằng CÁ-*

TBD của Mỹ" (2018), tác giả Trương Ngọc Quốc (Trung Quốc) đã tiến hành phân tích hai nội dung lớn là "hiện tượng D.Trump" và Chiến lược CÁ-TBD của Mỹ dưới thời D.Trump. Về D.Trump, tác giả cho rằng chủ nghĩa dân túy do vị Tổng thống này khởi xướng thời gian qua không phải là chưa từng có trong lịch sử Mỹ và đây cũng không phải là chủ nghĩa dân túy hoàn toàn. Về chiến lược, tác giả khẳng định Mỹ sẽ không từ bỏ CÁ-TBD, nhưng sẽ có những điều chỉnh trong việc thực hiện chiến lược tái cân bằng dưới thời D.Trump, gồm: (i) Tăng cường chủ nghĩa song phương trong cách tiếp cận CÁ-TBD; (ii) Tăng cường các chức năng của liên minh song phương như yêu cầu sự đóng góp của đồng minh; (iii) Tăng cường sự hiện diện quân sự ở khu vực; (iv) Tăng cường tái thiết quan hệ kinh tế, thương mại song phương sau khi Mỹ rút khỏi TPP; (v) Lựa chọn cách tiếp cận can thiệp có chọn lọc đối với các vấn đề khu vực.

Bàn về chiến lược của Mỹ ở khu vực còn có, *"Động thái của Hải quân Mỹ trong việc kiểm soát biển và đảm bảo an ninh CÁ-TBD"* của Yamashita Kaname (2017). Tác giả cho rằng trước sự trỗi dậy và những động thái cứng rắn trên biển của Trung Quốc, Mỹ đã có những động thái kiềm chế nước này. Trong đó vai trò của Hải quân Mỹ là rất quan trọng trong việc kiểm soát biển. Tuy nhiên, các nghiên cứu cũng chỉ ra Mỹ không thể chỉ kiểm soát biển bằng Hải quân, mà cần có sự phối hợp của các lực lượng khác. Trước sức mạnh chống tiếp cận và chống xâm nhập (A2/AD) của Trung Quốc ở Biển Đông và biển Hoa Đông ngày càng mạnh mẽ, sự kỳ vọng vào lực lượng Hải quân Mỹ là rất lớn.

"Sự chuyển đổi trọng tâm chiến lược CÁ-TBD của Mỹ: Phân tích và dự báo chiến lược Tái cân bằng của chính quyền Obama nhiệm kỳ 2" của tác giả Um Jung-sik, Ko Kyung-yun (2014) phân tích, bình luận về chiến lược ở khu vực của Mỹ. Các đánh giá cho thấy, giai đoạn nhiệm kỳ 2 của Obama, chiến lược CÁ-TBD của Mỹ chuyển trọng tâm là tái cân bằng về quân sự, mở rộng hợp tác quân sự tổng thể, tăng cường kết nối quân sự với các nước đồng minh. Về ngoại giao, Mỹ thực hiện can dự vào các cơ chế đa phương với mục đích xây dựng một thể chế tại châu Á. Về lâu dài, năng lực huy động tiềm lực quốc gia của Mỹ sẽ tăng cao, giảm được áp lực chi tiêu quốc phòng. Kết quả là chiến lược tái cân bằng không phải là nguy cơ mà là cơ hội, có khả năng biến chuyển vị trí lãnh đạo của Mỹ từ tiêu cực

sang tích cực, thể hiện trong thể chế khu vực mà Mỹ can dự và thông qua quan hệ với các nước đồng minh cũng như các nước lớn, trong đó có Trung Quốc. Còn tác giả Kim Tae-sung, Kim Hyun-sung (2016) có bài *"Phân tích chiến lược an ninh biển CÁ-TBD của Mỹ và ảnh hưởng của nó"* cho rằng, việc BQP Mỹ công bố Chiến lược An ninh biển CÁ-TBD (tháng 8/2015) là một bước cụ thể hóa chiến lược "Tái cân bằng châu Á". Việc phân tích Chiến lược An ninh biển CÁ-TBD này rất quan trọng trong bối cảnh ở khu vực đang tồn tại những tranh chấp chủ quyền biển phức tạp ở Biển Đông và biển Hoa Đông. Nội dung chiến lược tập trung vào 4 điểm: (i) Tăng cường quân sự mà trọng tâm là Hải quân tại khu vực CÁ-TBD; (ii) Hỗ trợ tăng cường năng lực an ninh biển cho các nước đồng minh và đối tác; (iii) nỗ lực giảm mức độ nguy hiểm của các xung đột quân sự; (iv) Xây dựng thể chế an ninh khu vực và hỗ trợ xây dựng các giá trị quốc tế. Trên cơ sở đó, ảnh hưởng của Chiến lược này sẽ có hai chiều hướng: Làm sâu sắc thêm xung đột (cạnh tranh Mỹ - Trung gia tăng do bất ổn ở Biển Đông và biển Hoa Đông leo thang); Tăng cường hợp tác (giảm nguy cơ xung đột vũ trang Mỹ - Trung, còn Mỹ tăng cường quan hệ với các nước Đông Nam Á).

Bài *"Từ CÁ-TBD sang ẤĐD-TBD: Điều chỉnh chiến lược của Mỹ trong bối cảnh mới"* của tác giả Phạm Quang Minh và Hồ Ngọc Diễm Thanh (Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội) tại Hội thảo khoa học *"Hợp tác phát triển Việt Nam - Ấn Độ trên lĩnh vực kinh tế, quốc phòng, an ninh trong bối cảnh ẤĐD-TBD tự do và rộng mở"* do Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh phối hợp với Đại sứ Cộng hòa Ấn Độ tại Việt Nam tổ chức tháng 6/2018 đã nhìn lại chiến lược CÁ-TBD của chính quyền Barack Obama với các nội dung như tầm quan trọng của khu vực CÁ-TBD trong chiến lược đối ngoại của Mỹ; đánh giá chiến lược đối ngoại tổng thể; đi sâu vào chiến lược Tái cân bằng. Từ đó, các tác giả phân tích Chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở trên cơ sở nghiên cứu động lực đằng sau việc hình thành; mục tiêu và nội dung chiến lược. Cuối cùng, các tác giả đưa ra một số nhận định về tác động của Chiến lược đối với Việt Nam cùng một số khuyến nghị chính sách. Theo đó, Chiến lược này tạo ra cho Việt Nam cả cơ hội và thách thức. Để đón nhận cơ hội và hạn chế thách thức, Việt Nam cần tiếp tục thực hiện những mục tiêu đã nêu trong Nghị quyết 22-

NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế. Ngoài ra, để nâng cao khả năng dự báo và chủ động về mặt chính sách, giải pháp, Việt Nam cần nghiên cứu kỹ chính sách đối ngoại của từng quốc gia trong khu vực theo các nhóm lợi ích chung, đặc biệt là nhóm nước trong "Bộ Tứ kim cương", gồm Mỹ, Nhật Bản, Australia và Ấn Độ.

1.3. Các công trình đánh giá về chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở của Mỹ và quan điểm, phản ứng của các nước

Bài viết *"Bàn về chiến lược CÁ-TBD của Mỹ dưới thời chính quyền Tổng thống D.Trump và các sách lược ứng phó"* của Giả Văn Sơn (Trung Quốc) đã chỉ ra rằng, dựa vào quá trình lịch sử ngoại giao của Mỹ trong hai thế kỷ qua, có thể khẳng định Mỹ sẽ không từ bỏ khu vực CÁ-TBD. Bài viết cho rằng, tuy Mỹ tuyên bố rút khỏi TPP, nhưng động lực để quay lại châu Á là không thay đổi, thậm chí sẽ còn hành động mạnh mẽ hơn so với thời Obama. Giả Văn Sơn cũng đưa ra quan điểm rằng, không thể loại trừ khả năng D.Trump sẽ khởi động lại TPP và xây dựng một khuôn khổ mới cho hợp tác này. Bởi D.Trump là một nhà lãnh đạo mang tư duy của một doanh nhân, trong khi đó khu vực CÁ-TBD lại có nền kinh tế năng động, mang lại nhiều lợi ích cho Mỹ. Tuy nhiên, tác giả đánh giá chiến lược của D.Trump ở CÁ-TBD sẽ có những điểm khác so với người tiền nhiệm Obama, thể hiện trên các mặt: (i) Chiến lược CÁ-TBD của D.Trump sẽ được mở rộng và tăng cường hơn; (ii) Chiến lược này phục vụ nhiều hơn cho những lợi ích của nền kinh tế, thay vì duy trì sự cân bằng giữa trật tự khu vực và quốc tế; (iii) Chiến lược sẽ lấy kinh tế làm chủ yếu, quân sự làm thứ yếu. Mỹ có thể giảm sự đối đầu quân sự thuần túy, nhưng sẽ dùng quân đội để gây sức ép trong kinh tế. Trên cơ sở này, tác giả đề xuất Trung Quốc cần phải chủ động để đối phó kịp thời với chiến lược châu Á của Mỹ. Cụ thể, cần lãnh đạo và thúc đẩy quá trình toàn cầu hóa kiểu mới, thúc đẩy văn hóa Trung Quốc; thúc đẩy giao lưu, tiếp xúc giữa hai chính phủ, tránh đối đầu trên các lĩnh vực cụ thể nhằm tạo sự ổn định cho quan hệ Mỹ - Trung.

Tại Hội thảo khoa học *"Hợp tác phát triển Việt Nam - Ấn Độ trên lĩnh vực kinh tế, quốc phòng, an ninh trong bối cảnh ẤĐD-TBD tự do và rộng mở"* do Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh phối hợp với Đại sứ Cộng hòa Ấn Độ tại Việt Nam tổ chức tháng 6/2018, tác giả Thái Văn Long (Viện QHQT, Học viện

Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh) và Lương Công Lý (Đại học Công nghệ - Giao thông vận tải) có bài *"Ý nghĩa của Chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở đối với hòa bình, an ninh ở khu vực và trên thế giới"*. Các tác giả khẳng định, việc tuyên bố Chiến lược ẤĐD-TBD cho thấy sự điều chỉnh chính sách của Mỹ theo hướng "cân bằng cứng". Điều đó thể hiện cam kết về sự hiện diện của Mỹ cả trên bình diện ngoại giao và quân sự ở khu vực, đồng thời làm rõ tầm quan trọng của một đồng minh như Ấn Độ. Theo các tác giả, trong không gian ẤĐD-TBD, bốn nước gồm Mỹ, Ấn Độ, Nhật Bản và Australia có ý tưởng phối hợp trên các lĩnh vực liên quan như tập trận chung, hợp tác an ninh, xây dựng cấu trúc an ninh khu vực lấy Nhật Bản là điểm tựa ở phía Đông, Ấn Độ ở phía Tây, Australia ở phía Nam và Mỹ giữ vai trò chủ đạo. Trên cơ sở đó, nhóm tác giả nhận định, khu vực ẤĐD-TBD có ý nghĩa quan trọng tới an ninh và thương mại thế giới trong thế kỷ XXI, đặc biệt về kinh tế, quân sự và chính trị quốc tế. Các tác giả cũng đánh giá sự tham gia của Việt Nam trong chiến lược này sẽ mang lại nhiều lợi ích to lớn, như được tham gia sâu hơn vào các chuỗi liên kết, hội nhập và dần trở thành bộ phận quan trọng trong cục diện hòa bình, ổn định của khu vực; phản ánh nhất quán chủ trương đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, thể hiện sự tích cực hội nhập quốc tế của Đảng và Nhà nước ta; giúp Việt Nam mở rộng không gian phát triển kinh tế, góp phần cùng các bên liên quan duy trì tự do hàng hải, hàng không, hòa bình và ổn định trong khu vực.

Bên cạnh các bài viết tiêu biểu trên, còn có một số bài như *"ẤĐD-TBD tự do và rộng mở: Những tác động đến an ninh khu vực"* của tác giả Nguyễn Thị Minh Thảo (Viện QHQT, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh); *"Lợi ích của các nước lớn trong Chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở và tác động đến Việt Nam"* của tác giả Phạm Đức Kiên (Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh); *"Cơ sở hình thành Chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở"* của tác giả Nguyễn Thị Thu Hiền (Viện QHQT, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh)... Đánh giá của các tác giả này cho thấy, chiến lược khi được triển khai sẽ có những tác động nhất định đến môi trường an ninh khu vực, đặc biệt là tranh chấp ở Biển Đông. Vì vậy, Mỹ sẽ coi trọng vị trí của Việt Nam trong tổng thế chiến lược, ủng hộ Việt Nam trong phát huy vai trò giải quyết các vấn đề khu

vực. Các tác giả cũng cho rằng, với cả cơ hội và thách thức mà chiến lược này mang lại, Việt Nam cần tiếp tục thực hiện chính sách "ba không", phải lựa chọn hình thức tham gia phù hợp vào chiến lược để vừa giữ vững độc lập, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, nhưng cũng không để xảy ra xung đột, chiến tranh, giữ vững môi trường hòa bình ổn định để phát triển. Khi nghiên cứu Chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở của Mỹ, không thể không đề cập đến các công trình nghiên cứu về chính sách đối ngoại của Mỹ nói chung và quan hệ Việt - Mỹ nói riêng. Dù Chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở chỉ chính thức được công bố vào cuối năm 2017, nhưng có thể xem đây là sự tiếp nối của Chiến lược Tái cân bằng châu Á mà chính quyền Obama đã triển khai, cũng như phản ánh đầy đủ chiến lược, chính sách đối ngoại của Mỹ một cách liên tục, có hệ thống.

Trong bài *"Ấn Độ và Nhật Bản: Quan hệ đối tác an ninh đang lên tại ẤĐD-TBD"* Dhruva Jaishankar (2018) đã đề cập đến tầm quan trọng của hợp tác chia sẻ an ninh giữa Ấn Độ và Nhật Bản trước sức ép chiến lược từ Trung Quốc. Tuy nhiên, khuôn khổ bài bình luận chỉ tập trung vào những lợi ích của riêng Ấn Độ và Nhật Bản mà chưa đề cập đến các đối tác khác, đặc biệt là Mỹ trong kết nối nhằm tạo đối trọng vững chắc với Trung Quốc.

Cuốn *"Đông Nam Á trong chiến lược ẤĐD-TBD của Hoa Kỳ"* do PGS. TS Nguyễn Huy Hoàng chủ biên (2021) đề cập sự ra đời và quá trình triển khai của chiến lược ẤĐD-TBD của Mỹ; đánh giá về vị thế, vai trò của Đông Nam Á trong chiến lược này, đồng thời đưa ra các tác động, triển vọng của chiến lược và hàm ý chính sách cho Việt Nam. Do chủ đề là về Đông Nam Á, nên tác giả trình bày khá khái quát về Chiến lược, tập trung làm rõ quá trình ra đời cũng như nội hàm 3 trụ cột của Chiến lược (an ninh, kinh tế và quản trị). Với mỗi trụ cột, tác giả đều có cập nhật tiến trình hình thành và triển khai, nhưng không đi sâu vào một trụ cột cụ thể nào. Nhóm tác giả cũng đánh giá trụ cột chính trị - an ninh được Mỹ đẩy mạnh triển khai nhất. Bên cạnh đó, các tác giả cũng đánh giá được sự tác động của chiến lược đối với Việt Nam trên tất cả các mặt, từ đó đưa ra các khuyến nghị chính sách khá phù hợp với bối cảnh hiện nay.

Về phản ứng của Trung Quốc, trong bài viết *"US Asia Pivot Strategy: Implications for the Regional States"* (Chiến lược xoay trục trở lại châu Á của Mỹ:

Những hàm ý đối với các nước trong khu vực), tác giả Beenish Sultan (2013) nhìn nhận Mỹ đang gây ra nhiều nghi ngờ và kẻ thù hơn khi Trung Quốc cho rằng chiến lược xoay trục của Mỹ chủ yếu để kiềm chế mình. Một số nước Đông Nam Á cho rằng sự can dự tăng lên của Mỹ sẽ thúc đẩy sự ổn định của khu vực; ngược lại, một số nước nghi ngại rằng sự can dự này có thể sẽ là nguyên nhân dẫn đến tình trạng bất ổn. Tác giả nhận định, Mỹ đang xúc tiến thúc đẩy hợp tác chặt chẽ với Ấn Độ và sẽ giúp nâng cao vai trò của Ấn Độ trong khu vực CÁ-TBD, kéo theo vai trò, vị thế của các nước láng giềng như Pakistan cũng sẽ được nâng lên.

"The United States' Asia-Pacific Policy and the Rise of the Dragon (Chính sách CÁ-TBD của Mỹ và sự trỗi dậy của con Rồng châu Á) của Chris Mills (2015), đã nghiên cứu kỹ các đối sách dài hạn của Trung Quốc và nhận định, Trung Quốc sẽ không chấp nhận sự lãnh đạo khu vực mà Mỹ đang triển khai. Tuy nhiên, Mỹ cũng không dễ dàng từ bỏ ý định này. Tác giả cho rằng mặc dù cạnh tranh chiến lược giữa hai nước ngày càng tăng lên là điều không thể tránh khỏi, nhưng sự tùy thuộc lẫn nhau về kinh tế khiến xung đột không thể xảy ra. Kết quả có nhiều khả năng xảy ra là Mỹ và Trung Quốc sẽ đạt được một thỏa thuận phân chia quyền lực dưới một dạng thức nào đó và Mỹ sẽ phải nhìn nhận vai trò và sức ảnh hưởng lớn hơn của Trung Quốc ở khu vực. Nếu như vậy, sự trỗi dậy của Trung Quốc một cách hòa bình hay không sẽ ảnh hưởng đến Australia và New Zealand (hai nước thuộc Hiệp ước ANZUS) tương ứng trên cơ sở mức độ can dự của Mỹ trong lĩnh vực an ninh ở khu vực CÁ-TBD.

Nhận định về phản ứng của Trung Quốc đối với chiến lược CÁ-TBD của Mỹ, cuốn *"Những điểm nóng: Chính sách đối ngoại của Mỹ trong thế giới hậu nhân quyền"* (Hot Spots: American Policy in a Post-Human-Rights World) của Amitai Etzioni (2012) cho rằng, Trung Quốc không phải là một mối đe dọa và cũng không phải là một nhân tố có trách nhiệm và có thể tin cậy trong trật tự thế giới hiện hành. Tác giả lập luận rằng, Trung Quốc chỉ có một mối quan tâm duy nhất là bảo vệ quyền lực trong nước và theo đuổi phát triển kinh tế. Vì thế, Trung Quốc hoàn toàn có thể hài lòng với trật tự hiện hành và không cảm thấy có động cơ phải cải cách tự do trong nước. Tuy nhiên, lập luận này của ông dựa trên mặc định rằng trật tự thế giới do Mỹ tạo ra vẫn đang vận hành ổn định. Bên cạnh đó,

ông cũng không có lý giải thỏa đáng cho những hành động ngày một hung hăng tại khu vực cũng như việc thách thức trực tiếp đối với Mỹ của Trung Quốc.

Một số cuốn sách, bài viết khác bàn luận thêm về thái độ của Trung Quốc đối với Mỹ và phản ứng của nước này đối với chiến lược CÁ-TBD của Mỹ như: *"The Rise of China and the Logic of Strategy"* (Sự trỗi dậy của Trung Quốc và logic chiến lược) của Eward N. Luttwak (2012); *"Looking for Balance: China, the United States, and Power Balancing in East Asia"* (Tìm kiếm cân bằng: Trung Quốc, Mỹ và cân bằng quyền lực ở Đông Á) của Steve Chan (2012); *"China Goes Global: The Partial Power"* (Trung Quốc vươn ra thế giới: Cường quốc không vẹn toàn) của David Shambaugh (2013)... Các nghiên cứu bày tỏ sự lo ngại về mối đe dọa Trung Quốc gây ra cho Mỹ. Tuy nhiên, ở từng nghiên cứu, các tác giả đưa ra những lập luận khác nhau. Luttwak dẫn chứng rằng sự bành trướng sẽ sinh ra phản kháng. Trung Quốc càng phát triển về kinh tế và quân sự, ảnh hưởng của nước này sẽ càng giảm. Theo tác giả, các nước láng giềng đang âm thầm thắt chặt hợp tác với Mỹ để biến Trung Quốc thành một "cường quốc tự kỷ". Bên cạnh đó, Luttwak chỉ ra rằng, các nước trong khu vực cần liên kết lại làm giảm tốc độ phát triển kinh tế của Trung Quốc, nhưng tác giả lại không đưa ra được một giải pháp cụ thể như thế nào. Trong khi đó, Chan công kích lý thuyết cân bằng quyền lực đang được áp dụng ở châu Á. Ông tuyên bố rằng các nước châu Á cần phải phát triển thịnh vượng để củng cố tính chính danh của chính quyền và họ càng có động lực hợp tác với nhau cũng như với các nước khác, bởi bản thân Mỹ sẽ có nhiều lợi ích hơn khi hợp tác với Trung Quốc thay vì đối đầu chiến lược. Shambaugh thì phân tích sự hiện diện của Trung Quốc trên trường quốc tế và nhận định rằng: Ảnh hưởng của Bắc Kinh có tăng lên nhưng cơ bản vẫn rất hạn chế. Trung Quốc có lợi ích kinh tế toàn cầu nhưng không thống trị một thị trường cụ thể nào, phát triển quân sự nhưng không có khả năng điều quân đi xa khỏi biên giới, bộ máy tuyên truyền đồ sộ nhưng lại tuyên truyền những thứ mà không mấy ai ngưỡng mộ. Sức mạnh mềm của Trung Quốc cũng khá thảm hại. Trí thức trong nước không thống nhất được về hành vi phù hợp của Trung Quốc trên trường quốc tế.

Về Ấn Độ, trong bài *"Debate "Indo-Pacific": An emerging geopolitical construct India's Interests, Stakes and Challenges"* (Cuộc tranh luận ẤĐD-TBD:

Một cấu trúc địa chính trị mới nổi, lợi ích, thời cơ, thách thức của Ấn Độ) tác giả Sanjay Singh (2014) phân tích khái niệm mới nổi "ẤĐD-TBD" là sự mở rộng cấu trúc CÁ-TBD về phía Ấn Độ, để hỗ trợ cho chính sách xoay trục của Mỹ, khái niệm này theo quan điểm là ý tưởng của Mỹ không bao gồm toàn bộ Ấn Độ Dương. Tác giả đặt ra các câu hỏi: Tại sao Mỹ lại quảng bá ẤĐD-TBD là một khu vực chiến lược trong khi đã quen với khái niệm CÁ-TBD? Trung Quốc sẽ phản ứng thế nào với khái niệm này? Chính sách Hướng Đông của Ấn Độ cũng như sự tích cực tham gia của Ấn Độ vào cấu trúc chiến lược, kinh tế khu vực CÁ-TBD sẽ như thế nào? Lợi ích của Ấn Độ khi chấp nhận khuôn khổ ẤĐD-TBD là gì? Ấn Độ nên xử lý thế nào? Việc này có ảnh hưởng đến lợi ích của Ấn Độ hay không? Tác giả cũng đề cập đến việc nhiều người trong chính giới Ấn Độ cho rằng nước này có thể bị Mỹ cột vào những tính toán chiến lược của họ.

Trong khi đó, tác giả A. Vinod Kumar (2014) trong bài *"Indo-Pacific: India will be a fringe player"* (ẤĐD-TBD: Ấn Độ sẽ trở thành người chơi bên lề) lại cho rằng, quan niệm ẤĐD-TBD là nỗ lực của các cường quốc mở rộng vòng ảnh hưởng của họ. Do Ấn Độ đang phải đối mặt với những thách thức an ninh và quá trình hiện đại hóa quốc phòng, nên cần phải nỗ lực trong những năm tới để duy trì thế lực vốn có của mình. Đồng thời, cùng với việc cân nhắc các yếu tố kinh tế vốn là động lực của Ấn Độ trong nỗ lực tăng cường hợp tác với các chủ thể ở khu vực Thái Bình Dương, Ấn Độ cũng cần hiểu rằng họ chỉ là chủ thể bên lề trong các phương diện Chiến lược ẤĐD-TBD trong thời gian ngắn trước mắt.

Về Nhật Bản, Suzuki Yoshikatsu (2015) trong bài *"Đồng minh Nhật Bản - Mỹ trên lập trường mới và chiến lược đối với Trung Quốc"* cho rằng, tính toàn cầu hóa của quan hệ đồng minh Mỹ - Nhật là quan hệ này phải đóng góp cho hòa bình và phồn vinh của thế giới. Quan hệ hai nước luôn giữ vững trong mọi tình huống bất ngờ. Đẩy mạnh hợp tác không gian mạng và vũ trụ bởi nó liên quan chặt chẽ tới chiến lược biển của Mỹ. Động thái của Trung Quốc trên Biển Đông giống như Nga ở Ukraina, là phép thử cho việc thay đổi hiện trạng bằng vũ lực. Với những biến động quốc tế hiện nay, người ta cho rằng đó là cuộc chiến tranh lạnh mới nhưng có phần phức tạp hơn.

Đề cập đến đối sách của Hàn Quốc trước chiến lược khu vực của Mỹ, tác

giả Lee Jae-young (2016) có bài *"Chính sách CÁ-TBD của Mỹ dồn ép Chính sách đối Bắc của Hàn Quốc: Cảnh giác trao đổi Mỹ - Trung Quốc về Quyết nghị của Hội đồng bảo an LHQ và dỡ bỏ THAAD"*; tác giả Kem Ye-kyong (2016) có bài *"Triển vọng chính sách châu Á của D.Trump và phương hướng ứng xử của Hàn Quốc"* đề cập về động thái thực hiện chính sách CÁ-TBD của Mỹ với việc tăng cường hiện diện tại các nước đồng minh và đối tác chủ chốt như Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Australia, Thái Lan, Philippines, Việt Nam và kế hoạch tới năm 2020, khoảng 60% tiềm lực Hải quân Mỹ sẽ hiện diện ở khu vực CÁ-TBD. Động thái này thực chất chính là vì lợi ích trước tiên của Mỹ. Vì vậy, Hàn Quốc chính là nước bất lợi nhất trong cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ở khu vực, bởi vừa phải trả chi phí an ninh cao, làm quan hệ hai miền xấu đi, tình cảm người dân hai miền khó hàn gắn, lại trở thành đối tượng tấn công nếu có chiến tranh xảy ra do có căn cứ Mỹ trên lãnh thổ của mình. Vì vậy, các bài viết này đã đưa ra một số biện pháp đối phó cho Hàn Quốc như: Tiếp tục coi trọng mối quan hệ đồng minh với Mỹ, hay là coi trọng mối quan hệ đối tác với Trung Quốc; tăng cường quan hệ hợp tác với các nước tầm trung, hạn chế sự ảnh hưởng của quỹ đạo cạnh tranh Mỹ - Trung; tăng cường tham gia vào các cơ chế đa phương như ASEAN, ARF...

Bài *"Facilitating the US Rebalance: Challenges and Prospects for Singapore as American's Security Partner*" (Ủng hộ chính sách tái cân bằng của Mỹ: Thách thức và triển vọng đối với Singapore với tư cách là đối tác an ninh của Mỹ) của tác giả See Seng Tan (2016) đánh giá mức độ Singapore muốn hỗ trợ chiến lược tái cân bằng của Mỹ dù phải đối mặt với một số thách thức do sự lựa chọn mang tính chiến lược của mình. Tác giả lập luận rằng việc Singapore ủng hộ chính sách tái cân bằng là một thực tế. Sự ủng hộ này có thể khiến Trung Quốc không hài lòng, nhưng khó có thể thay đổi lòng tin của Singapore về cam kết đảm bảo an ninh của Mỹ cũng như vai trò hỗ trợ của quốc đảo này đối với Mỹ trong tiến trình đó.

Cuốn *"Định hướng chính sách đối ngoại Việt Nam đến 2020"*, do Phạm Bình Minh (2010) chủ biên đã tập trung trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về đối ngoại; lợi ích quốc gia, dân tộc trong hoạt động đối ngoại của Việt Nam. Các quan điểm ngoại giao Việt Nam về độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế được đề cập

tương đối toàn diện và mang tính khái quát cao. Đặc biệt, cuốn sách đã thảo luận tương đối sâu về lòng tin trong QHQT và định hướng chiến lược xây dựng lòng tin trong quan hệ đối ngoại Việt Nam. Đây là những vấn đề mà Việt Nam đang theo đuổi để giải quyết những tồn tại trong các mối quan hệ song phương và đa phương mà xây dựng quan hệ Việt - Mỹ là một điển hình. Nếu đạt đến độ tin tưởng chính trị cao, hình thức của mối quan hệ song phương Việt - Mỹ sẽ có biến đổi cả về lượng và chất.

Tác giả Lê Đình Tĩnh trong Luận án Tiến sĩ (2013) *"Chính sách đối ngoại của Mỹ từ góc nhìn hiện thực mới: Trường hợp đối với Việt Nam kể từ khi bình thường hóa quan hệ"* đã thảo luận về các điểm đáng chú ý trong chính sách đối ngoại của Mỹ từ sau Chiến tranh Lạnh nói chung, đối với Việt Nam nói riêng, gồm: (i) Mỹ luôn lấy lợi ích quốc gia làm nền tảng hoạch định chính sách với giả định môi trường quốc tế là vô chính phủ, áp dụng với cả các đồng minh, đối tác và đối thủ; (ii) Sau Chiến tranh Lạnh, Mỹ vẫn tìm cách duy trì vị trí bá quyền, điều chỉnh chính sách để không ngừng vực dậy sức mạnh trong bối cảnh tương quan lực lượng ngày càng thay đổi theo hướng bất lợi cho cường quốc số một thế giới này; (iii) Mỹ sẽ tiếp tục sử dụng hai công cụ chính là kinh tế và quân sự để đạt được các mục tiêu chiến lược; (iv) Mỹ sẽ tiếp tục triển khai một chiến lược toàn cầu với nhiều cam kết quốc tế để duy trì vai trò lãnh đạo, liên tục tìm kiếm đối tác mới bên cạnh duy trì quan hệ với các đồng minh cũ và quan tâm tới nhiều chiến trường có tính chiến lược khác nhau; (v) Với Việt Nam, Mỹ thực hiện chính sách tương đối nhất quán từ khi bình thường hóa quan hệ là thúc đẩy cả chiều rộng và chiều sâu, nhấn mạnh vào các lợi ích song trùng riêng có với Việt Nam. Tác giả cũng cho rằng Mỹ ngày càng coi trọng quan hệ với Việt Nam nhưng sẽ không tới giới hạn của một đồng minh.

Với bài *"Từ tái cân bằng trong chiến lược CÁ-TBD đến Chiến lược ÁĐD-TBD tự do và rộng mở: Đôi điều suy ngẫm"*, tác giả Vũ Quang Vinh (Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh) cho rằng mục đích xuyên suốt trong các chiến lược khu vực của Mỹ là duy trì sức mạnh quân sự và giá trị Mỹ để qua đó giữ vị trí siêu cường duy nhất. Việc Mỹ chuyển từ CÁ-TBD sang ÁĐD-TBD phản ánh sự thay đổi của Mỹ trong cách nhìn nhận về khu vực, chuyển trọng

tâm từ Trung Quốc, tâm điểm của khu vực CÁ-TBD sang Ấn Độ và Ấn Độ Dương. Tầm nhìn mới này mở ra khả năng Mỹ xây dựng một liên minh "Tứ trụ" trong khu vực cùng với Ấn Độ, Nhật Bản và Australia. Điều này cũng thể hiện mong muốn của Mỹ vào một Ấn Độ đóng vai trò lớn hơn trong các vấn đề an ninh khu vực. Bên cạnh đó, việc sử dụng thuật ngữ "ẤĐD-TBD" sẽ giúp tăng cường thông điệp rằng, an ninh khu vực được củng cố bằng tự do hàng hải trên biển, cho phép Mỹ tập hợp những mối quan ngại về hai tuyến đường biển chính nối châu Á với Trung Đông và châu Âu, đồng thời nhấn mạnh vai trò của Mỹ và Ấn Độ.

Trong bài *"Lợi thế của Việt Nam trong Chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở"*, tác giả Nguyễn Hùng Hậu (Viện Triết học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh) đã đặt ra nhiều câu hỏi, ẤĐD-TBD là gì? Tại sao Mỹ lại đặc biệt chú ý và thậm chí đặt ưu tiên cho khu vực này cao hơn cả châu Âu và Trung Đông? ẤĐD-TBD sẽ có ý nghĩa thế nào với hòa bình và an ninh trên thế giới và trong khu vực? Tác giả cũng cho rằng để Chiến lược đạt được kết quả và dấu ấn, sẽ còn nhiều ẩn số cần giải đáp. Tác giả cũng đặt vấn đề về lợi thế của Việt Nam khi tham gia chiến lược, gồm: (i) Việt Nam đã và đang nâng cấp quan hệ đối tác với cả 4 nước trong nhóm Bộ Tứ, nên sẽ có lợi thế trong việc giành một vị trí quan tâm nhất định của cả 4 nước này khi triển khai chiến lược; (ii) Tổng thống D.Trump từng khẳng định Việt Nam là "trái tim" của Chiến lược ẤĐD-TBD, còn Ngoại trưởng Australia Julie Bishop cho rằng trái tim của chiến lược là ASEAN, nên xét theo khía cạnh nào, Việt Nam cũng đều có lợi thế trung tâm của chiến lược; (iii) Sự du nhập sớm của Phật giáo Ấn Độ vào Việt Nam (từ đầu thế kỷ I) tạo lợi thế to lớn cho Việt Nam trong kết nối với một trong những thành phần quan trọng nhất của nhóm Bộ Tứ, đặc biệt trong giải quyết vấn đề Biển Đông.

Trong bài *"Việt Nam nên tận dụng lợi thế và tính trước nguy cơ nào khi Chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở của Mỹ được triển khai?"* tác giả Nguyễn Hồng Quân, Viện Chiến lược Quốc phòng cho rằng chiến lược này sẽ giúp gia tăng vị thế chính trị của Việt Nam; mở rộng hợp tác kinh tế; tăng cường năng lực quốc phòng bảo vệ biển, đảo; tăng cường cơ hội duy trì thương mại tự do và các hình thức sử dụng biển hợp pháp khác. Tuy nhiên, tác giả cũng đưa ra những nguy cơ đối với Việt Nam, thể hiện trên các mặt: (i) Đoàn kết nội khối ASEAN sẽ phức

tạp hơn; (ii) Phải tính toán giải pháp cân bằng thương mại với Mỹ; (iii) Bị rơi vào thế bất lợi an ninh, tăng chi phí quốc phòng, nguy cơ xung đột trên biển; (iv) Phải đổi mới cách thức đấu tranh ngoại giao - pháp lý, kiên quyết, kiên trì. Theo tác giả, Việt Nam cần khai thác những cơ hội từ Chiến lược này bởi các nước trong nhóm Bộ Tứ đều là các đối tác chiến lược hoặc đối tác hợp tác toàn diện của Việt Nam và Bộ Tứ không phải là liên minh quân sự, nên Việt Nam có thể tranh thủ sự hỗ trợ, chủ động nâng cao tiềm lực, sức mạnh để bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Tuy nhiên, bên cạnh đó với vị trí của mình, Việt Nam cũng không thể thiên lệch, bỏ qua Trung Quốc mà cần tiếp tục tăng cường quan hệ Việt - Trung.

Tác giả Chúc Bá Tuyên (2015) trong bài *"Nhìn lại 20 năm quan hệ Việt - Mỹ: Thành tựu và một số vấn đề đặt ra cho Việt Nam"* cho rằng việc Mỹ quay trở lại CÁ-TBD nằm trong mục tiêu kiềm chế Trung Quốc. Xét thấy vị thế chiến lược quan trọng của Việt Nam là nước nằm sát Trung Quốc, kiểm soát gần như một cạnh của Biển Đông, có tranh chấp Biển Đông với Trung Quốc, lại là thành viên ASEAN, có thể tạo nên một sự đối trọng trong tương lai với ảnh hưởng của Trung Quốc, nên Mỹ coi Việt Nam là tiền đồn ngăn chặn Trung Quốc tiến xuống phía nam và muốn tăng hợp tác với Việt Nam. Mỹ cũng muốn thông qua việc tăng cường quan hệ toàn diện để thúc đẩy tiến trình "diễn biến hòa bình" ở Việt Nam. Vì vậy, để phát huy những thành quả, hạn chế và hóa giải những thách thức, thúc đẩy quan hệ Việt - Mỹ, tác giả đề xuất: (i) Để đưa quan hệ lên tầm cao mới, từ "đối tác toàn diện" lên "đối tác chiến lược", hai nước cần có sự thống nhất về mặt nội hàm, bao gồm tổng thể ở nhiều lĩnh vực; (ii) Việt Nam cần chủ động phối hợp với Mỹ tại các diễn đàn khu vực và quốc tế như ARF, APEC, các cơ chế do ASEAN dẫn dắt... (iii) Tăng cường các cuộc đối thoại thường xuyên giữa các cơ quan chính phủ hai nước về vấn đề nhân quyền; (iv) Hai nước cần thường xuyên thông tin cho nhau và phối hợp chặt chẽ về lập trường trong các khuôn khổ hợp tác chung.

1.4. Nhận xét về các tài liệu nghiên cứu đề tài chiến lược ÁĐD-TBD tự do và rộng mở của Mỹ

1.4.1. Những kết quả đạt được và những hạn chế

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu đã phác họa được một bức tranh khá hoàn chỉnh về chiến lược của Mỹ ở khu vực ÁĐD-TBD như quá trình hình thành

và phát triển, nội hàm, mục đích, tác động đến thế giới, khu vực. Nhiều công trình đã đi sâu luận giải những nguyên nhân dẫn đến sự chuyển hướng chiến lược của Mỹ từ Đại Tây Dương sang CÁ-TBD và hiện nay là ẤĐD-TBD cũng như tầm quan trọng của khu vực này đối với lợi ích của Mỹ. Các nghiên cứu cũng bước đầu lột tả được các bước triển khai chiến lược của Mỹ trên các lĩnh vực như kinh tế, chính trị, quân sự... Đồng thời, đề cập đến những tác động của việc Mỹ triển khai Chiến lược ẤĐD-TBD đối với thế giới và khu vực; đưa ra nhận định về thái độ, phản ứng của các nước đối với chiến lược này. Có thể nói, các công trình và bài viết nói trên đã đóng góp to lớn cả về mặt lý luận và thực tiễn, giúp tăng cường nhận thức chung về chiến lược của Mỹ.

Tuy nhiên, mặt khác, tại thời điểm công bố, các nghiên cứu này chưa cập nhật đầy đủ các biến động nhanh và phức tạp của tình hình thế giới và khu vực, đặc biệt là sự đối đầu ngày càng quyết liệt và công khai giữa Mỹ và Trung Quốc kể từ khi D.Trump lên nắm quyền (2017). Thêm vào đó, các công trình nghiên cứu tuy nhiều nhưng tính liên ngành chưa cao. Trong khi các khía cạnh đối ngoại trong lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội được nghiên cứu khá sâu, thì các nghiên cứu về đối ngoại trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh chưa được đề cập nhiều, hay đề cập chưa sâu và chưa có tính hệ thống, mang tính so sánh. Bên cạnh đó, mối tương tác, quan hệ qua lại giữa các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh... chưa được giải luận kỹ. Đặc biệt, chưa có công trình nào chuyên biệt tập trung vào khía cạnh an ninh quân sự trong chiến lược khu vực của Mỹ cũng như đưa ra được dự đoán chính xác về chiến lược của Mỹ giai đoạn hậu D.Trump. Những hạn chế này cho thấy sự cần thiết phải có một công trình nghiên cứu toàn diện hơn về sự chuyển hướng chiến lược của Mỹ dưới thời D.Trump cả về cơ sở lý luận và thực tiễn, đặc biệt là đi sâu vào nghiên cứu khía cạnh an ninh quân sự để hiểu được bản chất mục tiêu, cách thức thực thi chiến lược của Mỹ ở khu vực, từ đó đưa ra dự báo và đề xuất, khuyến nghị phù hợp đối với Việt Nam.

1.4.2. Hướng phát triển của đề tài

Như vậy, phần nghiên cứu tổng quan các tài liệu sử dụng cho đề tài đã đưa đến những kết quả: Các học giả thế giới và Việt Nam đã vận dụng nhiều lý thuyết quan hệ quốc tế, trong đó có lý thuyết xung đột lợi ích, cạnh tranh ảnh hưởng của

các nước lớn, hội nhập khu vực… Do là một siêu cường thế giới, mọi chính sách, chiến lược của Mỹ đều sẽ thu hút sự quan tâm của các học giả, các chuyên gia và chính giới của các nước, trong đó có Việt Nam. Vì thế, những nội dung chưa được nghiên cứu có thể được liệt kê như sau: (1) Phần lớn các nghiên cứu mới chỉ tập trung vào Chiến lược ẤĐD-TBD một cách chung chung, chưa chuyên sâu vào khía cạnh an ninh quân sự, vốn được coi là xương sống và là động lực chính của Chiến lược. Các nghiên cứu cũng chưa hệ thống hóa được các lý thuyết quan hệ quốc tế cần thiết để giải thích sự hình thành của Chiến lược. Vì vậy, đề tài sẽ tập trung làm rõ nội hàm những khái niệm như "chiến lược", "an ninh quân sự", "ẤĐD-TBD", "tự do và rộng mở"… đồng thời phân tích 3 lý thuyết quan hệ quốc tế (chủ nghĩa hiện thực, tự do và kiến tạo) giải thích cho sự hình thành của Chiến lược, cũng như đánh giá thực lực nền tảng quân sự của Mỹ ở khu vực trong tương quan với các đồng minh, đối tác và đặc biệt là đối thủ (Trung Quốc) để thấy được bức tranh toàn cảnh tại sao Chiến lược ra đời dưới thời D.Trump. (2) Các công trình nghiên cứu trước đây về Chiến lược còn khá rời rạc về mặt không gian và thời gian, cũng như chưa cho thấy mối tương quan của Chiến lược này với chiến lược của các đồng minh, đối tác cũng như đối thủ của Mỹ ở khu vực. Vì vậy, đề tài sẽ tập trung thống kê có hệ thống quá trình từ khi hình thành đến triển khai Chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở của Mỹ, tập trung vào khía cạnh an ninh quân sự (các phát biểu chính sách, tuyên bố, báo cáo chiến lược, các văn bản luật, dự luật… liên quan đến Chiến lược). Bên cạnh đó, đề tài sẽ tập trung làm rõ các bước triển khai trên thực tiễn của Mỹ, đi sâu vào lĩnh vực an ninh quân sự để thấy được sự khác biệt của Chiến lược này so với chiến lược Tái cân bằng dưới thời Obama trên cơ sở đưa ra các dữ liệu về sự điều chỉnh lực lượng và quá trình triển khai lực lượng của Mỹ ở khu vực. (3) Phần nhận xét và dự báo về chiến lược còn khá chung chung, chưa đi sâu vào khía cạnh an ninh quân sự vốn rất nhạy cảm trong quan hệ giữa các nước lớn và tác động trực tiếp đến môi trường an ninh khu vực. Phần khuyến nghị cho Việt Nam cũng chưa thực sự đáp ứng được những đòi hỏi hiện nay khi Việt Nam đang là tâm điểm lôi kéo của các nước lớn. Đề tài vì vậy tập trung nghiên cứu cũng như tiến hành phỏng vấn các chuyên gia đầu ngành về QHQT trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh để có cái nhìn sâu và tổng quan hơn về chiến lược. Từ đó đưa ra

những dự báo mang tính khái quát cao và khuyến nghị chính sách với Việt Nam sát đúng hơn trong tình hình hiện nay.

CHƯƠNG 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN, THỰC TIỄN CỦA CHIẾN LƯỢC ẤN ĐỘ DƯƠNG - THÁI BÌNH DƯƠNG TỰ DO VÀ RỘNG MỞ CỦA MỸ TRÊN KHÍA CẠNH AN NINH QUÂN SỰ

2.1. CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA VIỆC HÌNH THÀNH CHIẾN LƯỢC

2.1.1. Các khái niệm và nội hàm cơ bản của Chiến lược

"Chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở trên khía cạnh an ninh quân sự" bao gồm 4 thành tố cơ bản: (i) "Chiến lược"; (ii) "An ninh quân sự"; (iii) "Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương"; (iv) "Tự do và Rộng mở" được hiểu cụ thể:

(i) Chiến lược: Là tổng thể các phương châm, chính sách và mưu lược được hoạch định để xác định mục tiêu, sắp xếp, quy tụ lực lượng và đề ra giải pháp nhằm đạt một mục đích nhất định bằng con đường có lợi nhất, tạo ra trạng thái phát triển mới của một lĩnh vực (Chiến lược chuyên ngành), toàn xã hội (Chiến lược quốc gia) hoặc toàn thế giới (Chiến lược toàn cầu) trong một thời kỳ nhất định. Các yếu tố đặc trưng của Chiến lược bao gồm: Lựa chọn các mục tiêu chiến lược hiện thực (mục tiêu cơ bản, mục tiêu trung gian, mục tiêu trước mắt), sắp xếp lực lượng chiến lược hợp lý và tìm các giải pháp chiến lược khả thi. Hoạch định chiến lược phải căn cứ vào bối cảnh và thực trạng của tình hình, trong đó phải tính đến trạng thái của đối tượng, lực lượng chiến lược và các tiềm lực có thể huy động vào việc thực hiện mục tiêu chiến lược. Sự đúng đắn của chiến lược chủ yếu phụ thuộc vào tài nghệ chủ quan của con người trên cơ sở nắm vững quy luật khách quan của từng lĩnh vực hoạt động và của sự phát triển xã hội nói chung [1, 211].

(ii) An ninh quân sự, trong đó:

- An ninh: Chỉ trạng thái ổn định, an toàn, không có dấu hiệu nguy hiểm đe dọa sự tồn tại và phát triển bình thường của cá nhân, tổ chức, của từng lĩnh vực hoạt động xã hội hoặc của toàn xã hội. "An ninh" thường đi cùng với an ninh quốc gia, an ninh chính trị, an ninh quân sự, an ninh kinh tế… Duy trì an ninh toàn diện là điều kiện để phát triển xã hội [1, 25]. Trong đó, an ninh quốc gia là trạng thái ổn định vững chắc của chế độ chính trị - xã hội, chủ quyền quốc gia được toàn vẹn, An ninh quốc gia bao gồm: An ninh kinh tế, an ninh chính trị, an ninh văn hóa - tư tưởng và trật tự an toàn xã hội, trong đó an ninh chính trị là nòng cốt, xuyên suốt

trong sự kết hợp với quốc phòng và công tác đối ngoại. Tại Mỹ, Chiến lược An ninh Quốc gia bắt đầu được công bố đầu nhiệm kỳ các đời Tổng thống từ năm 1987 theo Mục 603, Đạo luật tái tổ chức quốc phòng Goldwater-Nocholes 1986. Chiến lược An ninh Quốc gia sẽ được Tổng thống Mỹ trình lên Quốc hội để truyền đạt tầm nhìn về an ninh quốc gia của nhánh hành pháp cho nhánh lập pháp. Chiến lược An ninh Quốc gia Mỹ sẽ bao gồm các đề xuất sử dụng tất cả các khía cạnh của quyền lực cần thiết mà Mỹ có để đạt được mục tiêu an ninh quốc gia [144]. Chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở là một phần trong Chiến lược An ninh Quốc gia mà Mỹ công bố tháng 12/2017.

- Quân sự: Chỉ (1) Lĩnh vực hoạt động đặc biệt của xã hội liên quan đến đấu tranh vũ trang, chiến tranh và quân đội (lực lượng vũ trang); (2) Một trong những hoạt động cơ bản trong quân đội, cùng các hoạt động khác (chính trị, hậu cần, kĩ thuật) tạo nên sức mạnh chiến đấu trong quân đội [1, 844].

Từ đó, *an ninh quân sự* chỉ một nội dung của an ninh quốc gia, chỉ trạng thái vững mạnh về quân sự của một quốc gia phù hợp với khả năng nền kinh tế đất nước và mức sống của nhân dân. Nội dung chủ yếu của an ninh quân sự gồm hoạt động quân sự và các hoạt động khác (kinh tế, chính trị, ngoại giao, an ninh…), có khả năng giữ vững hòa bình, đẩy lùi, ngăn chặn các hành động gây chiến của kẻ thù và sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược dưới mọi hình thức, quy mô, trong mọi tình huống. An ninh quân sự có liên quan trực tiếp đến sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang [1, 26].

(iii) Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: Tháng 10/2017, phát biểu về tăng cường quan hệ đối tác Ấn Độ - Mỹ nhân chuyến thăm Ấn Độ, Ngoại trưởng Mỹ Rex Tillerson đã sử dụng khu vực địa lý "ẤĐD-TBD" thay cho "CÁ-TBD", với phạm vi bao gồm toàn bộ khu vực địa chính trị Ấn Độ Dương, Tây Thái Bình Dương và các nước láng giềng.

(iv) Tự do và Rộng mở: Tháng 4/2018, Phó Trợ lý Ngoại trưởng Mỹ Alex Wong đã điều trần trước Quốc hội về Chiến lược ẤĐD-TBD, làm rõ các nội hàm "tự do" và "rộng mở". Theo đó, "tự do" được thể hiện trên hai cấp độ: ở cấp độ quốc tế, các quốc gia không bị cưỡng ép, áp đặt; và ở cấp độ quốc gia, các cá nhân không bị đàn áp và hưởng một nền quản trị tốt. "Rộng mở" có nghĩa là các tuyến

đường hàng hải không bị kiểm soát hay bị ngăn chặn bởi bất cứ cường quốc nào và hệ thống thương mại tự do, công bằng được duy trì [19].

Như vậy, "Chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở trên khía cạnh an ninh quân sự" chỉ việc *Mỹ sử dụng tổng thể các phương châm, chính sách và mưu lược được hoạch định để xác định mục tiêu, sắp xếp, quy tụ lực lượng và đề ra giải pháp để đạt được trạng thái vững mạnh về quân sự phù hợp với vị thế sức mạnh tổng hợp quốc gia của Mỹ nhằm duy trì trật tự "tự do" và "rộng mở", đẩy lùi, ngăn chặn các hành động gây chiến của kẻ thù và sẵn sàng đánh thắng chiến tranh dưới mọi hình thức, quy mô, trong mọi tình huống tại khu vực ẤĐD-TBD.*

Điều này được thể hiện rõ trong Chiến lược An ninh Quốc gia Mỹ (2017), vốn là nền tảng cho sự ra đời của Chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở. Trong đó nhấn mạnh, Mỹ đang phải đối mặt với một thế giới nguy hiểm chưa từng có, với nhiều mối đe dọa gia tăng… Các "cường quốc đối địch" Trung Quốc và Nga đang ngày càng hung hăng ngấm ngầm phá hoại những lợi ích của Mỹ trên khắp toàn cầu. Hai quốc gia này đang tìm cách xây dựng một trật tự toàn cầu mới cả về quân sự lẫn kinh tế, tranh giành ảnh hưởng với Mỹ. Xung quanh vấn đề lợi ích, lần đầu tiên Chiến lược An ninh Quốc gia của Mỹ cùng lúc xác định bốn lợi ích quốc gia tối quan trọng trong thế giới cạnh tranh, tương ứng với bốn trụ cột mà Mỹ xác định phải bảo vệ bằng mọi giá, đó là: (1) Bảo vệ người dân Mỹ, đất nước và lối sống Mỹ; (2) Thúc đẩy sự thịnh vượng của nước Mỹ; (3). Bảo vệ hòa bình thông qua sức mạnh; và (4) Thúc đẩy ảnh hưởng của Mỹ. Chính quyền của Tổng thống D.Trump cho rằng, phải điều chỉnh các phương thức tiếp cận các khu vực khác nhau trên thế giới để bảo vệ lợi ích quốc gia của Mỹ. Theo đó, trong Chiến lược mới này, xuất hiện thuật ngữ "chiến lược khu vực" khi Mỹ xác định năm chiến lược khu vực, trong đó nhấn mạnh Mỹ phải kết hợp ý chí và khả năng để cạnh tranh và ngăn ngừa những thay đổi không có lợi ở ẤĐD-TBD, châu Âu và Trung Đông [103].

Đáng chú ý là trong Chiến lược An ninh Quốc gia 2017, Mỹ nhấn mạnh đến các yếu tố để giúp Mỹ có thể đạt được hòa bình thông qua sức mạnh, gồm: (1) Một nước Mỹ được củng cố, đổi mới, và trẻ hóa sẽ đảm bảo hòa bình và ngăn chặn sự thù địch. (2) Xây dựng lại sức mạnh quân sự của nước Mỹ để đảm bảo rằng nước

Mỹ sẽ luôn đứng đầu. (3) Mỹ sẽ sử dụng tất cả các công cụ của nhà nước trong một kỷ nguyên mới về cạnh tranh chiến lược - ngoại giao, thông tin, quân sự và kinh tế - để bảo vệ lợi ích của mình. (4) Các đồng minh và đối tác của nước Mỹ giúp tăng cường quyền lực của Mỹ và bảo vệ lợi ích chung của Mỹ. (5) Mỹ sẽ đảm bảo rằng sự cân bằng quyền lực vẫn được duy trì theo hướng có lợi cho nước Mỹ tại các khu vực trọng điểm của thế giới: ÁĐD-TBD, châu Âu, và Trung Đông [103]. ÁĐD-TBD được xếp lên hàng đầu trong danh sách ưu tiên khu vực của Mỹ, trước 2 khu vực truyền thống là châu Âu và Trung Đông.

Trong khu vực ÁĐD-TBD, Mỹ khẳng định, cạnh tranh địa chính trị giữa tầm nhìn tự do và tầm nhìn áp bức của trật tự thế giới đang diễn ra. Tại khu vực này, Mỹ cho rằng, việc Trung Quốc nỗ lực xây dựng và quân sự hóa các tiền đồn ở Biển Đông đang đe dọa dòng chảy thương mại tự do, thu hẹp chủ quyền của quốc gia khác và làm suy giảm sự ổn định khu vực. Mặt khác, hành động này của Trung Quốc cũng nhằm hạn chế Mỹ tiếp cận khu vực này, qua đó mang lại quyền kiểm soát tự do lớn hơn cho Trung Quốc ở Biển Đông. Từ nhận định này, Mỹ cũng cho rằng, các quốc gia trong khu vực ÁĐD-TBD đang kêu gọi Mỹ duy trì sự lãnh đạo, nhằm duy trì một trật tự khu vực tôn trọng chủ quyền và độc lập. Sự quan tâm của Mỹ đối với khu vực ÁĐD-TBD còn được thể hiện khi Chiến lược nhắc lại vai trò của các đồng minh: Nhật Bản, Australia,… đã "chiến đấu" bên cạnh Mỹ trong mọi cuộc xung đột; Hàn Quốc là quan hệ liên minh và tình hữu nghị với Mỹ được tôi luyện qua nhiều thử thách của lịch sử; Ấn Độ là đối tác chiến lược quốc phòng hàng đầu của Mỹ,... Đặc biệt, Chiến lược An ninh Quốc gia 2017 đề cập nhiều đến một số nước trong khu vực Đông Nam Á, trong đó nhấn mạnh Philippines và Thái Lan là các đồng minh và thị trường quan trọng của Mỹ. Một số nước, như: Indonesia, Malaysia, Singapore, Việt Nam… là các đối tác an ninh và kinh tế ngày càng tăng của Mỹ; ASEAN và Diễn đàn Hợp tác Kinh tế CÁ - TBD (APEC) vẫn là những trung tâm của cấu trúc khu vực ÁĐD-TBD và là những nền tảng để thúc đẩy một trật tự dựa trên tự do [103].

2.1.2. Các lý thuyết giải thích sự hình thành của Chiến lược

2.2.2.1. Chủ nghĩa hiện thực và tân hiện thực (Realism và Neo-Realism)

Chủ nghĩa hiện thực là lý thuyết có ảnh hưởng lớn tới việc nghiên cứu, phân

tích và thực hiện QHQT nói chung và hoạch định chính sách nói riêng, cả trên phương diện lý luận lẫn thực tiễn, đặc biệt là đối với giới nghiên cứu và hoạch định chính sách phương Tây. Quan điểm trung tâm của chủ nghĩa hiện thực xoay quanh các vấn đề cạnh tranh quyền lực, sức mạnh quân sự, chiến tranh xung đột. Chủ nghĩa hiện thực coi các các quốc gia - dân tộc là chủ thể cơ bản và quan trọng nhất của QHQT.

Về cơ bản, chủ nghĩa hiện thực coi môi trường quốc tế là vô chính phủ, tức là không tồn tại một chính phủ siêu quốc gia nào đó có quyền hạn vượt lên trên, để có thể áp dụng quyền lực, luật lệ lên các quốc gia khác. Tồn tại trong môi trường vô chính phủ vốn không ai lo cho mình, các quốc gia trong QHQT sẽ bắt buộc phải tự lực hay cứu lấy mình chứ không thể trông chờ vào sự giúp đỡ của một chính quyền nào đó ở trên, như công dân trông chờ vào sự giúp đỡ của nhà nước bên trong quốc gia [7]. Từ đó, đối với các chủ thể quốc gia trong QHQT, lợi ích quốc gia là quan trọng nhất và là định hướng, ưu tiên cho chính sách đối ngoại. Quyền lực là phương tiện, tạo thêm lực đẩy, sức ép trên bàn đàm phán hay trong quan hệ. Hans J. Morgenthau, một trong những đại diện xuất sắc nhất của chủ nghĩa hiện thực cổ điển, quan niệm rằng nền chính trị quốc tế, cũng giống như tất cả các nền chính trị, là cuộc đấu tranh vì quyền lực. Bất kể mục đích cuối cùng của chính trị quốc tế là gì, quyền lực luôn là mục tiêu trước mắt [44]. Quyền lực không chỉ là mục đích mà cũng là phương tiện của chính sách đối ngoại. Cuộc tranh giành quyền lực này luôn tồn tại trong nền chính trị quốc tế. Như vậy, theo các nhà hiện thực, hòa bình chỉ có thể đạt được được thông qua chiến tranh, gây hấn và các biện pháp mang tính cưỡng bức khác [25], trong đó có các biện pháp trừng phạt, cấm vận kinh tế. Có thể thấy rõ ảnh hưởng của chủ nghĩa hiện thực qua "Duy trì hòa bình thông qua sức mạnh" (Preserve peace through strength) - một trong bốn trụ cột quan trọng của Chiến lược An ninh Quốc gia của Mỹ được công bố tháng 12/2017.

Đi sâu hơn, các học giả hiện thực đề cập tới thuyết cân bằng quyền lực trong môi trường chính trị quốc tế. Theo đó dù tranh giành quyền lực giữa các quốc gia trong QHQT là bất biến nhưng chiến tranh và bạo lực có thể được kiềm chế khi sự phân chia quyền lực trong môi trường chính trị quốc tế đạt được trạng

thái "cân bằng". Trạng thái này xảy ra khi trong cấu trúc quyền lực của QHQT không có một nước nào sở hữu một sức mạnh áp đảo hoàn toàn các quốc gia khác. Để bảo vệ sự tồn vong của mình trong môi trường vô chính phủ, khi phải đối mặt với sự thách thức, đe dọa từ quốc gia A, quốc gia B ngoài việc tích cực tăng cường sức mạnh của mình còn có thể tìm tới một phương thức khác là liên minh với các quốc gia khác nhằm tạo thế đối trọng với quốc gia đối thủ [44]. Trường hợp của Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) - một liên minh quân sự do Mỹ thành lập trong Chiến tranh Lạnh nhằm đối phó lại Liên Xô là một minh chứng sống động về cách vận dụng chủ nghĩa hiện thực và thuyết cân bằng quyền lực vào quá trình hoạch định và thực thi chính sách đối ngoại của Mỹ. Mỹ và các đồng minh đã tạo ra thế "cân bằng lưỡng cực" trong QHQT. Trạng thái cân bằng này đã góp phần kiềm chế khả năng xảy ra chiến tranh giữa Liên Xô và Mỹ và tạo ra một nền hòa bình lâu dài tại châu Âu trong giai đoạn 1945 tới 1991 [21]. Đến nay, thuyết cân bằng quyền lực vẫn chi phối khá mạnh trong việc hoạch định chính sách đối ngoại của Mỹ, đặc biệt là trong việc hoạch định Chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở. Theo đó: (i) Mỹ luôn đặt lợi ích quốc gia của mình lên trên hết trong quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại; (ii) Trong các lợi ích quốc gia của Mỹ, lợi ích về an ninh và lợi ích về kinh tế, là các lợi ích có ý nghĩa bảo vệ sự tồn vong và thúc đẩy sự thịnh vượng của Mỹ. Dựa trên các tính toán lợi ích an ninh và kinh tế, các chính quyền Mỹ xác định các mục tiêu lớn về đối ngoại; (iii) Mỹ luôn chú trọng các công cụ quân sự và kinh tế, tìm kiếm quyền lực, lợi ích và ảnh hưởng quốc tế chủ yếu thông qua hai công cụ này. Trong quân sự, Mỹ sử dụng sức mạnh áp đảo để tạo hiệu ứng răn đe và gây sức ép đối với các đối thủ tiềm tàng. Trong kinh tế, Mỹ có xu hướng lấn lướt các nước khác trong các cuộc đàm phán, thậm chí sử dụng các biện pháp trừng phạt, cấm vận kinh tế để đạt được mục tiêu; (iv) Để thực hiện các lợi ích của mình, Mỹ còn tìm cơ hội mở rộng, gia tăng tầm ảnh hưởng của mình, xây dựng các mối liên minh, hợp tác với các quốc gia cường quốc khác tại khắp các châu lục và đại dương, trong đó có khu vực ẤĐD-TBD.

Tuy nhiên, chủ nghĩa hiện thực cổ điển chỉ đúng khi các nước theo đuổi chính sách biệt lập, ít tương tác và ràng buộc với nhau. Đến những năm 1970, chủ

nghĩa hiện thực bắt đầu bị phản biện bởi không giải thích được nhiều vấn đề, ví dụ như xu hướng gắn bó, hợp tác và phụ thuộc giữa các quốc gia. Vì vậy, năm 1979, Kenneth Waltz đã viết về chủ nghĩa tân hiện thực, với một sự bổ sung đặc biệt quan trọng đó là chủ nghĩa hiện thực cấu trúc. Chủ nghĩa tân hiện thực khắc phục được phần nào sự hạn chế của chủ nghĩa hiện thực cổ điển khi cho rằng, nghiên cứu quốc tế ngày nay còn phải đặt trong một cấu trúc hệ thống, không thể chỉ nghiên cứu về từng nước riêng rẽ.

Điểm khác biệt giữa chủ nghĩa hiện thực với tân hiện thực được thể hiện ở việc chủ nghĩa tân hiện thực tập trung chủ yếu vào cấu trúc vô tổ chức của hệ thống quốc tế. Kế thừa quan điểm của chủ nghĩa hiện thực khi coi các quốc gia là chủ thể chính của quan hệ quốc tế, chủ nghĩa tân hiện thực nhấn mạnh đến vị thế trên dưới giữa các quốc gia. Cho rằng trong hệ thống vô chính phủ thì sự phân bổ quyền lực tương đối giữa các quốc gia trong hệ thống là nhân tố trọng yếu đối với an ninh của quốc gia. Càng có nhiều quyền lực thì vị trí của quốc gia trong hệ thống thế giới càng cao và an ninh của quốc gia đó càng được đảm bảo. Vì thế mọi quốc gia đều tìm cách nâng cao quyền lực. Các quốc gia đang gia tăng sức mạnh nhanh chóng có xu hướng thách thức trật tự cũ, đặc biệt là đe dọa vị thế của nước bá quyền, vì vậy thường vấp phải các hành động ngăn chặn của nước bá quyền. Cũng theo chủ nghĩa tân hiện thực thì quốc gia bá quyền sẽ tìm cách giảm thiểu mối đe dọa tới vị thế của mình bằng cách ngăn chặn trước các hành động nguy hiểm tiềm tàng chứ không chờ đợi cho đến khi mối đe dọa vượt quá khả năng kiểm soát của mình. Có thể thấy rõ khía cạnh này tác động sâu sắc đến việc hoạch định chính sách đối ngoại của Mỹ nói chung cũng như chính sách với Trung Quốc nói riêng, mà biểu hiện cụ thể là Chiến lược ÁĐD-TBD với mục tiêu kiềm chế Trung Quốc. Chủ nghĩa tân hiện thực cũng cho rằng hệ thống đơn cực hay bá quyền có lợi cho hòa bình, ổn định và an ninh hơn so với hệ thống đa cực. Theo đó, các nhà tân hiện thực Mỹ và đề cao vai trò bá quyền của Mỹ ở khu vực ÁĐD-TBD. Vì vậy, việc phải có những hành động cụ thể nhằm tái khẳng định vai trò của Mỹ ở khu vực này là vô cùng cần thiết. Đây cũng là cơ sở cho việc hoạch định Chiến lược ÁĐD-TBD tự do và rộng mở.

Ngoài ra, một số lý thuyết khác như thuyết ổn định bá quyền (hegemonic

stability) - một nhánh quan trọng của chủ nghĩa hiện thực - cho rằng ổn định và hợp tác trong QHQT có thể đạt được với sự xuất hiện của một nước bá quyền, cũng giúp giải thích việc hình thành Chiến lược ẤĐD-TBD của Mỹ dưới thời D.Trump, đặc biệt trên lĩnh vực an ninh. Theo Robert Gilpin, năm nước bá quyền có thể tạo dựng và xác lập vị trí lãnh đạo trật tự thế giới để qua đó giảm tình trạng bất ổn định và cạnh tranh giữa các nước. Đó là do nước bá quyền có (i) khả năng và ý chí của nước có sức mạnh vượt trội, (ii) khả năng tạo ra các "dịch vụ công" - như trật tự kinh tế thế giới và an ninh quốc tế - thông qua một hệ thống thể chế/luật pháp và nguyên tắc ứng xử chung, (iii) sự chấp nhận và tham gia của các nước khác đối với các dịch vụ công và hệ thống thể chế quốc tế đó, (iv) khả năng thưởng và phạt các nước khác nếu các nước đó theo hoặc không theo các luật chơi mà nước bá quyền lập ra để đảm bảo trật tự quốc tế được giữ vững [85]. Có thể thấy rõ ảnh hưởng của thuyết này qua việc Mỹ giữ cam kết với các cơ chế an ninh khu vực ở CÁ-TBD, đưa ra sáng kiến khu vực ẤĐD-TBD tự do và rộng mở theo mô hình "mạng lưới an ninh có nguyên tắc". Đây thực chất là nhằm tạo dựng một tập hợp lực lượng mới giữa những nước cùng có lo ngại về một Trung Quốc trỗi dậy và cần đến sự can dự của Mỹ. Từ đó thực hiện tham vọng thiết lập một trật tự khu vực mà trong đó các chủ thể tuân theo luật chơi của Mỹ.

Chủ nghĩa hiện thực với nội dung cốt lõi về cân bằng quyền lực đến nay vẫn chi phối khá mạnh trong việc hoạch định chính sách đối ngoại của Mỹ, đặc biệt trong chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở trước sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc. Những tư tưởng của Chủ nghĩa hiện thực vẫn khá phát triển tại Mỹ và có thể coi là một trong những cơ sở quan trọng của việc thực thi chính sách an ninh, đối ngoại của Mỹ. Theo đó: (i) Mỹ luôn đặt lợi ích quốc gia của mình lên trên hết trong quá trình hoạch định, triển khai chính sách đối ngoại; (ii) Trong các lợi ích quốc gia của Mỹ, lợi ích về an ninh và các lợi ích về kinh tế có ý nghĩa bảo vệ sự tồn vong và thúc đẩy sự thịnh vượng của Mỹ. Dựa trên các tính toán lợi ích này, các chính quyền khác nhau của Mỹ sẽ hoạch định ra những mục tiêu lớn về đối ngoại; (iii) Mỹ luôn chú trọng các công cụ quân sự và kinh tế, tìm kiếm quyền lực, lợi ích và ảnh hưởng quốc tế chủ yếu thông qua hai công cụ này. Trong quân sự, Mỹ sử dụng sức mạnh áp đảo để tạo hiệu ứng răn đe và gây sức ép với các đối

thủ tiềm tàng; (iv) Để thực hiện các lợi ích của mình, Mỹ còn tìm cơ hội mở rộng, gia tăng tầm ảnh hưởng của mình, xây dựng các mối liên minh, hợp tác với các cường quốc khác tại khắp các châu lục và đại dương, trong đó có khu vực ẤĐD-TBD. Nhìn chung, chủ nghĩa hiện thực và tân hiện thực đều nhấn mạnh đến sự cạnh tranh giữa các quốc gia. Đây cũng là phần quan trọng tác động đến việc hoạch định Chiến lược ẤĐD-TBD. Chủ nghĩa hiện thực cổ điển hay chủ nghĩa tân hiện thực đều đóng góp quan trọng vào sự ra đời cũng như nội dung Chiến lược ẤĐD-TBD, là cơ sở giải thích vì sao Mỹ phải tập hợp lực lượng trong một chiến lược mới, mở rộng vai trò ảnh hưởng từ CÁ-TBD sang ẤĐD-TBD và tận dụng Ấn Độ - một đối thủ lớn của Trung Quốc.

2.2.2.2. Chủ nghĩa tự do và tân tự do (Liberalism và Neo-Liberalism)

Chủ nghĩa tự do xuất hiện từ khoảng 300 đến 400 năm trước, khởi nguồn là triết học khai sáng do các nhà tư tưởng châu Âu đưa ra với tính nhân văn cao và tinh thần đạo đức lớn. Cùng với chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa tự do là một lý thuyết có ảnh hưởng lớn trong QHQT. Tuy nhiên, hai trường phái lý thuyết này cũng thường có sự mâu thuẫn với nhau. Trong khi chủ nghĩa hiện thực cho rằng con người là ích kỷ thì chủ nghĩa tự do cho rằng con người vẫn có thể hợp tác được với nhau. Chủ nghĩa hiện thực xác định quốc gia theo đuổi quyền lực để bảo đảm nhu cầu an ninh và tồn tại nên giữa các quốc gia chỉ có cạnh tranh thì chủ nghĩa tự do cho rằng bên cạnh an ninh thì các quốc gia còn có nhu cầu sung túc, thịnh vượng nên phải hợp tác với nhau.

Lý thuyết lý tưởng (Idealism) là một dòng của chủ nghĩa tự do. Lý thuyết này được Woodrow Wilson phát triển do nhận thấy thế giới vô chính phủ có quá nhiều xung đột, nên cần phải lập ra một tổ chức để có thể ngăn chặn các loại xung đột này. Điều này dẫn đến sự ra đời của mô hình an ninh tập thể mà hiện thân của nó là Hội Quốc Liên. Tuy nhiên, sự thất bại của Hội Quốc Liên đã dẫn đến sự thoái trào của chủ nghĩa lý tưởng bởi rốt cuộc quốc gia nào cũng chỉ nghĩ đến lợi ích của mình. Lúc này chủ nghĩa hiện thực lại thắng thế cho đến những năm 1970, khi chủ nghĩa hiện thực không giải thích được những phát triển mới của việc hợp tác giữa các quốc gia trong một hệ thống mang tính cấu trúc, nên đã ra đời chủ nghĩa tân hiện thực như đã đề cập ở trên.

Theo quan điểm của chủ nghĩa tự do, bên cạnh các chủ thể quốc gia, các chủ thể phi quốc gia cũng đóng vai trò tương ứng trong chính trị quốc tế. Các chủ thể này có thể bao gồm tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ, công ty xuyên quốc gia,.., hoặc tổ chức tôn giáo quốc tế, nhóm sắc tộc ly khai, tổ chức khủng bố quốc tế, phong trào xã hội xuyên quốc gia… Các chủ thể phi quốc gia đang ngày càng được coi trọng trong môi trường QHQT hiện đại và bối cảnh toàn cầu hóa. Khác với những quan điểm chủ đạo của chủ nghĩa hiện thực, những học giả tự do cho rằng trong môi trường vô chính phủ của QHQT, xung đột không phải là hình thái duy nhất mà vẫn có chỗ cho sự hợp tác. Đề cao giá trị của hòa bình; nhu cầu thịnh vượng, hội nhập kinh tế, phát huy các giá trị dân chủ tự do và vai trò của các thể chế quốc tế… chủ nghĩa tự do cho rằng các quốc gia sẽ thu được lợi ích từ việc hợp tác với nhau. Những tính toán lý trí sẽ thôi thúc các quốc gia lựa chọn hợp tác và phát triển lâu dài hơn là tiếp tục tình trạng xung đột. Bối cảnh hội nhập, toàn cầu hóa và nền kinh tế thị trường phát triển sẽ đồng thời thúc đẩy "sự phụ thuộc lẫn nhau" giữa các quốc gia trong QHQT. Khi sự hợp tác, trao đổi các giá trị tạo điều kiện cho các nước hình thành ngày càng nhiều điểm chung, "sự phụ thuộc lẫn nhau" sẽ khiến cái giá mà các bên liên quan sẽ phải trả nếu như xảy ra xung đột, chiến tranh là vô cùng lớn [87]. Chính vì vậy, "sự phụ thuộc lẫn nhau" sẽ góp phần hạn chế khả năng sử dụng vũ lực giữa các quốc gia trong QHQT, đồng thời buộc các nước phải hợp tác để bảo toàn lợi ích của mình và tạo tiền đề cho việc xây dựng các tổ chức, thể chế hợp tác trong môi trường vô chính phủ. Mặc dù môi trường QHQT là vô chính phủ nhưng những hoạt động trong khuôn khổ của các thể chế dựa trên các nguyên tắc, qui định hay luật pháp quốc tế sẽ giúp điều chỉnh mối quan hệ giữa các thành viên và giảm thiểu những động thái có tính xung đột giữa các chủ thể quốc gia [58]. Bên cạnh đó, một yếu tố quan trọng khác của chủ nghĩa tự do là tầm quan trọng của các giá trị dân chủ, nhân quyền trong việc duy trì nền hòa bình. Trong tác phẩm "Nền hòa bình vĩnh cửu", Immanuel Kant (1992) cho rằng khi mỗi người dân đều được hưởng quyền tự do cộng hòa thì mọi chính phủ đều sẽ có thiên hướng theo đuổi đường lối chính sách đối ngoại hòa bình, khi đó thế giới sẽ có được nền "hòa bình vĩnh viễn" [43]. Tổng thống thứ 28 của Mỹ Woodrow Wilson, một trong những người đi đầu trong việc khai sinh ngành học

thuật lý luận QHQT, cũng ủng hộ tinh thần của Kant khi cho rằng những quốc gia với xuất phát điểm dân chủ sẽ có bản chất hòa bình hơn những nước chuyên chế và sự mở mang, phổ biến những giá trị dân chủ tới mọi quốc gia chính là chìa khóa để dẫn tới nền hòa bình thực thụ trong QHQT. Những ý tưởng này sau đó đã được các học giả tự do phát triển thành thuyết Hòa bình dân chủ với luận điểm rằng giữa các nước dân chủ sẽ ít có khả năng xảy ra chiến tranh hơn bởi các nước này thường có những quan điểm tương đồng về văn hóa, quan niệm và các giá trị chung [31]. Vì thế nên xung đột, cạnh tranh giữa các quốc gia dân chủ sẽ dễ dàng đạt được thỏa hiệp và các phương thức giải quyết xung đột mang tính hòa bình sẽ thường được lựa chọn. Chủ nghĩa tự do cũng thừa nhận môi trường quốc tế vô chính phủ vẫn tồn tại, nhưng trong môi trường này, không chỉ có xung đột mà còn có cả hợp tác. Không những vậy, môi trường vô chính phủ có thể được khắc chế bằng thể chế, luật lệ… để hợp tác có thể phổ biến trong môi trường vô chính phủ [10].

Từ đó, có thể nhận thấy rằng những ý tưởng và quan điểm của chủ nghĩa tự do có vai trò quan trọng không kém chủ nghĩa hiện thực đối với giới hoạch định chính sách Mỹ. Trong quá trình nghiên cứu, vận dụng những lý thuyết tự do, giới hoạch định và thực thi chính sách đối ngoại của Mỹ thường tìm thấy những ý tưởng có ý nghĩa nền tảng, tạo cơ sở cho những động thái của quốc gia này, ví dụ: (i) Thuyết "Hòa bình dân chủ" - cơ sở cho chính sách thúc đẩy quá trình dân chủ hóa trên toàn thế giới đã được vận dụng bởi các Tổng thống như Bill Clinton và Geoge W. Bush. Dựa trên quan niệm này, Mỹ đã coi trọng sử dụng biện pháp chính trị, ngoại giao, kinh tế, để can dự vào nhiều quốc gia, khu vực trên khắp thế giới; (ii) trên cơ sở coi trọng vai trò của các thể chế quốc tế như LHQ, WB, IMF, WTO… Mỹ sử dụng các thể chế quốc tế phổ biến những luật chơi của mình nhằm gia tăng sức ảnh hưởng trong QHQT; (iii) trên cơ sở coi trọng vai trò và tầm ảnh hưởng của sự hợp tác trong việc hạn chế xung đột trong QHQT, Mỹ có xu hướng lôi kéo quốc gia đối thủ vào quĩ đạo và các luật chơi của Mỹ nhằm thúc đẩy sự phụ thuộc lẫn nhau để kiềm chế mối thách thức, đe dọa. Đó là lý do khiến Mỹ thường nhấn mạnh đến tầm quan trọng của các đồng minh khu vực trong tạo thế trận bao vây, kiềm chế Trung Quốc, điển hình là vai trò của nhóm Bộ Tứ (Mỹ, Nhật Bản, Australia và Ấn Độ) cùng các đồng minh, đối tác chủ chốt khác ở khu vực.

2.2.3.3. Chủ nghĩa kiến tạo (Constructivism)

Chủ nghĩa kiến tạo ra đời sau khi Chiến tranh Lạnh chính thức chấm dứt, để giải thích mối quan hệ giữa các quốc gia và trật tự quốc tế sau khi Liên Xô sụp đổ. Trên thực tế, sự phát triển của các lý thuyết QHQT đều được nảy sinh từ các phản ứng với chất xúc tác là sự kiện lịch sử: sự nổi lên của chủ nghĩa tự do sau Chiến tranh Thế giới thứ I, của chủ nghĩa hiện thực sau các khủng hoảng trong thời kỳ hưu chiến và sau Chiến tranh Thế giới thứ II, và của chủ nghĩa kiến tạo (constructivism) sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc. Việc Chiến tranh Lạnh chấm dứt đã làm xói mòn những luận giải của cả chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa hiện thực. Cả hai đều không thể tiên đoán cũng như nhận thức đầy đủ về sự biến chuyển mang tính hệ thống đang tái định hình trật tự thế giới cũng như sự chấm dứt của Chiến tranh Lạnh. Tình hình đó tạo điều kiện cho sự nổi lên của một trường phái mới: Chủ nghĩa kiến tạo [90].

Chủ nghĩa kiến tạo cho rằng bản sắc, các chuẩn tắc, niềm tin và các giá trị cũng mang tính cấu trúc và tạo ảnh hưởng mạnh mẽ lên các hoạt động chính trị - xã hội. Chủ nghĩa kiến tạo nhấn mạnh rằng tầm quan trọng của những cấu trúc chuẩn tắc tương đương nếu không nói là vượt trội hơn so với cấu trúc vật chất. Theo các nhà kiến tạo, mỗi quốc gia có một bản sắc quốc gia, hay cách quốc gia đó nhận thức về bản thân mình, và bản sắc quốc gia này giúp định hình các mục tiêu mà quốc gia đó theo đuổi, như an ninh, chính sách đối ngoại hay phát triển kinh tế. Tuy nhiên cách thức mà các quốc gia hiện thực hóa các mục tiêu này như thế nào lại phụ thuộc vào bản sắc xã hội, hay là cách các quốc gia nhận thức về bản thân mình trong mối quan hệ với các quốc gia khác trong xã hội quốc tế. Các quốc gia sẽ xác định lợi ích quốc gia của mình dựa trên cơ sở là những bản sắc này.

Các nhà kiến tạo thừa nhận rằng tình trạng vô chính phủ là điều kiện đặc trưng của hệ thống quốc tế, nhưng cho rằng, tự thân tình trạng vô chính phủ đó không tồn tại mặc nhiên bên ngoài ý thức của các quốc gia. Ví dụ, tình trạng vô chính phủ giữa những quốc gia hữu hảo khác với tình trạng vô chính phủ giữa những quốc gia đối địch. Vì vậy, điều quan trọng chính là những cấu trúc xã hội khác nhau tồn tại trong tình trạng vô chính phủ đó. Các quốc gia có thể có nhiều bản sắc xã hội khác nhau, và các bản sắc xã hội này có thể mang tính hợp tác hoặc

xung đột, và lợi ích của quốc gia cũng biến đổi tùy thuộc vào bản sắc xã hội mà quốc gia xác định tương ứng. Nói cách khác, các quốc gia xác định lợi ích của mình bằng cách diễn giải bối cảnh xã hội mà họ tham gia. Vì vậy, các nhà kiến tạo cho rằng bối cảnh Chiến tranh Lạnh giữa Mỹ và Liên Xô là một cấu trúc xã hội mà trong đó hai siêu cường coi nhau như kẻ thù, đồng thời xác định lợi ích quốc gia của mình theo hướng đối kháng nhau. Một khi hai quốc gia này không còn coi nhau là kẻ thù nữa thì Chiến tranh Lạnh tự động kết thúc.

Các phân tích trên cho thấy, trong khi các nhà hiện thực chủ nghĩa cho rằng các quốc gia theo đuổi quyền lực, và bản chất của hệ thống thế giới là "vô chính phủ" nên các quốc gia buộc phải thực thi chiến lược "tự cứu" (self-help), cạnh tranh quyền lực với các quốc gia khác để đảm bảo an ninh cho mình, phản ánh những quan điểm của chủ nghĩa duy vật, thì chủ nghĩa kiến tạo lại mang tính duy tâm chủ quan. Tức là các thực thể khách quan tốt hay không tốt là do quan niệm của mỗi người, mỗi cá nhân, đặc biệt là cá nhân lãnh đạo. Điều này góp phần giải thích những quyết định của D.Trump, một doanh nhân nói và làm theo lợi ích có tính toán, ngay khi lên nắm quyền đã có những phát biểu rất cứng rắn về Trung Quốc, thậm chí coi nước này là đối thủ cần phải kiềm chế một cách công khai. Trong tính toán của D.Trump, Trung Quốc đã được hưởng lợi quá nhiều từ hệ thống thương mại tự do toàn cầu, mà Mỹ là nạn nhân số một. Trung Quốc đã làm cho thương mại mất cân bằng. Trong quan hệ với Mỹ thặng dư thương mại của Trung Quốc luôn lớn hơn. Đó chính là đặc điểm và bản sắc của cá nhân Tổng thống D.Trump. Bên cạnh đó, chủ nghĩa kiến tạo khuyến khích xây dựng cộng đồng với bản sắc chung, dẫn đến nhận thức chung, lợi ích chung và cộng đồng an ninh chung vì cho rằng những quốc gia khác bản sắc dễ dẫn đến va chạm. Chỉ khi các quốc gia phải điều chỉnh bản sắc của mình để thích nghi với bản sắc của quốc gia khác, các nguy cơ về an ninh mới giảm bớt. Đó cũng là lý do vì sao Mỹ lựa chọn Ấn Độ, quốc gia dân chủ lớn nhất thế giới là một trong nhóm Bộ Tứ (bên cạnh Australia và Nhật Bản) làm trụ cột cho Chiến lược ẤĐD-TBD để mở rộng khía cạnh dân chủ trong Chiến lược của mình nhằm cạnh tranh với Trung Quốc. Như vậy có thể thấy, dù không một lý thuyết QHQT nào có thể độc lập lý giải toàn bộ sự hình thành Chiến lược ẤĐD-TBD của Mỹ dưới thời D.Trump, nhưng mỗi lý

thuyết đều đưa ra được những luận điểm thuyết phục làm căn cứ cho từng khía cạnh cụ thể. Điều này có thể được hiểu là do quyết định đi đến hình thành Chiến lược của Mỹ phụ thuộc vào nhiều cơ sở lý luận đến từ các trường phái khác nhau.

Bảng 2.1. Khung lý thuyết để phân tích và tìm hiểu Chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở của Mỹ

Chủ nghĩa hiện thực và tân hiện thực	
Luận điểm chính:	***Áp dụng vào để phân tích:***
- Coi môi trường quốc tế là vô chính phủ, lợi ích quốc gia là quan trọng nhất và là định hướng, ưu tiên cho chính sách đối ngoại. Quyền lực không chỉ là mục đích mà cũng là phương tiện của chính sách đối ngoại. - Hòa bình chỉ có thể đạt được thông qua chiến tranh, gây hấn và các biện pháp mang tính cưỡng bức khác, trong đó có các biện pháp trừng phạt, cấm vận kinh tế. - Thuyết "cân bằng quyền lực" trong môi trường chính trị quốc tế ám chí dù tranh giành quyền lực giữa các quốc gia trong QHQT là bất biến nhưng chiến tranh và bạo lực có thể được kiềm chế khi sự phân chia quyền lực trong môi trường chính trị quốc tế đạt được trạng thái "cân bằng". - Chủ nghĩa tân hiện thực cho rằng trong hệ thống vô chính phủ thì sự phân bổ quyền lực tương đối giữa các quốc gia trong hệ thống là nhân tố trọng yếu	- Chiến lược an ninh quốc gia Mỹ năm 2017 xác định "duy trì hòa bình thông qua sức mạnh" (Preserve peace through strength) là một trong bốn trụ cột quan trọng nhất. Mỹ luôn đặt lợi ích quốc gia của mình lên trên hết trong quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại. Điều này được thể hiện rõ trong khẩu hiểu "nước Mỹ trên hết" của D.Trump. - Trong các lợi ích quốc gia của Mỹ, lợi ích về an ninh và lợi ích về kinh tế, là các lợi ích có ý nghĩa bảo vệ sự tồn vong và thúc đẩy sự thịnh vượng của Mỹ. Dựa trên các tính toán lợi ích an ninh và kinh tế, các chính quyền Mỹ xác định các mục tiêu lớn về đối ngoại. Mỹ luôn chú trọng các công cụ quân sự và kinh tế, tìm kiếm quyền lực, lợi ích và ảnh hưởng quốc tế chủ yếu thông qua hai công cụ này. - Mỹ luôn tìm cơ hội mở rộng, gia tăng tầm ảnh hưởng của mình, xây dựng các

đối với an ninh của quốc gia. Càng có nhiều quyền lực thì vị trí của quốc gia trong hệ thống thế giới càng cao và an ninh của quốc gia đó càng được đảm bảo. Vì thế mọi quốc gia đều tìm cách nâng cao quyền lực. - Thuyết "ổn định bá quyền" cho rằng ổn định và hợp tác trong QHQT có thể đạt được với sự xuất hiện của một nước bá quyền. Quốc gia bá quyền sẽ tìm cách giảm thiểu mối đe dọa tới vị thế của mình bằng cách ngăn chặn trước các hành động nguy hiểm tiềm tàng chứ không chờ đợi cho đến khi mối đe dọa vượt quá khả năng kiểm soát của mình.	mối liên minh, hợp tác với các quốc gia cường quốc khác tại khắp các châu lục và đại dương, trong đó có khu vực ÁĐD-TBD. - Hình thành Chiến lược ÁĐD-TBD tự do và rộng mở với mục tiêu công khai nhằm tập hợp lực lượng kiềm chế Trung Quốc theo mô hình "mạng lưới an ninh có nguyên tắc", gồm những nước cùng có lo ngại về một Trung Quốc trỗi dậy và cần đến sự can dự của Mỹ. Từ đó thực hiện tham vọng thiết lập một trật tự khu vực mà trong đó các chủ thể tuân theo luật chơi và sự chi phối của "bá quyền Mỹ".
Chủ nghĩa tự do và tân tự do	
Luận điểm chính:	***Áp dụng vào để phân tích:***
- Bên cạnh các chủ thể quốc gia, các chủ thể phi quốc gia cũng đóng vai trò tương ứng trong chính trị quốc tế. - Trong môi trường vô chính phủ của QHQT, xung đột không phải là hình thái duy nhất mà vẫn có chỗ cho sự hợp tác. Nhờ đề cao giá trị của hòa bình, nhu cầu thịnh vượng, hội nhập kinh tế, phát huy các giá trị dân chủ tự do và vai trò của các thể chế quốc tế,… các quốc gia sẽ có lợi ích từ việc hợp tác với nhau. - Thuyết "Hòa bình dân chủ" cho rằng giữa các nước dân chủ sẽ ít có khả năng	- Dựa trên thuyết "Hòa bình dân chủ", Mỹ đã coi trọng sử dụng biện pháp chính trị, ngoại giao, kinh tế, để can dự vào nhiều quốc gia, khu vực trên khắp thế giới; - Trên cơ sở coi trọng vai trò của các thể chế quốc tế như LHQ, WB, IMF, WTO… Mỹ sử dụng các thể chế quốc tế phổ biến những luật chơi của mình nhằm gia tăng sức ảnh hưởng trong QHQT. - Mỹ lôi kéo quốc gia đối thủ vào quĩ đạo và các luật chơi của Mỹ nhằm thúc

xảy ra chiến tranh hơn bởi các nước này thường có những quan điểm tương đồng về văn hóa và các giá trị chung.	đẩy sự phụ thuộc lẫn nhau để kiềm chế mối thách thức, đe dọa. Đó là lý do Mỹ thường nhấn mạnh đến tầm quan trọng của các đồng minh khu vực trong tạo thế trận bao vây, kiềm chế Trung Quốc, điển hình là vai trò của nhóm Bộ Tứ (Mỹ, Nhật Bản, Australia và Ấn Độ), Ngũ Nhãn, AUKUS… cùng các đồng minh, đối tác chủ chốt khác ở khu vực.
Chủ nghĩa kiến tạo	
Luận điểm chính:	***Áp dụng vào để phân tích:***
- Bản sắc, các chuẩn tắc, niềm tin và các giá trị cũng mang tính cấu trúc và tạo ảnh hưởng mạnh mẽ lên các hoạt động chính trị - xã hội. Mỗi quốc gia có một bản sắc riêng, giúp định hình các mục tiêu mà quốc gia đó theo đuổi, như an ninh, đối ngoại hay phát triển kinh tế. Khuyến khích xây dựng cộng đồng với bản sắc chung, dẫn đến nhận thức chung, lợi ích chung và cộng đồng an ninh chung vì cho rằng những quốc gia khác bản sắc dễ dẫn đến va chạm. - Các thực thể khách quan tốt hay không tốt là do quan niệm của mỗi người, mỗi cá nhân, đặc biệt là cá nhân lãnh đạo.	- Dựa trên giá trị về bản sắc chung của Chủ nghĩa kiến tạo, Mỹ lựa chọn Ấn Độ, quốc gia dân chủ lớn nhất thế giới là một trong nhóm Bộ Tứ (bên cạnh Australia và Nhật Bản) làm trụ cột cho Chiến lược ẤĐD-TBD để mở rộng khía cạnh dân chủ trong Chiến lược của mình nhằm cạnh tranh với Trung Quốc. - D.Trump, một doanh nhân nói và làm theo lợi ích có tính toán, ngay khi lên nắm quyền đã có những phát biểu rất cứng rắn về Trung Quốc, thậm chí coi nước này là đối thủ cần phải kiềm chế một cách công khai, cho thấy cách tiếp cận khác với người tiền nhiệm Obama.

2.2. CƠ SỞ THỰC TIỄN CỦA VIỆC HÌNH THÀNH CHIẾN LƯỢC

2.2.1. Yêu cầu của tình hình thực tế

2.2.1.1. Vai trò của ẤĐD-TBD và tình hình khu vực

- Tầm quan trọng của khu vực ẤĐD-TBD đối với Mỹ

Từ năm 2011, thuật ngữ "ẤĐD-TBD" đã được sử dụng thường xuyên bởi các nhà phân tích chiến lược, quan chức cấp cao và lãnh đạo quân đội ở Australia, Nhật Bản và Mỹ. Tuy nhiên, ẤĐD-TBD chỉ được định hình một cách cụ thể và chính thức trong Sách trắng Quốc phòng Australia năm 2013. Đến tháng 11/2017, tại Việt Nam, thuật ngữ này trở nên phổ biến khi D.Trump vạch ra tầm nhìn về một khu vực ẤĐD-TBD tự do và rộng mở nơi mà tất cả các quốc gia thịnh vượng ở cạnh nhau với tư cách là các quốc gia độc lập, có chủ quyền. Khi đó, khái niệm "ẤĐD-TBD" đã mang đến sự thay đổi trong "bản đồ tư duy" về thế giới dưới góc nhìn chiến lược. Sở dĩ có sự kết nối này là vì Mỹ chú ý đến sự trỗi dậy của Ấn Độ và sự liên quan ngày càng tăng của Ấn Độ Dương như là một tuyến thương mại cho dòng năng lượng của Trung Quốc, Nhật Bản và các nước ASEAN. Các hoạt động Hải quân gia tăng của Trung Quốc ở Ấn Độ Dương cũng như tham vọng BRI khiến Mỹ phải nhìn nhận lại chiến lược của mình. Lầu Năm góc sau đó đã đưa ra ý tưởng liên kết hai đại dương - TBD và ẤĐD - và khái niệm ẤĐD-TBD của Mỹ đã bước đầu được hình thành.

Giống như mọi không gian tưởng tượng khác, ẤĐD-TBD là khái niệm vẫn đang gây tranh cãi. Tuy nhiên, có thể xác định đây là một khu vực rộng lớn. Về không gian địa lý, ẤĐD-TBD được hiểu rộng ra là một vùng không gian liên thông giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương. Sự mở rộng của nó trải dài từ bờ biển phía Đông của châu Phi đến bờ biển phía Tây của Mỹ. Về mặt chiến lược, ẤĐD-TBD được coi là một dải liên tục xuyên suốt hai đại dương nối với nhau bằng kênh thương mại chính, eo biển Malacca [109]. Theo Chiến lược An ninh Quốc gia năm 2017 của Mỹ thì ẤĐD-TBD là khu vực trải dài từ bờ biển phía Tây của Ấn Độ đến bờ biển phía Tây của Mỹ, đại diện cho phần đông dân và năng động về kinh tế nhất của thế giới [103].

ẤĐD-TBD đóng vai trò quan trọng, nếu không muốn nói là trọng yếu đối với an ninh và phát triển của nước Mỹ. Xét dưới góc độ an ninh - nhu cầu thiết yếu

nhất đối với một quốc gia - ĂĐD-TBD là khu vực có ảnh hưởng lớn đến an ninh của Mỹ. Vị trí địa lý tự nhiên đã quyết định Mỹ là một quốc gia thuộc khu vực ĂĐD-TBD và bản thân Mỹ vẫn luôn xác định mình đã và luôn sẽ là một quốc gia Thái Bình Dương [102]. Chính vì vậy, mọi thay đổi trong tình hình an ninh của ĂĐD-TBD sẽ tác động trực tiếp đến Mỹ. Đặc biệt, khi đây là khu vực rộng lớn, bao gồm nhiều quốc gia và các quốc gia đa dạng về tính chất dẫn đến tình hình an ninh cực kỳ phức tạp. Vì lý do này, việc tạo lập một trật tự khu vực ổn định do mình đóng vai trò chi phối sẽ đảm bảo cho lợi ích thiết thân của Mỹ. Đồng thời, đây cũng là yếu tố thúc đẩy việc hoạch định một chiến lược riêng cho khu vực của cường quốc số một thế giới này.

Về kinh tế

Không chỉ quan trọng về mặt an ninh, đối với nhu cầu phát triển của Mỹ, ĂĐD-TBD cũng đóng vai trò quan trọng. ĂĐD-TBD là khu vực tập trung các nền kinh tế phát triển năng động của thế giới. Có hơn một nửa hoạt động kinh tế trên thế giới được tiến hành tại khu vực này. Goldman Sachs trong báo cáo vào năm 2005 đã cho rằng trung tâm kinh tế trọng điểm sẽ chuyển sang CÁ-TBD vào năm 2050. Ba trong số bốn nền kinh tế lớn nhất thế giới sẽ là các nền kinh tế châu Á: Trung Quốc, Nhật Bản và Ấn Độ [83]. Lợi ích kinh tế nói riêng và sự phát triển của Mỹ nói chung có liên quan lớn đến khu vực này.

Chính vì lợi ích mà sự can dự của Mỹ vào khu vực này đã xuất hiện từ nhiều thế kỷ trước. Bắt đầu với việc vào tháng 2/1784, tàu Empress of China rời bến cảng New York, đi về phía Đông đến Trung Quốc. Con tàu quay trở lại Mỹ vào tháng 5 năm sau với một lô hàng Trung Quốc và đã tạo ra lãi 30.000 USD. Kể từ đó, Mỹ bắt đầu là một thế lực thương mại ở khu vực ĂĐD-TBD. Năm 1844, Trung Quốc cấp các quyền kinh doanh cho Mỹ trong Hiệp ước Wanghia. Tiếp đó, Hiệp ước Kanagawa, năm 1854 cấp quyền tiếp cận thị trường Nhật Bản cho Mỹ, mở ra cảng Shimoda và Hakodate, và cung cấp sự bảo vệ cho các thủy thủ Mỹ bị đắm tàu. Thương mại của Mỹ với Đông Á nhanh chóng mở rộng, đặc biệt với Trung Quốc. Đến năm 1977, châu Á đã vượt qua châu Âu với tư cách là đối tác thương mại hàng đầu của Mỹ. Kể từ đó đến nay, liên tục trong hơn ba thập kỷ khu vực này là đối tác kinh tế quan trọng nhất của Mỹ.

An ninh và thịnh vượng của Mỹ ngày càng phụ thuộc vào sự phát triển của ÁĐD-TBD. Mặc dù, cho đến cuối năm 2000, châu Âu và Mỹ tiếp tục vẫn duy trì đầu mối các hoạt động kinh tế trọng tâm. Tuy nhiên, với sự thay đổi trong thế kỷ XXI, người ta đã nhận ra rằng trung tâm các hoạt động kinh tế đang chuyển dịch từ Tây sang Đông. "Địa Trung Hải là đại dương của quá khứ, Đại Tây Dương là đại dương của hiện tại và Thái Bình Dương là đại dương của tương lai" [70]. Thương mại của Mỹ với khu vực tăng từ 300 tỷ USD năm 1991 lên 900 tỷ USD trong 2006, phần lớn là hàng hóa và dịch vụ được sản xuất có giá trị gia tăng cao hơn [57].

Đối với Mỹ, kể từ năm 2000, châu Á đã trở thành nguồn nhập khẩu lớn nhất và thị trường xuất khẩu lớn thứ hai (bên ngoài Bắc Mỹ). Đến năm 2010, chỉ riêng châu Á đã chiếm 32,2% tổng số thương mại hàng hóa trên toàn thế giới. Tổng kim ngạch xuất khẩu của Mỹ sang châu Á đạt 457,2 tỷ USD vào năm 2012. Cũng trong năm này, thương mại giữa Mỹ với châu Á đạt tổng doanh thu 14,2 nghìn tỷ USD [119]. Năm 2017, ÁĐD-TBD có 4 nền kinh tế nằm trong top 10 các đối tác thương mại của Mỹ là Trung Quốc (số 1), Nhật Bản (số 4), Hàn Quốc (số 6) và Ấn Độ (số 9) [29]. Mỹ giao dịch với Hàn Quốc nhiều hơn với Đức, với Singapore nhiều hơn với Pháp và với Nhật Bản nhiều hơn so với Anh, Đức và Pháp cộng lại. ÁĐD-TBD cũng là thị trường xuất khẩu quan trọng nhất - 9 trong số 20 thị trường xuất khẩu quốc gia hàng đầu của Mỹ hiện đang ở ÁĐD-TBD và khoảng một phần ba tổng doanh số bán hàng ở nước ngoài của Mỹ là đến châu Á. Theo thống kê của chính phủ Mỹ, điều này chuyển thành 4,6 triệu việc làm trong nước mỗi năm. Theo thời gian, mối quan hệ kinh tế và thương mại của Mỹ với khu vực ÁĐD-TBD đang ngày càng sâu sắc hơn. Vì vậy, ngoài yếu tố an ninh - chính trị, việc Mỹ đặt trọng tâm chiến lược ở khu vực ÁĐD-TBD xuất phát từ lí do kinh tế. Kurt M. Campbell, nguyên Trợ lý Ngoại trưởng Mỹ (đến thời Joe Biden được bổ nhiệm là điều phối viên phụ trách khu vực châu Á thuộc Nhà Trắng) cho rằng "Mỹ đã mất quá nhiều thời gian, nguồn lực vào khu vực Trung Đông và Nga mà quên đi rằng CÁ-TBD là khu vực quan trọng nhất về chiến lược và kinh tế" [114].

Những số liệu trên đã cho thấy tầm quan trọng của khu vực ÁĐD-TBD đối với nền kinh tế Mỹ. Để đảm bảo lợi ích về mặt kinh tế thì việc can thiệp cũng như duy trì sự hiện diện của mình ở khu vực là điều thiết yếu đối với Mỹ. Nhằm tiếp

cận thị trường khu vực, cường quốc này đã hỗ trợ các nỗ lực trong Diễn đàn Hợp tác Kinh tế CÁ-TBD (APEC) và đã thúc đẩy mở rộng thương mại bằng cách tạo ra một Khu vực mậu dịch tự do CÁ-TBD và ký kết các hiệp định thương mại tự do với các nước trong khu vực như Australia, Singapore và Hàn Quốc...

Đặc biệt, với sự tự ý thức của giới cầm quyền rằng dù Mỹ vẫn là nền kinh tế lớn nhất và năng động nhất thế giới. Nhưng trong một thế giới liên kết, chúng ta cùng thăng trầm thì việc đảm bảo môi trường ổn định để phát triển kinh tế cũng là nhu cầu thiết yếu khác của Mỹ. Chính vì vậy, việc định hình khu vực và nắm vai trò điều phối là nhu cầu tự nhiên của cường quốc này và cũng là cơ sở cho việc chuyển trọng tâm chiến lược cũng như việc hình thành Chiến lược ÁĐD-TBD sau này, đúng như lời Tổng thống Obama đã khẳng định "Các lợi ích lâu dài của chúng tôi trong khu vực đòi hỏi sự hiện diện lâu dài của chúng tôi trong khu vực. Mỹ là một cường quốc ở Thái Bình Dương, và chúng tôi ở đây để ở lại" [102].

Về chính trị và quốc phòng, an ninh

Không chỉ nổi bật trong lĩnh vực kinh tế, khu vực ÁĐD-TBD còn nổi lên như một động lực chính của chính trị thế giới. Khu vực có ý nghĩa chiến lược này bao gồm nhiều cường quốc như Nhật Bản, Mỹ, Trung Quốc và Ấn Độ. ÁĐD-TBD còn bao gồm 5 quốc gia có vũ khí hạt nhân, trong đó có Trung Quốc và Nga (cả hai đều là những thành viên thường trực của HĐBA LHQ), Ấn Độ, Pakistan và Triều Tiên [29]. Tầm quan trọng của ÁĐD-TBD đối với Mỹ có thể được nhận rõ thông qua những lợi ích của siêu cường này ở khu vực:

- Các tuyến đường biển tự do và an toàn ở ÁĐD-TBD

Mối quan tâm cốt lõi của Mỹ là duy trì sự an toàn và các tuyến đường biển an toàn kết nối Mỹ với các đồng minh ở Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương. Việc đảm bảo các tuyến đường biển thông suốt có liên quan mật thiết đến lợi ích kinh tế của Mỹ. Nếu các tuyến đường hiện nay bị gián đoạn, tuyến đường thay thế đi qua eo biển Torres, nằm giữa Papua New Guinea và Australia, sẽ đòi hỏi thời gian vận chuyển lâu hơn. Do đó, ÁĐD-TBD cung cấp một cầu nối quan trọng cho Mỹ. Không chỉ quan trọng từ quan điểm kinh tế mà còn đối với quân sự, với các tuyến đường biển ở khu vực, trong một thời gian rất ngắn lực lượng Mỹ có thể đến tới Đông Á, Nhật Bản, Biển Đỏ, Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương, Vịnh Ba Tư và

thậm chí cả châu Âu. Ngoài hai lý do trên, Mỹ cũng quan tâm đến việc đảm bảo nguồn cung dầu thông suốt cho các đồng minh Đông Á mạnh nhất là Hàn Quốc và Nhật Bản. Thêm vào đó, việc kiểm soát các tuyến đường còn có ý nghĩa chiến lược đối với Mỹ trong việc duy trì một vị thế có thể mặc cả với Trung Quốc. Bất cứ ai kiểm soát Eo biển Malacca và Ấn Độ Dương có thể đe dọa đường cung cấp dầu của Trung Quốc.

Một trong những vùng biển quan trọng ở ÁĐD-TBD với các tuyến đường nhộn nhịp là Biển Đông. Về mặt chiến lược và chính trị, Biển Đông rất quan trọng với nguồn tài nguyên hàng hải phong phú quyền sở hữu và không gian lãnh thổ mà vùng biển này có khả năng tạo ra. Xét về mặt an ninh, các vùng biển Đông Nam Á là nơi lý tưởng cho các căn cứ quân sự. Bằng cách kiểm soát eo biển Malacca, các lực lượng có thể được triển khai từ Thái Bình Dương đến Ấn Độ Dương và sau đó đến Vùng Vịnh trong một khoảng thời gian ngắn. Đồng thời, tạo điều kiện cung cấp dịch vụ hậu cần sẵn có cho các đội tàu hoạt động ở Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương, Biển Đông và giúp ngăn chặn kẻ thù hoạt động tự do trong khu vực này. Với một cường quốc Thái Bình Dương như Mỹ, lợi ích mà Biển Đông mang lại không đến trực tiếp từ nguồn tài nguyên dồi dào của vùng biển này mà xuất phát từ tự do hàng hải và hàng không cũng như việc ngăn cản sự kiểm soát khu vực của Trung Quốc.

Về phía nam, các quốc đảo Thái Bình Dương cũng đóng vai trò quan trọng đối với Mỹ. Sau chiến tranh, Mỹ quản lý một số quần đảo Thái Bình Dương theo một thỏa thuận với LHQ, bao gồm ba quốc gia độc lập hiện nay là Palau, Quần đảo Marshall và Liên bang Micronesia. Mỹ duy trì một mối quan hệ đặc biệt với cả ba quốc gia, bao gồm cả quan hệ quân sự. Ví dụ, quần đảo Marshall, là địa điểm thử nghiệm tên lửa phòng thủ đạn đạo Ronald Reagan, nơi đặt các trung tâm radar khu vực và các bãi phóng. Các nhà hoạch định chiến lược của Mỹ luôn nhận thức được tầm quan trọng của các đảo Thái Bình Dương đối với an ninh khu vực, phát triển lý thuyết chuỗi đảo phòng thủ và tập trung các bang tạo thành tuyến phòng thủ chuỗi đảo thứ hai. Hiện diện, thậm chí nắm vai trò kiểm soát các chuỗi đảo thứ hai sẽ góp phần giúp Mỹ duy trì quyền tự do hàng hải và hàng không tại khu vực này.

- Cơ sở để ngăn chặn các mối đe dọa từ xa

Phổ biến vũ khí hạt nhân trong khu vực là một mối đe dọa đối với Mỹ và toàn thế giới. Cuộc khủng hoảng hạt nhân trên Bán đảo Triều Tiên vào năm 1994, khủng hoảng tên lửa ở eo biển Đài Loan năm 1996 và vụ phóng tên lửa Taepo Dong của Triều Tiên vào Nhật Bản năm 1998 đã làm ảnh hưởng đến lợi ích an ninh của Mỹ cũng như các đồng minh của Mỹ. Các di sản của Chiến tranh Lạnh ở châu Á như quan hệ Trung Quốc - Đài Loan và sự chia rẽ Bán đảo Triều Tiên, với việc Triều Tiên hiện sở hữu năng lực hạt nhân - tiếp tục đặt ra những thách thức đối với an ninh của Mỹ. Gần đây, vào năm 2016 và 2017, Triều Tiên đã tiến hành các vụ thử tên lửa và ba vụ thử vũ khí hạt nhân, chứng minh nước này có thể có khả năng tấn công lục địa Mỹ bằng một tên lửa đạn đạo mang đầu đạn hạt nhân. Sự trỗi dậy của Trung Quốc cũng là nỗi lo lớn với Mỹ. Năm 2017, Trung Quốc là nước chi tiêu quốc phòng lớn thứ hai thế giới, chỉ sau Mỹ. Sự trỗi dậy của Trung Quốc cũng như các nhân tố bất định ở ÁĐD-TBD khác như Triều Tiên là những nguy cơ an ninh tiềm ẩn đối với Mỹ. Nếu trong quá khứ, đại dương và khoảng cách giữa các lục địa có thể góp phần bảo vệ nước Mỹ khỏi những nguy cơ an ninh này thì hiện nay, với sự phát triển của khoa học, công nghệ, sự tách biệt nhờ vị trí địa lý không còn là một lợi thế. Chính vì vậy, việc trở lại ÁĐD-TBD và đảm bảo quyền lực cũng như sự hiện diện trong khu vực được duy trì nhằm kiểm soát, kiềm chế các đối thủ là một cách phòng thủ từ xa của Mỹ.

- Các đồng minh quân sự truyền thống

Năm trong số các đồng minh quân sự quan trọng của Mỹ nằm ở ÁĐD-TBD: Australia, Nhật Bản, Philippines, Hàn Quốc và Thái Lan. Mỹ dựa vào một loạt các liên minh song phương với Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia, Philippines và Thái Lan để đảm bảo lợi ích của mình không chỉ ở khu vực ÁĐD-TBD mà trên toàn thế giới. Trong Chiến tranh Lạnh, cấu trúc liên minh là liên kết quan trọng trong chiến lược ngăn chặn cộng sản toàn cầu của Mỹ. Sau Chiến tranh Lạnh, các liên minh cũng cho phép Mỹ duy trì một sự hiện diện đáng kể và ổn định cán cân quyền lực ở khu vực. Có thể nói, những đồng minh thuộc khu vực ÁĐD-TBD này là những cơ sở cung cấp sự hỗ trợ lớn cho việc thiết lập bá quyền toàn cầu của Mỹ.

- Vai trò đối với an ninh năng lượng khu vực

ÁĐD-TBD nắm giữ những con đường giao thương lý tưởng của quốc tế.

Trong đó, năm tuyến đường biển chính đi xuyên qua các chuỗi đảo là eo biển Malacca, Lombok, Ombai-Wetar, Makassar và Biển Đông được mô tả bởi Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) là vị trí án ngữ (chokepoint) hàng hải quan trọng ở châu Á. Đặc biệt, eo biển Malacca - eo biển nhộn nhịp thứ hai trên thế giới (sau eo biển Hormuz), được coi là yết hầu của thế giới. Eo biển Malacca, nằm giữa các đường bờ biển của Malaysia, Thái Lan và Singapore từ phía Đông và Đảo Sumatra của Indonesia từ phía Tây, là một trong những tuyến đường vận chuyển quan trọng nhất trên thế giới. Thiếu tá Victor Huang của Hải quân Singapore đã viết trong bài báo "Xây dựng an ninh hàng hải ở Đông Nam Á" khẳng định, "một phần ba thương mại của thế giới và một nửa lượng dầu của nó đi qua eo biển Malacca và Singapore nói riêng" [67]. Báo cáo mang tên "Luật Hàng hải và Chính sách về an ninh năng lượng ở châu Á" của Jin Cheng và Kevin X.Li cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của Malacca với "gần 50% lượng dầu thô của thế giới, 66% khí đốt tự nhiên và 40% thương mại của thế giới được vận chuyển qua con đường hẹp này" [61]. Sự phụ thuộc vào tuyến đường vận chuyển dầu này dự kiến sẽ ngày càng tăng trong tương lai. Theo EIA, vào năm 2011, có khoảng 14,5 triệu thùng dầu thô đi qua eo biển Malacca mỗi ngày, đến năm 2016 con số này tăng lên 16 triệu thùng. Theo nhu cầu năng lượng ngày càng cao, con số này vẫn sẽ tiếp tục tăng lên trong tương lai gần. Nguồn cung bổ sung có thể đến từ Trung Đông và châu Phi cũng sẽ đi qua eo biển chiến lược Malacca. Nếu khủng hoảng nổ ra ở đây, các loại tàu biển phải chạy theo đường mới hoặc vòng qua Nam Australia thì cước phí vận tải thậm chí sẽ tăng gấp năm lần. Do đó, khu vực này hết sức quan trọng về địa - chiến lược, an ninh, giao thông hàng hải và kinh tế, đặc biệt là với an ninh năng lượng. Việc đảm bảo an ninh, an toàn cho các tuyến đường giao thông huyết mạch Biển Đông và eo Malacca là tối quan trọng đối với an ninh và phát triển của các nước trong khu vực cũng như trên thế giới, trong đó có các đồng minh và bản thân nước Mỹ.

- Chi tiêu quốc phòng ngày càng tăng phản ánh môi trường an ninh bất ổn ở khu vực

Thống kê trong 3 năm 2015, 2016, 2017, thời điểm trước khi Mỹ công bố Chiến lược ÁĐD-TBD cho thấy, chi tiêu quốc phòng khu vực ÁĐD-TBD có mức

tăng đáng kể. Điều này có thể được xem là cơ sở thúc đẩy việc hoạch định và triển khai Chiến lược, đặc biệt ở khía cạnh an ninh quân sự.

Theo báo cáo của Viện Nghiên cứu hòa bình quốc tế Stockhom (SIPRI), chi tiêu quốc phòng của khu vực ÁĐD-TBD năm 2015 tăng 5,4% so với năm 2014 và tăng 64% trong giai đoạn từ năm 2006 đến 2015, đạt 436 tỷ USD. Trong đó, Trung Quốc có mức chi tiêu quốc phòng cao nhất, khoảng 215 tỷ USD, bằng 49% tổng chi tiêu quốc phòng toàn khu vực, gấp 4 lần Ấn Độ, nước cao thứ hai. Hầu hết các các nước trong khu vực đều tăng chi tiêu quốc phòng trong giai đoạn từ 2006 đến 2015 dù mỗi nước có mức gia tăng khác nhau. Theo đánh giá của SIPRI, xu hướng tăng chi tiêu quốc phòng trong năm 2015 xuất phát từ những căng thẳng xung quanh vấn đề Biển Đông, khiến các nước liên quan đều có mức tăng đáng kể: Indonesia tăng 16%, Philippines 25%, Việt Nam 7,6%. Ngay cả Nhật Bản cũng bắt đầu tăng chi tiêu quốc phòng sau nhiều năm suy giảm [95].

Bảng 2.2. Chi tiêu quốc phòng khu vực ÁĐD-TBD năm 2015

Khu vực	**Chi tiêu năm 2015 (tỷ USD)**	**Thay đổi (%)**	
		2014-2015	**2006-2015**
Toàn khu vực (trừ Mỹ)	*436*	*5,4*	*64*
Trung và Nam Á	68	0,9	44
Đông Bắc Á	302	5,7	75
Đông Nam Á	39,7	8,8	57
Châu Đại Dương	25,8	7,7	30

**** Nguồn:*** SIPRI FACT SHEET 2016

Năm 2016, xu hướng tăng chi tiêu quốc phòng ở khu vực ÁĐD-TBD tiếp tục được củng cố, với mức tăng 4,6% so với năm 2015. Chỉ tiêu quốc phòng của khu vực giai đoạn 2007-2016 tăng 64%. Năm 2015-2016, chi tiêu quốc phòng tăng ở hầu hết các tiểu vùng, từ 1,7% ở khu vực châu Đại Dương đến 6.4% ở khu vực Trung và Nam Á. Từ 2007-2016, Đông Á có mức tăng mạnh nhất trong số các tiểu vùng, tới 74%. 5 trong số 15 quốc gia chi tiêu quốc phòng lớn nhất thế giới là ở ÁĐD-TBD, gồm Trung Quốc, Hàn Quốc và 3 trong 4 nước thuộc nhóm Bộ Tứ là Ấn Độ, Nhật Bản và Australia. Các thách thức buộc các nước phải tăng chi tiêu quốc phòng năm 2016 gồm bán đảo Triều Tiên, Biển Đông, biển Hoa Đông, tranh

chấp giữa Ấn Độ và Pakistan cũng như giữa Ấn Độ với Trung Quốc [96].

Bảng 2.3. Chi tiêu quốc phòng khu vực ÁĐD-TBD năm 2016

Khu vực	**Chi tiêu năm 2016 (tỷ USD)**	**Thay đổi (%)**	
		2015-2016	**2007-2016**
Toàn khu vực (trừ Mỹ)	*450*	*4,6*	*64*
Trung và Nam Á	73,3	6,4	51
Đông Bắc Á	308	4,3	74
Đông Nam Á	41,9	5,1	47
Châu Đại Dương	26,6	1,7	27

**** Nguồn:*** SIPRI FACT SHEET 2017

Sang năm 2017, tổng chi tiêu quân sự khu vực ÁĐD-TBD đạt 477 tỷ USD, tăng 3,6% so với năm 2016 và 59% so với năm 2008. Đây là khu vực chi tiêu quốc phòng lớn thứ 2 thế giới, chiếm 27% tổng số chi tiêu quốc phòng toàn cầu. Giai đoạn từ năm 2008 đến 2017, mức tăng chi tiêu quốc phòng của các tiểu vùng đều tăng, từ mức 32% của châu Đại Dương đến 68% ở Đông Á. Chi tiêu quốc phòng toàn ÁĐD-TBD từ chỗ chỉ chiếm 17% chi tiêu toàn cầu năm 2008 đã lên đến 27% năm 2017. Điều này chủ yếu là do sự gia tăng chi tiêu của Trung Quốc (từ 5,8% đến 13% chi tiêu toàn cầu giai đoạn này). Những điểm nóng về tranh chấp lãnh thổ, lãnh hải cũng như đe dọa hạt nhân vẫn là nguyên nhân chính [97].

Bảng 2.4. Chi tiêu quốc phòng khu vực ÁĐD-TBD năm 2017

Khu vực	**Chi tiêu năm 2017 (tỷ USD)**	**Thay đổi (%)**	
		2016-2017	**2008-2017**
Toàn khu vực (trừ Mỹ)	*477*	*3,6*	*59*
Trung và Nam Á	82,7	3,0	47
Đông Bắc Á	323	4,1	68
Đông Nam Á	41,1	0,1	39
Châu Đại Dương	29,9	-0,6	32

**** Nguồn:*** SIPRI FACT SHEET 2017

Từ những phân tích trên có thể nhận thấy xu hướng tăng cường tiềm lực quân sự rất rõ ở các nước thuộc ÁĐD-TBD. Từ các cường quốc cho đến các nước vừa và nhỏ khu vực đều chọn cho mình phương án tăng cường năng lực quân sự để

đảm bảo chủ quyền và lợi ích quốc gia trong một môi trường an ninh đầy phức tạp và biến động. Điều này đẩy ẤĐD-TBD vào một cuộc chạy đua vũ trang và khiến khu vực trở nên bất ổn hơn nữa. Là một quốc gia thuộc ẤĐD-TBD và đồng thời là một siêu cường thế giới, Mỹ không thể đứng ngoài làn sóng này. Việc đề ra và thực hiện Chiến lược ẤĐD-TBD có thể được xem như phản ứng chính sách của Mỹ đối với tình hình khu vực nhằm đảm bảo lợi ích của mình tại đây.

2.2.1.2. Sự trỗi dậy và cạnh tranh của Trung Quốc với Mỹ

Năm 1998, Đề án cho nước Mỹ trong thế kỷ mới (Project for the New American Century) từng đưa ra dự báo, đến năm 2017 Trung Quốc sẽ trở thành nguy cơ lớn nhất đối với an ninh của Mỹ [206]. Đến nay, nhận định này vẫn còn gây tranh cãi trong chính nội bộ Trung Quốc. Hiện có hai thuyết lưu hành về vị thế của Trung Quốc so với Mỹ. Đó là thuyết Trung Quốc đã vượt Mỹ của Giáo sư Hồ An Cương - Giám đốc Viện Nghiên cứu tình hình Trung Quốc thuộc Đại học Thanh Hoa, Bắc Kinh và thuyết Trung Quốc chưa vượt Mỹ. Theo thuyết Trung Quốc đã vượt Mỹ thì năm 2010, Trung Quốc đứng đầu thế giới trong lĩnh vực chế tạo và là công xưởng sản xuất lớn nhất thế giới; năm 2014, Trung Quốc có nền kinh tế lớn nhất thế giới và Trung Quốc bắt đầu tiến vào trung tâm vũ đài thế giới, phát huy vị thế lãnh đạo toàn cầu. Trong khi đó, những người theo thuyết Trung Quốc chưa vượt Mỹ, trong đó có Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và Thông tin Trung Quốc Miêu Vu, cho rằng còn lâu nước này mới đuổi kịp Mỹ. Miêu Vu đưa ra nhận định, trong lĩnh vực chế tạo, Trung Quốc chỉ mới đứng ở vị trí thứ 3, còn trong lĩnh vực khoa học - kỹ thuật, chỉ xếp ở cấp 4 trong 5 cấp bậc của thế giới. Tuy nhiên, dù theo thuyết nào thì một thực tế không thể phủ nhận là Trung Quốc đã chấm dứt kỷ nguyên "giấu mình chờ thời" và bắt đầu thể hiện chính sách chính trị cường quyền đối với thế giới - mà dấu hiệu đầu tiên là năm 2009, Bắc Kinh gửi tới Ủy ban ranh giới thềm lục địa của LHQ yêu sách "đường lưỡi bò" nhằm độc chiếm 90% diện tích Biển Đông; đồng thời, bắt đầu đưa ra yêu sách lãnh thổ với Ấn Độ và Nhật Bản [184]. Đối với Mỹ, Trung Quốc dưới thời Tập Cận Bình cũng đã không còn giấu giếm ý định trỗi dậy để đứng ngang hàng với siêu cường số một thế giới; hướng tới thiết lập trật tự thế giới mới "G-2", tức là Mỹ và Trung Quốc cùng là những nước lớn gánh vác trách nhiệm lãnh đạo thế giới.

Ngay từ khi lên nắm quyền, Tập Cận Bình đã đưa ra tầm nhìn về "giấc mộng Trung Hoa", hướng đến công cuộc phục hưng sự vĩ đại của nền văn minh và đất nước Trung Hoa[1]. Trung Quốc cũng xác định thời gian tới là "thời đại mới", thực hiện "hai mục tiêu 100 năm" (2021 và 2049) để hoàn thành "Giấc mộng Trung Hoa". Về quân sự, Tập Cận Bình tiến hành cải tổ Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc (PLA), đặt mục tiêu xây dựng PLA trở thành một quân đội có đẳng cấp thế giới theo phương châm "phú quốc, cường binh". Về tư tưởng, trong khi nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ (Tân Cương, Tây Tạng, Đài Loan, Biển Đông...) được tuyên bố là lợi ích cốt lõi của Trung Quốc, thì lần đầu tiên "lợi ích hải ngoại" (overseas interests) được đề cập tới trong Báo cáo Đại hội XIX. Những thay đổi từ Trung Quốc được xem là thách thức trực tiếp với vị thế siêu cường số một thế giới của Mỹ. Điều này đặc biệt thể hiện rõ trong sáng kiến tham vọng - BRI.

Sau khi trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới, Bắc Kinh ráo riết thực hiện đại chiến lược nhằm xây dựng trật tự thế giới mới theo "đồng thuận Bắc Kinh", thay thế "đồng thuận Washington" thông qua nhiều đại kế hoạch, trong đó, đóng vai trò then chốt là sáng kiến "Vành đai - Con đường" (gọi tắt là BRI - Belt and Road Initiative) và kế hoạch "Sản xuất tại Trung Quốc 2025" (Made in China 2025). Chính giới ở Mỹ và Phương Tây coi BRI và "Made In China 2025" là hai trụ cột của "trật tự thế giới mới kiểu Trung Quốc" [117]. BRI liên quan tới khoảng 75% nguồn tài nguyên thế giới; 62% dân số (4,5 tỷ người); 41% diện tích (khoảng 60 triệu km^2, trên tổng số 148 triệu km^2); 35% trao đổi thương mại thế giới, khoảng 30% GDP toàn cầu năm 2017 (29% năm 2016). Giá trị trao đổi thương mại giữa Trung Quốc và các nước thành viên tham gia BRI đạt 955 tỷ USD vào năm 2016 và dự kiến đạt 2.500 tỷ USD vào năm 2025. Tính đến năm 2020, đã có ít nhất là 60 thỏa thuận hợp tác đã được Trung Quốc ký kết với các nước (38 thỏa

[1] Chỉ trong vòng 5 năm từ khi lên nắm quyền, Tập Cận Bình đã đưa thực lực kinh tế Trung Quốc bước lên tầm cao mới, GDP từ 54.000 nghìn tỷ Nhân dân tệ tăng lên 82.700 nghìn tỷ Nhân dân tệ, bình quân tăng 7,1%/năm; chiếm tỷ trọng kinh tế thế giới từ 11,4% lên đến khoảng 15%, tỷ lệ đóng góp cho sự tăng trưởng kinh tế thế giới vượt 30%. Mạng lưới đường sắt cao tốc, thương mại điện tử, thanh toán di động, kinh tế chia sẻ, tổng chiều dài đường sắt cao tốc đi vào hoạt động từ hơn 9.000 km tăng lên 25.000 km, chiếm 2/3 tổng chiều dài đường sắt cao tốc trên thế giới; hơn 68 triệu người dân nghèo khó được thoát nghèo, tỷ lệ nghèo khó từ 10,2% giảm xuống còn 3,1%. Về kinh tế: bước đầu phát huy được tính đặc thù và đặc sắc của tư duy mới của Trung Quốc trong giai đoạn chuyển đổi tìm kiếm mô hình phát triển mới, giương ngọn cờ đầu tạo ra mô hình phát triển mới kiểu Trung Quốc, phù hợp với điều kiện của Trung Quốc.

thuận với các nước châu Âu) [155].

Về an ninh - chính trị và quân sự, BRI là sáng kiến mà trong đó, Trung Quốc sử dụng ảnh hưởng kinh tế để thúc đẩy quan hệ chính trị với nhiều nước. Vì tầm quan trọng của BRI, để bảo vệ sáng kiến này, nhiều chuyên gia Trung Quốc cho rằng, nước này cần thể hiện vai trò tích cực hơn trong các vấn đề an ninh khu vực thông qua việc đặt mục tiêu đảm bảo an ninh công cộng ở các khu vực khác nhau; nhấn mạnh tăng cường hợp tác an ninh với các nước lớn và các tổ chức khu vực khác trong các hoạt động cứu trợ và cứu nạn hàng hải [113]. Trung Quốc cũng có thể xem xét thành lập các quỹ an ninh khu vực để tài trợ cho hợp tác an ninh trong lĩnh vực an ninh phi truyền thống [112]. Trong lĩnh vực an ninh truyền thống, có ý kiến cho rằng Trung Quốc nên đóng vai trò trực tiếp hơn, như cần tăng cường sự hiện diện quân sự ở một mức thích hợp [64]. Một đề xuất đầy tham vọng khác là Trung Quốc tăng cường hợp tác với các nước BRI trong lĩnh vực vũ trụ và vệ tinh; sử dụng lợi thế về công nghệ vệ tinh quân sự, dân sự để thúc đẩy thực hiện các dự án BRI và tăng cường khả năng của PLA trong bảo vệ lợi ích quốc gia [46].

BRI cũng thúc đẩy sự quan tâm của Trung Quốc trong việc củng cố trật tự an ninh khu vực. BTQP Trung Quốc Ngụy Phượng Hòa, tháng 7/2019, khẳng định "BRI gắn với mong muốn mở rộng hiện diện quân sự của Quân giải phóng Nhân dân Trung Quốc ở nước ngoài" [157]. Đây là lý do quân đội Trung Quốc thúc đẩy xây dựng mối quan hệ mạnh mẽ và thực chất hơn với quân đội các nước khác. Vai trò chủ động của PLA trong các hoạt động quân sự bên ngoài, ví dụ như bảo vệ vận chuyển thương mại, cứu trợ thảm họa quốc tế, tập trận và các hoạt động chống khủng bố chung; đặc biệt trong các tình huống xung đột cũng được ủng hộ. Hải quân PLA được ghi nhận đã hoạt động ở các khu vực xa như Vịnh Guinea [63].

Các chuyên gia an ninh Trung Quốc còn đặc biệt quan tâm đến việc tìm kiếm một số quốc gia hoặc địa điểm mà nước này có thể mở rộng hợp tác an ninh thực chất hơn để bảo vệ BRI, gọi là các "trục" [72]. Một trục đó được xác định có thể là sự ủng hộ của một quốc gia, hoặc có thể là một căn cứ ở nước ngoài gần một cảng chính, có thể cung cấp hỗ trợ đáng kể cho BRI. Từ 2003-2004, Trung Quốc tập trung nhiều hơn vào xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng trọng yếu, nhấn mạnh vào các khu vực hàng hải quan trọng, đầu tư xây dựng cảng, tìm kiếm các

cung đường thay thế ở ÁĐD-TBD (xem Bảng 4).

Bảng 2.5. Các cảng do Trung Quốc đầu tư xây dựng ở khu vực ÁĐD-TBD

Năm	**Cảng**	**Quốc gia**
2007	Cảng Karachi	Pakistan
2009	Cảng Salalah	Oman
2010	- Cảng Yangon - Cảng Chititagong	- Myanmar - Bangladesh
2012	Cảng Victoria	Seychelles
2013	- Cảng Lagos - Cảng Gwanda - Cảng Vịnh Wavis - Cảng Aden - Cảng Dar-cs Salaam - Cảng Mombasu - Cảng Bagamoyo - Cảng Lamu	- Nigeria - Pakistan - Namibia - Yemen - Tanzania - Kenya - Tazania - Kenya
2014	Cảng Cape Town	Nam Phi
2015	Cảng Sao Tom và Principe	Vịnh Guinea
2016	- Cảng Darwin - Cảng Conakry	- Australia - Guinea
2017	- Cảng Luanda - Cảng Kyaukpyu - Cảng Hambatota - Cảng Djibouti - Sittwe - Morcsby	- Angola - Myanmar - Sri Lanka - Djibouti - Myanmar - Papua New Guinea
Đang xây dựng	- Cảng Ream - Malc	- Campuchia - Maldives

**** Nguồn:*** Atlantic Council

Phân tích trên cho thấy, BRI đã mở rộng lợi ích an ninh của Trung Quốc ở châu Á và vượt ra ngoài châu Á. Trung Quốc có thể tận dụng kết quả hợp tác và

niềm tin ngày càng tăng do BRI tạo ra để loại bỏ hệ thống an ninh song phương tập trung vào Mỹ nhằm mục đích cuối cùng là xây dựng một cộng đồng an ninh Đông Á. Năm 2014, tại Hội nghị về các biện pháp xây dựng niềm tin và hợp tác ở châu Á (CICA), trong một động thái được cho là nhằm làm suy yếu vai trò của Mỹ đối với an ninh châu Á, Tập Cận Bình đã đề xuất một tầm nhìn an ninh khu vực mới tập trung vào "châu Á cho người châu Á" [120].

Với những tham vọng như vậy, nhiều chuyên gia tin rằng BRI chủ yếu là một động thái địa chiến lược của Trung Quốc nhằm tăng cường can dự, chi phối khu vực ÁĐD-TBD. Vì vậy, ngay khi BRI có những bước đi cụ thể đầu tiên, giới quan sát đã cho rằng, Sáng kiến này có khả năng gây tổn hại đáng kể đến lợi ích địa chính trị của Mỹ. BRI có thể trở thành một thách thức lớn đối với "Hòa bình kiểu Mỹ" (Pax America), đặc biệt là vị trí chiến lược của Mỹ tại châu Á [28]; "thay đổi cục diện toàn cầu, chuyển trọng tâm chiến lược và thương mại sang khu vực Á-Âu và làm giảm tầm quan trọng đối với uy quyền tối cao của Hải quân Mỹ" [74] và "một trật tự Á-Âu sẽ gây thiệt hại cho lợi ích của Mỹ" [54]. Do đó, không có gì ngạc nhiên khi phản ứng nhất quán của Mỹ là không ủng hộ BRI. Năm 2017, Chiến lược An ninh Quốc gia của Mỹ đã ám chỉ rằng, BRI là nỗ lực của Trung Quốc nhằm "thay thế Mỹ ở khu vực ÁĐD-TBD, mở rộng phạm vi mô hình kinh tế do nhà nước điều hành và sắp xếp lại khu vực theo hướng có lợi cho Trung Quốc".

Bên cạnh BRI, thành quả hiện đại hóa Hải quân của Trung Quốc trong suốt 25 năm, từ giữa những năm 1990, cũng trở thành trọng tâm chú ý của Mỹ [30]. Chương trình hiện đại hóa Hải quân Trung Quốc diễn ra trên rất nhiều lĩnh vực, từ phát triển tàu chống tên lửa đạn đạo (ASBM), tàu chống tên lửa hành trình (ASCM), tàu ngầm, tàu mặt nước, tiêm kích cơ, phương tiện không người lái, đến chương trình hỗ trợ C4ISR (Chỉ huy và kiểm soát, liên lạc, máy tính, tình báo, trinh sát và giám sát). Hiện đại hóa Hải quân Trung Quốc cũng bao gồm các chương trình tăng cường năng lực hậu cần (như quân sự hóa các đảo nhân tạo trên Biển Đông, xây dựng cảng nước sâu lưỡng dụng dọc con đường tơ lụa trên biển trong khuôn khổ BRI...), phát triển học thuyết, tăng chất lượng nhân sự, giáo dục, đào tạo và diễn tập. Đi cùng với sự hiện đại hóa này, Trung Quốc có tham vọng đưa Hải quân tham gia vào lực lượng chống tiếp cận/ chống xâm nhập (A2/AD)

nhằm ngăn chặn sự can thiệp của Mỹ với một cuộc xung đột ở khu vực biển gần như đối với Đài Loan và một số đảo ở Biển Đông. Nhìn chung, Hải quân Trung Quốc hiện nay có khả năng tác chiến hiệu quả gần bờ và ngày càng có khả năng tác chiến tại các khu vực xa bờ hơn, bao gồm cả Tây Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương và vùng biển xung quanh châu Âu. Hải quân Trung Quốc cũng được cho là thách thức lớn nhất ở Tây Thái Bình Dương, đặc biệt trong kiểm soát khu vực biển xanh cũng như đe dọa vị thế của Hải quân Mỹ.

Với sự trỗi dậy mạnh mẽ trên nhiều mặt, đặc biệt là kinh tế và quân sự, cùng với đó là chính sách đầy tham vọng, Trung Quốc đã tạo nên mối lo ngại lớn, đe dọa trực tiếp vị trí bá quyền của Mỹ ở khu vực ÁĐD-TBD nói riêng và trên thế giới nói chung. Có thể nói, đối phó với sự thách thức từ Trung Quốc là một trong những yêu cầu thực tế cấp thiết thúc đẩy Mỹ hoạch định Chiến lược ÁĐD-TBD. Chiến lược này thể hiện với quốc tế, Chính quyền D.Trump có đối sách bài bản với Trung Quốc và quyết tâm thực hiện đối sách này. Qua đó, trấn an đồng minh và đối tác, phản bác dư luận về việc Mỹ hành động đơn phương, suy giảm quan tâm và không còn đủ năng lực để duy trì hiện diện và can dự tại khu vực. Đồng thời, cũng cho thấy Trung Quốc là trung tâm và là đối tượng chính của Chiến lược mà Mỹ đang triển khai tại khu vực ÁĐD-TBD.

2.2.1.3. Sự suy giảm lợi thế cạnh tranh sức mạnh quân sự của Mỹ

Trong hơn 70 năm, Mỹ đã thể hiện vị thế toàn cầu của mình thông qua việc duy trì một hệ thống cân bằng quyền lực theo hướng có lợi cho Mỹ ở những khu vực chiến lược như châu Âu, ÁĐD-TBD và Trung Đông. Trong đó, sức mạnh quân sự là cốt lõi nền tảng của chiến lược [38]. Tuy nhiên, sức mạnh và tầm ảnh hưởng của Mỹ đã bị suy giảm đáng kể trong hai thập kỷ qua. Mỹ đang phải đối mặt với một cuộc khủng hoảng về khả năng giải quyết các thách thức chiến lược, mà theo như đánh giá của Ủy ban Chiến lược Quốc phòng Mỹ thì lực lượng Quân đội Mỹ - xương sống giúp Mỹ duy trì khả năng ảnh hưởng toàn cầu, đã bị xói mòn đến một mức độ nguy hiểm [37]. RAND Corporation cũng cho rằng Quân đội Mỹ đã không thể theo kịp sự phát triển của các đối thủ chiến lược chủ chốt, không sẵn sàng để bảo vệ lợi ích của Mỹ và đồng minh, đối tác ở khu vực châu Âu và Đông Á, không được huấn luyện để chuẩn bị cho một cuộc chiến lớn [32]. Tóm lại, lực

lượng liên quân Mỹ, là sức mạnh tổng hợp của 5 quân binh chủng, không còn đủ nguồn lực, cơ cấu lực lượng, lợi thế công nghệ hay tầm nhìn để thực hiện các sứ mệnh toàn cầu. Khả năng duy trì sức mạnh để tạo thế cân bằng trước các đối thủ lớn trong khu vực đang bị chính các đồng minh Mỹ nghi ngờ [212].

Có 4 yếu tố tác động đến việc suy giảm sức mạnh quân sự của Mỹ ở khu vực ÁĐD-TBD và trên toàn cầu, trong đó đáng chú ý nhất là những hành vi phi chiến lược của cả hai đảng Dân Chủ và Cộng Hòa:

Một là, gần 2 thập kỷ chiến tranh liên miên ở Trung Đông đã gây tổn thất nghiêm trọng cho lực lượng liên quân Mỹ, khiến Mỹ không có khả năng sẵn sàng cho các cuộc cạnh tranh chiến lược với các cường quốc khác. Năm 2017, tình hình rơi vào khủng hoảng: Chỉ một phần ba lực lượng Lục quân ở cấp Lữ đoàn có khả năng sẵn sàng triển khai, chưa đến một nửa lực lượng Không quân có khả năng sẵn sàng cho một cuộc chiến với đối thủ ngang hàng, trong khi 53% số máy bay của Hải quân và Không quân Hải quân được cho là "không phù hợp để bay" [39].

Hai là, trong khi Mỹ đòi hỏi nhiều trách nhiệm hơn từ các lực lượng vũ trang, thì đồng thời lại thông qua các gói cắt giảm chi tiêu quốc phòng. Theo Đạo luật kiểm soát ngân sách năm 2011 - chi tiêu quốc phòng đã thực sự giảm từ mức cao nhất năm 2010 là 798,6 tỷ USD xuống còn 613,3 tỷ USD trong năm 2017. Quy mô ngân sách cho quốc phòng hàng năm cũng trở nên khó đoán định hơn và thường không được thông qua đúng thời hạn. Tất cả những tác động này làm trầm trọng thêm cuộc khủng hoảng sẵn có của Quân đội Mỹ. Kết quả, thời điểm năm 2016, chỉ số sức mạnh của cả Hải, Lục, Không quân Mỹ đều xuống mức thấp nhất kể từ sau Chiến tranh Thế giới thứ II [37].

Ba là, hiệu ứng kép từ việc cắt giảm ngân sách và các cuộc chiến liên miên ở Trung Đông đã khiến sức mạnh tương đối của Mỹ bị giảm so với các đối thủ cạnh tranh chính trong khu vực. Quân đội Mỹ phải đối mặt với tình trạng thiếu đi những vũ khí mới cần thiết cho các cuộc chiến tranh tương lai với các đối thủ tiềm tàng. Trong hai thập kỷ qua, các ưu tiên hiện đại hóa quân sự quan trọng - từ việc mua sắm máy bay chiến đấu thế hệ thứ năm và đầu tư vào các công nghệ tiên tiến, cho đến việc tái cấu trúc bộ ba hạt nhân chiến lược của Mỹ - đã bị trì hoãn hoặc làm chậm lại do nguồn lực bị siết chặt [18]. Hậu quả của việc không được hiện đại

hóa kịp thời này được đánh giá là rất nghiêm trọng, khi Mỹ để các đối thủ cạnh tranh có thời gian nghiên cứu, bổ sung, vượt qua về công nghệ, khi đó, Quân đội Mỹ sẽ ngày càng trở nên lỗi thời và khó có thể phù hợp cho các kịch bản tác chiến tương lai [91].

Cuối cùng, do phải dàn trải nguồn lực để đáp ứng mục tiêu ảnh hưởng toàn cầu khiến Lầu Năm Góc mất tập trung vào mối đe dọa nghiêm trọng nhất đối với sự thống trị của Mỹ, đó là sự trở lại của Nga và Trung Quốc, những cường quốc quân sự không ngừng tiến bộ theo thời gian. Các cuộc chiến liên miên từ Balkan đến Trung Đông, cũng như sự phát triển như vũ bão của khoa học công nghệ vũ khí hiện đại, đã khiến các đối thủ của Mỹ ngày càng có lợi thế hơn so với Mỹ [69].

Có thể nói, sức mạnh cứng của Mỹ, đến từ tiềm năng quân sự không còn được như thời kỳ trước và thậm chí đang bị thách thức bởi nhiều quốc gia khác. Nếu như vào năm 1995, Mỹ và các đồng minh chiếm 80% chi tiêu quốc phòng toàn cầu, thì hiện chỉ còn khoảng 52%, khiến các lực lượng này không được trang bị đầy đủ để đối phó vơi các thách thức quốc tế ngày càng gia tăng [53]. Từ thực tế trên, có thể nhận định rằng sức mạnh quân sự cũng như khả năng thiết lập ảnh hưởng dựa vào sức mạnh quân sự trên toàn cầu nói chung và ở khu vực ẤĐD-TBD nói riêng của Mỹ đang suy giảm khá nghiêm trọng. Điều này không chỉ tạo cơ hội cho các cường quốc khác, tiêu biểu là Trung Quốc có cơ hội thách thức vị thế siêu cường số một mà còn có khả năng đe dọa đến an ninh và lợi ích thiết thân của Mỹ. Để giải quyết vấn đề trên, giới cầm quyền của Mỹ đã đề ra những biện pháp nhằm thiết lập lại lợi thế cạnh tranh quân sự mà một trong những ví dụ tiêu biểu nhất là việc hoạch định và triển khai Chiến lược ẤĐD-TBD.

2.2.2. Lợi thế nền tảng sẵn có của Mỹ

2.2.2.1. Sức mạnh quân sự vượt trội của Mỹ

Việc hoạch định và triển khai một chiến lược cần dựa vào nhiều yếu tố mà một đó là khả năng triển khai trên thực tế. Trong trường hợp Chiến lược ẤĐD-TBD, thì khả năng triển khai chiến lược ở khía cạnh an ninh quân sự, đến từ năng lực quốc gia của Mỹ mà đầu tiên phải kể đến là sức mạnh quân sự.

Ở khu vực ẤĐD-TBD, INDOPACOM, theo số liệu năm 2020 có hơn 2.000 máy bay; 200 tàu và tàu ngầm; hơn 375.000 binh sĩ, thủy thủ, Thủy quân Lục

chiến, lính Không quân, lực lượng dân sự của BQP và các lực lượng chuyên môn khác. Nhật Bản và Hàn Quốc là những nơi tập trung đông lực lượng của INDOPACOM nhất. Cùng với đó là những căn cứ có từ 5.000 quân trở lên như tại đảo Guam, đóng vai trò là trung tâm chiến lược hỗ trợ các hoạt động quan trọng và hậu cần cho tất cả các lực lượng Mỹ hoạt động ở khu vực ÁĐD-TBD. Các đồng minh và đối tác khác thường xuyên tiếp đón lực lượng Mỹ ở quy mô nhỏ hơn gồm Philippines, Australia, Singapore và Anh thông qua đảo Diego Garcia.

Lực lượng Quân đội Mỹ tại khu vực ÁĐD-TBD do INDOPACOM chỉ huy (tiền thân là PACOM được thành lập vào năm 1947, ngày 30/5/2018 chính thức đổi tên thành INDOPACOM, trụ sở đặt tại Hawaii) bao gồm:

- *Thủy quân lục chiến Thái Bình Dương [161].*

Thủy quân lục chiến Thái Bình Dương là quân chủng trực thuộc INDOPACOM, đồng thời là Bộ Tư lệnh (BTL) chiến trường lớn nhất của Thủy quân lục chiến Mỹ, phụ trách chỉ huy tất cả Thủy quân lục chiến ở khu vực ÁĐD-TBD, bao gồm hơn 1/3 lực lượng Thủy quân lục chiến của Mỹ. Quân số của Thủy quân lục chiến Mỹ năm 2020 là 189.200 người, lực lượng dự bị 38.500 người [35]. Trong đó, BTL Thủy quân lục chiến Thái Bình Dương bao gồm hai quân đoàn viễn chinh lục chiến với quân số 86.000 người. Là quân đoàn viễn chinh thứ nhất và thứ ba. Các quân đoàn này thuộc lực lượng viễn chinh đặc biệt, có thể sẵn sàng tác chiến trong khu vực ÁĐD-TBD. Năm 2020, Không quân của Thủy quân lục chiến Mỹ có 1.133 máy bay, 522 trực thăng. Trong đó số máy bay biên chế trong Thủy quân lục chiến ÁĐD-TBD là 640 chiếc [199].

- *Hạm đội Thái Bình Dương*

Hạm đội Thái Bình Dương là hạm đội tác chiến khu vực lớn nhất của Hải quân Mỹ. BTL đặt tại Trân Châu Cảng, Hawaii. Hạm đội Thái Bình Dương có 200 tàu mặt nước (bao gồm 4 đại đội hàng không mẫu hạm), gần 1200 máy bay các loại và 130.000 binh sĩ cùng nhân viên [194]. Tính đến tháng 12/2019, Hạm đội Thái Bình Dương có 133 tàu chiến, chiếm 65% tổng số tàu chiến của Hải quân Mỹ. trong đó có 4 tàu sân bay là Nimitz, Carl Vinson, Theodore Roosevelt và Ronald Reagan. Không quân của Hạm đội có gần 1100 máy bay, chiếm 44% tổng số máy bay của Hải quân Mỹ.

- *Lục quân Thái Bình Dương:*

Lục quân Thái Bình Dương là lực lượng tác chiến lớn nhất của Lục quân Mỹ [211]. Lục quân Thái Bình Dương biên chế 106.000 binh sĩ và nhân viên, trang bị 300 chiến đấu cơ [200]. Ngoài ra, BTL Lục quân Thái Bình Dương có thể điều động 9.000 quân thuộc cảnh vệ quốc gia và dự bị Lục quân khi có yêu cầu.

- *Không quân Thái Bình Dương:*

BTL Không quân Thái Bình Dương là một trong hai BTL đặt ngoài lãnh thổ Mỹ [163]. Không quân Thái Bình Dương có 46.000 người gồm binh sĩ, cảnh vệ quốc gia, dự bị và nhân viên dân sự. Các căn cứ chủ yếu của Không quân Thái Bình Dương là Trân Châu Cảng - Hickam, Hawaii; Andersen, Guam; Eielson và Elmendorf - Richardson, Alaska; Osan và Kunsan, Hàn Quốc; Yokota, Kadena, Misawa/Nhật Bản [110]. Biên chế máy bay của Không quân Thái Bình Dương chiếm 6% biên chế máy bay của lực lượng Không quân Mỹ, nhưng các máy bay khác bố trí ở BTL ÁĐD-TBD có thể sẵn sàng và nhanh chóng chi viện cho Không quân Thái Bình Dương. Từ năm 2004, các máy bay ném bom chiến lược B-1B, B52, B2 bắt đầu thực hiện các chuyến bay luân chuyển từ căn cứ Guam. Những máy bay chiến lược này có năng lực răn đe toàn cầu, trở thành bộ phận quan trọng bảo đảm cung cấp an ninh cho các đồng minh của Mỹ; thực hiện nhiệm vụ bình thường hóa "hiện diện máy bay ném bom liên tục" ở khu vực ÁĐD-TBD.

- *Quân đội Mỹ tại Hàn Quốc*

Quân đội Mỹ đồn trú tại Hàn Quốc từ tháng 7/1957, đặt tại căn cứ Humphreys ở Pyeongtaek, phía Nam Hàn Quốc. Lực lượng Quân đội Mỹ bố trí ở Hàn Quốc khoảng 28.500 quân.

- *Quân đội Mỹ tại Nhật Bản*

Quân đội Mỹ đồn trú tại Nhật Bản từ tháng 1/1957, theo "Hiệp ước an ninh và hợp tác chung Mỹ - Nhật" năm 1960. Lực lượng bao gồm: Lục quân, Hải quân, Thủy quân lục chiến và Không quân. Lực lượng đồn trú của Quân đội Mỹ tại Nhật Bản có khoảng 58.000 quân, phân bố tại 85 căn cứ ở Honshu, Kyushu và Okinawa trên diện tích 312 km^2. Có 2.000 binh sỹ Lục quân Mỹ tại Nhật Bản phụ trách quản lý cảng và thiết bị hậu cần ở Honshu và Okinawa, căn cứ tại Zama. Thủy quân lục chiến của Mỹ tại Nhật Bản gồm Quân đoàn viễn chinh số 3 và BTL tham

mưu tác chiến Thái Bình Dương với 18.000 quân, đặt tại căn cứ Courtney, Okinawa. Hải quân Mỹ tại Nhật Bản khoảng 6.000 quân, phụ trách bảo vệ và vận hành cảng khẩu, cung cấp căn cứ và chi viện hậu cần cho lực lượng Hạm đội 7. Hạm đội 7 tiếp nhận sự chỉ huy của Hạm đội Thái Bình Dương, với lực lượng 13.000 người, bao gồm 1 tàu sân bay, 18 tàu chiến, 100 máy bay chiến đấu. Không quân của Mỹ tại Nhật Bản chủ yếu là Lực lượng Không quân số 5, với 15.000 quân, chủ yếu tại Yokota, Kadena và Misawa.

- BTL Tác chiến đặc biệt Thái Bình Dương

BTL Tác chiến đặc biệt Thái Bình Dương phụ trách nhiệm vụ tác chiến đặc chủng tại khu vực ẤĐD-TBD, thuộc sự chỉ huy của INDOPACOM. BTL đặt tại trại H.M. Smith, Hawaii. Quân số trên 1.200 người. Nhiệm vụ của BTL Tác chiến đặc biệt bao phủ ở 36 quốc gia và khu vực, chia thành các khu vực Đông Nam Á, Đông Bắc Á, Nam Á và châu Đại Dương - một nửa diện tích thế giới.

Trong phần lớn thời gian sau khi Chiến tranh Thế giới thứ II kết thúc, Quân đội Mỹ đã củng cố được sự cân bằng quyền lực ở khu vực ẤĐD-TBD. Giai đoạn này, "chu vi phòng thủ" của Mỹ ở Tây Thái Bình Dương trải dài từ Chuỗi đảo thứ nhất (bắt đầu từ Nhật Bản và quần đảo Ryukyu đến Đài Loan và kết thúc ở Philippines) đóng vai trò quan trọng trong kiềm chế sự gia tăng sức mạnh của Liên Xô và Trung Quốc [68]. Năm đồng minh hiệp ước trong khu vực, gồm Nhật Bản, Hàn Quốc, Philippines, Thái Lan và Australia, cùng sự đảm bảo quốc phòng với Đài Loan, chủ yếu là để ngăn chặn, kiềm chế Trung Quốc và các nước láng giềng. Về lực lượng, hệ thống các căn cứ trải khắp từ Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia, Hawaii, Guam, Diego Garcia, Singapore cũng như khả năng triển khai ở một số quốc gia Thái Bình Dương đã cho phép Mỹ duy trì sự hiện diện mạnh mẽ ở ẤĐD-TBD. Cùng với đó, khả năng bảo vệ các đồng minh và đối tác trong khu vực chính là nền tảng để Mỹ xây dựng một trật tự quốc tế với các lợi thế so sánh mà không phải quốc gia nào cũng có được [213]. Có thể xem sức mạnh này và niềm tin vào khả năng đánh bại "mọi thành phần bất hảo hoặc không thuần phục" sự lãnh đạo của Mỹ trên phạm vi toàn cầu, là cơ sở quan trọng để các nhà chiến lược Mỹ hoạch định Chiến lược ẤĐD-TBD [98].

2.2.2.2. Lịch sử can dự lâu dài của Mỹ tại khu vực ÁĐD-TBD

Mỹ đã có lịch sử can dự vào khu vực ÁĐD-TBD từ những ngày đầu lập quốc [27]. Trong cuốn *"By More than Providene: Grand Strategy and American Power in the Asia Pacific Since 1783"* (Columbia University Press, 2019*)*, Michael J. Green nhận xét động lực khiến Mỹ triển khai chính sách đối với CÁ-TBD xuất phát từ mối quan ngại rằng khu vực này bị một cường quốc khác kiểm soát và sử dụng như một tiền duyên ngăn cản dòng chảy của hàng hóa và các giá trị Mỹ [71]. Sau khi Chiến tranh giành độc lập Mỹ kết thúc, năm 1784 Mỹ lần đầu tiên đánh dấu sự xuất hiện ở châu Á với những tàu buôn bán cập cảng Trung Quốc và trong những thập kỷ tiếp theo, các tàu của Mỹ đã tăng cường xuất hiện ở khu vực này. Năm 1821, Hải quân ủy quyền cho Phi đội Thái Bình Dương, và năm 1835, Phi đội Đông Ấn đã thực hiện các hoạt động quân sự đầu tiên của Mỹ ở châu Á, cụ thể là hai cuộc thám hiểm trừng phạt chống lại cướp biển Sumatra vào năm 1832 và 1839. Thời gian này, Mỹ bắt đầu can dự vào Trung Quốc thông qua Hiệp ước năm 1844. Hải quân Mỹ đã có chuyến tuần tra sông Dương Tử đầu tiên năm 1854 và các đợt tuần tra tiếp theo kéo dài đến năm 1949. Tuy nhiên, hoạt động hợp tác Hải quân đáng chú ý nhất của Mỹ phải là khi Matthew Perry đưa công ty Đông Ấn đến Vịnh Tokyo ngày 14/7/1853, đánh dấu sự mở cửa đầu tiên của Nhật Bản ra thế giới.

Đến cuối thế kỷ XIX, sự hiện diện của Mỹ ở ÁĐD-TBD tăng lên. Việc mua Alaska vào năm 1867 đã đặt ra nhu cầu lớn về việc kiểm soát khu vực Bắc Thái Bình Dương và Bắc Cực, trong khi việc phát triển các cảng biển ở California đã liên kết lục địa Mỹ với ÁĐD-TBD. Các thương nhân và nhà truyền giáo Mỹ đã mở rộng phạm vi hoạt động từ Quần đảo Kuril đến Ấn Độ. Dưới sự ủng hộ của Mỹ, một cuộc nổi loạn lật đổ nữ hoàng Hawaii diễn ra năm 1893, dọn đường cho việc Mỹ thôn tính hòn đảo này cùng những hòn đảo xung quanh 5 năm sau đó.

Đầu thế kỷ XX, Theodore Roosevelt đã phát triển một lực lượng Hải quân hùng mạnh và triển khai sự hiện diện quân sự tại ÁĐD-TBD. Vai trò của Mỹ trong khu vực tăng lên vào năm 1905, khi Roosevelt đóng vai trò trung gian cho việc ký Hiệp ước Portsmouth kết thúc chiến tranh Nga - Nhật. Năm 1907, Hạm đội Great White, bao gồm 16 tàu chiến mới cùng nhiều tàu khu trục và tàu phụ trợ, đi khắp

châu Á trên hành trình ngoại giao quân sự toàn cầu. Cùng với đó, Mỹ tiến hành giúp đỡ vực dậy Philippines sau hơn ba thế kỷ nằm dưới tay Tây Ban Nha.

Nửa cuối thế kỷ XX, vai trò dẫn đầu một cực trong Chiến tranh Lạnh phải dàn trải lực lượng trên khắp thế giới và cuộc chiến chống khủng bố tốn kém cũng như cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008 khiến ưu tiên của Mỹ cho khu vực ÁĐD-TBD bị suy giảm. Tuy nhiên, Sang thế kỷ XXI, tình hình đổi khác khiến Mỹ phải chuyển trọng tâm chiến lược sang ÁĐD-TBD.

Ấn Độ Dương lần đầu tiên được chính quyền của Tổng thống G. Bush Jr nhắc tới vào năm 2002. Trong Chiến lược An ninh quốc gia của Mỹ năm 2002, Chính quyền G. Bush khẳng định Mỹ và Ấn Độ đều có mối quan tâm chung về các con đường thương mại tự do trên biển tại Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương [101]. Khi Barack Obama lên nắm quyền, Mỹ đã chú ý đến sự trỗi dậy của bá quyền Trung Quốc và quan ngại rằng, Bắc Kinh có thể đang xây dựng chiến lược đẩy Mỹ ra khỏi khu vực này. Bên cạnh đó, các nước Đông và Đông Nam Á dần cảm thấy Mỹ đã giảm thiểu sự can dự trong các vấn đề của khu vực, lãnh đạo của nhiều quốc gia đã bắt đầu thảo luận các giải pháp thay thế có thể. Đó là lý do nước Mỹ dưới thời Obama đề ra chiến lược "Xoay trục về châu Á".

Trong bài phát biểu tại Hawaii tháng 10/2010, Ngoại trưởng Mỹ Hilary Clinton đã nhấn mạnh: "Ở Đông Nam Á và Thái Bình Dương, chúng ta đang chuyển sự hiện diện của mình để phản ánh những nguyên tắc này. Ví dụ, chúng ta đã gia tăng hiện diện Hải quân ở Singapore. Chúng ta thúc đẩy quan hệ với Philippines và Thái Lan để tăng cường năng lực cho hai nước này trong các nỗ lực chống khủng bố và ứng phó với các thảm họa nhân đạo. Chúng ta cũng đã đưa ra các biện pháp mới cho hợp tác quân sự với New Zealand và tiếp tục hiện đại hóa quan hệ quốc phòng với Australia để ứng phó với môi trường biển ngày càng phức tạp. Và chúng ta cũng đã mở rộng hợp tác với Hải quân Ấn Độ ở Thái Bình Dương bởi chúng ta hiểu tầm quan trọng của khu vực ÁĐD-TBD đối với thương mại toàn cầu" [47].

Trong bài viết của mình được đăng tải một năm sau đó trên trang Foreign Policy, Clinton khẳng định cam kết của Mỹ trong việc mở rộng chiến lược từ CÁ-TBD sang ÁĐD-TBD bằng việc nhấn mạnh: "Các liên minh theo hiệp ước của Mỹ

với Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia, Philippines và Thái Lan là điểm tựa cho việc chuyển chiến lược sang CÁ-TBD... Chúng ta cũng mở rộng quan hệ liên minh với Australia từ đối tác Thái Bình Dương sang đối tác ẤĐD-TBD, và thực tế là đối tác toàn cầu" [48].

Chính quyền D.Trump sau đó đã lựa chọn ý tưởng dưới thời Obama và đưa vào trong Báo cáo Chiến lược an ninh Quốc gia. Có thể nói, lịch sử can dự lâu dài, đặc biệt là chiến lược của Obama đã tạo cơ sở nền tảng quan trọng để năm 2017, Lầu Năm góc đổi tên BTL Thái Bình Dương (PACOM) thành BTL ẤĐD-TBD (INDOPACOM), đánh dấu sự chính thức triển khai Chiến lược ẤĐD-TBD dưới thời Tổng thống D.Trump.

2.2.2.3. Sự phù hợp với chiến lược và tầm nhìn chung từ các nước đồng minh, đối tác trong khu vực

- Australia:

Australia được coi là nước khởi xướng ý tưởng ẤĐD-TBD khi Hải quân Hoàng gia Australia, từ năm 1987, đã quyết định trở thành Lực lượng Hải quân của hai đại dương [73]. Năm 2008, Nhật Bản và Australia đã đưa ra sáng kiến xây dựng Cộng đồng CÁ-TBD vào năm 2020 thành "một cơ chế khu vực trải dài trên toàn CÁ-TBD bao gồm Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia và các nước khác trong khu vực" [60]. Theo Thủ tướng Australia Kevin Rudd, cộng đồng này là "một thể chế khu vực có khả năng tham gia đầy đủ các cuộc đối thoại, hợp tác và hành động về các vấn đề kinh tế và chính trị cũng như các thách thức an ninh tương lai". Mặc dù không chỉ đích danh ẤĐD-TBD mà thay vào đó là Cộng đồng CÁ-TBD nhưng sự xuất hiện của Ấn Độ đã cho thấy rõ phạm vi liên đại dương của ý tưởng này [3].

Không chỉ đưa ra ý tưởng liên kết khu vực, Australia ngày càng tự định vị mình là nhân tố cốt lõi ở ẤĐD-TBD. Trong bài phát biểu tại Viện Chính sách và chiến lược Australia vào tháng 8/2012, BTQP Stephen Smith lý giải việc Australia chuyển hướng sang chiến lược ẤĐD-TBD là do ẤĐD-TBD sẽ trở thành trung tâm chiến lược của thế giới. Australia đưa ra nhận định này là bởi: (i) Sự trỗi dậy của Trung Quốc, Ấn Độ và nền kinh tế ASEAN; (ii) Sức mạnh kinh tế lớn và lâu dài của Nhật Bản và Hàn Quốc; (iii) Tiềm năng lớn của Indonesia và tầm quan trọng

của Indonesia đối với Australia; (iv) Sự can dự về quân sự, kinh tế và chính trị mạnh mẽ hơn của Mỹ vào khu vực thông qua chiến lược tái cân bằng. Năm 2013, Bộ trưởng Ngoại giao và Thương mại Australia Peter Varghese đã đưa ra nhận định: "Vòng cung chiến lược ẤĐD-TBD mới đang bắt đầu nổi lên, mở rộng từ Ấn Độ nối qua Đông Nam Á tới Đông Bắc Á, bao gồm các tuyến đường biển huyết mạch của khu vực" [80]. Đặc biệt, cụm từ "ẤĐD-TBD" đã chính thức được đề cập trong Sách Trắng Quốc phòng Australia từ năm 2013 và được nhắc lại nhiều lần trong Sách trắng Quốc phòng Australia năm 2017.

Song song với đó, với vai trò là đồng minh thân cận của Mỹ, Australia cũng rất ủng hộ chiến lược Tái cân bằng của chính quyền Obama. Nước này đồng ý cho 2.500 lính thủy đánh bộ Mỹ đến thường trú tại căn cứ Darwin như một phần trong các thỏa thuận ba bên Mỹ - Australia - Nhật Bản và Ấn Độ - Nhật Bản - Australia. Nhìn chung, mặc dù có sự ngắt quãng, chưa đi sâu vào chi tiết cũng như ít những hành động quyết liệt trên thực tế nhưng những ý tưởng ban đầu về một khu vực ẤĐD-TBD rộng mở và sự chuyển hướng trong chính sách gần đây của Australia, có thể được xem là một trong những cơ sở cho việc hoạch định và triển khai Chiến lược ẤĐD-TBD của Mỹ.

- *Nhật Bản:*

Dù Australia được coi là nơi đầu tiên khởi xướng ý tưởng ẤĐD-TBD, nhưng Nhật Bản mới là nước ủng hộ mạnh mẽ nhất việc thúc đẩy khái niệm về Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương như những không gian chiến lược có liên kết chặt chẽ với nhau. Năm 2007, trước Quốc hội Ấn Độ, Thủ tướng Abe Shinzo đã phát biểu về ý tưởng "hai vùng biển của ẤĐD và TBD" cho một "châu Á mới rộng mở hơn". Bằng việc viện dẫn chủ đề của cuốn sách *"Confluence of the Two Seas"* của Hoàng tử đế chế Mughal là Dara Shikoh xuất bản năm 1655, Thủ tướng Abe đã nhấn mạnh tham vọng của Ấn Độ ở "châu Á rộng lớn hơn" và sự chuẩn bị của cả Ấn Độ và Nhật Bản trong việc "cùng nhau theo đuổi tự do và thịnh vượng trong khu vực" [93]. Đáng chú ý, Thủ tướng Abe lúc bấy giờ đã nhận diện được những nước chủ chốt của ý tưởng liên đại dương này, đó là Nhật Bản và Ấn Độ cùng kết hợp với Mỹ và Australia.

Năm 2012, Nhật Bản trở lại ý tưởng ẤĐD-TBD với Chiến lược Kim cương

an ninh dân chủ châu Á [93]. Chiến lược này bắt nguồn từ mối quan ngại về việc Biển Đông sẽ trở thành "ao nhà của Bắc Kinh" và nỗ lực của Trung Quốc trong việc thiết lập quyền tài phán ở các vùng biển xung quanh quần đảo Senkaku/ Điếu Ngư. Để đối mặt với các thách thức từ Trung Quốc, ông Abe đề nghị các chính phủ Nhật Bản và Ấn Độ cùng hợp tác chia sẻ trách nhiệm với tư cách là những người bảo vệ tự do hàng hải ở Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương bởi hòa bình, ổn định và tự do hàng hải ở Thái Bình Dương không tách rời với hòa bình, ổn định và tự do hàng hải ở Ấn Độ Dương. Cùng với đó, Nhật Bản cũng có những nỗ lực nhằm hiện thực ý tưởng ẤĐD-TBD ở phạm vi rộng lớn hơn. Trong bài phát biểu tại Hội nghị Quốc tế Tokyo lần thứ 6 về phát triển châu Phi tháng 8/2016, Abe Shinzo nhấn mạnh: "Nhật Bản có trách nhiệm tăng cường kết nối Thái Bình Dương với Ấn Độ Dương và châu Á với châu Phi trở thành khu vực của các giá trị tự do, nguyên tắc luật pháp, kinh tế thị trường, không có vũ lực hay bị ép buộc, và thịnh vượng" [93].

Tháng 4/2017, Nhật Bản công bố Chính sách ưu tiên hợp tác phát triển năm tài khóa 2017. Trong đó, có việc xây dựng Chiến lược ẤĐD-TBD với ba nhóm hoạt động: (i) Chống khủng bố, xây dựng năng lực cho các cơ quan thực thi pháp luật, các biện pháp chống chủ nghĩa cực đoan bạo lực; (ii) Hỗ trợ nhân đạo bao gồm hỗ trợ người tị nạn, ổn định xã hội, kiến tạo hòa bình, gỡ mìn; (iii) Tăng cường nguyên tắc luật pháp như hỗ trợ xây dựng năng lực nhằm đảm bảo an toàn biển và thiết lập các hệ thống pháp lý, củng cố năng lực của cả các cơ quan thực thi pháp luật và đội ngũ quan chức chính phủ" [139]. Động cơ thực sự đằng sau những nỗ lực này của Nhật Bản là sự lo sợ ảnh hưởng gia tăng của Trung Quốc. Quan ngại an ninh của Tokyo đối với chủ quyền lãnh thổ quần đảo Senkaku/ Điếu Ngư ở Biển Hoa Đông ngày càng lớn và rõ ràng hơn. Sự bất an của Nhật Bản còn đến từ nhận thức rằng vai trò của Mỹ trong khu vực đang ngày càng suy yếu. Vì vậy, mở rộng không gian địa lý sang Tây Á chính là cách để Thủ tướng Abe Shinzo mở rộng không gian chiến lược, tìm kiếm thêm đối tác, tạo đối trọng với Trung Quốc, mà ở đây chính là Ấn Độ.

Tuy có những khác biệt nhất định ở một số khía cạnh nhưng nhìn chung, tầm nhìn chiến lược của Nhật Bản về khu vực ẤĐD-TBD khá tương đồng với Mỹ.

Điều này cộng với tiềm lực và tư cách đồng minh truyền thống cùng mong muốn và những động thái rất tích cực trong việc ủng hộ và chủ động thực hiện ý tưởng bao vây, kiềm chế Trung Quốc mà Mỹ đề ra của Nhật Bản tạo nên cơ sở và lợi thế lớn cho việc hoạch định và triển khai chính sách của Mỹ ở ẤĐD-TBD mà Chiến lược ẤĐD-TBD là một minh chứng cụ thể.

- *Ấn Độ:*

Giai đoạn nửa cuối thập niên đầu tiên của thế kỷ XXI, giới học giả Ấn Độ đã bắt đầu thảo luận về ẤĐD-TBD. Thuật ngữ này chính thức xuất hiện lần đầu tiên trong nghiên cứu của Gurpreet Khurana vào tháng 1/2007 [42]. Tuy nhiên, phải tới bài phát biểu *"Địa chính trị ở ẤĐD-TBD: Các quan điểm của châu Á"* của Thứ trưởng Ngoại giao Ấn Độ phụ trách phương Đông Sanjay Singh tại Hội nghị liên Á lần thứ IV vào tháng 3/2013, Ấn Độ mới chính thức thúc đẩy ý tưởng này. Cách tiếp cận và triển khai chính sách của Ấn Độ tiếp tục được làm rõ qua Chiến lược An ninh biển Ấn Độ 2015, Tuyên bố chung về tầm nhìn Ấn Độ và Nhật Bản tới 2025 (ngày 12/12/2015), Tuyên bố chung Ấn Độ - Australia trong chuyến thăm Ấn Độ của Thủ tướng Australia (ngày 10/4/2017), Tuyên bố chung giữa Mỹ và Ấn Độ về thịnh vượng thông qua quan hệ đối tác (ngày 27/6/2017), phát biểu khai mạc của Thủ tướng Ấn Độ tại Hội nghị Cấp cao ASEAN - Ấn Độ lần thứ 15 (ngày 14/11/2017)...

Đặc biệt, việc chia sẻ chung tầm nhìn còn thể hiện ở chiến lược trọng điểm của Ấn Độ là chính sách "Hành động phía Đông" (Act East Policy) mà tiền thân là chính sách "Hướng Đông" (Look East Policy). Nếu như ban đầu chính sách này nhằm tăng cường quan hệ và sự hiện diện của Ấn Độ ở Đông Nam Á, thì nay đã mở rộng ra cả Đông Á. Với chiến lược này, Ấn Độ đã nâng cấp được một mạng lưới các thỏa thuận an ninh với các nước, góp phần đảm bảo sự can dự trong giải quyết các thách thức an ninh khu vực. Dù chưa thực sự có một chiến lược quân sự rõ ràng tại ẤĐD-TBD, nhưng quá trình hiện đại hóa quân sự (do thành quả của tiến trình phát triển kinh tế cộng với những đe dọa an ninh biên giới trên bộ với một số nước như Trung Quốc) đã khiến Ấn Độ nổi lên là một nhân tố chủ chốt trong định hình cấu trúc an ninh khu vực. Với vai trò là một cường quốc Ấn Độ Dương và có những xung đột lãnh thổ căng thẳng với Trung Quốc, việc Ấn Độ

chia sẻ sự lo ngại về Trung Quốc và mối lưu tâm về khu vực sát sườn - Thái Bình Dương, đã tạo điều kiện cho Mỹ kết nối hai khu vực trên bàn cờ chiến lược của mình. Đồng thời, đưa đến thuận lợi bước đầu cho việc hoạch định và triển khai chính sách của Mỹ ở khu vực rộng lớn và phức tạp này.

Có thể thấy, cả Australia, Nhật Bản, Ấn Độ có điểm chung là đều quan tâm đến một không gian địa chiến lược rộng lớn hơn, từ Thái Bình Dương đến Ấn Độ Dương để đối phó với các thách thức an ninh ngày càng phức tạp cũng như sự trỗi dậy của nhân tố Trung Quốc. Sự quan tâm này, cùng với vai trò bị đánh giá là ngày càng đi xuống của Mỹ dưới thời Obama trong kiềm chế Trung Quốc, bảo vệ đồng minh và các "giá trị tự do", đã khiến Chính quyền D.Trump có những bước đi mới, mở rộng không gian chiến lược "Tái cân bằng châu Á" của người tiền nhiệm Obama và hình thành nên Chiến lược ÁĐD-TBD.

2.2.3. Nội bộ chính trường Mỹ và yếu tố cá nhân - D.Trump

2.2.3.1. Cương lĩnh Đảng Cộng hòa 2016 - nền tảng cơ bản để D.Trump phát động Chiến lược ÁĐD-TBD

Cương lĩnh Đảng Cộng hòa năm 2016 là một văn bản dài 60 trang, trong đó phần về chính sách đối ngoại, dài 14 trang, với tên gọi "Nước Mỹ tái chấn hưng" (America Resurgent) mở đầu bằng mục "Một thế giới nguy hiểm" (A Dangerous World), nhấn mạnh Mỹ đang đối mặt với "khủng hoảng an ninh quốc gia" [202]. Cương lĩnh cho rằng Mỹ cần phải khôi phục sức mạnh theo mô hình "hòa bình thông qua sức mạnh" của Reagan - với định nghĩa sức mạnh là "sự vượt trội về quân sự", và xác định rõ nhiệm vụ của quân đội là "bảo vệ đất nước" chứ không phải phiêu lưu "tái thiết quốc gia"; đồng thời, đưa ra một loạt các gợi ý nhằm khôi phục sức mạnh này, bao gồm hiện đại hóa kho vũ khí hạt nhân, củng cố quan hệ với đồng minh, và sẵn sàng rút khỏi các hiệp ước kiểm soát vũ khí "có lợi cho đối thủ mà không nâng cao an ninh quốc gia của chúng ta" [202]. Trong phần đề xuất chính sách, về CÁ-TBD, Cương lĩnh khẳng định vị trí lãnh đạo của Mỹ ở khu vực, yêu cầu chấm dứt hoàn toàn chương trình vũ khí hạt nhân của Triều Tiên và cam kết sẽ chống lại bất kỳ mối đe dọa nào từ chính thể này. Với Trung Quốc, Cương lĩnh dành một phần khá lớn để phê phán cả nội trị, chính sách đối ngoại của nước này lẫn chính sách đối với Trung Quốc của chính quyền Obama. Kết hợp với các

chỉ trích ở các phần khác, cho thấy Đảng Cộng hòa có thái độ cứng rắn, không nhượng bộ và có tham vọng lôi kéo Trung Quốc vào trật tự Mỹ. Cương lĩnh cũng ghi nhận Ấn Độ là đồng minh địa - chính trị và đối tác thương mại chiến lược. Đồng thời, nhấn mạnh cam kết với các đồng minh như Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia... dù thể hiện sự thực dụng hơn. Có thể nói, Cương lĩnh là tiền đề quan trọng của việc hoạch định Chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở ngay trong những ngày đầu của Chính quyền D.Trump.

2.2.3.2. Vị trí của các quan chức đưa ra nội dung cốt lõi của Chiến lược ẤĐD-TBD trong nhánh Hành pháp được bảo lưu

Nhánh Hành pháp Mỹ đóng vai trò chủ đạo trong lĩnh vực đối ngoại, trực tiếp tham gia vào hoạt động đối ngoại trong mọi giai đoạn. Việc những người có ý tưởng và đóng góp vào Chiến lược ẤĐD-TBD thuộc nhánh Hành pháp có thể nắm giữ quyền lực trong thời gian đủ để đề xuất và bảo vệ các ý tưởng của mình có vai trò rất quan trọng đối với việc hoạch định và thực thi Chiến lược. Đó là H.R. McMaster (Cố vấn an ninh quốc gia), Rex Tillerson (Ngoại trưởng), John Kelly (Chánh văn phòng Nhà Trắng từ tháng 7/2017), và James Mattis (BTQP)... Đây là những nhân sự chủ chốt trong Chính quyền D.Trump - những người có tác động lớn đến việc hình thành Chiến lược ẤĐD-TBD và là kiến trúc sư trưởng của hai tài liệu quan trọng: "Chiến lược An ninh quốc gia 2017" và "Chiến lược Quốc phòng 2018". Nhóm các nhân sự cấp cao này thường được gọi là "những người lớn ở trong phòng" (the adults in the room), "trục những người lớn" (axis of adults), "ủy ban giải cứu nước Mỹ" (committee to save America) - những người được hy vọng sẽ bổ khuyết cho sự thiếu kiến thức và kinh nghiệm của D.Trump, và kiềm chế được vị tổng thống này khi cần thiết. Việc những nhân sự cấp cao này được tín nhiệm một thời gian dài, đã đặt nền móng quan trọng cho các quyết sách quan trọng của Chính quyền D.Trump, trong đó có Chiến lược ẤĐD-TBD.

2.2.3.3. Sự ủng hộ của các cơ quan lập pháp

Dưới thời Chính quyền D.Trump, Quốc hội gần như rất ít can thiệp vào các vấn đề đối ngoại. Đặc biệt là hai năm đầu sau khi đắc cử, D.Trump gần như không gặp trở ngại từ Quốc hội trong việc thi hành các cam kết tranh cử như rút khỏi TPP, rút khỏi Hiệp định Paris về biến đổi khí hậu, đàm phán lại NAFTA, chuyển

Đại sứ quán Mỹ từ Israel đến Jerusalem, ép các đồng minh phải tăng chia sẻ trách nhiệm an ninh, hoặc coi Trung Quốc là đối thủ chủ yếu thách thức địa vị siêu cường số 1 thế giới của Mỹ...[14].

Không chỉ trong chính sách đối ngoại mà cả trong lĩnh vực an ninh quân sự, D.Trump cũng nhận được sự đồng thuận. Năm 2017, D.Trump đề xuất tăng ngân sách quốc phòng lên 700 tỷ USD, nhưng cũng nhanh chóng nhận được sự thông qua của Thượng viện [164]. Năm 2018, D.Trump tiếp tục đề nghị Thượng viện tăng ngân sách quốc phòng lên 717 tỷ USD và cũng không gặp phải sự phản đối nào... [78]. Đáng chú ý, cách tiếp cận cứng rắn của D.Trump đối với Trung Quốc và sáng kiến ẤĐD-TBD đã nhận được sự nhất trí tương đối cao từ các nhà lập pháp. Quốc hội đã nhanh chóng thông qua NDAA cho năm tài khóa 2019. Đạo luật này đặc biệt ưu tiên khu vực ẤĐD-TBD, như đổi PACOM thành INDOPACOM, nâng cấp sáng kiến An ninh Hàng hải Đông Nam Á cũ để bao trùm cả khu vực, cung cấp tài chính cho các hoạt động hỗ trợ, tập trận và hợp tác quân sự - an ninh với các nước đối tác...[41]. Bên cạnh đó, Quốc hội cũng thông qua Đạo luật Trấn an châu Á (ARIA - Asia Reassurance Act) để phát tín hiệu về một tầm nhìn mang tính chiến lược, tổng hợp và đa chiều cho khu vực ẤĐD-TBD [59]. Sự đồng thuận, ủng hộ từ các cơ quan lập pháp ngay từ thời gian đầu cầm quyền đã tiếp thêm động lực, tạo điều kiện để Chính quyền D.Trump hiện thực hóa các chính sách của mình, mà tiêu biểu trong đó là Chiến lược ẤĐD-TBD.

2.2.3.4. Vai trò cá nhân Tổng thống D.Trump

D.Trump được coi là một ngoại lệ của chính trị Mỹ trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là đối ngoại. Trưởng thành từ một gia đình thuần túy kinh doanh, là một tỷ phú, nên thế giới quan của D.Trump rất thực dụng và mang tính cá nhân cao. Vị tổng thống này luôn tỏ ra tự tin về bản thân, khẳng định sự vĩ đại và quan trọng của mình, khuếch trương thành tựu, thể hiện rằng cá nhân có thể giải quyết mọi việc [13]. Vì vậy, những ưu tiên đối ngoại của D.Trump ngay khi lên nắm quyền đều xoay quanh những niềm tin mãnh liệt vào bản thân ông với những trọng tâm: (i) Luôn đặt lợi ích của nước Mỹ lên trên hết; (ii) Đánh bại tổ chức nhà nước Hồi giáo tự xưng (IS), chấm dứt những nỗ lực can thiệp quân sự tại nước ngoài của Quân đội Mỹ, đồng thời thắt chặt nhập cư từ khu vực đông dân Hồi giáo và tập

trung khủng bố; (iii) Xây dựng bức tường biên giới với Mexico; (iv) Buộc các đồng minh châu Âu (NATO) và các đồng minh châu Á (Nhật Bản, Hàn Quốc) phải đóng góp nhiều hơn và chia sẻ nghĩa vụ an ninh; (v) Cam kết không để Trung Quốc lợi dụng Mỹ và liệt Trung Quốc vào danh sách các nước thao túng tiền tệ.

Đáng chú ý, trong bài diễn văn duy nhất mà D.Trump trình bày về chính sách đối ngoại đăng trên website tranh cử của mình, D.Trump đưa ra 5 nhược điểm của chính sách đối ngoại Mỹ dưới thời Obama, gồm: (i) Nguồn lực bị dàn trải, đi tái thiết quốc gia khác nhưng lại tự làm yếu bản thân mình; (ii) Các đồng minh không đóng góp thích đáng để chia sẻ gánh nặng an ninh. Họ xem Mỹ như là nước yếu đuối, dễ tha thứ, và không cảm thấy nghĩa vụ phải tôn trọng các thỏa thuận với Mỹ; (iii) Các bạn bè Mỹ bắt đầu nghĩ rằng họ không thể dựa vào Mỹ, do chính quyền Obama không quan tâm đến bạn bè (như gây bất lợi cho Israel); (iv) Các đối thủ của Mỹ không còn tôn trọng Mỹ: chính quyền Obama đối xử quá mềm mỏng với Cuba, Triều Tiên, trong vấn đề thương mại với Trung Quốc, khiến cho các đối thủ nghĩ là họ muốn làm gì cũng được; (v) Mỹ không còn có một nhận định rõ ràng về mục tiêu chính sách đối ngoại dẫn đến một loạt các sai lầm ở Iraq, Libya, Syria, và tạo ra ISIS. Với những phê phán như vậy, cộng với đặc điểm tính cách luôn đề cao cá nhân, muốn khuếch trương danh tiếng, nên D.Trump tập trung vào những vấn đề nóng, thu hút sự quan tâm của dân chúng và truyền thống như Trung Quốc, Nga, Cuba, Israel, ISIS... Bên cạnh đó, do chống giá trị phe cánh tả nói chung và chống Obama nói riêng, cộng với sự thiếu kinh nghiệm trong hoạch định và thực thi chính sách đối ngoại, D.Trump hướng đến sự thay đổi có tính lật ngược cả nền tảng của người tiền nhiệm. Đặt "nước Mỹ lên trên hết" trong mối quan hệ đối lập đơn giản: nước Mỹ với những quốc gia/tổ chức không còn sợ Mỹ và/hoặc lợi dụng Mỹ. Khẩu hiệu "nước Mỹ trên hết" trở thành nguyên tắc đối ngoại của D.Trump với khuôn khổ là lợi ích hữu hình được đặt lên hàng đầu, hơn là lợi ích dài hạn chưa thấy rõ. Ví dụ, trong xử lý mối quan hệ với Trung Quốc, thay vì chính sách "lôi kéo" Trung Quốc với những ngôn từ như "hoan nghênh sự trỗi dậy của một Trung Quốc thịnh vượng, hòa bình và ổn định" hay "làm sâu đậm hợp tác", "đôi bên cùng có lợi", D.Trump khẳng định nước này là đối thủ của Mỹ và "đang cười vào mặt chúng ta" vì một loạt vấn đề [13]. Chính vì vậy, Chính

quyền D.Trump tuyên bố chiến lược Tái cân bằng chấm dứt và cho ra đời Chiến lược ẤĐD-TBD (dù thực tế có thể coi đây là sự tiếp nối của chiến lược Tái cân bằng, với mục tiêu, nguyên tắc, phương hướng hành động và trụ cột chính sách tương tự, dù có khác biệt về phạm vi địa lý, nhấn mạnh đến vai trò của Ấn Độ và tính đối kháng trực diện với Trung Quốc hơn). Có thể nói, trong sự hình thành Chiến lược không thể phủ nhận vai trò cá nhân của D.Trump.

Bên cạnh đó, là một nguyên thủ quốc gia theo chủ nghĩa hiện thực điển hình, D.Trump không giấu diếm theo đuổi chính sách "hòa bình dựa trên sức mạnh" và quyết tâm khôi phục vị thế siêu cường của Mỹ về quân sự. Vì vậy, chỉ riêng trong năm 2018, ngoài việc thông qua Chiến lược Quốc phòng, D.Trump đã có một loạt những điều chỉnh chính sách đáng chú ý về quân sự nhằm nâng cao vai trò, sức mạnh và sự hiện diện quân sự của Mỹ tại các khu vực, cụ thể: (i) Ngày 02/02/2018, thông qua Báo cáo đánh giá tình trạng hạt nhân mới 2018, theo đó Mỹ sẽ tập trung phát triển các loại vũ khí hạt nhân theo hướng nhỏ gọn hơn để linh hoạt đối phó với các tình huống khẩn cấp và tiếp tục duy trì bộ ba hạt nhân chiến lược cho đến khi có các chương trình hạt nhân thay thế khác; (ii) Ngày 30/5/2018, đổi tên PACOM thành INDOPACOM nhằm mở rộng phạm vi đảm trách và hoạt động của Quân đội Mỹ; (iii) Ngày 09/8/2018, Phó Tổng thống Mike Pence công bố chi tiết kế hoạch về việc thành lập Lực lượng vũ trụ, quân chủng thứ 6 của nước này vào năm 2020, nhằm tăng cường khả năng đối phó với các mối đe dọa an ninh mới nổi; (iv) Ngày 13/8/2018, thông qua "Luật Ủy quyền Quốc phòng" với ngân sách kỷ lục dành cho Quân đội là 716 tỷ USD; (vi) Ngày 24/8/2018, Hải quân Mỹ tuyên bố tái thành lập lại Hạm đội 2 để đối phó với "mối uy hiếp của Nga trong khu vực". Hạm đội này sẽ được bố trí tại vùng biển phía Đông nước Mỹ, biển Barents và khu vực duyên hải nằm giữa Na Uy và Nga nhằm tăng cường cho Quân đội Mỹ tại Bắc Đại Tây Dương...

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Chiến lược ÁĐD-TBD tự do và rộng mở của Mỹ được hình thành dựa trên cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn. Về mặt nội hàm, chiến lược được hiểu là việc Mỹ sử dụng tổng thể các phương châm, chính sách và mưu lược được hoạch định để xác định mục tiêu, sắp xếp, quy tụ lực lượng và đề ra giải pháp để đạt được trạng thái vững mạnh về quân sự phù hợp với vị thế sức mạnh tổng hợp quốc gia của Mỹ nhằm giữ vững hòa bình, đẩy lùi, ngăn chặn các hành động gây chiến của kẻ thù và sẵn sàng đánh thắng chiến tranh dưới mọi hình thức, quy mô, trong mọi tình huống tại khu vực ÁĐD-TBD. Nghiên cứu quá trình hình thành từ khi được D.Trump công bố lần đầu tiên cho thấy Chiến lược được triển khai đồng bộ, phù hợp với nhu cầu và các tính toán của Mỹ trong bối cảnh D.Trump cho rằng nước Mỹ đang không an toàn khi bị các đối thủ (Trung Quốc, Nga) gây sức ép về cạnh tranh ảnh hưởng rất đáng lo ngại tại khu vực ÁĐD-TBD và Mỹ buộc phải hành động. Về mặt lý thuyết, chiến lược này có thể được giải thích trên cơ sở nghiên cứu các luận điểm cơ bản của chủ nghĩa hiện thực và tân hiện thực, trong đó nhấn mạnh tính vô chính phủ của môi trường quốc tế và sự vị kỷ của các quốc gia trong đảm bảo an ninh và lợi ích. Tuy nhiên, do đây là một chiến lược tập hợp lực lượng khu vực và phản ánh vai trò cá nhân tương đối lớn của D.Trump, nên cũng có thể được giải thích trên cơ sở của chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa kiến tạo.

Về mặt thực tiễn, Chiến lược ÁĐD-TBD tự do và rộng mở của Chính quyền D.Trump là sự phát triển tất yếu từ những thúc đẩy của tình hình thực tế. Có thể nói, chiến lược này xuất phát và dựa trên những cơ sở mà thực tiễn đặt ra, cả ở bên trong và bên ngoài. Đầu tiên là yêu cầu hành động để khôi phục lợi thế cạnh tranh sức mạnh quân sự, đặc biệt là đối phó với sự trỗi dậy của Trung Quốc cũng như tình hình an ninh khu vực. Tất cả không ngoài mục tiêu nào khác là đảm bảo lợi ích và duy trì vị thế của Mỹ tại một khu vực đầy biến động như ÁĐD-TBD nói riêng và trên toàn thế giới nói chung. Những yêu cầu đó cần được đáp ứng bằng việc hoạch định một chiến lược dựa trên những cơ sở nền tảng mà không một quốc gia nào có được ngoài Mỹ được thể hiện qua sức mạnh tổng lực quốc gia vượt trội, lịch sử can dự lâu dài tại khu vực ÁĐD-TBD và sự ủng hộ từ các nước đồng minh,

đối tác, kết hợp với yếu tố nội bộ thuận lợi, phù hợp như nền tảng chí hướng chung trong nội bộ chính trường Mỹ và yếu tố đột biến là cá nhân D.Trump, người có xu hướng phủ nhận hoàn toàn thành quả của chính quyền tiền nhiệm Obama và luôn đặt mình ở vị trí trung tâm, nỗ lực đưa "nước Mỹ vĩ đại trở lại", đã tạo nên kết quả là một chiến lược đáp ứng những yêu cầu cấp thiết của vị Tổng thống thứ 45 của nước Mỹ - Chiến lược ÁĐD-TBD tự do và rộng mở.

CHƯƠNG 3. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH, BIỆN PHÁP VÀ THỰC TIỄN TRIỂN KHAI CHIẾN LƯỢC ẤN ĐỘ DƯƠNG - THÁI BÌNH DƯƠNG TỰ DO VÀ RỘNG MỞ CỦA MỸ TRÊN KHÍA CẠNH AN NINH QUÂN SỰ

3.1. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ BIỆN PHÁP TRIỂN KHAI

3.1.1. Quá trình hình thành và phạm vi Chiến lược

Được công bố chính thức vào tháng 10/2017, nhưng thực chất Chiến lược ẤĐD-TBD đã được Chính quyền D.Trump dành 10 tháng để thảo luận và chấp nhận. Dự luật đầu tiên đánh dấu bước chuyển từ Chiến lược Tái cân bằng châu Á - TBD sang ẤĐD-TBD là việc ngày 24/5/2017, Chính quyền D.Trump trình dự thảo Luật Tăng cường an ninh khu vực Ấn Độ-CÁ-TBD (số H.R.2621, được thông qua tại kỳ họp 115 của Quốc hội Mỹ) [174]. Theo đó, H.R.2621 đề xuất năm tài khoá 2018 Mỹ cần chi khoảng 2,1 tỉ USD để thực hiện 2 nội dung quan trọng tại khu vực CÁ-TBD: (1) Tăng cường khả năng sẵn sàng chiến đấu và thúc đẩy các hoạt động quân sự trọng yếu của Quân đội Mỹ tại đây; (2) Củng cố quan hệ với các đồng minh và đối tác, nhằm thực hiện mục tiêu chung là duy trì hòa bình và an ninh. Trên tinh thần đó, Mỹ tái khẳng định cam kết bảo đảm an ninh cho các đồng minh (Nhật Bản, Hàn Quốc); xác định Trung Quốc và Triều Tiên là mối đe dọa an ninh đối với Mỹ và đồng minh trong khu vực; tăng cường cơ chế hợp tác quốc phòng ba bên (Mỹ-Nhật-Hàn); tăng cường đối thoại với các nước ASEAN; duy trì hoạt động hàng không và hàng hải ở Biển Đông; tái khẳng định các cam kết an ninh đối với Đài Loan; đẩy mạnh quan hệ đồng minh quân sự Mỹ - Australia; tiếp tục giúp huấn luyện và hỗ trợ quân đội Philippines; chia sẻ thông tin hàng hải đối với Indonesia, Malaysia; chuyển giao tàu tuần duyên cho Việt Nam; tổ chức biệt đội Không quân Mỹ - Singapore ở Guam…[185].

Tháng 6/2017, phát biểu tại Đối thoại Shangri-La 16, mặc dù sử dụng khái niệm "CÁ-TBD", BTQP Mỹ James Mattis đã chỉ ra ba con đường để Chính quyền D.Trump duy trì trật tự ở khu vực, định hình khuôn khổ về một khu vực ẤĐD-TBD tự do và rộng mở sau này: (i) Tăng cường hệ thống đồng minh; (ii) Triển khai hợp tác quốc phòng với các nước trong khu vực; (iii) Tăng cường sức mạnh quân sự của Mỹ ở khu vực, đồng thời đưa ra những đảm bảo chiến lược rằng Mỹ

sẽ tiếp tục hiện diện ở khu vực. Điều này cho thấy bộ máy chính quyền mới của D.Trump có sự kế thừa Chiến lược Tái cân bằng châu Á của chính quyền tiền nhiệm Obama trong xây dựng Chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở.

Tháng 11/2017, D.Trump đến Việt Nam tham dự Hội nghị các nhà Lãnh đạo APEC và chính thức đưa ra khái niệm về một "ẤĐD-TBD tự do và rộng mở" - biểu tượng chung cho chiến lược khu vực của Mỹ. Cũng trong tháng 11/2017, cơ chế đối thoại an ninh bốn bên Mỹ - Nhật Bản - Australia - Ấn Độ (nhóm Bộ Tứ - QUAD) đã khởi động lại sau 10 năm.

Tháng 12/2017, Chính quyền D.Trump ban hành "Chiến lược An ninh Quốc gia", trong đó làm rõ rằng chiến lược của Mỹ ở khu vực CÁ-TBD đã được nâng cấp thành Chiến lược ẤĐD-TBD và đưa ra những góc nhìn mới về "cạnh tranh nước lớn". Theo nội dung Chiến lược, trật tự thế giới trong tương lai tại khu vực ẤĐD-TBD là một cuộc cạnh tranh địa chính trị giữa "tự do" hay "áp bức". Trong khi Mỹ theo đuổi các giá trị "tự do" từ ngày lập quốc thì "Trung Quốc và Nga đã bắt đầu định hình lại ảnh hưởng trên phạm vi khu vực và toàn cầu". Vì vậy, "Mỹ phải xác lập ý chí và năng lực để cạnh tranh và ngăn chặn mọi sự chuyển dịch bất lợi cho Mỹ ở khu vực ẤĐD-TBD" [104]. Chiến lược An ninh Quốc gia khẳng định sẽ đạt được mục tiêu này nếu Mỹ triển khai lực lượng với sự hỗ trợ từ các thỏa thuận hợp tác trong nhóm Bộ Tứ với Ấn Độ, Nhật Bản, Australia và các thỏa thuận song phương với các đối tác như Indonesia, Singapore và Việt Nam [65].

Tháng 01/2018, BQP Mỹ công bố "Chiến lược Quốc phòng", chỉ rõ Mỹ quay trở lại cạnh tranh chiến lược dài hạn, chống lại thách thức chủ yếu đến từ "chủ nghĩa xét lại" [140], nhận định các đối thủ gồm Trung Quốc và Nga. Vì vậy, nhiệm vụ ưu tiên của BQP là cạnh tranh chiến lược lâu dài với Trung Quốc và Nga. Các mục tiêu quốc phòng của Mỹ bao gồm: Duy trì ưu thế sức mạnh quân sự của các lực lượng tác chiến liên hợp; duy trì cân bằng lực lượng có lợi ở khu vực ẤĐD-TBD; gánh vác trách nhiệm phòng thủ chung với các đồng minh; ngăn chặn phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, chống khủng bố; đảm bảo sự mở và tự do trên toàn cầu.

Tháng 6/2018, Jame Mattis có bài phát biểu thứ hai tại Đối thoại Shangri-La, lần đầu tiên trình bày nội dung của Chiến lược. Trong đó khẳng định, Chiến lược

ẤĐD-TBD "là một bộ phận trong Chiến lược An ninh quốc gia của Mỹ và là một tập hợp con của chiến lược an ninh rộng lớn hơn, qua đó pháp điển hóa các nguyên tắc của chúng tôi khi nước Mỹ tiếp tục nhìn về phía Tây" [176]. Theo đó, có ba hướng hành động chính của Mỹ trong triển khai Chiến lược ẤĐD-TBD trên lĩnh vực an ninh quân sự, gồm: *Một là,* Mỹ sẽ mở rộng sự quan tâm đối với không gian biển, duy trì các không gian chung trên biển bằng cách hỗ trợ cho các đồng minh và đối tác xây dựng các lực lượng Hải quân và các lực lượng thực thi pháp luật, xây dựng năng lực nhằm tăng khả năng giám sát và bảo vệ lợi ích và trật tự trên biển. *Hai là,* Mỹ sẽ chú trọng tăng cường năng lực, khả năng tác chiến chung thông qua việc tài trợ và bán các trang thiết bị quốc phòng tiên tiến cho các đối tác an ninh khu vực, tăng cường đào tạo quân sự chuyên nghiệp và tiếp xúc thường xuyên cho các sĩ quan quân đội thuộc các nước khu vực ẤĐD-TBD. *Ba là,* Mỹ sẽ tăng cường thượng tôn pháp luật, thúc đẩy pháp quyền, xã hội dân sự và quản trị minh bạch. James Mattis cho rằng, Chiến lược ẤĐD-TBD là sự tái khẳng định "trật tự dựa trên luật lệ" (rules-based order); Mỹ sẽ tiếp tục tham gia sâu rộng vào các cơ chế khu vực hiện hành và ủng hộ vai trò trung tâm của ASEAN trong cấu trúc an ninh khu vực [176].

Đi vào chiều sâu của chiến lược ẤĐD-TBD là bài phát biểu của Phó Tổng thống Mỹ Pence vào tháng 11/2018 tại Hội nghị Bộ trưởng APEC diễn ra tại Papua New Guinea. Pence nhấn mạnh, Mỹ sẽ biến việc xây dựng cơ sở hạ tầng ở khu vực ẤĐD-TBD thành một chính sách ưu tiên, ban hành luật để tăng số tiền hỗ trợ phát triển quốc gia lên 60 tỷ USD và tổ chức lại các công ty đầu tư nước ngoài của Mỹ. Pence cũng công bố bốn chính sách cụ thể khác: hợp tác với Australia xây dựng căn cứ Hải quân Lombrum trên đảo Manus, bơm hơn 400 triệu USD thành lập "Sáng kiến minh bạch khu vực ẤĐD-TBD", hợp tác đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng năng lượng 10 tỷ USD với Nhật Bản tại khu vực, hợp tác với Australia và Nhật Bản để cung cấp điện cho 70% dân số Papua New Guinea vào năm 2030.

Tháng 12/2018, D.Trump ký thông qua luật "Sáng kiến Tái bảo đảm châu Á". Luật này ủy quyền cho chính phủ phân bổ 1,5 tỷ USD hàng năm trong 05 năm tới để hỗ trợ Chiến lược ẤĐD-TBD và yêu cầu Nhà Trắng phải "phát triển một liên minh đồng minh và đối tác chung để thực hiện các hoạt động diễn tập và tự do

hàng hải chung tại khu vực ẤĐD-TBD (bao gồm biển Hoa Đông và Biển Đông), nhằm hỗ trợ hệ thống quốc tế dựa trên các quy tắc có lợi cho tất cả các quốc gia" [24]. Cuối năm 2018, Chiến lược ẤĐD-TBD của Mỹ đã dần xuất hiện với mục tiêu cơ bản là duy trì sự thống trị của Mỹ tại khu vực. Ý tưởng là thúc đẩy "trật tự dựa trên luật lệ", với các nguyên tắc về "tự do và rộng mở", các lĩnh vực bao gồm từ an ninh đến kinh tế, biện pháp là thông qua thúc đẩy quan hệ giữa các đồng minh, đối tác, qua đó củng cố sự hiện diện quân sự, ngoại giao và kinh tế của Mỹ.

Phạm vi chiến lược được thể hiện trong Đạo luật Sáng kiến Tái bảo đảm châu Á (ARIA) được Tổng thống D.Trump đã ký ban hành ngày 31/12/2018. Theo đó, ARIA chú trọng vào "bảo đảm lợi ích an ninh quốc gia quan trọng của Mỹ và của các đồng minh cùng các đối tác của Mỹ". Đạo luật nhắc lại cam kết của Mỹ về tự do hàng hải theo luật pháp quốc tế, và giải quyết các tranh chấp lãnh hải và lãnh thổ bằng con đường hòa bình, nhấn mạnh sự cần thiết phải tăng cường hợp tác an ninh và quốc phòng với các đồng minh và đối tác, đồng thời duy trì sự hiện diện quân sự mạnh mẽ ở khu vực ẤĐD-TBD [24]. Để đảm bảo quyền tự do hàng hải như vậy, ARIA đề xuất khởi xướng "Chiến lược ngoại giao chung ẤĐD-TBD"; trong đó, bao gồm hợp tác với các đồng minh và đối tác để tiến hành đào tạo hàng hải chung và hoạt động tự do hàng hải ở khu vực ẤĐD-TBD.

ARIA đưa ra các tài liệu tham khảo cụ thể về cam kết của Mỹ đối với các liên minh hiệp ước với Nhật Bản (duy trì Hiệp ước an ninh và tương trợ lẫn nhau năm 1960); Hàn Quốc (duy trì Hiệp ước phòng thủ chung ký năm 1953); Australia (duy trì Hiệp ước An ninh ký năm 1951) và khẳng định vai trò thiết yếu của ba đồng minh này trong thúc đẩy hòa bình, an ninh ở ẤĐD-TBD. Mỹ cũng tiếp tục thực hiện Hiệp ước phòng thủ chung ký năm 1951 với Philippines; Hiệp định hỗ trợ quân sự năm 1950 và Hiệp ước phòng thủ chung ký năm 1954 với Thái Lan cũng như các thỏa thuận an ninh song phương khác. Với Ấn Độ, Đạo luật nhấn mạnh tầm quan trọng của quan hệ đối tác chiến lược giữa hai nước, đồng thời cam kết tiếp tục thực hiện Khuôn khổ mới về quan hệ quốc phòng Mỹ - Ấn Độ ký năm 2005, Sáng kiến thương mại và công nghệ quốc phòng Mỹ - Ấn Độ ký năm 2012, Tầm nhìn chung về khu vực ẤĐD-TBD và khu vực ẤĐD khởi động năm 2015.

Với Đài Loan, ARIA khẳng định ủng hộ mối quan hệ gắn bó về kinh tế,

chính trị và an ninh giữa hai nước; thúc đẩy tất cả các cam kết hiện có như Đạo luật quan hệ Đài Loan 1979; 3 tuyên bố chung và 6 thỏa thuận bảo đảm được ký từ thời Ronald Reagan năm 1982; đồng thời chống lại mọi nỗ lực thay đổi hiện trạng và ủng hộ các giải pháp hòa bình mà hai bở eo biển đều chấp nhận được. Về bán vũ khí, Mỹ sẽ chuyển giao định kỳ các danh mục quốc phòng, ủng hộ nỗ lực của Đài Loan nhằm phát triển các loại vũ khí điều khiển từ xa, trinh thám... nhằm đáp ứng việc chống lại đe dọa từ Trung Quốc. Về đi lại, Mỹ khuyến khích các quan chức cấp cao thăm Đài Loan, phù hợp với Đạo luật đi lại Đài Loan (Đạo luật 115-135) được D.Trump ký tháng 3/2018. Đây là lần đầu tiên Mỹ đưa Đài Loan vào và xác định vai trò của hòn đảo này trong Chiến lược.

Mỹ cũng ủng hộ và tái khẳng định mối quan hệ với ASEAN ở tầm Đối tác chiến lược, đồng thời tái cam kết vai trò trung tâm của Hiệp hội. ARIA kêu gọi các thành viên ASEAN có cách tiếp cận chung để tái khẳng định quyết định của Tòa Trọng tài thường trực trong vụ kiện Trung Quốc của Philippines. Đạo luật cũng khẳng định Mỹ sẽ tăng cường quan hệ đối tác an ninh với Indonesia, Malaysia, Singapore và Việt Nam; cam kết với New Zealand; và tăng cường sự tham gia với các quốc gia Nam Thái Bình Dương [24].

Tháng 6/2019, BQP Mỹ đã ban hành "Báo cáo chiến lược ẤĐD-TBD", trong đó xây dựng một cách có hệ thống ý nghĩa Chiến lược ẤĐD-TBD trong lĩnh vực an ninh. Tháng 11/2019, BNG Mỹ cũng công bố báo cáo "Một ẤĐD-TBD tự do và rộng mở - Thúc đẩy tầm nhìn chung", đề cập rõ hơn các góc độ chính trị, kinh tế và QHQT của Chiến lược. Việc công bố 02 báo cáo về "ẤĐD-TBD" chỉ trong vòng 6 tháng cho thấy tầm quan trọng của Chiến lược cũng như những quan tâm mới của Mỹ ở khu vực.

Tài liệu về Cách tiếp cận Chiến lược của Mỹ với Trung Quốc do Chính quyền D.Trump công bố ngày 20/5/2020 khẳng định "thời kỳ can dự của Mỹ với Trung Quốc đã kết thúc". Quan hệ Mỹ - Trung bây giờ là "cạnh tranh nước lớn". Trung Quốc là "đối thủ cạnh tranh trực tiếp", là "cường quốc xét lại", buộc Mỹ phải có cách tiếp cận riêng. Theo đó, để đối phó với Trung Quốc, Tài liệu xác định hai mục tiêu lớn: (i) Nâng cao năng lực của Mỹ và đồng minh, đối tác trong chống lại thách thức từ Trung Quốc; (ii) Buộc Trung Quốc chấm dứt hoặc giảm các hành

động gây tổn hại lợi ích sống còn của Mỹ và đồng minh, đối tác. Để thực hiện các mục tiêu đối phó với Trung Quốc, Mỹ xác định phải "duy trì hòa bình dựa trên sức mạnh". Tài liệu này được Mỹ xác định là để cụ thể hóa Chiến lược An ninh Quốc gia 2017 và Chiến lược Quốc phòng 2018, đồng thời là một phần trong Chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở mà Mỹ đang triển khai ở khu vực.

Trong những ngày cuối cùng của Chính quyền D.Trump, Nhà Trắng tiếp tục công bố "Khung Chiến lược về ẤĐD-TBD" dài 10 trang (ngày 05/01/2021), liệt kê các mục tiêu và biện pháp nhằm triển khai Chiến lược. Trong đó, phần về Trung Quốc, có hai mục tiêu chính: *Một là,* ngăn chặn khả năng Trung Quốc sử dụng vũ lực chống lại Mỹ và các đồng minh, đối tác của Mỹ; phát triển năng lực và các học thuyết để có thể đánh bại mọi cuộc tấn công của Trung Quốc. *Hai là,* duy trì lợi thế tình báo trước Trung Quốc đồng thời đảm bảo Mỹ và các đồng minh, đối tác chống lại được các hành động tình báo của Trung Quốc [127].

Sang thời chính quyền J. Biden, Chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở tiếp tục được triển khai trên thực thực tế dù Mỹ và cả thế giới phải chịu tác động nặng nề của đại dịch Covid-19. Để cụ thể hóa các nội dung chiến lược của mình, ngày 12/02/2022, Nhà Trắng công bố Chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở mới trong đó đề cập đến 05 mục tiêu (thúc đẩy khu vực ẤĐD-TBD tự do và rộng mở; xây dựng các liên kết trong và ngoài khu vực; thúc đẩy thịnh vượng của khu vực; củng cố an ninh khu vực; xây dựng khả năng ứng phó của khu vực trước các mối đe dọa xuyên quốc gia) và 10 nhóm giải pháp thực hiện (tăng cường nguồn lực mới cho khu vực; lãnh đạo khuôn khổ kinh tế ẤĐD-TBD; tăng cường răn đe; tăng cường ASEAN đoàn kết và mạnh mẽ; hỗ trợ vai trò lãnh đạo khu vực và sự trỗi dậy không ngừng của Ấn Độ; củng cố nhóm Bộ Tứ; mở rộng hợp tác Mỹ - Nhật Bản - Hàn Quốc; đối tác để xây dựng sự bền vững tại các quốc đảo TBD; hỗ trợ hoạt động quản lý nhà nước và tăng cường trách nhiệm; hỗ trợ các công nghệ mở, bền vững, an ninh và tin cậy).

Như vậy, chiến lược ẤĐD-TBD đã được xác lập những nét cơ bản ngay từ thời gian đầu nhiệm kỳ của D.Trump và dần được hoàn thiện về mặt nội dung thông qua các đạo luật, báo cáo và tài liệu sau đó (cả thời chính quyền mới của J. Biden). Chiến lược này được triển khai trên một khu vực địa lý rộng lớn, dựa trên

sự liên kết Ấn Độ Dương, Thái Bình Dương và ba trụ cột cơ bản, bao gồm (i) Thượng tôn pháp luật (hàm ý bảo vệ trật tự hiện hành do Mỹ đứng đầu); (ii) Hệ thống đồng minh/đối tác (hàm ý một tập hợp lực lượng rộng lớn hơn do Mỹ làm nòng cốt); (iii) Nhấn mạnh vào nguyên tắc tự do và rộng mở (hàm ý tương phản với các chính sách cưỡng ép các nước trong khu vực và gạt Mỹ ra khỏi khu vực, trước hết là trên biển, nhất là Biển Đông của Trung Quốc). Cơ sở cho việc hình thành Chiến lược của Mỹ sẽ là nội dung trong phần 2 và phần 3 của chương này. Trong đó, Phần 2 về cơ sở lý luận đã phân tích cơ sở ra đời của Chiến lược trên cơ sở 3 lý thuyết quan hệ quốc tế cơ bản là (i) Chủ nghĩa hiện thực, tân hiện thực; (ii) Chủ nghĩa tự do, tân tự do; (iii) Chủ nghĩa kiến tạo. Phần 3 sẽ làm rõ cơ sở thực tiễn cho việc ra đời của Chiến lược, tập trung vào (i) Yêu cầu của tình hình thực tế; (ii) Lợi thế nền tảng; (3) Nội bộ chính trường Mỹ và yếu tố cá nhân D.Trump.

3.1.2. Biện pháp triển khai Chiến lược

Tháng 6/2019, bên lề Đối thoại Shangri-la tại Singapore, Mỹ đã phát hành tài liệu *"Báo cáo Chiến lược ẤĐD-TBD của Mỹ: Sẵn sàng, Đối tác và Tăng cường liên kết khu vực"*. Trong đó khẳng định, ẤĐD-TBD là "chiến trường" ưu tiên của BQP Mỹ. Báo cáo chỉ ra "Trung Quốc đang tìm cách tái định hình khu vực này theo hướng có lợi cho mình, thông qua các hoạt động hiện đại hóa quân đội, mở rộng ảnh hưởng và sử dụng chiêu bài 'kinh tế chiếm đoạt' (predatory economics) để ép buộc các nước khác". Trong khi đó, Mỹ "ủng hộ các lựa chọn thúc đẩy hoà bình và thịnh vượng lâu dài cho khu vực ẤĐD-TBD" và sẽ không chấp nhận các chính sách, hành động mà đe dọa hoặc làm suy yếu "trật tự dựa trên luật lệ quốc tế" - trật tự đem lại lợi ích cho tất cả các quốc gia. Báo cáo cũng thể hiện cam kết của Mỹ về một khu vực ổn định, thịnh vượng thông qua:

Chuẩn bị sẵn sàng: Để có được nền hoà bình thông qua sức mạnh và triển khai các biện pháp răn đe hiệu quả, cần có Lực lượng liên quân được huấn luyện kỹ lưỡng, sẵn sàng chiến thắng trong bất kỳ cuộc xung đột nào, ngay từ khi mới bùng phát. BQP Mỹ, cùng sát cánh với các đồng minh và đối tác sẽ đảm bảo cho các lực lượng có năng lực chiến đấu đáng tin cậy và khả năng gây sát thương đối với các địch thủ mạnh mẽ nhất.

Quan hệ đối tác: Mạng lưới đồng minh và đối tác của Mỹ là một lực lượng

giúp khuếch đại khả năng đạt được nền hoà bình, năng lực răn đe và năng lực hợp đồng tác chiến. BQP Mỹ tăng cường các cam kết đối với các đồng minh và đối tác hiện có, đồng thời mở rộng và làm sâu sắc quan hệ với các đối tác mới.

Thúc đẩy liên kết khu vực: BQP Mỹ thúc đẩy và củng cố quan hệ đồng minh và đối tác trong một kiến trúc an ninh có tính kết nối cao, qua đó đề cao việc tuân thủ "Trật tự dựa trên luật lệ quốc tế". Mỹ cũng sẽ tiếp tục khai thác các quan hệ an ninh liên Á, đủ sức răn đe các hoạt động gây hấn, duy trì sự ổn định và đảm bảo sự tự do trong tiếp cận các giá trị chung.

Tháng 11/2019, bên lề chuỗi Hội nghị Cấp cao ASEAN tại Thái Lan, BNG Mỹ cũng công bố báo cáo *"Một khu vực ẤĐD-TBD tự do và rộng mở: Thúc đẩy một tầm nhìn chung"*. Sau 3 năm triển khai chiến lược, Mỹ đã "xây dựng được một mạng lưới linh hoạt, kiên cường gồm các đối tác an ninh có cùng chí hướng để giải quyết các thách thức chung". Mỹ cũng đảm bảo rằng "Quân đội Mỹ và các đồng minh duy trì khả năng tương tác để ngăn chặn các đối thủ". Báo cáo cho rằng cam kết của Mỹ đối với ẤĐD-TBD được thể hiện thông qua sự hiện diện thường xuyên của khoảng 375.000 nhân viên tại INDOPACOM, cũng như việc Mỹ và Singapore ký gia hạn MOU năm 1990 về việc sử dụng các cơ sở tại Singapore. Thỏa thuận này cho phép Quân đội Mỹ tiếp tục tiếp cận các căn cứ Không quân và Hải quân Singapore và cung cấp hỗ trợ hậu cần cho nhân viên, máy bay và tàu quá cảnh thêm 15 năm. Việc Mỹ và Singapore gia hạn MOU là bước khẳng định, duy trì, thúc đẩy hơn nữa chiến lược duy trì hiện diện của Mỹ ở khu vực.

Ngoài ra, theo Báo cáo này, một trong những trọng tâm quan trọng của Chiến lược ẤĐD-TBD là mở rộng lĩnh vực an ninh và năng lực thực thi pháp luật để chống lại tội phạm xuyên quốc gia. Tháng 8/2019, Mỹ đã mở rộng quan hệ đối tác về chống tội phạm xuyên quốc gia với các nước khu vực sông Mê Kông. Mỹ cũng đã tổ chức chuỗi hội thảo đầu tiên gồm ba phần với Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF) để giải quyết vấn đề an ninh và chia sẻ thông tin hàng không để chống khủng bố và bạo lực cực đoan.

Theo đánh giá của Mỹ, một trong những đe dọa an ninh xuyên quốc gia mà khu vực đang phải đối mặt là an ninh mạng. Vì vậy, Mỹ tăng cường hỗ trợ các đối tác ẤĐD-TBD trong bảo vệ an ninh mạng, chống lại các hoạt động tấn công mạng

mà Mỹ cho là có thể đến từ Triều Tiên, Trung Quốc, Nga và các tổ chức phi nhà nước nhằm đánh cắp tiền, sở hữu trí tuệ và thông tin nhạy cảm khác. Mỹ còn phối hợp với Australia, Ấn Độ, Nhật Bản và Hàn Quốc để xây dựng năng lực không gian mạng trong khu vực ẤĐD-TBD.

Ngoài an ninh mạng, Mỹ cũng hợp tác với các đối tác về việc ngăn chặn sự lây lan của vũ khí hạt nhân và các vật liệu nguy hiểm khác. Mỹ đang hợp tác chặt chẽ để chống lại các nỗ lực phổ biến vũ khí hạt nhân ở Triều Tiên, xây dựng khung kiểm soát thương mại chiến lược, giám sát việc tuân thủ ở tất cả các cảng biển, hàng không và biên giới trên biển. Đồng thời, tiến hành hợp tác xây dựng năng lực và nâng cao nhận thức về các hoạt động phổ biến với các chính phủ, công ty vận chuyển, nhân viên tàu và nhân viên cơ sở để đảm bảo dòng chảy thương mại quốc tế hợp pháp và an toàn.

Về an ninh biển, Mỹ hợp tác với các đối tác ẤĐD-TBD để duy trì tự do hàng hải và các mục đích sử dụng hợp pháp khác trên biển để tất cả các quốc gia có thể tiếp cận và hưởng lợi từ giao thông hàng hải. Tại Biển Đông, Mỹ khẳng định, các yêu sách chủ quyền trong phạm vi "đường chữ U" của Trung Quốc là vô căn cứ, bất hợp pháp, kêu gọi tất cả các bên giải quyết các tranh chấp một cách hòa bình và theo luật pháp quốc tế. Kể từ khi tuyên bố Chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở, Mỹ đã tiến hành hàng loạt các hoạt động hợp tác hàng hải với các nước trong khu vực. Tháng 5/2018, Mỹ tiến hành chuyến tuần tra chung với Hải quân Ấn Độ, Nhật Bản và Philippines tại Biển Đông. Tháng 9 cùng năm, Mỹ và Thái Lan đồng tổ chức cuộc tập trận hàng hải Mỹ - ASEAN đầu tiên để tăng cường mối quan hệ và chia sẻ thông tin giữa Hải quân. Mỹ cũng mở rộng Sáng kiến thực thi pháp luật hàng hải Đông Nam Á và tiến hành cuộc tập trận Hải quân Malabar lần thứ 23 giữa Mỹ, Nhật Bản và Ấn Độ. Đây là những mở đầu cho một chuỗi các hoạt động tự do hàng hải, tuần tra và diễn tập chung giữa Mỹ và các đồng minh, đối tác trong khuôn khổ Chiến lược.

Theo nội dung Báo cáo này, Mỹ sử dụng 3 biện pháp chính để duy trì sức mạnh nhằm hiện thực hóa các mục tiêu đề ra trong Chiến lược:

Một là, tăng cường "tính sát thương, khả năng phục hồi, sự nhanh nhẹn và sẵn sàng của các lực lượng quân sự liên hợp" thông qua "hiện đại hóa và thiết kế

lại" của Quân đội Mỹ. Báo cáo chỉ rõ việc phải hợp tác với các đồng minh và các nước đối tác để thành lập lực lượng chiến đấu tiền phương sẵn sàng và đáng tin cậy, chiến đấu và giành chiến thắng khi cần thiết. Trên cơ sở triển khai lực lượng ở khu vực Nhật Bản, Hàn Quốc và đảo Guam, Mỹ sẽ bổ sung các triển khai mới ở Nam Á, Đông Nam Á và châu Đại Dương. Hợp tác với Australia trong việc xây dựng căn cứ Hải quân Lombrum ở đảo Manus là một sáng kiến cụ thể cho việc triển khai này. Sự mở rộng của Quân đội Mỹ không chỉ là tăng cường số lượng và chất lượng, mà còn tăng cường khả năng răn đe và cải thiện tình trạng sẵn sàng đối phó với những đối thủ có tiềm lực mạnh và tham vọng lớn như Trung Quốc. Đây cũng là một sự khác biệt lớn giữa Chiến lược ÁĐD-TBD và chiến lược Tái cân bằng CÁ-TBD.

Hai là, tăng cường và mở rộng các liên minh và quan hệ đối tác an ninh với các nước trong khu vực. Báo cáo Chiến lược ÁĐD-TBD đặc biệt nhấn mạnh tầm quan trọng của việc mở rộng năng lực hợp tác với các đồng minh và đối tác. Báo cáo cũng xây dựng một cấu trúc tương tự như các vòng tròn đồng tâm trong hệ thống an ninh khu vực. Vòng trong cùng của cấu trúc này là 05 đồng minh song phương lớn của Mỹ: Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia, Philippines và Thái Lan. Vòng thứ hai là 04 đối tác an ninh Singapore, Đài Loan, New Zealand và Mông Cổ. Vòng thứ ba gồm các quốc gia ở khu vực Nam Á là Ấn Độ, Sri Lanka, Maldives, Bangladesh và Nepal. Vòng thứ tư gồm các quốc gia ở khu vực Đông Nam Á là Việt Nam, Indonesia và Malaysia. Vòng thứ năm là Brunei, Lào và Campuchia. Vòng thứ sáu là các quốc đảo Thái Bình Dương, đặc biệt là Papua New Guinea, Fiji và Tonga. Vòng thứ bảy là Mạng lưới Liên minh toàn cầu, đặc biệt các quốc gia có lợi ích truyền thống ở khu vực ÁĐD-TBD như Anh, Pháp và Canada như hình minh họa dưới đây:

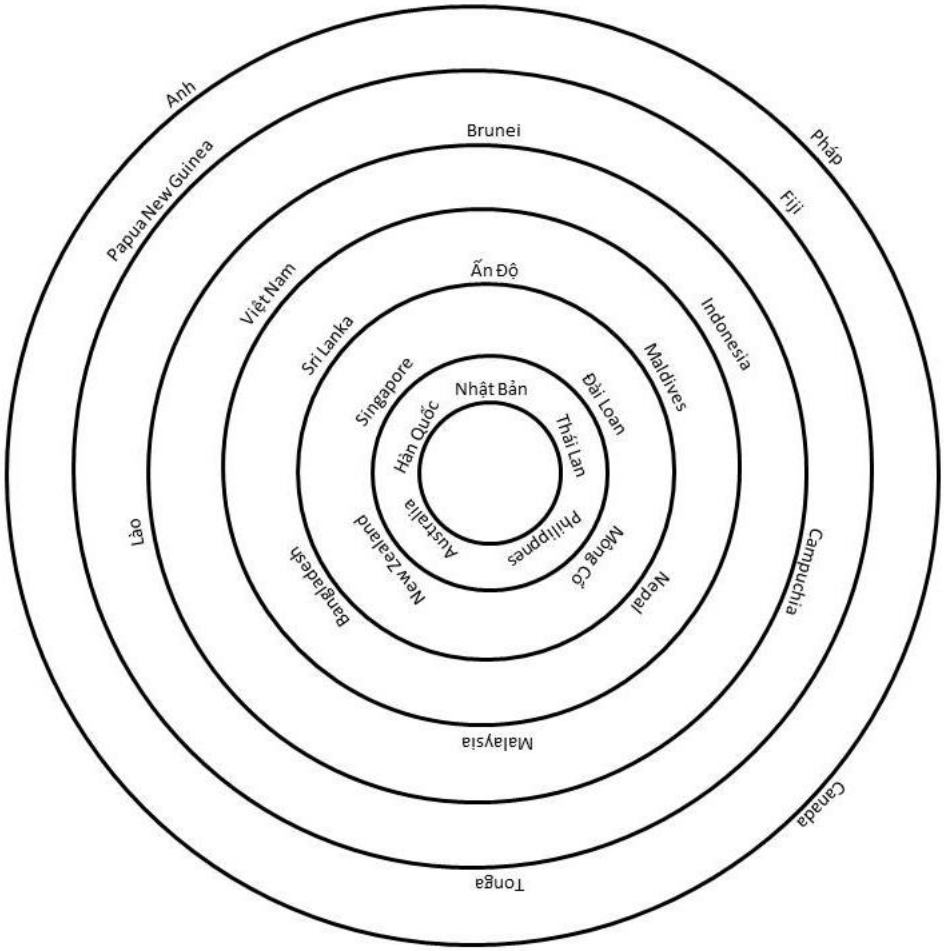

Hình 3.1: Hệ thống an ninh khu vực của Mỹ theo Báo cáo "Một khu vực ẤĐD-TBD tự do và rộng mở: Thúc đẩy một tầm nhìn chung".

Ba là thúc đẩy xây dựng một khu vực kết nối và tổng hợp hơn. Kiểu kết nối này đã bắt đầu từ thời Bush, được củng cố trong Chiến lược Tái cân bằng CÁ-TBD của Obama, và là trụ cột chính trong Chiến lược ẤĐD-TBD của D.Trump. Mục tiêu của mạng lưới hóa là "ngăn chặn sự xâm lược, duy trì sự ổn định và đảm bảo sự can thiệp trong phạm vi cộng đồng". Các đồng minh và đối tác của Mỹ ở khu vực ẤĐD-TBD là nền tảng của chiến lược kết nối này. Có ba cách chính để đạt được mạng lưới này là: *(i)* Ở cấp độ "đa phương nhỏ", Mỹ coi trọng mối quan hệ ba bên giữa Mỹ - Nhật Bản - Hàn Quốc, Mỹ - Nhật Bản - Australia và Mỹ - Nhật Bản - Ấn Độ, và khởi động lại cơ chế Mỹ - Nhật Bản - Australia - Ấn Độ (nhóm Bộ Tứ). *(ii)* Hỗ trợ vị trí trung tâm của ASEAN trong cấu trúc an ninh khu vực ở cấp độ "đa phương" và tham gia vào các cơ chế đa phương khu vực, bao gồm Hội nghị cấp cao Đông Á (EAS), Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF) và Hội nghị Bộ trưởng quốc phòng các nước ASEAN mở rộng (ADMM+). Các dự án cụ

thể bao gồm diễn tập Hải quân chung ASEAN - Mỹ. *(iii)* Mỹ khuyến khích các nước trong khu vực phát triển "quan hệ đối tác có mục tiêu" nhằm tăng cường quan hệ an ninh giữa các đồng minh và đối tác như Việt Nam và Australia, Nhật Bản và Ấn Độ, Nhật Bản và Việt Nam, Nhật Bản và Philippines, Ấn Độ và Việt Nam; cũng như củng cố Ấn Độ - Nhật Bản - Việt Nam; Ấn Độ - Nhật Bản - Australia, Indonesia - Malaysia - Philippines.

Đến tháng 10/2020, để cụ thể hóa hơn các biện pháp triển khai chiến lược, BTQP Mỹ Mark Esper đã công bố 02 sáng kiến mới về tăng cường mạng lưới đồng minh và đối tác nhằm chuẩn bị cho cuộc cạnh tranh lâu dài với các đối thủ như Nga và Trung Quốc trong khu vực ẤĐD-TBD, gồm *(1)* "Hướng dẫn phát triển mạng lưới đồng minh và đối tác" (GDAP) và *(2)* "Hiện đại hóa thương mại quốc phòng". Mục đích của các sáng kiến này nhằm giúp Mỹ xây dựng năng lực của các quốc gia có cùng chí hướng, thúc đẩy khả năng tương tác với các "lực lượng quân sự thân thiện" và nâng cao nền tảng công nghiệp nội địa để gia tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường toàn cầu. Ngoài ra, Mỹ cũng xây dựng những lộ trình và cách thức để cùng với các đồng minh "đẩy lùi" các mối đe dọa từ Nga và Trung Quốc.

Theo nội dung tài liệu, Mỹ xác định GDAP là cách tiếp cận chiến lược và toàn diện, là phiên bản đầu tiên nhằm tăng cường liên minh và xây dựng các mối quan hệ đối tác trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu giữa các cường quốc hiện nay. GDAP sẽ cho phép BQP Mỹ sắp xếp thứ tự ưu tiên, điều chỉnh và đồng bộ hóa các hoạt động hợp tác an ninh giữa các cơ quan chức năng theo quy định trong Điều 10, Bộ Pháp điển của Mỹ để xây dựng năng lực đối tác; diễn giải rõ ràng hơn về những nhu cầu của BQP Mỹ đối với vai trò của đồng minh, đối tác thông qua kế hoạch phân bổ lực lượng trong tương lai; giúp Mỹ trong việc hỗ trợ các đồng minh và đối tác định hình lực lượng quân đội theo hướng hiệu quả hơn; đồng thời nâng cao chất lượng đánh giá và giám sát các tiến trình thông qua các công cụ có sẵn của BQP. Đối với đồng minh và đối tác của Mỹ, GDAP đảm bảo rằng các cuộc trao đổi cấp cao được chuẩn hóa trong nội bộ BQP, giúp các nước đồng minh và đối tác nhận được những thông điệp rõ ràng và nhất quán từ Mỹ, tránh tình trạng "mơ hồ, hoang mang" do sự khác biệt giữa các tuyên bố của lãnh đạo chính trị và tướng lĩnh quân sự Mỹ như trước đây. Ngoài ra, sáng kiến GDAP cũng tạo điều

kiện cho lực lượng quân sự nước ngoài được đào tạo trong hệ thống các trường quân sự chính quy của Mỹ, từ đó xây dựng mối quan hệ giữa các thế hệ lãnh đạo kế tiếp của các nước với những tướng lĩnh quân đội cấp cao Mỹ, thực hiện mục tiêu xây dựng, củng cố và tăng cường ảnh hưởng quyền lực mềm của Mỹ với các nước này. Trong khi đó, sáng kiến Hiện đại hóa thương mại quốc phòng sẽ giải quyết 02 vấn đề trọng tâm của Quân đội Mỹ hiện nay: (i) cải cách quy trình xuất khẩu quốc phòng chậm chạp, không rõ ràng và phức tạp, (ii) tăng sức cạnh tranh của các sản phẩm Mỹ trước Nga và Trung Quốc trên thị trường vũ khí thế giới.

- Về cách thức triển khai GDAP:

+ Tăng cường việc chia sẻ gánh nặng và giải quyết thách thức chung giữa Mỹ, đồng minh và đối tác. BTQP Mark Esper khẳng định các đồng minh và đối tác cần "chia sẻ gánh nặng chung" bằng cách tích cực tham gia vào việc đối phó với các mối đe dọa cũng như việc bảo vệ các giá trị chung, tránh tình trạng "một người lái xe miễn phí cho nền an ninh chung". Theo đó, Mỹ yêu cầu mọi quốc gia đồng minh, kể cả những đồng minh ngoài NATO, duy trì các cam kết và đóng góp nhiều hơn vào các hoạt động an ninh tập thể thông qua những hình thức như: tăng cường ngân sách quốc phòng; nâng cao năng lực chiến đấu và khả năng sẵn sàng triển khai lực lượng trong trường hợp cần thiết; đồng thời, chủ động "sát cánh" với Mỹ trong cuộc đối đầu với Trung Quốc và Nga.

+ Đưa chương trình "Giáo dục Quân sự chuyên nghiệp quốc tế" thành công cụ củng cố mối quan hệ đối tác đã có và tìm kiếm các mối quan hệ mới. Hiện nay, Mỹ cho phép các nước đồng minh, đối tác tiếp cận khoảng 400 khóa học quân sự chuyên nghiệp do Mỹ tổ chức nhằm huấn luyện và đào tạo các lãnh đạo quân sự trẻ nước ngoài. Theo đánh giá, những chương trình này đã góp phần củng cố quan hệ của Mỹ với các nước có học viên theo học và bản thân các học viên này cũng có quan điểm gần gũi với Mỹ hơn. Trong thời gian tới, BQP Mỹ chủ trương tăng số lượng học viên thêm 10% vào năm 2021 và nâng con số này lên hơn 50% trong giai đoạn từ năm 2021-2025, đồng thời nỗ lực vận động Lưỡng viện mở rộng thẩm quyền của BQP nhằm tối đa hóa hiệu quả của Chương trình này trong dài hạn.

+ Tìm kiếm những cách thức mới để tối ưu hóa và mở rộng Chương trình Đối tác Nhà nước. Đây là chương trình được Lực lượng Vệ binh Quốc gia Mỹ xây

dựng từ năm 1993 nhằm xây dựng quan hệ với các quốc gia trong khối Xô-viết. Mỹ đã phát triển mạng lưới này từ 03 đối tác ở khu vực Ban-tích lên 82 đối tác trên toàn thế giới; mỗi tiểu bang, vùng lãnh thổ của Mỹ và Đặc khu Columbia có ít nhất 01 đối tác. Hiện nay, chương trình này tiếp tục được phát triển, có 04 mối quan hệ đối tác đang trong giai đoạn xem xét. Dự kiến, BQP Mỹ sẽ thiết lập thêm 08 đối tác vào cuối năm 2025, đồng thời điều chỉnh trọng tâm của Chương trình Đối tác Nhà nước sang các quốc gia mới nổi và có vai trò "tiền tuyến" để cạnh tranh với Nga và Trung Quốc (Việt Nam cũng đã thiết lập chương trình Đối tác bang với tiểu bang Oregan từ tháng 11/2012, chủ yếu trao đổi trong lĩnh vực hỗ trợ nhân đạo - cứu trợ thảm họa).

+ Thông qua chương trình Mua sắm Quốc phòng nước ngoài để góp phần nâng cao năng lực chiến đấu của các đồng minh và đối tác, đồng thời tăng cường khả năng tương tác giữa quân đội đồng minh, đối tác với các lực lượng vũ trang Mỹ. Tại khu vực ẤĐD-TBD, các dự án mua sắm quốc phòng nước ngoài của Mỹ hiện có giá trị hơn 160 tỷ USD, trong đó giá trị của các dự án mới khởi xướng vào năm 2020 là 22 tỷ USD. Đáng chú ý, Mỹ hiện đang cung cấp máy bay chiến đấu F-35 cho Nhật Bản, trực thăng Seahawk và Apache cho Ấn Độ, 16 máy bay tiêm kích cho Đài Loan. Ngoài ra, Mỹ cũng tài trợ quân sự nước ngoài cho các quốc gia trong khu vực, điển hình như việc hỗ trợ 58 triệu USD trong hợp đồng chuyển giao các tàu tuần tra cho Cảnh sát biển Việt Nam nhằm tăng cường an ninh hàng hải ở Biển Đông.

- Về cách thức triển khai Hiện đại hóa thương mại quốc phòng:

+ Cung cấp cho các đồng minh và đối tác khả năng tiếp cận các nguồn lực phù hợp để đối phó với Nga và Trung Quốc. Sáng kiến Hiện đại hóa thương mại quốc phòng tập trung cải cách quy trình xuất khẩu quốc phòng hiện nay, vốn được đánh giá là "chậm chạp, không rõ ràng và phức tạp", từ đó góp phần nâng cao năng lực của các nước đồng minh, đối tác nhằm giảm thiểu nguy cơ hoặc thiệt hại từ các cuộc tấn công vào mạng lưới an ninh của Nga và Trung Quốc.

+ Cải cách các hệ thống xuất khẩu quốc phòng. Từ tháng 9/2020, BTQP Mark Esper đã đưa ra chỉ đạo đối với lĩnh vực xuất khẩu quốc phòng với 04 điểm nổi bật: (i) yêu cầu "khả năng xuất khẩu sớm" đối với các hệ thống vũ khí quan

trọng, (ii) thiết lập một khuôn khổ nhanh đối với việc giới thiệu công nghệ, (iii) ưu tiên những quốc gia có vị trí chiến lược quan trọng để bảo vệ lợi thế và lợi ích tại các thị trường then chốt, (iv) củng cố khả năng dự báo nhu cầu quốc tế để cung cấp thông tin phục vụ đầu tư, thương mại và nâng cao năng lực công nghiệp [26]. Theo đó, BQP Mỹ đang phát triển một cơ chế quản lý mua sắm quân sự nước ngoài có chức năng theo dõi quá trình mua sắm - chuyển giao những thương vụ quan trọng nhất trong lĩnh vực quân sự, đảm bảo các đối tác của Mỹ sở hữu những trang thiết bị và hệ thống phù hợp theo nhu cầu; đồng thời, ưu tiên những thương vụ có khả năng tăng cường tương tác giữa Quân đội Mỹ với quân đội nước ngoài, thiết lập nền tảng công nghiệp phù hợp với các doanh nghiệp trong nước cũng như từ chối các thị trường có liên hệ với Nga và Trung Quốc.

+ Thiết lập mạng lưới toàn cầu. Theo GDAP, chủ trương của Mỹ trong việc thiết lập mạng lưới đối tác toàn cầu "không giống như những đối thủ khác", Mỹ "tôn trọng chủ quyền của mọi quốc gia, bất kể lớn hay nhỏ, duy trì các nguyên tắc và chuẩn mực quốc tế và tin tưởng vào những giải pháp hòa bình trong việc giải quyết tranh chấp". Mỹ cũng hướng tới "thúc đẩy tự do, công bằng và thương mại qua lại". Theo đánh giá của BTQP Mark Esper, cạnh tranh giữa các nước lớn đòi hỏi Mỹ hợp tác với tất cả các quốc gia theo hướng chiến lược hơn, bao gồm cả những quốc gia nhỏ và đang phát triển như Malta, Palau…; tăng cường mối quan hệ với các "nền dân chủ có chung chí hướng" như Ấn Độ và Indonesia; đồng thời tiếp tục thúc đẩy mối quan hệ chiến lược với các đối tác trung thành nhất. Cụ thể, Mark Esper là BTQP Mỹ đầu tiên thăm quốc đảo Palau (hiện được Mỹ đánh giá là quốc gia có vị trí quan trọng để hình thành quyền lực ở Tây Thái Bình Dương). Năm 2019, ông Mark Esper cũng tới thăm Mông Cổ. Tại ẤĐD-TBD, Mỹ xác định mối quan hệ song phương với Ấn Độ có thể trở thành mối quan hệ đối tác có ảnh hưởng lớn nhất trong thế ký XXI. Trong tháng 10/2020, Bộ trưởng Mark Esper và Bộ trưởng Ngoại giao Mike Pompeo đã tham dự Đối thoại Mỹ - Ấn Độ 2+2 về tăng cường hợp tác song phương. Trước đó Mỹ cũng lần đầu tiên tổ chức tập trận quân sự mang tên "Tiger Triumph" với Ấn Độ, từ ngày 13-21/11/2019 dọc theo bờ biển phía Đông Vịnh Bengal, với trọng tâm là hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa và phát triển khả năng hợp tác giữa các lực lượng. Ngoài ra, Mỹ và Ấn Độ cũng

tiếp tục mở rộng các lĩnh vực hợp tác như tổ chức cuộc đối thoại đầu tiên về vấn đề không gian mạng quốc phòng vào tháng 9/2020. Có thể nói, những tài liệu này đã giúp cung cấp một cái nhìn cụ thể về những biện pháp thực thi Chiến lược nói riêng và quá trình triển khai Chiến lược trên thực tiễn của Chính quyền D.Trump nói chung.

- Về biện pháp triển khai với Trung Quốc:

Xuyên suốt trong các phát biểu của Tổng thống D.Trump và các quan chức chính phủ Mỹ từ khi manh nha hình thành một khuôn khổ Chiến lược ÁĐD-TBD tự do và rộng mở, Trung Quốc luôn được nhắc đến là đối tượng chính phải kiềm chế của Mỹ. Điều này được thể hiện rõ trong Chiến lược An ninh Quốc gia Mỹ (2017), Chiến lược Quốc phòng (2018), Báo cáo về Chiến lược ÁĐD-TBD tự do và rộng mở (2019), các Đạo luật về Đài Loan, Chi tiêu quốc phòng (các năm 2017, 2018, 2019), Tái bảo đảm châu Á (2018)… đến những ngày cuối cùng của Chính quyền D.Trump, Nhà Trắng tiếp tục công bố tài liệu "Khung Chiến lược về ÁĐD-TBD" dài 10 trang ngày 05/01/2021, khẳng định cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc sẽ còn tiếp diễn do bản chất chế độ chính trị và kinh tế của hai nước khác nhau, khẳng định Trung Quốc đang đe dọa trực tiếp đến vị thế, vai trò và ảnh hưởng của Mỹ.

Quan điểm chiến lược chung của Mỹ trong tất cả các tài liệu này là Trung Quốc sẽ phá vỡ các quy tắc và chuẩn mực quốc tế để đạt được lợi ích của mình, trực tiếp vi phạm đến lợi ích của Mỹ và đồng minh, làm phá vỡ trật tự khu vực tự do, dựa trên luật pháp mà Mỹ đang theo đuổi. Sức mạnh quân sự, kinh tế và ngoại giao của Trung Quốc sẽ còn gia tăng trong những năm tiếp theo và trực tiếp thách thức khả năng duy trì lợi thế quốc gia của Mỹ ở khu vực ÁĐD-TBD. Bên cạnh đó, Mỹ đánh giá Trung Quốc có tham vọng tìm cách thống trị các công nghệ tiên tiến, bao gồm trí tuệ nhân tạo và di truyền sinh học, khai thác và sử dụng các công nghệ này để phục vụ cho "chế độ độc tài Trung Quốc, đe dọa nghiêm trọng đến xã hội tự do" [105] mà Mỹ và các đồng minh theo đuổi. Đồng thời, Trung Quốc sẽ "không từ bỏ tham vọng thống nhất Đài Loan bằng vũ lực" [105] và từng bước độc chiếm Biển Đông. Để thực hiện các mục tiêu và tham vọng này, Trung Quốc sẽ từng bước phân tán các đồng minh và đối tác của Mỹ ở khu vực, tận dụng mọi cơ

hội làm suy yếu vai trò, ảnh hưởng cũng như sự hiện diện của Mỹ tại đây [105]. Vì vậy, việc phát triển quan hệ với một Ấn Độ ngày càng lớn mạnh, các đồng minh chủ chốt và các nước có cùng chí hướng khác sẽ là cách để Mỹ tạo thế cân bằng và kiềm chế tham vọng của Trung Quốc. Đối với Nhật Bản, Hàn Quốc và Australia, Mỹ luôn khẳng định tăng cường năng lực cho các đồng minh này là biện pháp cốt lõi để thực hiện chiến lược. Theo đó, nếu Hàn Quốc được nhìn nhận là chốt chặn để kiểm soát tình hình trên bán đảo Triều Tiên, thì Ấn Độ, Nhật Bản và Australia cũng như các đồng minh, đối tác khác ở Đông Nam Á, Thái Bình Dương sẽ cùng với Mỹ tạo ra vòng cung vững chắc để kiềm chế Trung Quốc.

Trong Khung Chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở, Mỹ tập trung vào 2 mục tiêu kiềm chế Trung Quốc trên khía cạnh an ninh quân sự:

Một là, ngăn chặn khả năng Trung Quốc sử dụng vũ lực chống lại Mỹ và các đồng minh, đối tác của Mỹ; phát triển năng lực và các học thuyết để có thể đánh bại mọi cuộc tấn công của Trung Quốc. Để thực hiện được mục tiêu này, Mỹ đã và đang: (i) Tăng cường sự hiện diện quân sự ở khu vực ẤĐD-TBD thông qua các căn cứ tại Haiwaii, Guam, Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia… để duy trì lợi thế, từ đó bảo đảm lợi ích và cam kết của Mỹ tại đây; (ii) Xây dựng và triển khai một chiến lược quân sự mạnh để đảm bảo ngăn Trung Quốc có thể chiếm ưu thế trong "chuỗi đảo thứ nhất", bảo vệ các nước cũng như mọi thực thể bên trong và bên ngoài (gồm Đài Loan) của chỗi đảo này; (iii) Hỗ trợ các đồng minh và đối tác tăng cường năng lực an ninh, bao gồm củng cố sức mạnh quân sự và khả năng tác chiến liên hợp, đảm bảo sự độc lập (khỏi Trung Quốc) và tránh được các hành vi cưỡng bức của Trung Quốc. Cùng với đó, mở rộng quan hệ đối tác, từng bước hình thành môi trường tác chiến chung với các nước trong khu vực thông qua các cuộc tập trận, tuần tra chung, tiến hành các FONOPs để hạn chế khả năng Trung Quốc gây sức ép lên các đồng minh và đối tác của Mỹ ở khu vực.

Hai là, duy trì lợi thế tình báo trước Trung Quốc đồng thời đảm bảo Mỹ và các đồng minh, đối tác chống lại được các hành động tình báo của Trung Quốc. Theo đó, Mỹ: (i) Trang bị năng lực cho các đồng minh và đối tác để có thể hợp tác với Mỹ trong các hoạt động chống lại Trung Quốc và chống lại các hoạt động bí mật của Trung Quốc trên lãnh thổ của các nước này; (ii) Mở rộng và ưu tiên các

hoạt động thực thi pháp luật chống lại các hành động gây ảnh hưởng của Trung Quốc. Đề nghị các quốc gia cùng chí hướng làm điều tương tự; (iii) Tăng cường năng lực cho các cơ quan phản gián ở cả khu vực công và tư để vô hiệu hóa năng lực tình báo ngày càng tăng của Trung Quốc; mở rộng ngoại giao tình báo và hợp tác thực thi pháp luật với các chính phủ khác để tăng cường hiểu biết về ý định và năng lực tình báo của Trung Quốc; (iv) Hỗ trợ các đồng minh và đối tác phát triển các tiêu chuẩn cao về phản gián, chống phổ biến vũ khí, an ninh mạng, công nghiệp mạng và quản lý các thông tin đã được phân loại.

Những mục tiêu và biện pháp này được Mỹ cụ thể hóa trong quan hệ các đồng minh, đối tác chủ chốt ở khu vực, từ Nhóm Bộ Tứ, đến các đồng minh Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia, Ấn Độ, ASEAN, các nước Thái Bình Dương…

3.2. THỰC TIỄN TRIỂN KHAI CHIẾN LƯỢC

3.2.1. Củng cố và tăng cường quan hệ với các đồng minh, đối tác

Hệ thống đồng minh, đối tác chính là cơ sở vững chắc nhất để Mỹ triển khai các chiến lược can dự khu vực trên khắp thế giới, trong đó có Chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở. Các quan hệ đồng minh, đối tác là xương sống trong chiến lược của Mỹ, tạo ra một lợi thế lâu dài, bất đối xứng mà khó đối thủ nào có thể so sánh được. Những đồng minh hiệp ước được hình thành từ sau Chiến tranh Thế giới thứ II cũng như các đối tác chia sẻ với Mỹ về các quan ngại an ninh chung chính là "hòn đá tảng" trong Chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở mà Tổng thống D.Trump đang theo đuổi. Vì vậy, việc mở rộng tương tác, phối hợp với các đồng minh, đối tác là ưu tiên của Mỹ trong triển khai Chiến lược.

3.2.1.1. Với hợp tác Bộ Tứ - QUAD

Ý tưởng ra đời nhóm Bộ Tứ đầu tiên là khi Thủ tướng Nhật Bản Abe Shinzo phát biểu trước Quốc hội Ấn Độ tháng 8/2007, đề xuất kết nối Thái Bình Dương với Ấn Độ Dương thành một châu Á rộng lớn hơn. Sau đó, ông kêu gọi Mỹ, Australia, Ấn Độ cùng Nhật Bản - "những nền dân chủ với tư duy tương đồng" phối hợp, trao đổi về các vấn đề an ninh mà các bên có chung lợi ích. Những năm sau đó (2007-2017), Bộ Tứ duy trì một số hoạt động chung như Đối thoại "Chia sẻ thương mại và hợp tác quốc phòng khu vực Ấn Độ Dương" tại Nhật Bản và lên kế hoạch cho một số cuộc diễn tập quân sự… nhưng nhìn chung hoạt

động khá cầm chừng và im ắng. Thủ tướng Nhật Bản đánh giá Bộ Tứ có "tư duy tương đồng" nhưng lợi ích, mục đích của từng thành viên có thời điểm không hoàn toàn đồng nhất. Australia muốn giới hạn Bộ Tứ trong hợp tác thương mại; Ấn Độ không muốn tăng cường quan hệ an ninh trong khuôn khổ này do lo ngại phản ứng bất lợi từ Trung Quốc. Phần lớn các đánh giá thời điểm đó đều cho rằng Bộ Tứ khó có thể trở thành một liên minh hiệp ước để chống lại Trung Quốc.

Tuy nhiên, bối cảnh thế giới khu vực những năm cuối thập kỷ thứ hai của thế kỷ XXI có nhiều biến động, nổi lên nhiều thách thức an ninh mới, phức tạp. Khu vực ẤĐD-TBD là địa bàn trọng điểm chiến lược, nơi hội tụ của 3 nền kinh tế lớn (Mỹ, Trung Quốc, Nhật bản); 7/8 thị trường phát triển nhanh nhất thế giới (Trung Quốc, Ấn Độ, Bangladesh, Timor Leste, Papua New Guinea…); 7/10 quốc gia có quy mô lực lượng quân đội hàng đầu thế giới (Mỹ, Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Pakistan, Austrailia). Vì vậy, kiểm soát được khu vực ẤĐD-TBD về cơ bản sẽ kiểm soát được thế giới. Quan trọng như vậy, nhưng khu vực ẤĐD-TBD mới chỉ có các hiệp ước song phương (như Hiệp ước An ninh Mỹ - Nhật, Hiệp ước phòng thủ song phương Mỹ-Hàn) và các "tam giác quan hệ" Mỹ-Ấn-Nhật, Mỹ-Nhật-Austrailia, thiếu một cơ chế an ninh chung toàn khu vực.

Vì vậy, ngay khi công bố những ý tưởng đầu tiên về một tầm nhìn ẤĐD-TBD tự do và rộng mở, Tổng thống D.Trump đã lấy Bộ Tứ làm hạt nhân để tập hợp lực lượng, thắt chặt quan hệ với các đối tác nhằm kiềm chế, ngăn chặn sự trỗi dậy của Trung Quốc tại khu vực; duy trì lợi ích kinh tế, quyền lực chính trị, sức mạnh quân sự, ngoại giao của Mỹ trên địa bàn trọng điểm chiến lược. Ý đồ chiến lược của Mỹ và các thành viên Bộ Tứ cộng hưởng với sự lo ngại của nhiều nước về các thách thức an ninh, kinh tế… là động lực thúc đẩy Bộ Tứ hồi sinh. Trước sự phản đối của Trung Quốc, thời gian đầu, cả Ấn Độ và Australia đều có những phát biểu dè dặt về sự hình thành và phát triển của Bộ Tứ cũng như mục tiêu mà Nhóm này hướng đến. Vì vậy, BNG bốn nước chỉ duy trì một số cuộc gặp cấp Vụ để thảo luận về các vấn đề mang tính kỹ thuật. Đến ngày 26/9/2019, lần đầu tiên diễn ra cuộc họp cấp Bộ trưởng của Bộ Tứ, thảo luận về việc thúc đẩy một ẤĐD-TBD tự do và rộng mở bên lề Kỳ họp thứ 74 Đại hội đồng LHQ diễn ra tại New York. Ngoại trưởng Mỹ Mike Pompeo khẳng định cuộc họp đầu tiên này là một "sự nâng

cấp đáng kể về mức độ đối thoại và thực sự chứng tỏ sự lãnh đạo của cả 4 quốc gia trong việc thể chế hóa việc tập hợp các đối tác cùng ý tưởng ở ÁĐD-TBD" [129]. Cuộc họp cấp Bộ trưởng lần thứ 2 của Nhóm được tổ chức vào ngày 06/10/2020 tại Tokyo trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến rất phức tạp, lãnh đạo cao nhất BNG 4 nước vẫn nhóm họp trực tiếp. Tại đây, Ngoại trưởng Pompeo nêu rõ "mong đợi sự quyết tâm bảo vệ chủ quyền và tự do quý giá của chúng ta ở các quốc gia trong khu vực". Đồng thời khẳng định, "với tư cách là các đối tác trong nhóm Bộ Tứ, điều quan trọng hơn bao giờ hết trong thời điểm hiện nay là chúng ta phải phối hợp để bảo vệ người dân và các đối tác của chúng ta khỏi những hành động gây hấn của Trung Quốc" [131]. Ngoại trưởng Pompeo viện dẫn các hoạt động của Trung Quốc tại biển Hoa Đông, sông Mê Công, dãy Himalaya và Eo biển Đài Loan là "những ví dụ điển hình cho cách hành xử mang tính gây hấn của Bắc Kinh". Trước đó, từ tháng 3/2020, Thứ trưởng Ngoại giao nhóm Bộ Tứ và các đối tác New Zealand, Hàn Quốc và Việt Nam đã họp trực tuyến định kỳ, dấu hiệu của một cơ chế "Bộ Tứ +" dù chủ đề thảo luận chủ yếu tập trung vào "Mạng lưới kinh tế thịnh vượng (EPN)" theo đề xuất của Mỹ nhằm đa dạng hóa chuỗi cung ứng toàn cầu với "các đối tác tin cậy".

Trong suốt nhiệm kỳ của mình, dấu ấn lớn nhất của Chính quyền D.Trump với nhóm Bộ Tứ là 2 cuộc họp cấp Bộ trưởng Ngoại giao này cùng một số hoạt động diễn tập đa phương với 3 nước còn lại (đặc biệt là diễn tập Malabar sẽ được đề cập trong phần về Ấn Độ). Phải đến giai đoạn Joe Biden lên nắm quyền, hoạt động của nhóm Bộ Tứ mới được đẩy lên một bước mang tính bước ngoặt hơn, đó là lần đầu tiên các nhà lãnh đạo 4 nước tiến hành Hội nghị Thượng đỉnh theo hình thức trực tuyến. Tại đây, Tổng thống Mỹ Joe Biden, Thủ tướng Nhật Bản Suga Yoshihide, Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi và Thủ tướng Australia Scott Morrison khẳng định, ÁĐD-TBD tự do và rộng mở là điều thiết yếu đối với tương lai của các nước này. Thủ tướng Modi tuyên bố, nhóm Bộ Tứ đã phát triển đến giai đoạn chín muồi và sẽ vẫn là một trụ cột quan trọng cho sự ổn định trong khu vực ÁĐD-TBD. Kết thúc Hội nghị, 4 nhà lãnh đạo đã ra tuyên bố chung "Tinh thần Bộ Tứ", gồm các điểm chính (i) Cam kết thúc đẩy một trật tự tự do, rộng mở, dựa trên luật lệ và bắt nguồn từ luật pháp quốc tế để thúc đẩy an ninh, thịnh vượng cũng

như chống lại các mối đe dọa ở ẤĐD-TBD và các khu vực khác; (ii) Ủng hộ pháp quyền, tự do hàng hải và hàng không, giải quyết hòa bình các tranh chấp, các giá trị dân chủ và toàn vẹn lãnh thổ; cam kết làm việc cùng nhau và với nhiều đối tác; (iii) Ủng hộ mạnh mẽ sự đoàn kết và vai trò trung tâm của ASEAN cũng như Tầm nhìn ASEAN về ẤĐD-TBD; (iv) Tiếp tục ưu tiên vai trò của luật pháp quốc tế trong lĩnh vực hàng hải, đặc biệt như được phản ánh trong UNCLOS 1982, và thúc đẩy hợp tác, bao gồm cả trong lĩnh vực an ninh hàng hải, nhằm giải quyết các thách thức đối với trật tự hàng hải dựa trên luật lệ ở Biển Đông và biển Hoa Đông; (v) Nhắc lại cam kết về việc phi hạt nhân hóa hoàn toàn Triều Tiên theo các nghị quyết của HĐBA LHQ, các bên khẳng định sự cần thiết của việc lập tức giải quyết vấn đề người Nhật Bản bị bắt cóc [130]. Có thể thấy dù ý tưởng ban đầu là của Nhật Bản, nhưng với xuất phát điểm là tập hợp các "nền dân chủ tương đồng", nên Mỹ đã thể hiện vai trò tích cực hơn. Việc ngay khi công bố những ý tưởng đầu tiên về một ẤĐD-TBD tự do và rộng mở, D.Trump đã gắn kết khuôn khổ hợp tác này với nhóm Bộ Tứ, cho thấy Mỹ đặc biệt coi trọng vai trò của các quốc gia trong Nhóm này. Dù đến nay vẫn còn nhiều hoài nghi về hiệu quả và triển vọng thực sự của Bộ Tứ, nhưng với sự tham gia tích cực của Mỹ, Nhóm này sẽ còn có nhiều hợp tác trực tiếp thách thức Trung Quốc.

Từ khi Joe Biden lên nắm quyền, hoạt động của QUAD được đẩy lên cao độ, đưa Bộ Tứ phát triển thành một "liên minh mềm" giữ vai trò trụ cột trong chiến lược "ẤĐD-TBD tự do và rộng mở", khiến Trung Quốc bất an. Phát biểu tại Malaysia trong chuyến công du Đông Nam Á năm 2020, BTNG Trung Quốc Vương Nghị cảnh báo Bộ Tứ là một phần trong nỗ lực của Washington nhằm xây dựng một "NATO Indo-Pacific" hay "NATO châu Á" và "nếu được xúc tiến, nó không chỉ quay ngược dòng lịch sử mà còn đánh dấu sự bắt đầu của hiểm nguy", đồng thời sẽ phá hoại nghiêm trọng an ninh khu vực [204]. Chính quyền Tổng thống Joe Biden đang triển khai chính sách đối ngoại "nước Mỹ trở lại" thay cho "nước Mỹ trên hết" của cựu Tổng thống D.Trump. Mỹ sẽ đóng vai trò tích cực và tham gia sâu rộng vào hệ thống quốc tế, coi trọng chủ nghĩa đa phương, tham vấn các đồng minh, đối tác trong xử lý các vấn đề quốc tế, trong đó Mỹ thúc đẩy vai trò của các cơ chế khu vực và đa phương như NATO, Bộ Tứ, hình thành tập hợp

lực lượng từ Đại Tây Dương đến Thái Bình Dương để ngăn chặn ảnh hưởng của Trung Quốc. Bên cạnh đó, Mỹ sẽ đóng vai trò điều phối nhằm phối hợp giữa nhóm Bộ Tứ và EU trong việc đề ra các tiêu chuẩn mới về công nghệ, thương mại, phối hợp giữa Bộ Tứ và NATO để tăng cường hợp tác về bảo đảm an ninh hàng hải. Mỹ đang hợp tác với Ấn Độ trong khuôn khổ Bộ Tứ để kiềm chế Trung Quốc; đồng thời, thông qua Ấn Độ để kiềm chế Nga. Mỹ đã cam kết sẽ bảo vệ và tăng cường hợp tác với Nhật Bản trong việc triển khai thực hiện chiến lược FOIP, ủng hộ tự do hàng hải dựa trên luật pháp quốc tế, đồng thời giải quyết các vấn đề tranh chấp với Trung Quốc tại khu vực biển Hoa Đông, vấn đề Đài Loan, Hồng Kông.[2] Dưới thời D.Trump, Mỹ khá mập mờ về khả năng biến Bộ Tứ trở thành một mô hình hợp tác quân sự cứng để đối phó với Trung Quốc. Ngoại trưởng Mike Pompeo từng phát biểu với truyền thông bên lề cuộc họp các Ngoại trưởng 4 nước nhóm Bộ Tứ tại Tokyo năm 2020 rằng "hi vọng Bộ Tứ sẽ được thể chế hóa để xây dựng một khuôn khổ an ninh thật sự" [125]. Tuy nhiên, phát biểu tại một hội thảo trực tuyến do Viện nghiên cứu cấp cao Chay của Hàn Quốc tổ chức, ông Edgard Kagan, quan chức phụ trách khu vực Đông Á và châu Đại Dương của Hội đồng An ninh Quốc gia Mỹ, khẳng định Bộ Tứ "không phải là một NATO châu Á" [116]. Điều này cho thấy nước Mỹ dưới thời Joe Biden khó có thể phát triển Bộ Tứ thành một mô hình tập hợp lực lượng dưới dạng "đồng mình quân sự cứng" để đối phó với Trung Quốc trong khuôn khổ Chiến lược ÁĐD-TBD tự do và rộng mở.

3.2.1.2. Với Nhật Bản

Nhật Bản được coi là liên minh quân sự quan trọng nhất của Mỹ tại khu vực ÁĐD-TBD. Dù thời điểm khi D.Trump lên nắm quyền, với chính sách "nước Mỹ trên hết", Mỹ đã xảy ra mâu thuẫn với Nhật Bản về chia sẻ chi phí quốc phòng[3], nhưng nhìn chung hợp tác an ninh quân sự giữa hai nước vẫn duy trì xu hướng tăng cường liên tục, đặc biệt trong khuôn khổ Chiến lược ÁĐD-TBD tự do và rộng mở mà cả hai nước đều theo đuổi. Tại các cuộc hội nghị cấp cao, hai bên đã nhất

[2] Mỹ tuyên bố tại Hội nghị"2+2" giữa Bộ trưởng Ngoại giao và Quốc phòng Mỹ và Nhật Bản và Hội nghị thượng định Mỹ - Nhật (16-19/4/2021).

[3] Theo thỏa thuận có thời hạn đến tháng 3/2021, Nhật Bản hàng năm phải trả khoản phí 2 tỷ USD cho sự hiện diện của 54.000 lính Mỹ trên lãnh thổ nước này. Tuy nhiên, từ năm 2019, Donald Trump muốn tăng gấp 4 lần khoản đóng góp tài chính này. Đến ngày 17/2/2021, theo đề xuất của Nhật Bản, hai bên đã đạt thỏa thuận về kéo dài thêm một năm Hiệp định đặc biệt liên quan đến chia sẻ chi phí cho các hoạt động đồn trú của quân đội Mỹ trên lãnh thổ Nhật Bản.

trí tăng cường chia sẻ thông tin tình báo, trinh sát, giám sát và tập trận quân sự, cải thiện cơ chế phối hợp, khả năng chiến đấu chung giữa quân đội hai nước, tích cực thúc đẩy hợp tác an ninh đa phương (như Đối thoại an ninh Mỹ - Nhật Bản - Australia - Ấn Độ), đẩy mạnh hợp tác và thương mại quân sự giữa hai nước,[4] tăng cường huấn luyện quân sự và tập trận chung. Bên cạnh đó, Mỹ và Nhật Bản hiện đang chú trọng triển khai hợp tác trong các lĩnh vực mới như không gian, mạng và sóng điện từ, qua đó thúc đẩy mối quan hệ an ninh quân sự giữa hai nước vượt ra ngoài phạm vi liên minh quân sự khu vực và tiến tới một liên minh chiến lược toàn cầu bao gồm hợp tác toàn diện trong nhiều lĩnh vực.

Trong các tài liệu về triển khai Chiến lược ẤĐD-TBD, như Chiến lược quốc phòng năm 2018 đều xác định Mỹ phải ưu tiên tăng cường quan hệ với các đồng minh, đặc biệt là Liên minh Mỹ - Nhật Bản. Để đối phó với các mối đe dọa chung, BQP Mỹ khẳng định thực hiện đầy đủ tất cả các cam kết trong Hiệp ước an ninh và hợp tác chung Mỹ - Nhật Bản, coi đây là một yếu tố quyết định để duy trì khu vực ẤĐD-TBD tự do và rộng mở.

BQP Mỹ đã cử khoảng 54.000 nhân viên quân sự đến đồn trú tại Nhật Bản, thuộc biên chế Hạm đội 7 của Hải quân Mỹ, Lực lượng viễn chinh III thuộc Thủy quân lục chiến Mỹ, 3 phi đội Không quân, và các đơn vị hoạt động đặc biệt của Quân đội Mỹ. Mỹ cũng đã trang bị nhiều vũ khí hiện đại đến các căn cứ của mình tại Nhật Bản như máy bay chiến đấu F-35, máy bay vận tải cỡ lớn MV, máy bay quân sự CV-22 và tàu sân bay USS RONALD REAGAN - đây cũng là tàu sân bay duy nhất mà Mỹ triển khai tại một nước đồng minh. Hệ thống phòng thủ tên lửa đạn đạo (BMD) được trang bị tương thích với hệ thống của Nhật Bản, gồm Tàu khu trục AEGIS, hệ thống radar BMD tinh vi và một đơn vị tên lửa đánh chặn PATRIOT để chống lại mối đe dọa tên lửa đạn đạo. Tăng cường hợp tác hoạt động giữa các lực lượng Mỹ và Lực lượng phòng vệ Nhật Bản (JSDF) cũng là một ưu tiên, như được nêu trong Hướng dẫn 2015 về Hợp tác Quốc phòng Mỹ - Nhật Bản. Các hoạt động hiện diện song phương khắp khu vực, các nhiệm vụ bảo vệ tài sản lẫn nhau và các cuộc tập trận song phương là một vài lĩnh vực hợp tác mà lực

[4] Năm 2018-2019, Mỹ đã bán 150 tên lửa phòng không "Standard-3" (Block1B/Block2A) cho Nhật Bản với tổng giá 5 tỷ USD.

lượng Mỹ và JSDF cùng thực hiện để thúc đẩy các mục tiêu chung.

Song song với đó, Mỹ tái bố trí các lực lượng của mình tại Nhật Bản theo hướng tạo ra thế trận phù hợp hơn với các điều kiện địa lý, để có thể triển khai nhiệm vụ một cách nhanh chóng, mạnh mẽ, tránh các xung đột vì vấn đề chính trị. Thời gian qua, Mỹ đã thực hiện việc di chuyển Biên đội tàu sân bay Air Wing Five của Hải quân Mỹ tới căn cứ Không quân Thủy quân lục chiến Iwakuni và trả lại hơn 10.000 mẫu đất ở Okinawa cho chính phủ Nhật Bản. Mỹ và Nhật Bản cũng đang hợp tác di dời căn cứ Không quân ra khỏi Futenma tới Camp Schwab ở vịnh Henoko - căn cứ mới của Không quân Thủy quân lục chiến Mỹ, cũng như hợp nhất các căn cứ còn lại của Mỹ để trả đất cho người dân Okinawa. Đồng thời, do phải cùng nhau giải quyết các mối đe dọa từ xu hướng và công nghệ mới, cả Mỹ và Nhật Bản đều chú ý duy trì lợi thế công nghệ, coi đây là ưu tiên hàng đầu để chiến đấu và chiến thắng mọi đối thủ. Để cụ thể hóa mục tiêu này, Mỹ đã đơn giản hóa thủ tục xuất khẩu sản phẩm công nghiệp quốc phòng với Nhật Bản, theo đuổi các cơ hội phát triển và tăng cường hợp tác về không gian mạng và không gian.

Trong năm 2020, dù cả hai nước chịu nhiều tác động của đại dịch Covid-19, Mỹ và Nhật Bản vẫn duy trì các cuộc tiếp xúc cấp cao, đặc biệt là việc Thủ tướng Nhật Bản Suga Yoshihide đã có cuộc điện đàm với Tổng thống D.Trump ngay sau khi nhậm chức nhằm khẳng định tầm quan trọng của mối quan hệ đồng minh Mỹ-Nhật. Đáng chú ý, Mỹ đã phê duyệt bán cho Nhật Bản 105 máy bay chiến đấu F-35 trị giá khoảng 23,11 tỷ USD vào tháng 10/2020 [187]. Hai nước cũng đã hợp tác chặt chẽ thông qua việc tiến hành một số hoạt động diễn tập trên biển Hoa Đông, Biển Đông nhằm thúc đẩy chiến lược ĂĐD-TBD tự do và rộng mở. Đặc biệt, Mỹ và Nhật Bản cũng là hai nước đi đầu trong việc thúc đẩy hợp tác trong khuôn khổ nhóm Bộ Tứ với việc tổ chức một số cuộc diễn tập ở khu vực Biển Đông và Ấn Độ Dương, trong đó có diễn tập thường niên Malabar của nhóm Bộ Tứ (Mỹ, Australia, Nhật Bản và Ấn Độ) vào tháng 11/2020.

Theo đánh giá của Mỹ, lực lượng Mỹ tại Nhật Bản là một thành phần thiết yếu trong khẳng định vị thế đặc biệt của Mỹ ở khu vực và liên minh Mỹ - Nhật Bản là nền tảng của hòa bình và thịnh vượng ở ĂĐD-TBD. Chính vì vậy, Mỹ vẫn duy trì cam kết bảo vệ Nhật Bản và tiến hành làm sâu sắc thêm quan hệ đồng minh

đặc biệt này. Có thể nói, dù hợp tác với Nhật Bản là để chống lại Triều Tiên, hay để cạnh tranh chiến lược lâu dài với Trung Quốc và Nga, thì Mỹ vẫn phải duy trì quan hệ đồng minh này bởi đây là lợi thế bất đối xứng mà các đối thủ của Mỹ ở khu vực không thể có được.

3.2.1.3. Với Australia

Cùng chia sẻ các giá trị của khái niệm ẤĐD-TBD tự do và rộng mở với Mỹ cũng như quan ngại về sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc, cộng với với vị trí địa chiến lược của mình, Australia trở thành trung tâm của Chiến lược do Mỹ định hình một cách tự nhiên [183].

Báo cáo Chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở của Mỹ do BQP Mỹ ấn hành tháng 6/2019 khẳng định "Mỹ và Australia đã sát cánh bên nhau trong mọi trận chiến lớn kể từ Chiến tranh Thế giới thứ nhất" và 2 nước đã kỷ niệm "Một trăm năm bằng hữu đầu tiên" (First Hundred Years of Mateship) năm 2018. Kể từ khi hai nước thiết lập "quan hệ bằng hữu", đã tiến hành rất nhiều các hoạt động, chiến dịch, huấn luyện, diễn tập, chia sẻ thông tin tình báo và phát triển năng lực chung. Mỹ và Australia chia sẻ cam kết xây dựng một lực lượng vũ trang có khả năng tương thích lẫn nhau, hợp tác bảo đảm an ninh ở khu vực ẤĐD-TBD trong tương lai và tìm kiếm cách thức sáng tạo để thích ứng với các mối đe dọa mới. Cả Mỹ và Australia đang tăng cường an ninh ở ẤĐD-TBD thông qua phối hợp các chính sách và ưu tiên có chủ đích hơn, nhấn mạnh đến các cam kết khu vực, thúc đẩy khả năng tương tác để đối phó với các mối đe dọa mới, tăng cường tập trung vào quần đảo Thái Bình Dương và thúc đẩy các sáng kiến về bố trí lực lượng Mỹ - Australia cũng như thông qua các cuộc diễn tập, tuần tra chung [34].

Năm 2018 - 2020, là giai đoạn có nhiều hoạt động hợp tác sâu rộng giữa Australia và Mỹ trên lĩnh vực quốc phòng - an ninh trong khuôn khổ Chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở. Mỹ đã bán cho Australia nhiều vũ khí trang bị hiện đại, như năm 2018, Australia ký hợp đồng với Tập đoàn Northrop Grumman của Mỹ mua 6 máy bay không người lái tầm xa MQ-4C Triton (26/6/2018), trị giá 5,1 tỷ USD [162] nhằm tăng cường khả năng tuần tra, giám sát tại khu vực Đông Nam Á và Biển Đông. Chiếc UAV đầu tiên dự kiến được Australia đưa vào biên chế năm 2023. Hai nước cùng với Anh và New Zealand tham gia Tập trận Hải quân

chung mang tên "Exercise Ocean Explorer", diễn ra trong 03 tuần trong tháng 3/2018. Tháng 9/2018, BTQP Australia Marise Payne thăm Mỹ, khẳng định tầm quan trọng của quan hệ đồng minh và cam kết tăng cường hợp tác song phương trong thời gian tới, cũng như tích cực tham gia vào các hoạt động hợp tác với các đồng minh khác, nhất là thúc đẩy quan hệ hợp tác 4 bên giữa Mỹ - Nhật Bản - Ấn Độ - Australia nhằm hiện thực hoá Chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở.

Năm 2019, Australia và Mỹ tham gia nhiều hơn các cuộc diễn tập song phương và đa phương, như: (i) Từ ngày 22/01-19/02/2019, Australia, Mỹ và Anh đã tham gia diễn tập chung "EX Red Flag" tại Căn cứ Không quân Nellis ở Nevada/Mỹ. Cuộc diễn tập có sự tham gia của 3.000 sĩ quan, binh lính từ 39 đơn vị khác nhau cùng với 95 máy bay chiến đấu, trong đó có 370 sĩ quan, binh lính và 8 máy bay chiến đấu đến từ Australia; (ii) Từ ngày 16/02-08/3, Không quân Australia, Mỹ và Nhật Bản tham gia cuộc diễn tập chung "EX Cope North" tại Guam. Cuộc diễn tập có sự tham gia của 100 máy bay chiến đấu và 3.000 binh lính. Đây là cuộc diễn tập truyền thống hàng năm của ba nước này, nhằm mục tiêu củng cố khả năng sẵn sàng chiến đấu và sự phối hợp giữa quân đội các nước; (iii) Từ ngày 22-28/5, Hải quân Australia, Mỹ, Nhật Bản và Ấn Độ đã tham gia diễn tập mang tên "Pacific Vanguard" tại khu vực đảo Guam, với các khoa mục như triển khai đội hình, bắn đạn thật và tìm kiếm cứu hộ; (iv) Ngày 07/7, Australia, Mỹ, Nhật Bản, New Zealand, Canada và Anh đã tiến hành cuộc diễn tập "Talisman Sabre 2019" tại Cảng Brisbane/bang Queensland. Đây là cuộc diễn tập được tổ chức 2 năm/lần, kéo dài khoảng 02 tuần với sự tham gia khoảng 34.000 quân nhân cùng với 30 tàu chiến và 200 máy bay chiến đấu các loại. Đáng chú ý, Mỹ cử Biên đội tàu sân bay USS Ronald Reagan tham gia cuộc diễn tập này. Ngoài ra, Hàn Quốc và Ấn Độ cử lực lượng tham gia với vai trò quan sát viên và 18 nước khác trong khu vực tham gia với tư cách khách mời; (v) Ngày 10/11, Mỹ, Nhật Bản, Canada và Australia đã tham gia cuộc diễn tập ngoài khơi biển Philippines mang tên Sự kiện diễn tập Thường niên 2019 (ANNUALEX 19) nhằm tăng khả năng hợp tác đối phó với tình huống bất ngờ. (vi) Từ ngày 29/5-07/6/2019, Australia và Mỹ đã tham gia cuộc diễn tập mang tên "Shaken Fury" do Mỹ tổ chức tại bang Tennesse/Mỹ để ứng phó với các thảm họa thiên tai.

Mỹ coi Australia là một trong những trụ cột trong triển khai Chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở nhằm ngăn chặn ảnh hưởng của Trung Quốc đang ngày càng gia tăng tại khu vực, thậm chí Mỹ và Australia đã thảo luận về việc đặt tên lửa tầm trung tại Darwin/Australia. Ngày 19/9/2019, ngay trước thềm chuyến thăm Mỹ, Thủ tướng Australia Morrison đã tiếp tục khẳng định Australia là một đối tác mà Mỹ "có thể tin cậy" trong kỷ nguyên phức tạp về địa - chính trị và cạnh tranh chiến lược. Đồng thời, còn tuyên bố, "việc hợp tác với Mỹ để bảo đảm hòa bình và ổn định ở khu vực ẤĐD-TBD là điều rất quan trọng" và "Liên minh Mỹ - Australia đang mạnh mẽ hơn bao giờ hết". Kết thúc chuyến thăm, Mỹ và Australia đã đạt được nhiều thỏa thuận hợp tác trong lĩnh vực hàng không vũ trụ, đất hiếm...

Ngoài ra, hai nước cũng tăng cường thúc đẩy các cơ chế hợp tác khác như tổ chức Đối thoại Chiến lược Quốc phòng-Ngoại giao (Đối thoại 2+2) tại Sydney/Australia (ngày 04/8/2019); cuộc họp ba bên (Mỹ, Nhật Bản và Australia) bên lề Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao các nước ASEAN lần thứ 52 (ngày 02/8/2019); Đối thoại cấp Bộ trưởng Ngoại giao 4 nước Bộ Tứ bên lề kỳ họp Đại hội đồng LHQ, đây là sự nâng cấp đáng kể về cấp độ đối thoại so với các cuộc họp cấp vụ trưởng trước đó.[5] Bên cạnh quan hệ chính trị - ngoại giao, quan hệ quốc phòng Australia với Mỹ cũng được thúc đẩy mạnh mẽ trong năm 2019, như việc Mỹ tiếp tục duy trì khoảng 2.500 quân trong các Căn cứ Darwin/Australia, BTQP Mỹ Mark Esper ngay sau khi nhậm chức đã đến thăm Australia (tháng 8/2019)… Australia là một trong số ít các đồng minh của Mỹ cử lực lượng tham gia chiến dịch bảo vệ các hoạt động vận tải qua Eo biển Hormuz do Mỹ điều phối. Tuy nhiên, quan hệ Australia - Mỹ đang bị chi phối, tác động đáng kể do cạnh tranh Mỹ - Trung gia tăng. Australia khó có thể ủng hộ Mỹ hoàn toàn trong mặt trận chống Trung Quốc vì nước này có quan hệ kinh tế chặt chẽ với Trung Quốc.

Sang năm 2020, dù tác động của đại dịch Covid-19, Mỹ và Australia vẫn tiến hành các chuyến thăm cấp cao, cam kết hợp tác trên nhiều lĩnh vực nhằm củng cố quan hệ đồng minh và đẩy mạnh sự hiện diện trong khu vực. Nổi bật nhất là

[5] Khi Joe Biden lên nắm quyền, hoạt động của nhóm Bộ Tứ được đẩy mạnh hơn, với các cuộc họp cấp Ngoại trưởng (trực tuyến) ngày 18/2/2021 để chuẩn bị cho Hội nghị Thượng đỉnh nhóm Bộ Tứ (trực tuyến) đầu tiên diễn ra vào ngày 12/3/2021 với sự tham dự của Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi, Tổng thống Mỹ Joe Biden, Thủ tướng Australia Scott Morrison và Thủ tướng Nhật Bản Suga Yoshihide.

Hội nghị Tham vấn Ngoại giao-Quốc phòng (AUSMIN) thường niên lần thứ 30 (từ ngày 27-28/7) với sự tham gia của Ngoại trưởng Mỹ Mike Pompeo, BTQP Mỹ Mark Esper cùng người đồng cấp Australia là BTNG Marise Payne và BTQP Linda Reynolds. Kết thúc AUSMIN 30, hai bên đã ra Tuyên bố chung về các vấn đề hợp tác song phương và hợp tác trong khu vực ẤĐD-TBD trên các lĩnh vực kinh tế, quốc phòng. Bên cạnh các chuyến thăm trực tiếp cấp cao giữa hai nước, Thủ tướng Morrison cũng đã có các cuộc điện đàm với Tổng thống D.Trump, tập trung bàn luận về kế hoạch tăng cường năng lực phòng thủ của Australia, các vấn đề trong khu vực ẤĐD-TBD, nhu cầu hợp tác chặt chẽ hơn với các đối tác khác trong khu vực, các biện pháp ứng phó Covid-19, việc mở cửa nền kinh tế an toàn trong giai đoạn dịch bệnh và quan điểm của các bên về các tổ chức đa phương.

Năm 2020 là năm Mỹ thúc đẩy nhiều hoạt động quân sự chung với Australia tại các vùng biển trong khu vực ẤĐD-TBD, đáng chú ý nhất là các cuộc tập trận RIMPAC 2020 và Malabar 2020. Từ ngày 17-31/8, Australia đã cử lực lượng tham gia diễn tập RIMPAC 2020 do Mỹ chủ trì với sự tham gia của 23 chiến hạm đến từ 10 quốc gia. Chủ đề của cuộc diễn tập RIMPAC năm 2020 là "Năng lực, Thích ứng, Đối tác", nhằm nâng cao năng lực phối hợp hành động của các lực lượng tham gia diễn tập thông qua tất cả các hoạt động quân sự trên biển. Australia đã cử 700 quân nhân và 04 tàu Hải quân tham dự. Các bên đã thực hành 03 giai đoạn là diễn tập, huấn luyện tích hợp lực lượng và huấn luyện tích hợp lực lượng nâng cao, diễn tập tự do (cấp chiến thuật) [190]. BTQP Linda Reynolds cho biết, sự tham gia của Australia lần này cho thấy mối quan hệ đồng minh chặt chẽ với Mỹ cũng như lực lượng quốc phòng các nước đối tác tại khu vực.

Tháng 11/2020, Australia đã cử tàu hộ tống tầm xa HMAS Ballarat tham gia cùng lực lượng hải quân các nước nhóm Bộ Tứ tiến hành tập trận Hải quân Malabar lần thứ 24. Trong tập trận, các nước đã thực hiện các bài diễn tập Hải quân phức tạp ở cấp độ cao, thể hiện sức mạnh tổng hợp và phối hợp cao độ giữa các lực lượng Hải quân như tác chiến trên mặt nước, chống tàu ngầm và phòng không, cất cánh/hạ cánh trên tàu của nhau và bắn đạt thật. Theo BTQP Linda Reynolds, sự tham gia của Australia vào những cuộc diễn tập quân sự cao cấp như Malabar là "chìa khóa" để củng cố năng lực hàng hải cho Australia, xây dựng năng

lực phối hợp với những đối tác thân thiết, và chứng tỏ quyết tâm chung trong việc xây dựng ẤĐD-TBD rộng mở và thịnh vượng [191].

Ngoài ra, trong năm 2020, Quân đội Australia cũng đã tham gia vào nhiều hoạt động quân sự chung khác tại các vùng biển thuộc khu vực ẤĐD-TBD, như: tập trận với 03 tàu chiến Hải quân Mỹ ở Biển Đông, gần khu vực tàu khảo sát thăm dò Hải Dương Địa chất 8 (HD-8) của Trung Quốc (ngày 22/4); tập trận chung với Hải quân Ấn Độ tại khu vực phía Đông Ấn Độ Dương (ngày 23 - 24/9); diễn tập huấn luyện chiến thuật và tác chiến giả định khi di chuyển cùng nhau với tàu Hải quân Mỹ từ khu vực Biển Đông, di chuyển qua eo biển Malacca để đến biển Andaman phía tây Thái Lan (ngày 27/10). Australia cũng là quốc gia ủng hộ nhiệt liệt các hoạt động FONOPs của Hải quân Mỹ tại Biển Đông. Các hoạt động quân sự chung như vậy sẽ giúp không chỉ Australia mà cả các nước trong khu vực có cơ hội hợp tác ở tất cả các lĩnh vực tác chiến, củng cố quan hệ song phương và tái khẳng định cam kết của các bên về việc thúc đẩy tự do hàng hải tại khu vực ẤĐD-TBD theo mục tiêu mà Mỹ đề ra trong Chiến lược của mình.

Australia cũng là quốc gia duy nhất trong Bộ Tứ được Mỹ đưa vào Liên minh AUKUS (thành lập ngày 15/9/2021, gồm Mỹ, Anh và Australia), được đánh giá là liên minh quân sự chính thức và đa phương đầu tiên ở khu vực ẤĐD-TBD trong thế kỷ 21. Sự ra đời của AUKUS là nhằm thực hiện các mục tiêu chính sách được đề ra trong Chiến lược ẤĐD-TBD của Mỹ, thể hiện cam kết chung của Mỹ, Anh và Australia đối với trật tự quốc tế dựa trên luật lệ; quyết tâm tăng cường hợp tác ngoại giao, quốc phòng và an ninh của ba nước ở khu vực ẤĐD-TBD, cũng như với các đồng minh, đối tác để chống lại các thách thức của thế kỷ XXI. Việc Mỹ và Anh hỗ trợ Australia xây dựng đội tàu ngầm hạt nhân sẽ là bước đi đầu tiên trong khuôn khổ AUKUS; về lâu dài, ba nước này sẽ thiết lập cơ chế hợp tác trong nghiên cứu và phát triển chung, thúc đẩy chia sẻ thông tin, hội nhập sâu rộng hơn về khoa học công nghệ, công nghiệp và quốc phòng - an ninh. Tuy nhiên, hợp tác của AUKUS sẽ không dàn trải, mà tập trung vào lĩnh vực an ninh biển. Bởi Mỹ, Anh và Australia đều là các cường quốc biển, có lợi ích gắn với giao thương, đi lại tự do trên biển. Do đó, việc tăng cường hợp tác Hải quân sẽ là ưu tiên nhằm giúp ba nước tăng cường sức mạnh tập thể, đối phó hiệu quả hơn với các thách thức trên

biển. Tổng thống Biden nhấn mạnh: ba nước phải có đủ khả năng thích ứng với môi trường chiến lược khu vực hiện nay, cũng như các thay đổi trong tương lai. Và tương lai của 3 nước, cũng như tương lai của thế giới, phụ thuộc vào sự trường tồn và thịnh vượng của khu vực ẤĐD-TBD tự do và rộng mở trong những thập niên sắp tới [55]. Đây là bước đi đầu tiên, và có thể khởi đầu cho sự ra đời tiếp theo, của các liên minh an ninh - quân sự bán chính thức, hoặc chính thức, ở khu vực trong tương lai [128].

3.2.1.4. Với Ấn Độ

Trước khi Chiến lược ẤĐD-TBD được hình thành và triển khai trên thực tiễn, vào tháng 6/2016, Mỹ đã chỉ định Ấn Độ là một "Đối tác quốc phòng chính", ủng hộ Ấn Độ gia nhập Nhóm các nhà cung cấp hạt nhân (trước đó hai nước đã ký Thỏa thuận hạt nhân dân sự năm 2008), đồng thời ủng hộ Ấn Độ trở thành Ủy viên Thường trực HĐBA LHQ. Đây là những "biệt đãi" mà Mỹ dành cho Ấn Độ, nâng nước này lên một mức mới tương đương các đồng minh và đối tác thân thiết nhất của Mỹ. Sang năm 2017, quan hệ Mỹ-Ấn Độ có sự phát triển mạnh mẽ hơn. Hai nước đã có những hoạt động hợp tác tăng cường quan hệ trên nhiều lĩnh vực, thể hiện qua chuyến thăm chính thức Mỹ vào tháng 6/2017 của Thủ tướng Narenda Modi. Tổng thống D.Trump đánh giá Ấn Độ là một đối tác an ninh quan trọng và đáng tin cậy. Mỹ sẽ tiếp tục ủng hộ chính sách "Hành động Hướng Đông" của Ấn Độ, tăng cường hợp tác duy trì cam kết đối với dân chủ và chống khủng bố. Đến khi Chiến lược ẤĐD-TBD ra đời và triển khai trên thực tế, Mỹ đã cùng Ấn Độ thành lập cơ chế đối thoại cấp bộ trưởng 2+2 vào tháng 9/2018. Có thể nói sự kiện này là một minh chứng cho thấy Mỹ rất coi trọng vị thế của Ấn Độ trong triển khai Chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở của mình.

Tháng 6/2019, Báo cáo Chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở của BQP Mỹ khẳng định Mỹ và Ấn Độ duy trì mối quan hệ đối tác chiến lược rộng lớn, được củng cố bởi sự chia sẻ lợi ích, giá trị dân chủ và quan hệ nhân dân mạnh mẽ. Quan hệ chiến lược Mỹ - Ấn đã được tăng cường đáng kể trong suốt hai thập kỷ qua, trên cơ sở hội tụ lợi ích chiến lược. Mỹ và Ấn Độ tiếp tục coi việc làm sâu sắc hơn mối quan hệ này là cách để xây dựng khuôn khổ hợp tác mới trong khu vực ẤĐD-TBD và xa hơn nữa [34].

Nhằm thực hiện Chiến lược ẤĐD-TBD, Mỹ triển khai một loạt các sáng kiến với Ấn Độ để thúc đẩy hợp tác, tăng cường khả năng tương tác giữa hai nước. Đồng thời, thiết lập một nền tảng vững chắc cho thương mại quốc phòng, chia sẻ công nghệ, hợp tác công nghiệp và nâng cao hợp tác trong lĩnh vực đổi mới sáng tạo quốc phòng. Tại cuộc Đối thoại 2+2 đầu tiên giữa BTQP và Bộ trưởng Ngoại giao hai nước tháng 9/2018, mối quan hệ chiến lược giữa Mỹ và Ấn Độ đã được nâng lên một tầm cao mới khi thông qua Hiệp ước An ninh và tương thích liên lạc (COMCASA). Trong lần họp thứ 2 diễn ra ngày 19/12/2019, kết quả tốt nhất mà hai bên đạt được đó là kết luận của Phụ lục An ninh Công nghiệp (ISA). Việc đạt được kết luận này tạo điều kiện thuận lợi để các hệ thống phòng thủ của Mỹ đồng bộ hóa với cơ sở hạ tầng quốc phòng Ấn Độ (vì Ấn Độ chủ yếu nhập khẩu thiết bị quốc phòng và hệ thống vũ khí từ nhiều quốc gia khác nhau nên các hệ thống của Mỹ gặp khó khăn khi đồng bộ hóa). ISA cho phép thông tin hợp tác công nghiệp quốc phòng giữa hai nước được bảo mật phân loại đúng đắn không chỉ trong khu vực chính phủ mà còn trong khu vực tư nhân. Điều này rất quan trọng với Ấn Độ vì nước này đang cố gắng tự lực trong sản xuất quốc phòng, theo tinh thần sáng kiến "Sản xuất tại Ấn Độ" (Made in India) [115].

Cuộc họp lần thứ 2 cơ chế 2+2 đã ghi một dấu ấn mới trong triển khai Chiến lược ẤĐD-TBD của Mỹ trên lĩnh vực quốc phòng - an ninh, đó là đạt được thỏa thuận cùng Ấn Độ đảm bảo trật tự và hành xử dựa trên quy tắc khi thực hành quyền tự do hàng hải ở ẤĐD-TBD. Cả Mỹ và Ấn Độ không chỉ nhắc lại vai trò quan trọng của hợp tác Bộ Tứ đối với khu vực, mà còn đưa ra một cuộc tập trận phòng thủ song phương ba lực lượng mới, mang tên Tiger Triumph trong bối cảnh Trung Quốc ngày càng tỏ rõ ý đồ chủ quyền trên Biển Đông và triển khai các hệ thống Chống tiếp cận và chống xâm nhập (A2/AD). Cách hai nước Mỹ - Ấn tăng cường quan hệ đối tác trong khi vẫn đảm bảo Ấn Độ duy trì được mối quan hệ với Trung Quốc được Ấn Độ đánh giá là "có ý nghĩa rất quan trọng đối với triển vọng của khu vực ẤĐD-TBD" [115].

Khi lợi ích chung và hợp tác an ninh với Ấn Độ được mở rộng, hợp tác thương mại và công nghệ quốc phòng song phương Mỹ - Ấn cũng phát triển theo. Với khoảng 16 tỷ USD thương mại quốc phòng kể từ năm 2008 thông qua Sáng

kiến Công nghệ và Thương mại Quốc phòng, Mỹ và Ấn Độ đang tăng cường hợp tác về công nghệ quốc phòng, xây dựng các mối quan hệ công nghiệp, tìm kiếm các cơ hội hợp tác phát triển và hợp tác sản xuất các hệ thống phòng thủ để duy trì và hiện đại hóa các lực lượng quân sự [34]. Bên cạnh đó, Mỹ cũng khuyến khích Ấn Độ đẩy mạnh quan hệ với ASEAN, tỏ ý yêu cầu tiến trình đàm phán COC không được loại trừ sự tham gia của các nước ngoài khu vực... Điều này cho thấy Mỹ đang muốn từng bước lôi kéo Ấn Độ tham gia sâu rộng hơn vào Chiến lược của mình. Ấn Độ khẳng định lập trường rằng dù chỉ do Trung Quốc và ASEAN đàm phán, COC không được gây phương hại đối với lợi ích hợp pháp của các bên thứ ba và phải hoàn toàn phù hợp với UNCLOS.

3.2.1.5. Với Hàn Quốc

Hàn Quốc là một trong những đồng minh quan trọng nhất của Mỹ ở khu vực ẤĐD-TBD (nhưng không là thành viên của nhóm Bộ Tứ) để kiểm soát tình hình trên bán đảo Triều Tiên. Hiệp ước phòng thủ chung Mỹ - Hàn Quốc ký năm 1953 ngay sau khi kết thúc chiến tranh Triều Tiên cho phép Mỹ đóng quân thường trú trên lãnh thổ Hàn Quốc để bảo vệ nước này trước các đe dọa từ Triều Tiên. Đồng thời, quan hệ đồng minh Mỹ-Hàn cũng giúp Mỹ củng cố vị thế, vai trò của mình ở khu vực Đông Á và trên phạm vi toàn cầu. Tính đến năm 2020, quân số đồn trú của Mỹ trên lãnh thổ Hàn Quốc là 28.500 người [134]. Trong khi đó, dù giảm bớt về quy mô nhưng hai bên thường xuyên tổ chức các diễn tập quân sự nhằm răn đe Triều Tiên. Hàn Quốc rất cần Mỹ để thúc đẩy tiến trình phi hạt nhân hóa Bán đảo Triều Tiên. Tuy nhiên, dưới thời D.Trump, bất đồng lớn nhất giữa hai nước là việc chưa thống nhất về thỏa thuận chia sẻ chi phí quân sự trong đó, Mỹ yêu cầu Hàn Quốc chi trả cho 28.500 quân Mỹ đồn trú tại quốc gia này. Dưới thời chính quyền Joe Biden, Mỹ và Hàn Quốc đã nhanh chóng đạt được thỏa thuận (tháng 3/2021), giúp giải tỏa lỗ hổng hiệp định kéo dài trong suốt năm 2020. Hai nước nhất trí Hiệp định đặc biệt về chia sẻ chi phí quân sự (SMA) lần thứ XI có hiệu lực 6 năm từ 2020-2025. Khoản đóng góp của Hàn Quốc năm 2020 được giữ nguyên theo mức của năm 2019 là 1.038,9 tỷ won (908,3 triệu USD). Chi phí năm 2021 là 1.183,3 tỷ won (1,03 tỷ USD), tăng 13,9% so với năm 2020. Mức tăng trong các năm tiếp theo từ 2022-2025 sẽ áp dụng theo mức tăng ngân sách quốc

phòng một năm trước đó của Hàn Quốc. Như vậy mức tăng năm 2022 sẽ là 5,4%, bằng với mức tăng ngân sách quốc phòng năm 2020 của Hàn Quốc [160].

Trong năm 2020 và 2021, dù bị tác động bởi đại dịch Covid-19 nhưng Mỹ và Hàn Quốc vẫn tiến hành một số cuộc tập trận nhằm tăng cường khả năng chiến đấu, từ đó ứng phó với các thách thức từ Triều Tiên. Một số cuộc diễn tập tiêu biểu giữa hai nước như diễn tập tham mưu chỉ huy trên máy tính (CPX), diễn tập chung mùa Hè nhằm ứng phó với tình huống khẩn cấp trên Bán đảo Triều Tiên... Ngoài ra, Mỹ và Hàn Quốc cũng duy trì trao đổi, tiếp xúc ở cấp cao như Đối thoại Quốc phòng song phương lần thứ 18, Đối thoại Kinh tế Cấp cao Mỹ - Hàn…

Về hệ thống phòng thủ khu vực tầm cao giai đoạn cuối (THAAD) giữa Mỹ và Hàn Quốc, từ ngày 8/7/2016, hai nước đã đạt được thỏa thuận cuối cùng cho phép Mỹ triển khai hệ thống phòng thủ tên lửa tiên tiến này cùng với các binh sỹ đồn trú tại đây để ngăn chặn những mối đe dọa từ Triều Tiên. Tuy nhiên, ngay từ đầu, dự án này đã vấp phải sự phản đối của không chỉ các nước trong khu vực như Trung Quốc mà cả người dân Hàn Quốc. Đến ngày 26/4/2017, Quân đội Mỹ ở Hàn Quốc đã bắt đầu chuyển các thiết bị của Hệ thống này vào khu vực triển khai tại Đông Nam Hàn Quốc. Từ đó đến nay, hai bên thường xuyên đánh giá hiệu quả hoạt động của THAAD và liên tục có những nâng cấp mới, bổ sung cho hệ thống những loại tên lửa đánh chặn tân tiến nhất. Dù mục tiêu của THAAD là nhằm ngăn chặn các đe dọa từ Triều Tiên, nhưng Trung Quốc là nước phản đối mạnh mẽ nhất, cảnh báo Mỹ không gây phương hại tới mối quan hệ song phương giữa Trung Quốc và Hàn Quốc... Vì vậy, trong các tuyên bố của Mỹ về chiến lược ÁĐD-TBD tự do và rộng mở, phần liên quan đến Hàn Quốc thường tránh đề cập đến hệ thống đánh chặn tên lửa này.

Tóm lại, từ sau khi Tổng thống D.Trump nhậm chức, quan hệ an ninh giữa Mỹ và Hàn Quốc đã có sự biến động do các vấn đề về chia sẻ chi phí quốc phòng và rút quân của Quân đội Mỹ, tuy nhiên hai bên vẫn duy trì xu thế ổn định và phát triển. Bên cạnh việc tăng cường liên minh quân sự song phương, Mỹ và Hàn Quốc tiếp tục thúc đẩy hợp tác an ninh quân sự ba bên giữa Mỹ, Hàn Quốc và Nhật Bản.

3.2.1.6. Với Đài Loan

Sau khi lên nắm quyền, Tổng thống D.Trump đã thực thi những chính sách

thúc đẩy quan hệ thân thiện với Đài Loan rất rõ ràng. Mỹ dưới thời D.Trump có nhiều tuyên bố và hành động thể hiện sự ủng hộ, cam kết mạnh mẽ hơn đối với Đài Loan, tăng cường quan hệ trên các lĩnh vực ngoại giao, quân sự, xác định Đài Loan là một đối tác trong khuôn khổ Chiến lược ÁĐD-TBD, bất chấp sự phản đối của Trung Quốc. Thông qua các biện pháp khác nhau, hai nước tăng cường quan hệ đối tác song phương và phía Mỹ có các động thái ủng hộ Đài Loan trước các sức ép ngày càng gia tăng của Trung Quốc:

(i) Hai bên đẩy mạnh tiến hành các chuyến thăm, trao đổi các cấp, trong đó đáng chú ý là: Trợ lý BTQP Mỹ phụ trách khu vực Đông Nam Á, Heino Klinck đã thăm Đài Loan vào ngày 26/11/2019 (chuyến thăm đầu tiên của một quan chức quốc phòng cấp cao Mỹ kể từ khi nước này cắt đứt quan hệ ngoại giao chính thức với Đài Loan năm 1979), chuyến thăm được coi là một bước đi lớn trong quan hệ ngoại giao - quân sự Mỹ - Đài; Tháng 5/2020, Cố vấn an ninh của Mỹ và Đài Loan gặp nhau trực tiếp lần đầu ở Washington.

(ii) Mỹ ủng hộ "Tổng thống Đài Loan" Thái Anh Văn tái đắc cử. Trước Tổng tuyển cử 2020, D.Trump ban hành NDAA ngày 20/12/2019, trong đó có điều khoản yêu cầu Giám đốc tình báo quốc gia Mỹ báo cáo về các hành động gây ảnh hưởng của Trung Quốc đối với Tổng tuyển cử Đài Loan 2020, đặc biệt là các động thái gây bất lợi cho Đảng Dân tiến và bà Thái Anh Văn. Sau khi bà Thái Anh Văn tái đắc cử, Ngoại trưởng Mỹ Mike Pompeo chúc mừng, coi chiến thắng này là minh chứng cho việc người dân Đài Loan đặt niềm tin vào hệ thống dân chủ và lập trường chống lại Trung Quốc. Đồng thời, ca ngợi chiến thắng của Thái Anh Văn là vì mục đích phát triển mối quan hệ vững chắc với Mỹ, cũng như nỗ lực duy trì sự ổn định hai bờ eo biển Đài Loan trước áp lực từ Trung Quốc.

(iii) Trong suốt nhiệm kỳ của Tổng thống D.Trump, chính phủ Mỹ ban hành các đạo luật, sáng kiến tăng cường giao lưu ngoại giao các cấp với Đài Loan, tăng cường đồng minh quân sự tại khu vực và bảo vệ Đài Loan. Quốc hội Mỹ thường xuyên thông qua nhiều đạo luật, sáng kiến nhằm tăng cường quan hệ, giúp Đài Loan giữ vững các đồng minh ngoại giao trước sức ép từ Trung Quốc, cân nhắc giảm bớt cam kết kinh tế, an ninh và ngoại giao với các quốc gia có hành động phá hoại Đài Loan, bao gồm: Nghị quyết "Xác nhận lại cam kết của Mỹ đối với Đài

Loan và thực thi Đạo luật Quan hệ Đài Loan"; ARIA ký ngày 31/12/2018 (ARIA cam kết tiếp tục định kỳ bán vũ khí phòng ngự cho Đài Loan để đối phó lại Trung Quốc, củng cố đồng minh quân sự với Đài Loan; NDAA ký ngày 20/12/2019 (NDAA thúc đẩy tăng cường trao đổi quân sự giữa Mỹ và Đài Loan, tăng cường khả năng quốc phòng và khả năng chiến đấu của Đài Loan, phát triển huấn luyện chung, bán vũ khí cho nước ngoài và quan hệ giữa các sĩ quan cấp cao); Đạo luật Sáng kiến bảo vệ và tăng cường đồng minh quốc tế Đài Loan (TAIPEI Act) ký ngày 26/3/2020 (Đạo luật yêu cầu BNG Mỹ xem xét giảm mức liên quan về ngoại giao, an ninh và kinh tế của Mỹ đối với các quốc gia phá hủy an ninh, gây tổn hại cho Đài Loan, đồng thời yêu cầu Chính phủ Mỹ ủng hộ tư cách thành viên của Đài Loan trong tất cả tổ chức quốc tế, được cấp tư cách quan sát viên trong các tổ chức quốc tế thích hợp khác).

(iv) Hai bên đẩy mạnh hợp tác kỹ thuật quân sự, Mỹ tăng cường hiện diện quân sự tại eo biển Đài Loan. Sau khi lên nắm quyền, chính quyền của D.Trump đã ký kết nhiều thỏa thuận bán vũ khí hiện đại cho phía Đài Loan, trong đó có 108 xe tăng chiến đấu chủ lực M1A2T Abrams; 250 tên lửa phòng không vác vai Stinger và khí tài với tổng trị giá 2,2 tỷ USD; chuyển giao 108 hệ thống phóng cùng 108 hệ thống radar "nhận diện bạn và thù" (IFF); 66 máy bay chiến đấu F-16V trị giá khoảng 08 tỷ USD; 18 quả ngư lôi hạng nặng Mk-48 Mod 6 (trị giá khoảng 180 triệu USD), các thiết bị hỗ trợ kỹ thuật cho hệ thống radar cảnh báo sớm, tên lửa tốc độ cao chống bức xạ, ngư lôi và các bộ phận của tên lửa SM-2 với tổng trị giá 1,42 tỷ USD… Tập đoàn quốc phòng Mỹ Lockheed Martin cũng ký kết xây dựng 01 trung tâm bảo trì máy bay chiến đấu F-16 tại Đài Loan với tập đoàn Phát triển Công nghiệp Hàng không Vũ trụ Đài Loan. Việc bán vũ khí quân sự hiện đại giúp Đài Loan tiếp tục nỗ lực hiện đại hóa lực lượng vũ trang, cải thiện khả năng phòng thủ, cân bằng tương quan lực lượng, bảo vệ ổn định để phát triển kinh tế trước sức ép ngày càng lớn của Trung Quốc. Bên cạnh đó, bắt đầu từ đầu năm 2019, Mỹ tăng cường hiện diện quân sự tại khu vực eo biển Đài Loan hơn so với các năm trước. Từ năm 2019 đến hết năm 2020, Mỹ đã 22 lần điều tàu chiến đi qua eo biển Đài Loan (9 lần năm 2019 và 13 lần năm 2020), đồng thời điều động máy bay hoạt động quân sự gần Đài Loan 12 lần. Trong khi trước đó, năm 2017

tàu chiến Mỹ chỉ đi qua eo biển này 5 lần và năm 2018 là 3 lần [136].

Xuất phát từ những tính toán chiến lược và chiến thuật trong cạnh tranh Mỹ - Trung, trong nhiệm kỳ của mình, D.Trump đã liên tiếp có những quyết định cụ thể bày tỏ lập trường ủng hộ Đài Loan, từ nâng cấp và mở rộng Văn phòng được coi là đóng vai trò như một Đại sứ quán Mỹ tại Đài Loan, cho đến khuyến khích các quan chức Mỹ thăm hòn đảo này (trong thời gian thăm Đài Loan, ông Han Huang, Phó Trợ lý Ngoại trưởng Mỹ phụ trách các vấn đề Chiến lược ẤĐD-TBD, đã đề xuất ý tưởng kết nạp Đài Loan vào Chiến lược) [142]. Ngày 09/01/2021, Ngoại trưởng Mỹ Mike Pompeo tuyên bố tháo gỡ tất cả giới hạn 'tự đặt ra' trong quan hệ với Đài Loan, trong đó có các hạn chế về giao thiệp giữa quan chức Mỹ với Đài Loan [154]. Trước đó, trong nhiều năm, Mỹ đã đặt ra những hạn chế nội bộ phức tạp để điều chỉnh giao thiệp của quan chức Mỹ với Đài Loan nhằm xoa dịu Bắc Kinh. Theo tuyên bố này của Pompeo, các nhà ngoại giao và quan chức chính phủ Mỹ hiện được phép giao thiệp với các đối tác Đài Loan như đối tác từ bất kỳ quốc gia nào. Đồng thời, Mỹ cũng dần thay đổi cơ bản định vị chính sách đối với Đài Loan, bao gồm bán cho Đài Loan các vũ khí tấn công, vũ khí chiến lược và phát triển vũ khí năng lượng như súng điện từ. Nhìn chung, có thể thấy Mỹ coi Đài Loan là chốt chặn quan trọng với mức độ quan tâm ngày càng cao (cả về khuôn khổ chính sách và hiện diện thực tế) phục vụ cho cuộc đối đầu với Trung Quốc trong khuôn khổ Chiến lược đang triển khai tại khu vực.

3.2.1.7. Với các nước ASEAN

Với việc thúc đẩy Chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở, Mỹ đẩy mạnh quan hệ an ninh - quốc phòng với nhiều nước thuộc khu vực Đông Nam Á thông qua các phương thức đa dạng, như diễn tập chung, hỗ trợ cho các nước trong khu vực về tăng cường an ninh hàng hải, hỗ trợ nhân đạo - cứu trợ thảm họa (trong khuôn khổ ADMM+)... Mỹ luôn bày tỏ đánh giá cao và tôn trọng vai trò trung tâm của ASEAN trong cấu trúc an ninh khu vực, mong muốn cùng ASEAN tăng cường hợp tác để duy trì một khu vực ẤĐD-TBD tự do và rộng mở. Đáp lại, ASEAN cũng có những động thái thể hiện sự quan tâm đến Chiến lược của Mỹ, như việc ra tuyên bố Quan điểm của ASEAN về ẤĐD-TBD năm 2019. Tại Hội nghị Không chính thức BTQP ASEAN-Mỹ diễn ra bên lề Hội nghị BTQP ASEAN năm 2018

(ADMM 12) và ADMM+ lần thứ 5, BTQP Mỹ và các nước ASEAN đã đồng ý tổ chức Diễn tập An ninh Hàng hải ASEAN-Mỹ trong năm 2019 trên cơ sở kết hợp chung với cuộc diễn tập thường niên Hợp tác và Huấn luyện Đông Nam Á (SEACAT) của Mỹ. Đây được xem là một bước tiến lớn trong hợp tác quốc phòng giữa Mỹ và ASEAN.

Cùng với đó, Mỹ tiếp tục tăng cường quan hệ với các nước đồng minh và đối tác chủ chốt trong ASEAN. Trong năm 2020, Mỹ vẫn duy trì các cuộc tập trận thường niên với các đối tác trong ASEAN như: Diễn tập Hổ Mang Vàng với Thái Lan, Diễn tập "Hợp tác sẵn sàng chiến đầu và huấn luyện trên biển" với Brunei và Singapore... Cùng với đó, Mỹ đặc biệt đẩy mạnh quan hệ với Indonesia qua việc phê chuẩn hợp đồng bán vũ khí cho Indonesia trị giá 2 tỷ USD (gồm đơn đặt hàng mua 8 máy bay trực thăng MV-22 Block C Osprey cùng nhiều vũ khí và trang thiết bị quân sự khác gồm súng máy, động cơ, radar, hệ thống định vị và hệ thống cảnh báo tên lửa) [214] và Ngoại trưởng Pompeo còn có chuyến thăm chính thức tới Indonesia ngay trước thềm bầu cử tổng thống Mỹ. Quyền BTQP Mỹ Christopher cũng thăm Indonesia và Philippines trong tháng 12/2020. Tuy nhiên, quan hệ giữa Mỹ với một số nước ASEAN khác vẫn còn những vướng mắc nhất định. Mỹ cáo buộc Chính quyền Myanmar vi phạm nhân quyền ở bang Rakhina; bày tỏ thất vọng vì Campuchia dỡ bỏ cơ sở do Mỹ xây dựng tại Ream, đồng thời cho Trung Quốc thuê lại quân cảng này. Việc Mỹ liên tục tố cáo Campuchia cho Trung Quốc xây dựng căn cứ quân sự trên lãnh thổ nước mình và áp đặt lệnh cấm vận một số công ty Trung Quốc đang hoạt động tại Campuchia đã khiến quan hệ Mỹ-Campuchia ngày càng trở nên phức tạp hơn.

Trong số các nước ASEAN, Mỹ đặc biệt chú ý đến các nước là đồng minh và đối tác có vị thế chủ chốt như Thái Lan, Philippines, Singapore, Indonesia, Malaysia và Việt Nam. Cụ thể:

- *Với Thái Lan*

Thái Lan là một trong những "đồng minh ngoài NATO" (Non-NATO Ally) truyền thống của Mỹ ở khu vực ÁĐD-TBD. Tuy nhiên, kể từ cuộc đảo chính của quân đội Thái Lan vào năm 2014, quan hệ Mỹ - Thái đã trở nên lạnh nhạt. Sự kiện trên cũng khiến Mỹ thi hành luật giới hạn hợp tác quân sự với Thái Lan. Tranh thủ

thời cơ này, Trung Quốc đã đẩy mạnh hợp tác quân sự với Thái Lan và đạt được những kết quả nhất định. Theo Viện Nghiên cứu Hòa bình Quốc tế Stockholm, Trung Quốc nhanh chóng đẩy mạnh các cuộc tập trận và ký kết 10 thỏa thuận vũ khí lớn, trong đó có thương vụ mua bán vũ khí lớn nhất từ trước đến nay của Thái Lan, trị giá 1,03 tỷ USD cho 3 tàu ngầm diesel-điện và 48 xe tăng chiến đấu [169]. Nhận thức được tình hình, chính quyền Tổng thống D.Trump đã nhanh chóng hành động để giành lại vị trí của mình. Tháng 8/2019, Ngoại trưởng Mỹ Mike Pompeo ca ngợi Thái Lan đã "trở lại với nền dân chủ" trong chuyến thăm Bangkok và xúc tiến chiến lược xuất khẩu vũ khí "Buy American" (Mua hàng Mỹ). Trong chuyến thăm Thái Lan ngày 9-10/7/2020, Đại tướng McConville, Tham mưu trưởng Lục quân Mỹ cũng gặp Tư lệnh Lục quân Thái Lan Apirat Kongsompong để thảo luận về quan hệ quân sự giữa hai nước và ký Tuyên bố Tầm nhìn chiến lược - văn kiện vạch ra tầm nhìn và những mục tiêu nhằm làm sâu sắc hơn liên minh giữa Mỹ - Thái Lan.

- *Với Philippines*

Mục tiêu của việc Mỹ muốn củng cố quan hệ đồng minh với Philippines là: (i) Tiếp cận các căn cứ quân sự ở Philippines cho phép Mỹ kết nối với các đồng minh và đối tác trong khu vực; (ii) Thúc đẩy Philippines ủng hộ và thực thi chính sách tôn trọng và tuân thủ luật pháp quốc tế trong giải quyết các vấn đề an ninh khu vực, phù hợp với quan điểm của Mỹ; (iii) Tăng cường hiện diện quân sự của Mỹ trong khu vực để đối phó với các cuộc khủng hoảng, đảm bảo an ninh và tự do hàng hải, hàng không; (iv) Ngăn chặn, hạn chế sự trỗi dậy của Trung Quốc đối với khu vực, nhất là đối phó với các yêu sách chủ quyền và các hoạt động quân sự hóa Biển Đông của Trung Quốc. Tầm quan trọng của Philippines được Tổng thống D.Trump khẳng định khi thăm quốc đảo này tháng 11/2017, cho rằng hai nước có mối quan hệ mạnh mẽ, nhưng chủ yếu về mặt quân sự, bởi Philippines có "một vị trí chiến lược, vị trí chiến lược nhất" [143]. Vì vậy, trong triển khai chiến lược ÁĐD-TBD, Mỹ đã đưa ra nhiều biện pháp tăng cường quan hệ đồng minh, phát triển hợp tác quân sự và an ninh với Philippines. Trong lĩnh vực an ninh, quân sự, Mỹ chủ động phối hợp với Philippines đa dạng hóa nội dung đối thoại chiến lược song phương, tập trung vào nâng cao năng lực tuần tra hàng hải và cải thiện sức

mạnh của Lực lượng vũ trang Philippines (AFP). Mỹ là nhà cung cấp vũ khí lớn nhất cho Philippines và có ảnh hưởng mang tính quyết định đến chương trình hiện đại hóa quân đội Philippines [132]. BTQP Mỹ Mark Esper phát biểu trong chuyến thăm Manila tháng 11/2019: "Mỹ sẽ tiếp tục hỗ trợ và giúp hiện đại hóa quân đội Philippines... Hai nước hướng tới tổ chức huấn luyện trong các cuộc tuần tra chung trên không và trên biển trong tương lai để cải thiện khả năng hợp tác và thể hiện cam kết chung nhằm duy trì các luật lệ và trật tự quốc tế lâu nay" [149].

Tuy nhiên, từ khi Tổng thống Duterte lên nắm quyền vào tháng 6/2016, mối quan hệ an ninh quân sự Mỹ - Philippines đã suy yếu, quy mô các cuộc diễn tập chung và hỗ trợ trang bị vũ khí của Mỹ dành cho Philippines đều có sự giảm sút. Duterte chủ trương điều chỉnh quan hệ theo hướng cân bằng hơn với cả Mỹ và Trung Quốc. Tổng thống Duterte chú trọng nhiều hơn vào quan hệ với Bắc Kinh thay vì chỉ tập trung và phụ thuộc vào quan hệ đồng minh với Mỹ. Điển hình cho những thay đổi trong cách tiếp cận quan hệ đồng minh Mỹ - Philippins là vào tháng 2/2020, Philippines đơn phương tuyên bố chấm dứt thỏa thuận viếng thăm quân sự với Mỹ (VFA). VFA được ký năm 1998, trong đó cho phép Mỹ đưa quân đội tới Philippines để tập trận chung hoặc giúp đỡ chống khủng bố. Theo quyết định của Tổng thống Duterte vào thời điểm đó, Hiệp ước sẽ hết hiệu lực trong vòng 180 ngày, tức là vào ngày 9/8/2020. Đến tháng 6/2020, trước diễn biến mới ở Biển Đông, Philippines tuyên bố tạm thời đình chỉ quyết định hủy bỏ của ông Duterte. Tuy nhiên, đến tháng 11/2020, khi tình hình Biển Đông lắng dịu, Philippines lại một lần nữa đình chỉ quyết định hủy VFA với Mỹ. Đây là lần thứ hai quyết định này bị hoãn và lệnh đình chỉ lần này có hiệu lực trong vòng 6 tháng, và chỉ được khẳng định chính thức qua chuyến thăm Philippines của BTQP Mỹ Lloyd Austin cuối năm 2021. Những diễn biến này cho thấy mối quan hệ nóng - lạnh thất thường giữa Mỹ và Philippines, phụ thuộc vào những diễn biến tình hình Biển Đông, tính toán chính trị của Tổng thống Duterte và sự tác động của yếu tố Trung Quốc ở từng thời điểm cụ thể.

- *Với Singapore*

Singapore có quan hệ chặt chẽ với Mỹ trong suốt thời kỳ chiến tranh Lạnh. Năm 1992, sau khi Philippines đẩy Mỹ khỏi Căn cứ Không quân Clark và Căn cứ

Hải quân Vịnh Subic, Singapore cho phép Mỹ tiếp cận luân phiên các cơ sở của mình như Căn cứ Hải quân Changi. Hiện nay Singapore là nơi đồn trú của một đơn vị chỉ huy hậu cần thuộc Hải quân Mỹ, có vai trò tối quan trọng trong tác chiến trên biển tại khu vực, đồng thời là căn cứ của một số tàu chiến gần bờ và máy bay trinh sát ngầm P-8 Peseidon của Mỹ. Trong chiến lược "Tái cân bằng" của Mỹ dưới thời Obama, vai trò của Singapore được nâng lên như một đối tác chính của Mỹ trong khu vực [36]. Dưới thời D.Trump, Singapore tiếp tục giữ vị trí quan trọng trong chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở của Mỹ. Ngày 23/9/2019, phát biểu tại cuộc gặp với Thủ tướng Lý Hiển Long bên lề phiên họp Đại hội đồng LHQ ở New York, D.Trump nhấn mạnh, Mỹ và Singpaore là "bạn thân thiết", và Mỹ có "mối quan hệ phi thường với Singapore"; còn Thủ tướng Lý Hiển Long thì khẳng định "rất hài lòng với mối quan hệ hai nước, mong nó tiếp tục phát triển và hy vọng Mỹ gia tăng tiếp cận khu vực Đông Nam Á và châu Á - TBD" [159]. Tháng 9/2019, hai nước đã cập nhật Bản ghi nhớ về hợp tác quốc phòng được ký năm 1990, cho phép Mỹ tiếp tục sử dụng các cơ sở quân sự của Singapore trong 15 năm, đến năm 2035 để hỗ trợ hậu cần cho nhân viên quá cảnh, máy bay quân sự và tàu chiến. Đây được xem là văn bản nền tảng cho Mỹ tiếp cận các căn cứ Không quân và Hải quân Singapore, đồng thời cung cấp dịch vụ hậu cần cho hoạt động chuyển quân, máy bay và tàu chiến Mỹ qua lại khu vực. Thông cáo của BQP Singapore nhấn mạnh việc gia hạn MOU cho thấy sự ủng hộ của nước này đối với hiện diện quân sự của Mỹ tại CÁ-TBD. Singapore xem đây là yếu tố quan trọng để duy trì hòa bình, ổn định và thịnh vượng cho khu vực [159]. Trong Hướng dẫn tạm thời Chiến lược An ninh Quốc gia do Mỹ chính quyền Joe Biden công bố ngày 03/3/3021 xác định Singapore và Việt Nam là đối tác thân cận duy nhất của Mỹ trong ASEAN (được nêu đích danh cùng với Ấn Độ và New Zealand) [106].

- *Với Indonesia*

Với vị trí địa - chiến lược, địa - kinh tế quan trọng và quy mô dân số lớn nhất ASEAN, Indonesia có vị trí quan trọng trong Chiến lược ẤĐD-TBD, là cầu nối giữa ẤĐD và TBD. Trong ASEAN, Indonesia là một trong những quốc gia sáng lập, có nhiều ý tưởng, sáng kiến thúc đẩy vai trò trung tâm của ASEAN, nên thường nằm trong tính toán chiến lược khu vực của các nước lớn. Dưới thời

Obama, Indonesia đóng vai trò then chốt bên cạnh Thái Lan, Philippines ở khu vực Đông Nam Á. Sang thời D.Trump, Mỹ tiếp tục coi trọng vai trò của Indonesia, thể hiện trong Chiến lược An ninh Quốc gia năm 2017, khẳng định: "Tại Đông Nam Á, Philippines và Thái Lan vẫn là những đồng minh và thị trường quan trọng của Mỹ. Việt Nam, Indonesia, Malaysia và Singapore là những đối tác kinh tế, an ninh ngày càng lớn của Mỹ" [104]. Trong những năm gần đây, Mỹ đẩy mạnh tập trung vào việc tăng cường quan hệ đối tác, tăng cường tổ chức hội nghị cấp cao, viện trợ quân sự và diễn tập chung với Indonesia. Indonesia cũng đã mua từ Mỹ 8 máy bay trực thăng AH-64E Apache, 24 máy bay chiến đấu F-16 và sẽ đăng ký mua thêm máy bay chiến đấu F-16, tên lửa tầm ngắn AIM-9, tên lửa tầm trung tiên tiến và các vũ khí khác.

- *Với Việt Nam*

Trong bối cảnh vấn đề Biển Đông tiếp tục nóng lên, quan hệ quân sự - quốc phòng Mỹ - Việt Nam phát triển nhanh chóng, Việt Nam trở thành đối tác có vị trí địa chiến lược quan trọng của Mỹ tại Đông Nam Á. Hai bên tăng cường trao đổi, giao lưu cấp cao, giao lưu quân sự song phương (Mỹ và Việt Nam đã cam kết thực hiện "Kế hoạch hành động hợp tác quốc phòng 2018-2020" qua đó thúc đẩy hơn nữa trao đổi quân sự song phương). Trong khuôn khổ triển khai Chiến lược, Mỹ tăng cường viện trợ quân sự cho Việt Nam (tháng 4/2019, Mỹ đã chuyển 18 tàu tuần tra nhỏ cho Cảnh sát biển Việt Nam, tháng 11/2019, BQP Mỹ khẳng định sẽ cung cấp cho Việt Nam các tàu tuần tra lớn). Trong năm 2019, BTQP Mỹ Mark Esper đã thăm Việt Nam và khẳng định cam kết của Mỹ trong thúc đẩy hợp tác quốc phòng, an ninh song phương, tập trung vào trao đổi đoàn cấp cao, tăng cường tham vấn, đối thoại, giải quyết hậu quả chiến tranh, xây dựng năng lực thực thi pháp luật trên biển, thương mại quốc phòng... Năm 2020, quan hệ quốc phòng - an ninh Việt - Mỹ tiếp tục được duy trì và thúc đẩy, điển hình là chuyến thăm Việt Nam của tàu sân bay USS Theodore Roosevelt (CVN-71) vào tháng 3/2020 trong bối cảnh dịch Covid-19 đang diễn biến rất phức tạp. Lãnh đạo quốc phòng hai bên cũng có một số cuộc gặp gỡ, trao đổi bằng hình thức trực tuyến như: Cuộc điện đàm Thượng tướng Nguyễn Chí Vịnh, Thứ trưởng BQP với ông David F.Helvey, Trợ lý BQP vào tháng 7/2020; Đối thoại Chính sách Quốc phòng dưới sự chủ trì

của Thượng tướng Hoàng Xuân Chiến, Thứ trưởng BQP và ông Helvey, Trợ lý BQP vào tháng 10/2020... Tháng 7/2021, trong khuôn khổ chuyến thăm chính thức Việt Nam, BTQP Lloyd Austin và BTQP Việt Nam Phan Văn Giang đã trao đổi đánh giá cao hợp tác hai bên thời gian qua, nỗ lực giải quyết các vấn đề đâng triển khai, thống nhất kết quả hợp tác đã đạt được hiệu quả thiết thực, phù hợp mối quan hệ Đối tác toàn diện đang phát triển tốt đẹp giữa hai nước, nhất là trong các lĩnh vực khắc phục hậu quả chiến tranh (tìm kiếm quân nhân mất tin, mất tích, rà phá bom mìn, xử lý hậu quả chất độc da cam/đi-ô-xin), giải quyết các vấn đề an ninh phi truyền thống (phòng, chống COVID-19, tìm kiếm cứu nạn, hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa), hỗ trợ Việt Nam tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình LHQ, nâng cao năng lực thực thi pháp luật trên biển, quân y, đào tạo. Hai Bộ trưởng cũng chia sẻ quan điểm về tầm quan trọng của việc tôn trọng các quyền và lợi ích hợp pháp của các quốc gia ven biển, giải quyết hòa bình các tranh chấp cũng như duy trì môi trường hòa bình, ổn định, an ninh, an toàn, trật tự và tự do hàng không, hàng hải tại các vùng biển và đại dương theo quy định của pháp luật quốc tế và Công ước của LHQ về Luật Biển (UNCLOS) năm 1982. Bên cạnh hợp tác song phương, Mỹ và Việt Nam cũng hợp tác hiệu quả với nhau trên các diễn đàn đa phương trong khuôn khổ ASEAN. Mỹ cơ bản ủng hộ vai trò Chủ tịch ASEAN năm 2020 của Việt Nam và tham gia tích cực vào các cơ chế hợp tác trong khuôn khổ ASEAN. Bên cạnh đó, lãnh đạo cấp cao hai nước cũng tiến hành gặp gỡ, tham vấn lẫn nhau bên lề các sự kiện đa phương như: Hội nghị Cấp cao Đông Á (EAS), ADMM+, ARF...

Thông qua việc triển khai Chiến lược của Mỹ với các nước ASEAN có thể nhận thấy một số đặc trưng cơ bản:

Một là, việc triển khai chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở dưới thời D.Trump là sự tiếp nối theo hướng tăng cường hơn chiến lược Tái cân bằng dưới thời Obama thông qua việc Mỹ thể hiện cam kết trong tài liệu Chiến lược An ninh Quốc gia 2017, khi đưa ra danh sách một loạt các nước khu vực là đồng minh hoặc đối tác chủ chốt của Mỹ. Đến thời Joe Biden, Chiến lược tiếp tục được duy trì và trong Hướng dẫn Chiến lược An ninh Quốc gia tạm thời công bố tháng 3/2021 của Mỹ vẫn nêu đích danh Singapore và Việt Nam là những đối tác thân cận nhất ở

khu vực.

Hai là, dù có những tuyên bố mạnh mẽ, nhưng do bị chi phối bởi khẩu hiệu "nước Mỹ trên hết" và xem nhẹ các cơ chế đa phương, quan hệ của Mỹ với ASEAN có thời điểm bị xem là lỏng lẻo, chưa tương xứng với vị thế của Mỹ ở khu vực khi so sánh với chính quyền tiền nhiệm Obama. Dù các quan chức Chính quyền D.Trump thường xuyên bày tỏ đánh giá cao vai trò trung tâm của ASEAN trong cấu trúc an ninh khu vực, nhưng bản thân D.Trump đã bỏ lỡ nhiều cơ hội khẳng định vị thế của Mỹ ở khu vực khi không tham dự các hội nghị cấp cao ASEAN, khiến nhiều nước trong khu vực cảm thấy bất an và không chắc chắn với sự hiện diện của Mỹ như một đối trọng của Trung Quốc trong giải quyết các thách thức an ninh chung.

Ba là, trước sự bất định, thậm chí bất nhất trong chính sách của Chính quyền D.Trump, các đối tác chủ chốt của Mỹ ở khu vực như Singapore, Indonesia hay các đồng minh như Thái Lan, Philippines chủ trương thực hiện chính sách "cân bằng với các nước lớn", nhất là với Mỹ và Trung Quốc, tìm kiếm sự hợp tác và ủng hộ của cả hai nước lớn này để phát triển sức mạnh quốc gia, nâng cao vị thế trên trường quốc tế, thực hiện tham vọng trở thành lãnh đạo khối ASEAN. Bên cạnh đó, các nước này đều thực hiện chính sách đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại trên nền tảng nguyên tắc "độc lập, tích cực" để phát triển đất nước. Nguyên nhân nằm ở chỗ, đối với các nước vừa và nhỏ ở Đông Nam Á cũng như đối với ASEAN, việc bị giằng kéo giữa các cường quốc là một trạng thái rất phức tạp, tế nhị và không dễ ứng xử. Hơn nữa, cạnh tranh Mỹ - Trung lại rất đặc biệt ở chỗ, Trung Quốc là cường quốc "đang lên" nhưng lại là cường quốc "láng giềng" ở ngay trong khu vực và có nhiều động thái khó lường. Mỹ là cường quốc "tại vị" nhưng ở xa và cũng rất bất định. Bối cảnh này khiến cho ASEAN ở vào tình thế dễ bị "kẹt" giữa các nước lớn.

Bốn là, trong giải quyết tranh chấp ở Biển Đông, Mỹ tích cực thể hiện lập trường phản đối Trung Quốc một cách mạnh mẽ (hơn rất nhiều so với thời chính quyền Obama) thông qua các tuyên bố, chỉ đích danh Trung Quốc quân sự hóa Biển Đông, bác bỏ tuyên bố chủ quyền "đường lưỡi bò" của Trung Quốc, áp chế tài với các tập đoàn, cá nhân, quan chức của Trung Quốc có liên quan đến quân sự

hóa ở Biển Đông, thường xuyên thực hiện các đợt tuần tra tự do hàng hải (26 lần, nhiều hơn hẳn so với thời Obama chỉ 5 lần, xem bảng 5 và bảng 6, tr. 145-147), diễn tập quân sự chung với các nước trong khu vực... Những tuyên bố và hành động cứng rắn như vậy đã củng cố hơn động lực và nội hàm của chiến lược ÁĐD-TBD tự do và rộng mở, đặc biệt trên khía cạnh an ninh quân sự trong quan hệ với các nước ASEAN.

3.2.1.8. Với các nước Tây - Nam Thái Bình Dương

Mặc dù có vị trí xa xôi, khu vực quần đảo ở Tây - Nam Thái Bình Dương thường xuyên nhận được sự quan tâm của Mỹ, đặc biệt trong khuôn khổ Chiến lược ÁĐD-TBD tự do và rộng mở. Khu vực này quan trọng do có những căn cứ quân sự của Mỹ ở đây cũng như quan điểm ủng hộ Mỹ của phần đa các quốc gia trong khu vực. Không chỉ Mỹ, từ lâu, Anh, Australia, New Zealand và Pháp đã đóng vai trò quan trọng với an ninh và kinh tế khu vực này. Sự hiện diện của Mỹ ở khu vực thể hiện qua: (i) Mỹ sở hữu các vùng lãnh thổ ở Thái Bình Dương như American Samoa (Đông Samoa), Guam và Khối thịnh vượng chung của Quần đảo Bắc Mariana, cũng như tiểu bang Hawaii; (ii) Các Quốc gia Liên kết Tự do (FAS) gồm Cộng hòa Quần đảo Marshall (RMI), Liên bang Các tiểu bang Micronesia (FSM) và Cộng hòa Palau, thông qua Hiệp ước Liên kết Tự do (COFA) nhận hỗ trợ kinh tế và cho phép Quân đội Mỹ vận hành các căn cứ quân sự trên lãnh thổ của mình cũng như nhận sự đảm bảo an ninh từ Mỹ; (iii) Mỹ hợp tác an ninh với Fiji, Papua New Guinea và Tonga. INDOPACOM có trụ sở tại Hawaii điều phối hoạt động của Quân đội Mỹ ở cả khu vực ÁĐD-TBD rộng lớn. Mỹ có các căn cứ Không quân và Hải quân trên Guam và một bãi thử tên lửa đạn đạo xuyên lục địa trên Đảo san hô Kwajalein thuộc quần đảo Marshall, hỗ trợ các hoạt động giám sát không gian. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, khu vực quần đảo Thái Bình Dương nổi lên như một đấu trường cạnh tranh ảnh hưởng giữa Mỹ, Australia và New Zealand với Trung Quốc. Vì vậy, khu vực ngày càng thu hút sự chú ý từ các chuyên gia hoạch định chính sách đối ngoại của Mỹ.

Tháng 9/2018, tại Diễn đàn Quần đảo Thái Bình Dương (PIF) lần thứ 30, Đối thoại Đối tác Diễn đàn được tổ chức tại Nauru, Bộ trưởng Nội vụ Mỹ, Ryan Zinke tuyên bố: “Mỹ cam kết sâu sắc với an ninh và thịnh vượng của bạn bè và

láng giềng của mình ở Thái Bình Dương…" và xem "tất cả các đảo ở Thái Bình Dương là một bộ phận quan trọng trong Chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở" [135]. Cũng trong năm 2018, Quân đội Mỹ đã tổ chức các cuộc thảo luận với Chính phủ Micronesia về việc xây dựng các cơ sở Hải quân, mở rộng đường băng sân bay cho mục đích quân sự và tham gia tập trận ở Micronesia. Mỹ cộng tác với Australia, Pháp và New Zealand thông qua Nhóm điều phối quốc phòng tứ giác để điều phối an ninh hàng hải trong khu vực, hợp tác với Papua New Guinea và Australia để phát triển căn cứ Hải quân Lombrum trên đảo Manus. Mỹ cũng có các thỏa thuận với 10 quốc đảo Thái Bình Dương, cho phép các quan chức thực thi pháp luật địa phương hợp tác với các tàu Hải quân và tuần duyên của Mỹ để tìm kiếm các tàu bị nghi ngờ vi phạm luật pháp và để chống lại Đánh bắt cá bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU).

Việc hỗ trợ kinh tế cho khu vực, tập trung vào các Quốc gia Liên kết Tự do (FAS) cũng được Mỹ chú ý. Chính phủ Mỹ, thông qua Bộ Nội vụ, đã và sẽ cung cấp khoảng 5,6 tỷ USD trong khuôn khổ COFA cho RMI và FSM vào năm 2023 và 1,06 tỷ USD cho Palau vào năm 2024. Thậm chí một số nghiên cứu của Mỹ đang cân nhắc việc mở rộng hơn các điều khoản hỗ trợ kinh tế hiện tại khi cho rằng các FAS thiếu tính tự quản về ngân sách [135]. Ngoài ra, hỗ trợ nước ngoài của Mỹ cho các quốc đảo Tây - Nam Thái Bình Dương còn bao gồm hỗ trợ cho Diễn đàn các đảo Thái Bình Dương, ứng phó với thiên tai, phát triển kinh tế cũng như các chương trình phòng ngừa và điều trị HIV/AIDS ở Papua New Guinea. Mỹ cũng hỗ trợ các chương trình Đào tạo và Huấn luyện Quân sự Quốc tế (IMET) cho lực lượng quốc phòng của Fiji, Papua New Guinea, Tonga và lực lượng an ninh của Samoa. Những động thái trên là những biểu hiện của quá trình triển khai Chiến lược ẤĐD-TBD trên thực tế của Mỹ với mục tiêu duy trì và đảm bảo vị thế, đồng thời ngăn chặn sự mở rộng ảnh hưởng của Trung Quốc đối với khu vực này.

3.2.2. Củng cố, tăng cường lực lượng, duy trì ưu thế quân sự ở khu vực

Lực lượng của Mỹ ở khu vực ẤĐD-TBD dưới sự quản lý của INDOPACOM hiện có khoảng 375.000 [201] nhân viên quân sự và dân sự cùng hàng ngàn phương tiện, trang bị hiện đại, trong đó: (i) Hạm đội Thái Bình Dương được biên chế khoảng 200 tàu (bao gồm 5 nhóm tàu sân bay tấn công), gần 1.100

máy bay chiến đấu với hơn 130.000 binh sỹ và nhân viên dân sự; (ii) Lực lượng Thủy quân lục chiến Thái Bình Dương gồm hai lực lượng viễn chinh Thủy quân Lục chiến với 86.000 người và 640 máy bay chiến đấu; (iii) Lực lượng Không quân Thái Bình Dương gồm 46.000 binh sỹ và nhân viên dân sự cùng hơn 420 máy bay; (iv) Lực lượng Lục quân Thái Bình Dương có khoảng 106.000 binh sỹ và nhân viên dân sự, biên chế thành một quân đoàn và hai sư đoàn với hơn 300 máy bay và 5 tàu sân bay triển khai trên các khắp các khu vực phụ trách, từ Nhật Bản và Hàn Quốc tới Alaska và Hawaii. Ngoài ra, có tổng cộng 12.000 máy bay Không quân, Không quân Hải quân, Không quân Thủy quân Lục chiến, Không quân Lục quân và vệ binh quốc gia của Mỹ có thể bố trí đến khu vực ẤĐD-TBD, nhanh chóng chi viện cho INDOPACOM. Có thể nói, ưu thế quân sự của Mỹ tại khu vực ẤĐD-TBD vẫn vượt trội và khó có đối thủ. Để duy trì ưu thế quân sự của mình tại khu vực, Chiến lược ẤĐD-TBD chủ trương Mỹ thực hiện đồng bộ các giải pháp:

3.2.2.1. Gia tăng chi tiêu quân sự

Chi tiêu quân sự của Mỹ vượt xa các cường quốc quân sự ở khu vực ẤĐD-TBD, cao hơn tổng chi tiêu của cả Trung Quốc, Nga, Ấn Độ, Nhật Bản và Hàn Quốc. Chi phí khổng lồ này đã duy trì lực lượng quân sự số một trên toàn cầu. Tuy nhiên, dựa trên những điều chỉnh lớn của Chiến lược ẤĐD-TBD và nhu cầu chiến lược trong "cạnh tranh nước lớn" với Trung Quốc và Nga, ngân sách quốc phòng trong năm 2020 của Mỹ vẫn tăng 4,9% so với năm 2019, đạt 738 tỷ USD [177]. NDAA 2020 của Mỹ cũng chú trọng việc tăng chi tiêu quốc phòng. Đạo luật này cho phép chi 1 tỷ USD để mua thêm 12 máy bay chiến đấu F-35A, đồng thời ủy quyền chi 440 triệu USD để mua lại số máy bay chiến đấu F-35 mà Thổ Nhĩ Kỳ đặt hàng ban đầu, hỗ trợ tiền vốn cho việc phát triển máy bay chiến đấu tầm xa B-21, hỗ trợ yêu cầu ngân sách mua 8 máy bay F-15EX; cho phép chi thêm 75,6 triệu USD cho chương trình máy bay tấn công tầm xa trong tương lai; hỗ trợ gần 1 tỷ USD cho dự án chiếm ưu thế trên không thế hệ tiếp theo (NGAD) của Không quân… Ngoài ra, NDAA còn quy định tăng 3,1% tiền lương cho quân đội, mức tăng lớn nhất trong 10 năm qua.

Hiện thực hóa các nội dung trong Đạo luật, tháng 4/2020, Đô đốc Phil

Davidson, Tư lệnh INDOPACOM, trình các đề xuất chi tiết trong kế hoạch chi 20 tỉ USD theo yêu cầu của Quốc hội[6], với mục đích chính nhằm răn đe hoạt động quân sự của Trung Quốc ở Thái Bình Dương. Trong báo cáo này, Davidson đưa ra chiến lược mới mang tên "Chiếm lại ưu thế" (Regain the Advantage), nhấn mạnh sự ra đời của Chiến lược là để "khiến các kẻ thù tiềm tàng thấy rằng bất cứ hành động quân sự phủ đầu nào nhằm vào Mỹ sẽ vô cùng tốn kém và sẽ thất bại trước sức mạnh vượt trội của Mỹ ở khu vực" [178]. Theo chiến lược, để giành lại được ưu thế trong răn đe các đối thủ như Trung Quốc, Quốc hội Mỹ cần cung cấp thêm ngân sách (ngoài khoản ngân sách 750 tỷ USD cấp cho Lầu Năm góc) để: *(i)* Hỗ trợ hình thành các Lực lượng Đặc nhiệm Đa miền của Lục quân ở châu Á. Các đơn vị này sẽ có khả năng thực hiện các nhiệm vụ xuyên miền bao gồm phòng không, tên lửa và phòng thủ bờ biển với hệ thống thông tin liên lạc tối tân và tên lửa dẫn đường chính xác, pháo, súng cối và tên lửa; *(ii)* Hỗ trợ hệ thống Phòng thủ Tên lửa và Phòng không Tích hợp trên đất liền (IAMD) và hệ thống phân phối vũ khí liên quan trên đảo Guam; *(iii)* Hỗ trợ xây dựng năng lực cần thiết cho các đối tác quan trọng sẵn sàng về hàng không, hàng hải và hậu cần trong khu vực; *(iv)* Đẩy nhanh quá trình hiện đại hóa hạm đội Aegis DDG với các radar tìm kiếm trên không trạng thái rắn (AN/SPY-6), để cạnh tranh với mối đe dọa từ các tên lửa siêu thanh và tên lửa đạn đạo tiên tiến của đối phương. *(v)* Hỗ trợ cải tiến và triển khai các loại tên lửa phòng thủ dựa trên tín hiệu vệ tinh vũ trụ và radar trên đất liền; *(vi)* Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng và mạng dữ liệu cần thiết tạo điều kiện chia sẻ thông tin đa miền với các đồng minh và đối tác trong khu vực ẤĐD-TBD; *(vii)* Thiết lập chương trình Sáng kiến An ninh Hàng hải (MSI) cho Châu Đại Dương, được mô phỏng theo thành công của chương trình MSI hoạt động tại Đông Nam Á; *(viii)* Hỗ trợ các cải tiến cơ sở hạ tầng cần thiết để phát triển quá trình đào tạo và tập luyện trên cơ sở tận dụng các các cơ sở ở Hawaii, Alaska và Guam [146].

Đô đốc Phil Davidson cũng đưa ra nhiều kế hoạch răn đe linh hoạt để Lầu Năm góc lựa chọn, bao gồm cả việc triển khai toàn bộ các chiến dịch (nếu cần). Các khoản chi trong đề xuất được chia làm nhiều nhóm chính, gồm tăng khả năng

[6] Yêu cầu INDOPACOM báo cáo chi tiết về nhu cầu của lực lượng này nhằm đảm bảo chiến lược quốc phòng và đối phó Trung Quốc

sát thương của lực lượng liên quân, thiết kế và bố trí lực lượng, tăng cường đồng minh và đối tác, tập trận, thử nghiệm và sáng tạo, đảm bảo hậu cần và an ninh. Bên cạnh đó, kế hoạch đề xuất tăng cường hỏa lực chính xác tầm xa như tên lửa đất đối biển và tên lửa không đối đất JASSM-ER của Không quân, hệ thống radar cao tần tại Palau giúp phát hiện các mục tiêu trên không và trên biển; radar phòng thủ ở Hawaii và hệ thống radar dựa trên vệ tinh để theo dõi các mối đe dọa toàn cầu. Về hạ tầng, kế hoạch đề xuất hàng loạt khoản đầu tư để triển khai Quân đội Mỹ ra khắp khu vực, thay vì tập trung tại các căn cứ lớn và dễ trở thành mục tiêu tấn công của đối phương. Có thể thấy, kế hoạch INDOPACOM là nền tảng cơ bản để phát triển "phiên bản Thái Bình Dương" của Sáng kiến Răn đe ở châu Âu do BQP Mỹ đưa ra nhưng thay vì đối phó Nga thì phiên bản sáng kiến này tập trung đối phó Trung Quốc.

Đầu tháng 6/2020, Ủy ban Quân vụ Thượng viện Mỹ thông qua NDAA năm 2021, trong đó có điều khoản bổ sung quan trọng là cung cấp tài chính cho Sáng kiến Răn đe Thái Bình Dương (PDI). Sáng kiến này sẽ được cấp 1,4 tỷ USD cho năm tài khóa 2021-2022 và 5,5 tỷ USD cho năm tiếp theo [166]. Việc cấp ngân sách cho PDI gửi tín hiệu mạnh mẽ đến Trung Quốc rằng Mỹ quyết tâm bảo vệ các lợi ích ở ĂĐD-TBD. Dù mức chi này chỉ chiếm 0,2% tổng chi ngân sách quốc phòng Mỹ, nhưng việc bổ sung ngân sách cho PDI cho thấy Mỹ có quyết tâm và đoàn kết chính trị trong chính sách với Trung Quốc. Trong khuôn khổ sáng kiến PDI, Mỹ sẽ tìm cách chuyển đổi một số căn cứ lớn nằm gần Trung Quốc thành hàng loạt căn cứ nhỏ hơn, nhưng phân tán ở vị trí tốt hơn và có khả năng phòng thủ tên lửa vượt trội. Điều này cho phép đẩy mạnh hoạt động huấn luyện hàng ngày, hạn chế nguy cơ bị đánh phủ đầu bằng tên lửa và gây khó khăn cho mọi kịch bản chiến tranh của đối phương. PDI sẽ tài trợ cho việc triển khai lâu dài một hệ thống phòng không và phòng thủ tên lửa cùng các vũ khí phụ trợ trên đảo Guam, điều mà Trung Quốc kịch liệt phản đối. Dù Sáng kiến không ủng hộ việc thực thi bất cứ hành động quân sự hoặc hành vi khiêu khích nào, nhưng lại kêu gọi tăng cường các cuộc tập trận giữa Mỹ và đồng minh, viện dẫn sự cần thiết phải ngăn chặn "hành vi thù địch" của Trung Quốc. Đề xuất này được sự ủng hộ của hơn 15 thành viên trong Quốc hội từ cả 2 đảng, cũng cho rằng cần bố trí thêm radar phòng

thủ tên lửa ở Hawaii và thiết lập hệ thống Hỏa lực chính xác tầm xa trong khu vực. Theo National Interest, đề xuất nói trên sẽ giúp củng cố những hành động chiến lược mà Mỹ đang thực hiện tại ĂĐD-TBD. Ngoài ra, Mỹ điều máy bay ném bom B-2, B-52 và B-1B từ đảo Guam tuần tra khu vực và thường xuyên tập trận chung với đồng minh ở ĂĐD-TBD. Hải quân Mỹ cũng thực hiện hoạt động diễn tập tấn công tàu sân bay và sử dụng máy bay tuần tra chống ngầm Poseidon giám sát ở Biển Đông. Gia tăng chi tiêu quân sự trong khuôn khổ Chiến lược là phù hợp với mục tiêu và tầm nhìn mà các nhà lãnh đạo Mỹ vạch ra để củng cố vị thế của Mỹ trong cạnh tranh với Trung Quốc và thể hiện vai trò của Mỹ trước các đồng minh, khiến Chiến lược có động lực duy trì và phát triển hơn trong tương lai.

3.2.2.2. Củng cố lực lượng quân sự

** Lực lượng trên bộ:*

Trong tương quan so sánh với lực lượng vũ trang các nước trên thế giới, cơ giới hóa và thông tin hóa của Lục quân và Thủy quân Lục chiến Mỹ luôn ở trình độ cao nhất. Ngoài ra nhờ vào mức độ sẵn sàng chiến đấu cao và kinh nghiệm tác chiến phong phú được tích lũy nhiều năm trong chiến tranh cục bộ ở nhiều khu vực khác nhau, sức chiến đấu của lực lượng trên đất liền của Mỹ luôn đứng đầu thế giới. Để đáp ứng nhu cầu bố trí tác chiến toàn cầu, Mỹ hết sức coi trọng năng lực chiến đấu từ xa của Lục quân và Thủy quân Lục chiến. Hiện Mỹ đang bố trí ba lực lượng sẵn sàng tác chiến trên biển, ngoài lực lượng ở Địa Trung Hải, hai lực lượng còn lại trực thuộc INDOPACOM (ở Diego Garcia thuộc Ấn Độ Dương và đảo Guam - Saipan thuộc Thái Bình Dương). Mỗi lực lượng này đều được trang bị đầy đủ các trang thiết bị và vật tư hậu cần đạn dược cho một lữ đoàn tầm trung, có thể nhanh chóng, cơ động triển khai, nhằm đối phó với các cuộc chiến tranh trên đất liền có thể xảy ra [195].

** Lực lượng trên biển:*

Hiện nay, trong biên chế của INDOPACOM có tổng cộng khoảng 200 tàu chiến tại khu vực, trong đó tàu tác chiến chính gồm 133 chiếc. Tuy số lượng không nhiều nhưng phản ánh năng lực tác chiến vùng biển xa, các chỉ số về tổng trọng tải, số lượng máy bay đi theo, tên lửa tầm trung và tầm xa đi theo đều vượt qua tổng số lượng của 4 nước Trung Quốc, Nga, Nhật Bản, Hàn Quốc gộp lại. Kế hoạch chế

tạo tàu 5 năm năm 2020 của Hải quân Mỹ cho biết sẽ tăng thêm 55 chiếc tàu chiến kiểu mới. Kế hoạch chế tạo tàu 30 năm sẽ tăng thêm 304 chiếc. Đến năm 2034, Hải quân Mỹ sẽ đạt quy mô 355 tàu chiến [137]. Binh lực tăng thêm phần lớn sẽ được tăng cường tại khu vực ẤĐD-TBD.

** Lực lượng trên không:*

Lực lượng Không quân của Mỹ gồm 5 binh chủng: Không quân, Không quân Hải quân, Không quân Lục quân và Không quân Cảnh vệ Quốc gia. Thực lực của mỗi binh chủng được đánh giá đều ở top đầu của lực lượng Không quân thế giới [138]. Hiện nay, INDOPACOM có 2.600 máy bay, bao gồm máy bay Không quân, Hải quân, Thủy quân Lục chiến và Lục quân được bố trí ở trạng thái sẵn sàng chiến đấu tại khu vực. Ngoài ra, máy bay từ các BTL khác của Không quân Mỹ cũng thường xuyên được bố trí luân phiên tại khu vực trực thuộc của INDOPACOM.

Số lượng lớn máy bay chiến đấu đời thứ 5 của Mỹ với đại diện là máy bay F22 và F35 [196] đã thay đổi sâu sắc phương thức tác chiến trên không cũng như sự so sánh lực lượng Không quân giữa các nước trong khu vực ẤĐD-TBD.

Cùng với đó, Mỹ tiếp tục đưa ra một số chiến lược mới và tiến hành cải cách nhằm tăng cường nâng cao năng lực cho các lực lượng, từ đó kiềm chế sự trỗi dậy của Nga và Trung Quốc. Trong năm 2020, Mỹ đã đưa ra một số chiến lược mới như: "Chiến lược phòng thủ không gian" mới nhằm giành ưu thế kiểm soát không gian trước lo ngại về sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc và Nga; Chiến lược Dữ liệu mới nhằm hướng tới sử dụng dữ liệu ở tốc độ và quy mô có thể tạo thuận lợi cho quá trình tác chiến và nâng cao tính hiệu quả trong hoạt động. Không dừng lại ở đó, Mỹ đẩy mạnh việc nghiên cứu, thử nghiệm và sản xuất một số loại vũ khí mới như: Tên lửa đạn đạo Trident II (D5LE); Hệ thống Chống Liên lạc (CCS) có thể gây nhiễu và chặn tín hiệu truyền phát từ vệ tinh liên lạc của đối thủ... Ngoài ra, Mỹ hoàn thành việc cải tạo, nâng cấp căn cứ Guam nhằm tăng cường khả năng phòng thủ nhiều lớp ở Thái Bình Dương của Mỹ, trải dài từ các căn cứ từ Philippines, Nhật Bản đến Hawaii. Có thể nói, những thay đổi trong Quân đội Mỹ trong năm vừa qua chủ yếu hướng tới hai đối thủ lớn nhất là Nga và Trung Quốc ở những lĩnh vực quân sự mới trong bối cảnh hai quốc gia này đang có sự vươn lên

mạnh mẽ, cạnh tranh quyết liệt với vai trò, vị thế của Mỹ ở khu vực cũng như trên phạm vi toàn cầu.

3.2.2.3. Củng cố lực lượng hạt nhân chiến lược tại khu vực ÁĐD-TBD

Chiến lược răn đe hạt nhân của Mỹ từ bỏ cam kết "không sử dụng vũ khí hạt nhân trước" [150]. Nước Mỹ dưới thời D.Trump cho rằng nếu cam kết như vậy sẽ làm cho các đối thủ hiểu nhầm, từ đó sẽ có ý định sử dụng vũ khí hạt nhân trước hoặc sử dụng vũ khí hạt nhân để uy hiếp Mỹ, làm tăng nguy cơ chiến tranh hạt nhân, làm giảm sự tin cậy an ninh của các đồng minh vào Mỹ, thúc đẩy các nước khác tự phát triển vũ khí hạt nhân [56]. Tính đến đầu năm 2019, BQP Mỹ có 3.800 đầu đạn hạt nhân, hơn 800 tên lửa và máy bay mang đầu đạn hạt nhân. Ngoài số đầu đạn hạt nhân thuộc quyền của BQP Mỹ, Bộ Năng lượng Mỹ còn giám sát, quản lý khoảng 2.385 đầu đạn hạt nhân không sử dụng, đợi tiêu hủy. Do vậy, số đầu đạn hạt nhân mà Mỹ có là 6.185 đầu đạn [45].

Tại khu vực ÁĐD-TBD, Mỹ xây dựng lực lượng tấn công hạt nhân ba trong một, gồm: (i) Lực lượng hạt nhân mặt đất của Mỹ hiện có 400 đầu đạn hạt nhân ở các căn cứ Không quân: Malmstrom/Montana, Minot/North Dakota và F.E. Warren/ Wyoming. (ii) Lực lượng hạt nhân Không quân, gồm 564 đầu đạn hạt nhân gắn trên các tên lửa AGM-86, AGM-86B, máy bay chiến lược B52H, 500 đầu đạn hạt nhân B61 được trang bị trên máy bay B2, F15E, F16C/D. Trong tương lai còn biên chế thêm các loại máy bay chiến đấu B21 và F35A [111]. (iii) Lực lượng hạt nhân trên biển. Biên chế của Quân đội Mỹ có 14 tàu ngầm lớp Ohio, mỗi tàu có thể mang 24 đầu đạn hạt nhân Triden II (SLBMs). Có 8 tàu ngầm lớp Ohio, mang 192 đầu đạn hạt nhân SLBMs được bố trí ở khu vực ÁĐD-TBD [193], chiếm 57% số đầu đạn hạt nhân SLBMs. Năm 2018, D.Trump tiếp tục chính sách của Obama, công khai quy mô số đầu đạn hạt nhân hiện có và số lượng đã giải trừ, nhưng từ tháng 4/2019, Mỹ không còn công khai số liệu này nữa.

3.2.2.4. Tái bố trí các căn cứ quân sự của Mỹ tại khu vực ÁĐD-TBD

Theo số liệu từ BQP Mỹ, Mỹ có số lượng căn cứ quân sự lớn nhất thế giới. Đến năm 2018, BQP Mỹ quản lý tổng cộng 4.775 căn cứ/cơ sở quân sự trên thế giới, trong đó có 4.150 địa điểm tại các châu lục, 111 địa điểm tại lãnh thổ nước ngoài, 514 địa điểm ngoài nước, với tổng cộng 585.000 hạng mục công trình,

chiếm tổng diện tích 109.000 km2. Trong số đó, có 1.081 căn cứ/cơ sở quân sự của Mỹ tại khu vực ÁĐD-TBD, chủ yếu phân bố tại bang Washington, bang Oregon, bang California, bang Alaska và bang Hawaii; đảo Guam (lãnh thổ bên ngoài của Mỹ), American Samoa, đảo Wake, quần đảo Bắc Mariana; quần đảo Mesau, Diego Garcia, Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia và Singapore [33].

Để đạt được các mục tiêu chiến lược ở khu vực ÁĐD-TBD, Mỹ cũng tích cực tìm cách phát triển thế cân bằng ở nhiều địa điểm khác nhau tại Nam Á, Đông Nam Á và châu Đại Dương nhằm tăng cường sự hiện diện năng động và phân tán hơn trong khu vực. Có thể thấy rõ điều này qua nỗ lực tìm kiếm địa điểm để xây dựng căn cứ quân sự mới của Mỹ, như việc Phó Tổng thống Mỹ Mike Pence tuyên bố sẽ cùng Australia tái xây dựng và sử dụng đảo Manus và căn cứ quân sự Lombrum Naval Base, Papua New Guinea, vào ngày 16/11/2018 [34].

Để thực hiện mục tiêu kiềm chế Trung Quốc và duy trì các cam kết tại Biển Đông và biển Hoa Đông trong khuôn khổ Chiến lược ÁĐD-TBD, Mỹ đã có những điều chỉnh bố trí lực lượng đáng chú ý. Đến tháng 5/2020, lực lượng quân sự của Mỹ tại khu vực khoảng 375.000 người, chiếm 28% tổng binh lực của Mỹ, trong đó 60% là Hải quân, 55% Lục quân, hơn 1/3 lực lượng Thủy quân Lục chiến, cùng 38.000 nhân viên dân sự. Với quân số như vậy, cùng với các chương trình huấn luyện cường độ cao và diễn tập chung thường xuyên, Mỹ đang duy trì ưu thế vượt trội tại khu vực.

3.2.3. Duy trì và tăng cường các hoạt động quân sự tại khu vực

3.2.3.1. Huấn luyện và diễn tập quân sự

Mỗi năm, Mỹ tổ chức khoảng 90 cuộc diễn tập quân sự tại khu vực ÁĐD-TBD, trong đó phần lớn là diễn tập chung được tổ chức cùng đồng minh và các nước đối tác, ngoài ra còn có số lượng lớn các huấn luyện chung và diễn tập quy mô nhỏ. Từ năm 2017 đến năm 2019, số lượng diễn tập quân sự chung của Mỹ được tổ chức trong phạm vi toàn cầu đã tăng thêm 17% và ÁĐD-TBD chính là một trong những khu vực trọng điểm Mỹ tiến hành diễn tập chung với các đồng minh, đối tác như Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia, Ấn Độ, Thái Lan, Philippines, Singapore... [79]. Huấn luyện và diễn tập quân sự do Quân đội Mỹ tổ chức gồm tự diễn tập, diễn tập hai bên và nhiều bên, với nhiều binh chủng Lục quân, Hải quân,

Không quân và Thủy quân Lục chiến.

Về diễn tập chung, diễn tập quân sự "Vành đai Thái Bình Dương" (RIMPAC) của đội tàu số 3 Hải quân Mỹ được tổ chức ven biển Hawaii và California 2 năm 1 lần là diễn tập quân sự chung quy mô lớn nhất thế giới hiện nay, nội dung diễn tập bao gồm tác chiến trên bộ, trên biển, trên không và hoạt động quân sự phi truyền thống. Diễn tập "Hổ mang vàng" (Cobra Gold) 2 năm 1 lần do Mỹ và Thái Lan tổ chức là diễn tập chung có quy mô lớn nhất tại khu vực Đông Nam Á. Đặc biệt, tại bán đảo Triều Tiên, dù 2 năm qua Mỹ - Triều đã khởi động hàng loạt đối thoại các cấp nhưng năm 2019 Mỹ và Hàn Quốc vẫn tổ chức gần 100 lần diễn tập và huấn luyện tác chiến chung với quy mô khác nhau.

Về tự diễn tập, "Diễn tập bay ném bom" từ năm 2004 do Không quân Mỹ tiến hành tại khu vực ÁĐD-TBD là huấn luyện và diễn tập quân sự một bên điển hình. Bộ Chỉ huy chiến đấu toàn cầu của Không quân Mỹ luân phiên bố trí máy bay ném bom chiến lược B-1B, B-52 và B2 tại căn cứ Không quân Anderson ở đảo Guam và căn cứ Diego Garcia ở Ấn Độ Dương; bố trí các đợt bay xuyên khu vực thường xuyên hơn, bay tầm xa và huấn luyện ném bom từ khu vực Tây Thái Bình Dương đến Ấn Độ Dương, nhằm nâng cao khả năng chiến đấu và răn đe toàn cầu của INDOPACOM, đồng thời gửi tín hiệu uy hiếp mạnh mẽ tới các quốc gia trong khu vực. Có thể nói, việc tăng cường các diễn tập quân sự (bao gồm huấn luyện) tại khu vực trong thời gian qua không chỉ là phương thức hiệu quả để thể hiện sức mạnh quốc gia mà còn là động thái triển khai Chiến lược ÁĐD- TBD của Mỹ.

Tháng 8/2018, nhóm tác chiến hàng không mẫu hạm RONALD REAGAN của Hải quân Mỹ và phiên đội tàu khu trục mang theo trực thăng Kaga của Nhật Bản có cuộc diễn tập chung tại Biển Đông. Tháng 6/2019, nhóm tác chiến tàu sân bay USS RONALD REAGAN của Mỹ tiếp tục tiến hành diễn tập chung với tàu sân bay trực thăng IS Izumo của Nhật Bản. Tháng 01/2019, tàu khu trục mang tên lửa dẫn đường USS McCampbell Destroyer và tàu hộ vệ tên lửa HMS Argyll của Hải quân Hoàng gia Anh lần đầu tiến hành diễn tập chung tại Biển Đông. Tháng 5/2019, Mỹ, Ấn Độ, Nhật Bản và Philippines đã tổ chức tập trận chung tại Biển Đông. Hoạt động quân sự chung được tổ chức liên tục tại Biển Đông của Mỹ và các đồng minh không chỉ là phức tạp thêm tình hình an ninh khu vực mà còn tỏ rõ

quyết tâm chiến lược của Mỹ tại đây. Cũng trong năm 2019, tại khu vực ÁĐD-TBD , Mỹ tiến hành diễn tập "Đồng minh", "Đại bàng non", "Giải pháp then chốt" giữa Mỹ và Hàn Quốc; diễn tập "Tiger Triump" giữa Mỹ và Ấn Độ; Mỹ, Nhật Bản, Ấn Độ, Philippines tiến hành diễn tập chung ở Biển Đông... nhằm mục đích răn đe các đối thủ tiềm tàng. Trong khi đó, năm 2019, để tạo không khí thuận lợi cho các cuộc đàm phán Mỹ-Triều, Mỹ và Hàn Quốc cũng đã chủ động hoãn hoặc giảm quy mô một số cuộc tập trận, nhằm tránh khiêu khích Triều Tiên.

Năm 2020, do bị tác động bởi đại dịch Covid-19, thời gian đầu, Mỹ tạm ngừng các hoạt động quân sự ở nước ngoài nhưng vẫn cố gắng duy trì các cuộc tập trận và giao lưu, hợp tác quốc phòng với các đồng minh, kể cả qua hình thức trực tuyến. Khu vực ÁĐD-TBD, trong đó có Biển Đông, tiếp tục là trọng tâm ưu tiên thúc đẩy chiến lược "ÁĐD-TBD tự do và rộng mở" từ đó ngăn chặn, kiềm chế sự trỗi dậy của Trung Quốc. Trong năm 2020, Mỹ đã cùng đồng minh tổ chức nhiều cuộc tập trận lớn ở khu vực này, điển hình là RIMPAC 2020 từ ngày 17-31/8/2020 tại khu vực quần đảo Hawaii/Mỹ, diễn tập thường niên Malabar của nhóm Bộ Tứ (Mỹ, Australia, Nhật Bản và Ấn Độ) vào tháng 11/2020, đặc biệt là các nhóm tàu sân bay của Mỹ đã tổ chức diễn tập 3 lần ở Biển Đông trong năm 2020, tàu chiến Mỹ-Nhật-Australia tổ chức diễn tập lần thứ 5 tại Biển Đông trong năm 2020...

Đáng chú ý nhất trong chuỗi hoạt động diễn tập hiện thực hóa các mục tiêu trong Chiến lược ÁĐD-TBD tự do và rộng mở của Mỹ nói chung và hợp tác nhóm Bộ Tứ nói riêng là diễn tập thường niên Malabar giữa nhóm 4 nước Mỹ, Australia, Nhật Bản và Ấn Độ. Diễn tập Malabar 2020 diễn ra theo hai giai đoạn: (1) Giai đoạn 1 từ ngày 03-06/11/2020 tại vùng biển thuộc Thành phố Visakhapatnm, Vịnh Bengal, Ấn Độ. (2) Giai đoạn 2 diễn ra từ ngày 17-20/11/2020 tại bờ biển Goa, phía Bắc biển Arab, Ấn Độ. Cuộc diễn tập diễn ra ngay sau các động thái tăng cường quan hệ, hợp tác giữa các quốc gia thành viên trong nhóm Bộ Tứ như Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao nhóm Bộ Tứ (06/10/2020), Đối thoại Bộ trưởng Ngoại giao, Quốc phòng Mỹ - Ấn Độ (27/10/2020), chuyến thăm chính thức đến Nhật Bản của Thủ tướng Australia Scott Morison để ký kết Thỏa thuận Tiếp cận qua lại (RAA). Mục đích của cuộc diễn tập này được xác định là nhằm: (1) Triển khai hoạt động hợp tác của nhóm Bộ Tứ theo hướng thực chất, nhất là trên lĩnh vực

quốc phòng, hướng tới xây dựng khu vực ẤĐD-TBD tự do, rộng mở, bao trùm, dựa trên luật lệ, trong đó nhấn mạnh yêu cầu đảm bảo giao thông hàng hải được thông suốt. (2) Nâng cao năng lực tác chiến của Hải quân từng nước cũng như khả năng phối hợp chiến đấu trong Bộ Tứ để sẵn sàng chống các mối đe dọa truyền thống và phi truyền thống, ứng phó nhanh chóng khi tình huống bất ngờ xảy ra. (3) Gửi tín hiệu đến Trung Quốc về những thách thức của Hải quân Trung Quốc đối với các quốc gia thành viên nhóm Bộ Tứ tại khu vực địa chiến lược ẤĐD-TBD.

So với năm 2019, diễn tập Malabar 2020 có nhiều điểm khác biệt quan trọng, thể hiện bước tiến mới của các nước thành viên trong triển khai Chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở. Nếu như năm 2019, diễn tập Malabar được tiến hành ngoài khơi thành phố Sasebo, tỉnh Nagasaki, Nhật Bản với sự tham gia của Ấn Độ, Mỹ và Nhật Bản, thì diễn tập năm 2020 đã có sự tham gia trở lại của Australia sau khi nước này rút khỏi diễn tập từ năm 2007. Đây là lần đầu tiên trong 13 năm qua diễn tập Malabar có sự tham gia đầy đủ của cả 04 quốc gia thành viên nhóm Bộ Tứ khiến nó không chỉ mang ý nghĩa quân sự mà còn thể hiện nhiều hàm ý chính trị, chiến lược sâu sắc đối với cả các quốc gia thành viên và Trung Quốc. Theo đánh giá của các chuyên gia, diễn tập Malabar 2020 đánh dấu một bước ngoặt rõ rệt đối với việc quân sự hóa của Bộ Tứ, hướng tới chính quy hóa, chính thức hóa Bộ Tứ trong tương lai [22].

Về mục đích, bối cảnh tổ chức diễn tập khác nhau khiến mục đích của các bên khi tổ chức diễn tập Malabar không giống nhau giữa năm 2019 và 2020. Theo đó, diễn tập Malabar 2019 chủ yếu nhắm tới tăng cường hợp tác Hải quân giữa Ấn Độ, Nhật Bản và Mỹ, thông qua nâng cao khả năng hiệp đồng tác chiến giữa các lực lượng dựa trên sự chia sẻ các giá trị và nguyên tắc chung cũng như sự hiểu biết lẫn nhau qua giao lưu, trao đổi văn hóa. Tuy nhiên, diễn tập Malabar 2020 diễn ra trong bối cảnh quan hệ của cả 04 nước thành viên trong Bộ Tứ với Trung Quốc đều đang có trục trặc cũng như Trung Quốc có những hành động ngày càng khiêu khích và ngang ngược tại khu vực ẤĐD-TBD, nhất là tại Biển Đông. Do đó, diễn tập Malabar 2020 nhấn mạnh việc triển khai hoạt động hợp tác quân sự của Bộ Tứ theo hướng thực chất, xây dựng khu vực ẤĐD-TBD tự do, rộng mở, bao trùm, dựa trên luật lệ, trong đó đáng chú ý là hướng tới đáp trả trực tiếp đối với các thách

thức từ Hải quân Trung Quốc.

Về quy mô và lực lượng, với sự tham gia của Australia, diễn tập Malabar 2020 có quy mô lớn hơn và lực lượng tham gia nhiều hơn hẳn so với diễn tập Malabar 2019. Các nước tham gia diễn tập Malabar 2019 chủ yếu triển khai các vũ khí, khí tài chuyên triển khai nhiệm vụ tác chiến chống ngầm như tàu ngầm tấn công nhanh chạy bằng năng lượng hạt nhân (SSN) Los Angeles, máy bay giám sát hàng hải P-8A của Hải quân Mỹ; máy bay tuần tra hàng hải tầm xa P-8I của Hải quân Ấn Độ và máy bay giám sát hàng hải Kawasaki P-1chuyên tác chiến chống ngầm của Lực lượng bảo vệ bờ biển Nhật Bản. So với cuộc diễn tập năm 2019, lực lượng tham gia diễn tập Malabar 2020 của các nước phong phú hơn cả về số lượng và quy mô với tổng cộng 02 tàu sân bay, hơn 10 tàu khu trục các loại, 02 tàu tuần tiễu, 02 tàu ngầm, 02 tàu tiếp dầu hạm đội, một số máy bay do thám hàng hải, máy bay trực thăng…

Về khoa mục, trong khi diễn tập Malabar 2019 chỉ tập trung diễn tập tác chiến chống ngầm, giao lưu và trao đổi chuyên môn thì cuộc diễn tập 2020 triển khai nhiều khoa mục đa dạng, phong phú hơn như tác chiến trên mặt nước, tác chiến chống ngầm, phòng không, cất và hạ cánh máy bay trên boong tàu của nhau, triển khai đội hình chiến đấu và bắn đạn thật với mức độ phức tạp và nâng cao.

Năm 2021, các thành viên nhóm Bộ Tứ còn nâng cấp cuộc diễn tập của mình hơn khi có thêm cả sự tham gia của Pháp. Từ ngày 05-08/4/2021, các tàu chiến của Mỹ, Nhật Bản, Australia, Ấn Độ và Pháp tham gia tập trận Hải quân La Perouse tại vịnh Bengal. Đây cũng là cuộc tập trận đầu tiên giữa các nước nhóm "Bộ Tứ" gồm Mỹ, Nhật Bản, Australia và Ấn Độ, sau hội nghị thượng đỉnh trực tuyến của nhóm vào tháng 3/2021. Cuộc tập trận mới nhất có sự tham gia của Pháp trở thành cuộc tập trận "Bộ Tứ Cộng" mà 4 nước có thể sử dụng như một kế hoạch chi tiết để hợp tác hơn nữa với các quốc gia khác. Năm 2019, tập trận La Perouse do Pháp dẫn đầu có sự tham gia của Australia, Nhật Bản và Mỹ nhưng không có Ấn Độ. Đại sứ quán Pháp tại Ấn Độ đánh giá La Perouse là cơ hội cho 5 lực lượng Hải quân cấp cao, cùng chí hướng tăng cường mối liên kết chặt chẽ hơn, tăng cường kỹ năng và thúc đẩy hợp tác hàng hải trong khu vực ẤĐD-TBD tự do và rộng mở. Trước đó, từ ngày 28-29/3/2021, Không quân và Hải quân Ấn Độ đã

tham gia cuộc tập trận với các tàu chiến của Hải quân Mỹ ở vịnh Bengal. Trong khi đó, Lực lượng Phòng vệ bờ biển Nhật Bản có 2 cuộc tập trận song phương riêng biệt với tàu chiến của Hải quân Australia ở Biển Đông từ ngày 29-31/32021 và cuộc tập trận ngày 29/3/2021 với tàu chiến của Hải quân Mỹ ở biển Hoa Đông.

Thời điểm của cuộc tập trận La Perouse được đánh giá là đáng lưu ý khi diễn ra sau hoạt động tiếp cận lớn đầu tiên của chính quyền Tổng thống Joe Biden trong khu vực khi Ngoại trưởng Anthony Blinken và BTQP Lloyd Austin công du Nhật Bản và Hàn Quốc. BTQP Mỹ sau đó đến New Delhi, đánh giá Ấn Độ là đối tác ngày càng quan trọng, khẳng định Mỹ và Ấn Độ đã đồng ý theo đuổi hợp tác tăng cường ở ẤĐD-TBD. Cuộc tập trận La Perouse sẽ có động lực để phát triển hơn nữa nếu các nước quyết định chuyển nó thành một sự kiện thường xuyên và thu hút thêm nhiều nước trong khu vực, không chỉ là các đối tác của Mỹ ở châu Âu như Pháp, Đức hay Anh. Một số quốc gia Đông Nam Á có thể trong danh sách tiềm năng trở thành đối tác "Bộ Tứ Cộng" hoặc hợp tác với các nước Bộ Tứ ở cấp độ song phương.

Có thể thấy, việc diễn tập quân sự (tự diễn tập hoặc diễn tập với các đồng minh, đối tác) của Mỹ trong khuôn khổ Chiến lược ẤĐD-TBD không chỉ nhằm củng cố năng lực tác chiến của các lực lượng liên quân Mỹ mà còn góp phần xây dựng lòng tin, thể hiện quyết tâm tăng cường quan hệ của Mỹ với các đồng minh và đối tác trong khu vực. Đặc biệt, các cuộc diễn tập đã gửi tín hiệu rõ ràng đến Trung Quốc rằng Mỹ có khả năng tập hợp và triển khai lực lượng ngay tại những khu vực mà Trung Quốc có ưu thế về địa lý hoặc có tranh chấp lãnh thổ để sẵn sàng đối phó với mọi hành vi vượt ngoài kiểm soát của Trung Quốc. Những động thái mang tính răn đe như vậy đã phần nào khiến Trung Quốc hoặc các nước mà Mỹ coi là "đối thủ" khác phải cẩn trọng hơn trong các tính toán địa chiến lược của mình, nhưng cũng đẩy cạnh tranh nước lớn diễn biến phức tạp hơn, buộc các nước nhỏ và vừa phải có tính toán, điều chỉnh chính sách phù hợp, không trở thành nạn nhân trong màn "khiêu vũ" giữa hai nước lớn Mỹ - Trung.

3.2.3.2. Tiến hành các hoạt động trinh sát và thu thập tình báo quân sự

Hoạt động trinh sát và thu thập tình báo của Quân đội Mỹ tại khu vực ẤĐD-TBD nhằm vào các đối thủ cạnh tranh chiến lược và đe dọa tiềm tàng được coi là

hành động chuẩn bị chiến đấu thời bình. Hoạt động có liên quan của Quân đội Mỹ chủ yếu dựa vào tàu khảo sát biển, tàu trinh sát biển, tàu khảo sát đạn đạo, máy bay trinh sát điện tử và máy bay không người lái. 6 tàu khảo sát biển loại Pathfinder cùng 4 tàu trinh sát biển loại Victorious mà Quân đội Mỹ hiện có tập trung vào khảo sát biển và khảo sát thủy văn, để tìm hiểu, bám nắm các mục tiêu như tàu ngầm, tin tức môi trường biển về địa hình đáy biển, tư liệu thủy văn; xây dựng kho số liệu liên quan và thông tin môi trường tự nhiên biển. 3 loại máy bay trinh sát P-8A, P-3C, EP-3E mà Mỹ hiện có chủ yếu dùng để trinh sát thông tin, điện tử và radar, xây dựng kho số liệu tín hiệu radar liên quan đến các đối thủ tiềm năng tại khu vực. Tàu khảo sát đạn đạo Howard O.Lorenzen và Invincible của Quân đội Mỹ hiện có chủ yếu dùng để kiểm tra tạm thời số liệu phóng tên lửa đạn đạo chiến lược, tiến hành kiểm tra và phân tích tính năng vũ khí đạn đạo của đối thủ [75]. Trong thời bình, những thông tin tình báo này là căn cứ để Mỹ đưa ra quyết sách chiến lược. Trong thời chiến, kho số liệu này cũng là cơ sở tình báo phát huy sức chiến đấu vũ khí hiện đại trong điều kiện thông tin hóa. Những năm qua, Quân đội Mỹ sử dụng máy bay không người lái và tàu ngầm không người lái để tiến hành trinh sát, khảo sát và thu thập tình báo. So với tàu và máy bay có người lái, việc sử dụng các thiết bị không người lái linh hoạt hơn, đảm bảo bí mật, tính nhạy cảm thấp, có thể giảm thiểu phần lớn chi phí nhân lực và trang thiết bị quân sự.

Hoạt động trinh sát và thu thập tình báo quân sự được Mỹ chú trọng ngay cả khi Mỹ chưa thể hiện "quay trở lại châu Á" với chiến lược Tái cân bằng dưới thời Obama thông qua hệ thống đồng minh, đối tác chủ chốt trong khu vực. Ngay từ khi kết thúc chiến tranh Việt Nam, cùng với sự nổi lên của Trung Quốc, dù rút khỏi khu vực, nhưng Mỹ vẫn duy trì trao đổi thông tin tình báo quân sự với các đồng minh như Nhật Bản, Hàn Quốc, Philippines, Thái Lan, Australia và Singapore thông qua các khuôn khổ như nhóm "Ngũ nhãn" hoặc các cơ chế song phương khác. Trong khuôn khổ Chiến lược ÁĐD-TBD, hoạt động này càng được Mỹ chú trọng hơn nhằm tạo lợi thế về thông tin trước các đối thủ tiềm tàng, từ đó triển khai các hoạt động trên thực địa để răn đe, như tiến hành FONOPs hay tập trận chung...

3.2.3.3. Đối ngoại quân sự và hợp tác quốc phòng đa phương

Hoạt động đối ngoại quân sự của Quân đội Mỹ tại khu vực ÁĐD-TBD chủ yếu gồm các hoạt động thăm viếng và trao đổi nhân viên quân sự, thăm tàu, viện trợ quân sự quốc tế, hợp tác tình báo quân sự, viện trợ nhân đạo và phục vụ chữa bệnh; là biện pháp quan trọng của Mỹ nhằm triển khai thực lực mềm quốc gia và mở rộng sức ảnh hưởng tại khu vực. Hai dự án tương đối điển hình là Pacific Angel và Pacific Partnership Mission.

Pacific Angel là hoạt động viện trợ nhân đạo chung do Không quân Thái Bình Dương của Mỹ chủ trì, nhằm tăng cường quan hệ với các đồng minh và đối tác tại khu vực ÁĐD-TBD, cải thiện điều kiện sống của nhân dân địa phương. Sau khi dự án này khởi động năm 2007, mỗi năm Mỹ đều duy trì hoạt động, chủ yếu tập trung vào dịch vụ chăm sóc sức khỏe về nha khoa, nhãn khoa, nhi khoa và các hạng mục liên quan, đồng thời cũng tổ chức cả hoạt động giao lưu chuyên gia. Pacific Partnership Mission là hoạt động chủ đạo của đội tàu TBD của Hải quân Mỹ, là hoạt động ngoại giao quân sự viện trợ cứu nạn và nhân đạo có quy mô lớn nhất với sự tham gia của các tổ chức phi chính phủ, lực lượng quân sự và Chính phủ các nước trong khu vực TBD. Hoạt động này bắt đầu được triển khai sau trận động đất, sóng thần ở Ấn Độ Dương. Trước nhu cầu hỗ trợ nhân đạo - cứu trợ thảm họa của các nước bị ảnh hưởng, Hạm đội Thái Bình Dương đã cử tàu, bác sỹ, trang bị cứu hộ đến trợ giúp. Từ đó, với tính chất nhân đạo và được các nước cơ bản đón nhận, Quân đội Mỹ đã phát triển thành một hoạt động ngoại giao quân sự điển hình tại khu vực. Tính đến năm 2020, dự án này đã được 14 lần [173]. Hai tàu bệnh viện USNS Mercy (T-AH-19) và USNS Comfort (T-AH-20) trở thành lực lượng nòng cốt trong các hoạt động nhân đạo của Quân đội Mỹ.

Về hợp tác quốc phòng đa phương, Mỹ tích cực tham gia các diễn đàn đa phương ở khu vực ÁĐD-TBD như: Đối thoại Shangri-la, ARF, EAS, Hội nghị Cấp cao ASEAN-Mỹ... Đối thoại Shangri-la còn dành riêng một phiên để BTQP Mỹ phát biểu về các chính sách, quan điểm an ninh, hợp tác mới ở khu vực (các phiên khác thường có sự tham gia của nhiều nước). Không chỉ tại Shangri-la, Mỹ tận dụng mọi diễn đàn để thảo luận về các vấn đề an ninh khu vực và kêu gọi sự ủng hộ, tham gia của các nước trong ứng phó thách thức an ninh đang nổi lên. Đặc biệt,

các lãnh đạo của Mỹ, cả quốc phòng và ngoại giao, đã mạnh mẽ lên án hành động "hiếu chiến", "cưỡng ép" của Trung Quốc đối với các nước khác ở Biển Đông, tuyên bố tiếp tục thực hiện FONOPs tại khu vực, đồng thời kêu gọi tôn trọng luật pháp và chuẩn mực quốc tế. Ngoài ra, Mỹ cũng thúc đẩy hợp tác an ninh với các quốc gia ASEAN. Bên cạnh một số cuộc tập trận song phương với các đồng minh, Mỹ và ASEAN đã tổ chức Diễn tập An ninh Hàng hải vào tháng 9/2019, đánh dấu bước ngoặt trong hợp tác an ninh giữa hai bên nhằm ứng phó với các thách thức trên biển. Không dừng lại ở đó, Mỹ đã chủ động mời lãnh đạo các nước ASEAN tham dự "Hội nghị đặc biệt" dự kiến được tổ chức ở Mỹ vào Quý I/2020 (nhưng đã bị hoãn do Covid-19).

Năm 2020, dù chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid 19 khiến hầu hết các sự kiện trong khuôn khổ ASEAN được tổ chức theo hình thức trực tuyến, nhưng Mỹ vẫn tích cực tham gia các diễn đàn đa phương do ASEAN làm trung tâm như ARF, EAS, Hội nghị cấp cao Mỹ-ASEAN, ADMM+... Điểm đáng chú ý trong quan hệ giữa Mỹ với các nước ASEAN chính là việc Hội nghị Bộ trưởng quan hệ đối tác Mê Công - Mỹ lần thứ nhất đã chính thức công bố nâng cấp Sáng kiến Hạ nguồn Mê Công (LMI) lên thành Quan hệ đối tác Mê Công - Mỹ (MUSP), đặt nền móng cho việc phát huy tiềm năng của quan hệ đối tác, đóng góp hiệu quả cho sự phát triển bền vững, thịnh vượng của khu vực trong giai đoạn mới, trong đó nhấn mạnh các hợp tác xây dựng cơ sở hạ tầng chất lượng cao và quản lý nguồn nước sông Mê Công bền vững để cạnh tranh với các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng bị cáo buộc chất lượng thấp của Trung Quốc. Tuy nhiên, sự can dự ngày càng mạnh mẽ của Mỹ vào khu vực cũng đã đặt ASEAN vào thế khó xử, đặc biệt là khi Mỹ đề xuất tổ chức Hội nghị trực tuyến đặc biệt BTQP Mỹ - ASEAN vào ngày 31/8/2020, ngay sau RIMPAC 2020 tại Hawaii/Mỹ. Phần lớn các nước ASEAN đều e ngại việc tổ chức một hội nghị như vậy với Mỹ do lo ngại phản ứng của Trung Quốc và cuối cùng hội nghị đã phải hủy.

Mỹ chú trọng việc triển khai Chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở trên thực tiễn thông qua các hoạt động đối ngoại quân sự lẫn hợp tác quốc phòng đa phương. Biểu lộ sự quan tâm đến các diễn đàn, cơ chế hợp tác đa phương của khu vực, đặc biệt là các diễn đàn mà ASEAN đóng vai trò trung tâm. Những động thái

này của Mỹ thể hiện mong muốn can dự và xác lập rõ hơn nữa vai trò người trong cuộc đối với ÁĐD-TBD, đồng thời cạnh tranh trực tiếp với Trung Quốc, giảm bớt ảnh hưởng và hạ thấp địa vị của quốc gia này ở khu vực.

Hoạt động đối ngoại quân sự của Mỹ mang tính chất của một chiến lược "ngoại giao nhân dân". Nếu như uy tín và vị thế của Mỹ đã tương đối vững chắc tại các nước đồng minh như Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia... thì với các nước còn lại trong khu vực (thậm chí cả các đồng minh như Philippines, Thái Lan) vẫn còn những cảnh giác nhất định về sự can dự và hiện diện quân sự của Mỹ. Điều này có thể do tác động từ yếu tố Trung Quốc hoặc do các nước cảnh giác việc bị Mỹ tấn công về vấn đề dân chủ, nhân quyền... Vì vậy, để xây dựng lòng tin, tạo thế đứng vững chắc trong quan hệ với các đồng minh và đối tác trong khu vực, Mỹ đã chú trọng hơn đến các hoạt động ngoại giao quân sự, tăng cường gắn kết với người dân, qua đó xây dựng hình ảnh một Quân đội Mỹ chuyên nghiệp, thân thiện và "hào phóng" để đạt được các mục tiêu chiến lược lớn hơn.

3.2.3.4. Về hợp tác giải quyết các thách thức an ninh phi truyền thống

Nhằm đối phó với các đe dọa an ninh phi truyền thống, Quân đội Mỹ tham gia tìm kiếm, cứu hộ cứu nạn trên biển; cứu trợ nhân đạo; giảm thiểu tai nạn; chống cướp biển, vận chuyển ma túy, buôn lậu vũ khí, tội phạm trên biển; tham gia giám sát các lệnh cấm vận của LHQ, trợ giúp các nước khác thực thi pháp luật cùng các hoạt động quân sự phi chiến tranh khác.

Về hỗ trợ nhân đạo và giảm thiểu tai nạn, trong giai đoạn từ 2018 đến 2020, hoạt động chính của Quân đội Mỹ tại khu vực ÁĐD-TBD gồm: tìm kiếm giải cứu tại hang Tham Luang Nang Non/ Thái Lan tháng 6/2018, cứu trợ trận động đất, sóng thần Sulawesi ở Indonesia tháng 9/2018, cứu trợ nhân đạo tại quần đảo Mariana tháng 11/2018. Về lĩnh vực chống khủng bố, tháng 5/2017, trong hoạt động giao chiến giữa Quân đội Philippines với tổ chức khủng bố tại Marocco, đội đặc nhiệm của Quân đội Mỹ đã hỗ trợ hậu cần và kỹ thuật. Mỹ còn thông qua nghị quyết của HĐBA LHQ, cưỡng chế đánh chặn tàu của Triều Tiên để cấm vận vật tư hoặc kiểm tra nhiên liệu. Tháng 3/2019, tàu Cutter Bertholf của Mỹ thực hiện tuần duyên tại Biển Đông, tuyên bố thực hiện nghị quyết cấm vận của HĐBA LHQ đối với Triều Tiên. Tháng 7/2019, Lực lượng phòng vệ bờ biển Mỹ tuyên bố sẽ bố trí

hai tàu tuần duyên tại Nhật Bản và mở rộng hoạt động tại khu vực Tây Thái Bình Dương. Ngoài ra, INDOPACOM còn tham gia ngăn chặn các hoạt động phạm tội xuyên quốc gia như buôn bán người, buôn lậu ma túy và đánh bắt cá phi pháp tại khu vực ẤĐD-TBD, đồng thời chia sẻ thông tin với đồng minh và các nước đối tác của Mỹ [17].

3.2.3.5. Triển khai các hoạt động tự do hàng hải

Mỹ bắt đầu thực thi các chiến dịch tự do hàng hải trên phạm vi toàn cầu từ năm 1983 [186]. Chính sách "tự do hàng hải" được Chính phủ Mỹ nêu rõ là nhằm bảo vệ quyền và tự do hàng hải, hàng không của Mỹ trên phạm vi toàn cầu; phản đối hành vi của các quốc gia khác nhằm hạn chế hàng hải, hàng không của cộng đồng quốc tế cũng như quyền lợi và tự do sử dụng biển chung của các bên liên quan khác. Việc thực thi chính sách "tự do hàng hải" của Mỹ bao gồm ba phương thức là giao thiệp ngoại giao, hành động quân sự trên không - trên biển, đàm phán song phương và đa phương. Trong đó, "hành động tự do hàng hải" là chủ trương chính sách, luật pháp trong nước của Hải quân và Không quân Mỹ thách thức nước khác thông qua các hoạt động quân sự trên thực địa ngăn cản quyền tự do hàng hải, hàng không trên phạm vi toàn cầu.

Trong khuôn khổ chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở, Mỹ đẩy mạnh các hoạt động cho tàu quân sự đi qua eo biển Đài Loan. Nhìn bề ngoài, hành động này là sự thể hiện quyền tự do hàng hải, nhưng trên thực tế lại là một phương thức khác của Mỹ nhằm tiếp cận vấn đề Đài Loan, cho thấy sự ủng hộ chính trị của Mỹ đối với Đài Loan hiện nay và gây sức ép chính trị đối với Trung Quốc. Hành động này mang tính nhạy cảm chính trị cao đối với quan hệ hai bờ eo biển Đài Loan và thường xuyên bị Trung Quốc phản đối. Tàu quân sự của Mỹ thường chọn lúc quan hệ hai bờ căng thẳng để đi qua eo biển Đài Loan, cho thấy tính toán chính trị nhằm gây áp lực đối với Trung Quốc. Ví dụ, ngày 24/7/2019, ngay khi Trung Quốc công bố Sách trắng Quốc phòng Trung Quốc thời đại mới, một lần nữa nhấn mạnh không từ bỏ việc sử dụng vũ lực đối với Đài Loan, Mỹ đã cử tàu tuần dương USS Antietam CG-54 đi qua eo biển Đài Loan. Chỉ sau đó 1 tháng, ngày 23/8/2019, Mỹ tiếp tục cho 02 tàu quân sự đi qua eo biển này trong bối cảnh Đài Loan đang bước vào đợt cao điểm chuẩn bị cho bầu cử "Tổng thống". Sau khi có kết quả bầu cử với

chiến thắng thuộc về bà Thái Anh Văn, một người có quan điểm cứng rắn với Trung Quốc, Mỹ đã cử một tàu tuần dương đi qua eo biển này vào ngày 16/01/2020 để thể hiện sự ủng hộ đối với "đồng minh" Thái Anh Văn.

Đối với Biển Đông và biển Hoa Đông, chính sách của Mỹ tại hai khu vực biển nhạy cảm này có tính liên tục. Từ "Tái cân bằng CÁ-TBD" đến "ẤĐD-TBD tự do và rộng mở", mục tiêu chiến lược an ninh của Mỹ tại các khu vực này là lấy lực lượng quân sự làm hậu thuẫn, duy trì cân bằng sức mạnh khu vực, thực hiện đối kháng và đe dọa lâu dài. Mỹ khởi xướng xây dựng "trật tự khu vực dựa trên luật pháp", thách thức các hoạt động quá độ của Trung Quốc trong khẳng định chủ quyền tại Biển Đông, biển Hoa Đông thông qua các cuộc tập trận quân sự và duy trì các chiến dịch "tự do hàng hải" cũng như ngăn chặn hoạt động quân sự của Trung Quốc tại đây. Sau khi triển khai Chiến lược, hoạt động quân sự của Mỹ vẫn được tăng cường ở mức cao, bao gồm việc đẩy mạnh số lần "tự do hàng hải", tăng cường tần suất diễn tập quân sự và tăng cường phái các đội tàu tuần duyên đến hoạt động tại Biển Đông.

Từ những năm 90 của thế kỷ XX, Quân đội Mỹ bắt đầu thực hiện hoạt động khảo sát, trinh sát quân sự tại Biển Đông và dần thành trạng thái thường xuyên. Những sự kiện như "va chạm máy bay tại đảo Hải Nam" giữa Mỹ và Trung Quốc năm 2001, vụ tàu USNS Impeccable (T-AGOS-23) năm 2009 hay vụ Hải quân Trung Quốc bắt giữ được một tàu ngầm không người lái của Mỹ năm 2016, cho thấy Mỹ thường xuyên tiến hành hoạt động trinh sát quân sự và thu thập tình báo tại Biển Đông. Đến thời D.Trump, Quân đội Mỹ công khai chi tiết những hành động này trước truyền thông. Tháng 8 và tháng 9/2018, Hải quân Mỹ mời phóng viên đài CNN và ABC lên máy bay tuần duyên P-8A bay qua không phận các đảo của Việt Nam, nhấn mạnh đây là hoạt động trinh sát [141]. Sách trắng Quốc phòng Trung Quốc thời đại mới năm 2019 chỉ ra: "Tàu, máy bay của các quốc gia ngoài khu vực liên tục tiến hành ngăn chặn trinh sát Trung Quốc, nhiều lần tiến vào lãnh hải Trung Quốc và gần khu vực các đảo liên quan một cách phi pháp, làm nguy hại đến an ninh quốc gia của Trung Quốc… Trung Quốc kiên quyết phản đối Mỹ thực hiện các biện pháp sai lầm và hành động khiêu khích như ngăn chặn trinh sát ở phạm vi lớn" [100].

Hoạt động tự do hàng hải của Mỹ tại Biển Đông bắt đầu được đẩy mạnh thực thi từ thời Obama, tuy nhiên vẫn duy trì sự kiềm chế nhất định, năm 2015 thực hiện 01 lần, năm 2016 thực hiện 03 lần. Sau khi D.Trump lên nắm quyền số lần được đẩy lên, năm 2017 thực hiện 04 lần, năm 2018 thực hiện 05 lần, năm 2019 thực hiện 08 lần, năm 2020 thực hiện 10 lần. Trong năm 2019, Mỹ đã tăng tần suất thực hiện các hoạt động FONOPs ở gần các đảo do Trung Quốc tôn tạo ở Biển Đông, đồng thời liên tục gửi thông điệp về việc tiếp tục tuần tra nhằm khẳng định quyền tự do đi lại trên biển và trên không ở khu vực. Tần suất tiến hành FONOPs của Mỹ trong năm 2019 là khoảng 01 - 02 tháng/lần so với 02 - 03 tháng/lần trong năm 2018. Bất chấp sự phản đối mạnh mẽ của Trung Quốc, các quan chức Mỹ đều khẳng định tàu chiến nước này thách thức những tuyên bố chủ quyền cản trở tự do hàng hải. Năm 2020, dù chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19, Mỹ vẫn gia tăng tần suất FONOPs ở Biển Đông. Tàu chiến Mỹ liên tục tuần tra ở khu vực, có thời điểm khoảng 4-5 tàu chiến của Mỹ đồng thời xuất hiện ở Biển Đông nhằm thách thức tuyên bố chủ quyền của Trung Quốc.

Bảng 3.1. Hoạt động tự do hàng hải của Mỹ tại Biển Đông từ năm 2017 - 2020 trong khuôn khổ chiến lược ÁĐD-TBD tự do và rộng mở

STT	**Thời gian**	**Địa điểm**	**Phương tiện**
1	25/5/2017	Bãi Vành khăn, QĐ Trường Sa	Tàu tấn công Dewey (DDG-105)
2	02/7/2017	Đảo Tri Tôn, QĐ Hoàng Sa	Tàu tấn công Stethem (DDG-63)
3	10/8/2017	Bãi Vành khăn, QĐ Trường Sa	Tàu tấn công John S. McCain (DDG-56)
4	10/10/2017	Quần đảo Hoàng Sa	Tàu tấn công Chaffee (DDG-90)
5	17/01/2018	Bãi Vành khăn, QĐ Trường Sa	Tàu tấn công Hopper (DDG-70)
6	23/3/2018	Bãi Vành khăn, QĐ Trường Sa	Tàu tấn công Mustin (DDG-89)

7	27/5/2018	Đảo Tree, Lincoln, Tri Tôn, Phú Lâm, QĐ Hoàng Sa	Tàu tên lửa dẫn đường Antietam (CG-54) và Tàu tấn công Higgins (DDG-76)
8	30/9/2018	Đá Gia-ven, Đá Gạc Ma, QĐ Trường Sa	Tàu tấn công Decatur (DDG-73)
9	26/11/2018	Quần đảo Hoàng Sa	Tàu tên lửa dẫn đường Chancellorsville (CG-62)
10	07/1/2019	Đảo Tree, Lincoln, Tri Tôn, Phú Lâm, QĐ Hoàng Sa	Tàu tấn công McCampbell (DDG-85)
11	11/02/2019	Bãi Vành khăn, QĐ Trường Sa	Tàu tấn công Spruance (DDG-111) và Preble (DDG-88)
12	06/5/2019	Đá Gia-ven và bãi Vành Khăn, QĐ Trường Sa	Tàu tấn công Preble (DDG-88) và Chung Hoon (DDG-93)
13	19/5/2019	Bãi Scarborough, QĐ Trường Sa	Tàu tấn công Preble (DDG-88)
14	28/8/2019	Đảo Chữ Thập và Bãi Vành Khăn, QĐ Trường Sa	Tàu tấn công Wayne E. Meyer (DDG-108)
15	13/9/2019	Quần đảo Hoàng Sa	Tàu tấn công Wayne E. Meyer (DDG-108)
16	20/11/2019	Bãi Vành Khăn, QĐ Trường Sa	Tàu chiến gần bờ Gabrielle Giffords (LCS-10)
17	21/11/2019	Quần đảo Hoàng Sa	Tàu tấn công Wayne E. Meyer (DDG-108)
18	25/01/2020	Quần đảo Trường Sa	Tàu chiến gần bờ Montgomery (LCS-8)
19	10/3/2020	Quần đảo Hoàng Sa	Tàu tấn công McCampbell (DDG-85)
20	28/4/2020	Quần đảo Hoàng Sa	Tàu tấn công Barry (DDG-52)

21	29/4/2020	Đá Gia-ven, QĐ Trường Sa	Tàu tên lửa dẫn đường Bunker Hill (CG-52)
22	28/5/2020	Đảo Phú Lâm và đá Tháp (Pyramid) QĐ Hoàng Sa	Tàu khu trục USS Mustin (DDG-89)
23	14/7/2020	Đá Châu Viên, đá Chữ Thập, QĐ Hoàng Sa	Tàu khu trục tên lửa Ralph Johnson (DDG-114)
24	27/8/2020	QĐ Trường Sa	Tàu khu trục USS Mustin (DDG-89)
25	09/10/2020	QĐ Trường Sa	Tàu khu trục John S. McCain (DDG-56)
26	22/12/2020	QĐ Hoàng Sa	Tàu khu trục John S. McCain (DDG-56)
27	24/12/2020	Côn Đảo	Tàu khu trục John S. McCain (DDG-56)

**Nguồn:* Congressional Research Service, U.S.-China Strategic Competition in South and East China Seas, xem tại https://crsreports.congress.gov/product/pdf/R/R42784.

Bảng 3.2. So sánh số lượt tàu Hải quân Mỹ thực hiện FONOPs qua Biển Đông và đi qua eo biển Đài Loan

STT	**Năm**	**FONOPs qua Biển Đông**	**Đi qua eo biển Đài Loan**
1	2014	0	Không xác định
2	2015	2	Không xác định
3	2016	3	12
4	2017	6	5
5	2018	5	3
6	2019	5	9
7	2020	10	13

* *Nguồn:* (1) Congressional Research Service, U.S.-China Strategic Competition in South and East China Seas, xem tại https://crsreports.congress.gov/product/pdf/R/R42784; (2) Báo cáo Kế hoạch nhận biết tình hình chiến lược Nam Hải, Viện Nghiên cứu Hải dương, Đại học Bắc Kinh,

Trung Quốc, xem tại https://crsreports.congress.gov/product/pdf/R/R42784.

Đáng chú ý là, khác với hành động tương tự tại các khu vực khác trên thế giới, Mỹ công khai mọi đợt thực hiện chiến dịch "tự do hàng hải" tại Biển Đông, cử người phát ngôn BQP khẳng định chủ trương của Mỹ là đảm bảo một khu vực "ẤĐD-TBD tự do và rộng mở", thể hiện rõ mục tiêu gây áp lực đối với Trung Quốc. Tính đến hết năm 2020, trong khuôn khổ chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở, Mỹ đã thực hiện 27 hoạt động tự do hàng hải gần các đảo và rạn san hô khu vực quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa. Tháng 3/2019, tàu tuần duyên Cutter Bertholf đi vào hoạt động tại Biển Đông, đến tháng 5/2019 tham gia diễn tập tìm kiếm chung với tàu cảnh sát biển Philippines tại vùng biển phía Tây Manila. Tháng 8/2019, tàu tuần duyên USCGC Stratton tổ chức diễn tập chung cùng Indonesia và Malaysia tại khu vực Biển Đông, dừng tại cảng Singapore. Trong khi đó, tại biển Hoa Đông, dù Mỹ từng không thể hiện quan điểm đối với tranh chấp quần đảo Điếu Ngư/Senkaku, nhưng ủng hộ Nhật Bản duy trì quyền tài phán ở khu vực này. Tháng 2/2017, BTQP Mỹ James Mattis nhắc lại cam kết của Mỹ trong việc giúp Nhật Bản chống lại các cuộc tấn công theo tinh thần Điều 5 của Hiệp ước Hợp tác và An ninh tương hỗ Mỹ - Nhật Bản. Theo đó, hai bên xây dựng kế hoạch chiến đấu của quân đội dựa trên "Nguyên tắc hợp tác quốc phòng Mỹ - Nhật" sửa đổi vào năm 2015 để đáp trả các hành động của Trung Quốc trên quần đảo Điếu Ngư/Senkaku.

Các số liệu thống kê cho thấy, dưới thời D.Trump, Mỹ tiến hành số lượt FONOPs cao kỷ lục, trực tiếp thách thức các tuyên bố chủ quyền của Trung Quốc ở Biển Đông, cũng như bảo vệ Đài Loan trước khả năng Trung Quốc thống nhất hòn đảo này bằng vũ lực. FONOPs do Mỹ tiến hành cũng góp phần duy trì quyền tự do hàng hải, ngăn Trung Quốc gây hấn hoặc có các hành động làm phức tạp tình hình tranh chấp ở Biển Đông và được hầu hết các đồng minh, đối tác, kể cả từ châu Âu của Mỹ ủng hộ. Bên cạnh đó, tần suất triển khai FONOPs ngày càng gia tăng phản ánh quan điểm của chính phủ Mỹ rằng Trung Quốc xem thường các quy tắc và trật tự quốc tế hiện có để theo đuổi lợi ích riêng, Mỹ không thể nhân nhượng và phải đẩy lùi hành động này. FONOPs có thể coi là hành động đáng chú ý và mạnh mẽ nhất mà Chính quyền D.Trump sử dụng để hiện thực hóa các mục tiêu

trong chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

Mặc dù chính thức được công bố và triển khai vào tháng 10/2017 nhưng những hoạt động chuẩn bị cho việc hoạch định Chiến lược ẤĐD-TBD đã được xúc tiến từ rất sớm, ngay từ những ngày đầu của Chính quyền D.Trump. Sau 10 tháng thảo luận và cân nhắc, Chiến lược được công bố với nội hàm chính về đảm bảo vị thế siêu cường số một thế giới của Mỹ trong bối cảnh cạnh tranh nước lớn ngày càng phức tạp do sự nổi lên của Trung Quốc. Dù ẤĐD-TBD tự do và rộng mở có nhiều nội hàm thể hiện sự tiếp nối của chiến lược "Xoay trục", nhưng cũng đã có cách tiếp cận riêng trong tăng cường năng lực và củng cố sức mạnh đối phó với Trung Quốc trên mọi mặt trận. Thực tiễn triển khai chiến lược của Mỹ được thể hiện qua các biện pháp như: (i) Chuẩn bị sẵn sàng lực lượng liên quân được huấn luyện kỹ lưỡng; (ii) Nâng cao quan hệ đối tác qua tăng cường các cam kết đối với các đồng minh và đối tác hiện có, đồng thời mở rộng và làm sâu sắc quan hệ với các đối tác mới; (iii) Thúc đẩy liên kết khu vực qua thúc đẩy và củng cố quan hệ đồng minh và đối tác trong một kiến trúc an ninh có tính kết nối cao. Báo cáo Chiến lược ẤĐD-TBD cũng đề xuất 3 biện pháp chính để duy trì sức mạnh của Mỹ. Trong đó, đặc biệt nhấn mạnh việc tăng cường tính sát thương, khả năng phục hồi, và sẵn sàng của các lực lượng quân sự liên hợp thông qua hiện đại hóa và thiết kế lại Quân đội Mỹ. Đồng thời, tăng cường và mở rộng các liên minh và quan hệ đối tác an ninh với các nước theo cấu trúc 7 vòng tròn đồng tâm.

Trải qua hơn 3 năm, Chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở trên khía cạnh an ninh quân sự được triển khai trên thực tiễn qua các hoạt động. Thứ nhất, củng cố và tăng cường quan hệ với các đồng minh, đối tác, đặc biệt là các thành viên nhóm Bộ Tứ (Nhật Bản, Australia, Ấn Độ); các nước đồng minh, đối tác như Hàn Quốc, Đài Loan và các nước ASEAN. Trong số các nước ASEAN, về hợp tác quốc phòng - an ninh, Mỹ đặc biệt chú ý đến các nước có vị thế chủ chốt cũng như các nước có tranh chấp và bị đe dọa trực tiếp bởi Trung Quốc như Thái Lan, Philippines, Singapore, Indonesia, Malaysia và Việt Nam. Ngoài ra, Mỹ cũng rất chú ý tới các quốc đảo Thái Bình Dương. Cùng với đó, Mỹ đặc biệt chú trọng củng cố và tăng cường lực lượng nhằm duy trì ưu thế quân sự ở khu vực thông qua các biện pháp cụ thể như gia tăng chi tiêu quân sự; củng cố lực lượng quân sự; củng cố

lực lượng hạt nhân chiến lược khu vực và tái bố trí các căn cứ quân sự của Mỹ tại khu vực ÁĐD-TBD. Cuối cùng, là phô trương sức mạnh để đảm bảo lợi ích và vị thế thông qua việc duy trì và tăng cường các hoạt động quân sự tại khu vực như thực hiện các chiến dịch tự do hàng hải và hàng không, nâng cấp các khuôn khổ huấn luyện và diễn tập quân sự; tiến hành các hoạt động trinh sát và thu thập tình báo quân sự; tích cực triển khai các hoạt động ngoại giao quân sự và hợp tác quốc phòng đa phương; hợp tác giải quyết các thách thức an ninh phi truyền thống. Nhìn chung, những biện pháp triển khai Chiến lược trên thực tế đã được thực hiện mạnh mẽ và đem lại nhiều kết quả rõ rệt.

CHƯƠNG 4. TÁC ĐỘNG, TRIỂN VỌNG CỦA CHIẾN LƯỢC ẤN ĐỘ DƯƠNG - THÁI BÌNH DƯƠNG TỰ DO VÀ RỘNG MỞ CỦA MỸ TRÊN KHÍA CẠNH AN NINH QUÂN SỰ VÀ KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI VIỆT NAM

4.1. NHẬN XÉT VỀ CHIẾN LƯỢC

4.1.1. Nhận xét chung về Chiến lược

Trên cơ sở những tuyên bố và triển khai trên thực tế, có thể thấy Chiến lược ẤĐD-TBD của Mỹ trên khía cạnh an ninh quân sự có một số điểm đáng chú ý sau:

Thứ nhất, sự ra đời của Chiến lược ẤĐD-TBD là phù hợp với lợi ích của nước Mỹ và bối cảnh khu vực. Trên cơ sở phân tích các yếu tố tác động dẫn đến sự hình thành của Chiến lược, từ góc độ lý thuyết (chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa tự do, chủ nghĩa kiến tạo) đến góc độ thực tiễn (vai trò của khu vực trong chiến lược toàn cầu của Mỹ, sự nổi lên của yếu tố Trung Quốc, nhu cầu của các đồng minh, đối tác của Mỹ đến yếu tố nội bộ Mỹ dưới thời D.Trump) cho thấy Chiến lược ra đời dù với cái tên khác, mở rộng hơn phạm vi địa lý, nhưng thể hiện sự tiếp nối của chính quyền tiền nhiệm Obama với mục đích lớn nhất là duy trì vai trò siêu cường số một thế giới của Mỹ và kiềm chế các đối thủ tiềm tàng, đặc biệt là Trung Quốc. Chiến lược ra đời trong bối cảnh D.Trump giương cao khẩu hiệu "nước Mỹ trên hết", nên nội dung cơ bản của nó phù hợp với lợi ích lâu dài của Mỹ, đó là duy trì vai trò lãnh đạo toàn cầu. Nước Mỹ dưới thời D.Trump đạt được nhận thức chung rằng Mỹ cần tăng cường can dự, hiện diện để ngăn chặn Trung Quốc, bảo vệ lợi ích, ảnh hưởng của Mỹ tại khu vực cũng như trên toàn thế giới. Chính vì lý do này nên quá trình hoạch định và triển khai Chiến lược đạt được sự đồng thuận cao của cả hai đảng Cộng hòa và Dân chủ. Theo PGS, TS Vũ Tiến Trọng, Viện trưởng Viện Quan hệ Quốc tế về Quốc phòng, Bộ Quốc phòng, dù với tên gọi là gì, Chiến lược này là để phục vụ cho lợi ích trước tiên của nước Mỹ và là sự tiếp nối lịch sử can dự lâu dài của Mỹ tại khu vực. Chiến lược ẤĐD-TBD vì thế không có nhiều khác biệt so với chiến lược Tái Cân bằng, nhưng có sự mở rộng hơn về phạm vi địa lý và đối tác, tiến hành một cách công khai hơn, bài bản hơn nhằm tập hợp lực lượng với những lời kêu gọi dễ được các nước chấp nhận hơn và buộc các nước (kể các các nước đối thủ) phải quan tâm đến chiến lược khu vực của Mỹ một

cách nghiêm túc hơn.[7]

Thứ hai, Chiến lược ẤĐD-TBD đánh dấu bước phát triển mới trong tư duy của giới hoạch định chính sách Mỹ khi coi khu vực ẤĐD-TBD là địa bàn ưu tiên chiến lược, đặc biệt là lôi kéo Ấn Độ vào vòng cung an ninh của mình. Không phải là một thuật ngữ mới hoàn toàn nhưng đây là lần đầu tiên ẤĐD-TBD được sử dụng chính thức bởi giới cầm quyền Mỹ. Mặc dù về bản chất, chiến lược này là sự tiếp nối chiến lược CÁ-TBD của chính quyền tiền nhiệm nhưng việc sử dụng thuật ngữ ẤĐD-TBD đã mở rộng phạm vi quan tâm của Mỹ về mặt địa lý và đặc biệt là đề cao vai trò của Ấn Độ trong cấu trúc địa - chiến lược khu vực. Trong bài phát biểu năm 2017 về định nghĩa lại quan hệ Mỹ - Ấn trong thế kỷ mới, Ngoại trưởng Mỹ Tillerson cho rằng, khu vực ẤĐD-TBD bao gồm tất cả các quốc gia nằm ở ven bờ Ấn Độ Dương và phía Tây Thái Bình Dương, sẽ là bộ phận quan trọng nhất của thế giới trong thế kỷ XXI. Việc đưa Ấn Độ vào chiến lược do lập trường ngày càng cứng rắn của New Delhi đối với Bắc Kinh và tiềm lực cũng như vị trí địa - chính trị quan trọng của nước này. Ấn Độ cũng là nước duy nhất trong nhóm Bộ Tứ vẫn xung đột vũ trang với Trung Quốc ở khu vực biên giới tranh chấp. Thông qua việc xây dựng liên minh Bộ Tứ bao gồm các quốc gia dân chủ ở khu vực là Mỹ, Nhật Bản, Australia và Ấn Độ, Mỹ sẽ có điều kiện thuận lợi để kiềm chế, ngăn chặn sự trỗi dậy của Trung Quốc và giành quyền làm chủ, thống trị khu vực ẤĐD-TBD.

Thứ ba, Chiến lược thể hiện sự khác biệt trong nhận thức, đánh giá tình hình và hành động của Chính quyền D.Trump so với chính quyền tiền nhiệm. Đầu tiên là mức độ cam kết, can dự của Mỹ dưới thời D.Trump cao hơn hẳn trên tất cả các mặt. Về an ninh, D.Trump cho rằng nước Mỹ bị thách thức bởi quá nhiều mối đe dọa, và sức mạnh quân sự của Mỹ hiện nay đang bị tụt hậu nên phải bố trí, điều chỉnh, cải tổ lại. Về đối ngoại, D.Trump tin rằng nước Mỹ phải cam kết, gánh vác quá nhiều trách nhiệm quốc tế mà bị các nước lợi dụng, do đó, giảm cam kết về đối ngoại, rút ra khỏi các tổ chức diễn đàn quốc tế bị đánh giá là gây bất lợi. Những điểm này là những điểm khác cơ bản so với thời kỳ Obama.

[7] Phỏng vấn trực tiếp PGS, TS Vũ Tiến Trọng, Viện trưởng Viện Quan hệ Quốc tế về Quốc phòng, Bộ Quốc phòng, tại Viện Quan hệ Quốc tế về Quốc phòng, ngày 20/12/2021.

Ở góc độ an ninh quân sự, *sự khác biệt đầu tiên* là việc đánh giá lại các thách thức trên 5 lĩnh vực gồm răn đe chiến lược, Hải quân, Không quân, Thủy quân lục chiến và đối ngoại quốc phòng. *Sự khác biệt thứ hai nằm ở phương thức triển khai.* Mặc dù Chính quyền Obama đã có Chiến lược Tái cân bằng nhưng ở khía cạnh an ninh quân sự, Obama hầu như ít sử dụng sức mạnh cứng. Chủ trương của Obama là sử dụng sức mạnh mềm, sức mạnh thông minh và lãnh đạo từ phía sau. Trong khi đó, Chính quyền D.Trump chủ trương hòa bình thông qua sức mạnh, cũng như mạnh mẽ phản ứng lại trước các thách thức, cạnh tranh của các đối thủ. *Sự khác biệt tiếp theo thể hiện ở chỗ Mỹ đặc biệt tập trung vào việc đối phó với Trung Quốc.* Mỹ đánh giá hiện nay Trung Quốc đã phát triển bằng khoảng 60% so với tiềm lực tổng thể của Mỹ, đe dọa vị thế cường quốc số một của mình, đây là ngưỡng giới hạn buộc Mỹ phải triển khai các biện pháp quyết liệt để kiềm chế và ngăn chặn. Mặc dù việc xem Trung Quốc là đối thủ tiềm tàng là tư tưởng không quá mới mẻ ở Mỹ nhưng điều đáng chú ý ở Chiến lược này là việc nó làm sáng tỏ cách tiếp cận của Mỹ đối với Trung Quốc. Nếu như từ lâu, chính sách Trung Quốc của Mỹ được miêu tả là: "sự kết hợp giữa can dự và kiềm chế" - một sự thỏa hiệp khó xử trong tư duy chiến lược, thì với Chiến lược ẤĐD-TBD Chính quyền D.Trump chính thức coi Trung Quốc là một mối đe dọa cần phải loại bỏ [76]. So với chiến lược "xoay trục" của người tiền nhiệm Obama, hàm ý chống Trung Quốc của Chiến lược ẤĐD-TBD được thể hiện rõ nét hơn. Đơn cử như việc nhấn mạnh tính chất tự do không bị cưỡng ép và tự do hàng hải - hàng không ở khu vực là sự nhắm đến các hành vi đơn phương tuyên bố chủ quyền và áp đặt của Trung Quốc ở Biển Đông. Có thể xem Chiến lược ẤĐD-TBD là phiên bản cứng rắn hơn của những chính sách mà Mỹ dành cho Trung Quốc trong nhiều thập kỷ. Điểm mới của Chiến lược ẤĐD-TBD là việc Mỹ trực tiếp can thiệp vào Trung Quốc để thể hiện vai trò trước các đồng minh và đối tác. Nếu người tiền nhiệm Obama chủ yếu thông qua các đồng minh, đối tác để kiềm chế, ép Trung Quốc vào các thể chế đa phương chứ không đối đầu trực diện thì Tổng thống D.Trump xác định, Mỹ phải trực tiếp, đi đầu trong cuộc chiến chống Trung Quốc dù có sự ủng hộ của các đồng minh hay không. Bởi vì, theo D.Trump, cách làm của Obama không hiệu quả khi không ngăn được Trung Quốc thách thức luật pháp và trật tự quốc tế mà còn phá

hoại ưu thế chiến lược của Mỹ ở khu vực. Cách để ngăn chặn Trung Quốc hiệu quả nhất và nhanh nhất chính là can dự trực tiếp vào nước này và Mỹ phải là nhân tố chính, tiên phong, buộc các đồng minh phải đi theo thay vì vận động (như Obama). Đáng chú ý, dù cũng là triển khai một chiến lược để tập hợp lực lượng và gây sức ép với Trung Quốc, nhưng D.Trump đã buộc các nước đồng minh, đối tác phải chia sẻ trách nhiệm, cùng đóng góp với Mỹ, thay vì Mỹ đứng lên làm một mình như các chính quyền tiền nhiệm. Đáp lại, các nước vẫn chấp nhận bởi nhận thấy lợi ích trong việc tham gia vào Chiến lược này.[8]

Thứ tư, Chiến lược thể hiện vai trò cũng như quyết tâm trở thành lực lượng chủ chốt, xây dựng luật chơi và điều hành trật tự khu vực của Mỹ. Theo tuyên bố của giới chức Mỹ, mục tiêu của Chiến lược ẤĐD-TBD là xây dựng khu vực này an toàn, tự do và rộng mở đối với tất cả các nước trên thế giới vì mục tiêu phát triển, thịnh vượng chung, đảm bảo chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của các nước ở khu vực. Tuy nhiên, mục tiêu thực sự của Mỹ là nhằm duy trì vị thế, ảnh hưởng và vai trò lãnh đạo của Mỹ ở khu vực trọng yếu ẤĐD-TBD cũng như vai trò lãnh đạo trên toàn cầu, ngăn chặn và cạnh tranh trực diện với Trung Quốc. Có thể xem Chiến lược ẤĐD-TBD là lời cam kết của Mỹ trong việc khẳng định vai trò của mình ở khu vực, đồng thời, trấn an cũng như nhấn mạnh vai trò của các nước đồng minh và đối tác. Sau khi tấn công trực tiếp Trung Quốc, Mỹ sẽ bắt đầu chuyển dần sang giai đoạn xây dựng một cơ chế chung mới giữa Mỹ và các đồng minh, đối tác trong khu vực ẤĐD-TBD nhằm đối trọng với Trung Quốc, từ đó tránh nguy cơ đối đầu trực tiếp. Có thể nhận thấy rõ mục tiêu này của Mỹ thông qua việc nước này tập trung nâng cấp, hiện đại hóa các quan hệ liên minh với Nhật Bản; đề cao vai trò của Ấn Độ, coi Mỹ - Ấn Độ là mối quan hệ đối tác tự nhiên giữa hai nền dân chủ lớn nhất thế giới cũng như hoan nghênh Ấn Độ đóng góp cho hòa bình, ổn định và tiến trình tái thiết ở Afghanistan; tiếp tục tăng cường quan hệ với Australia - một trong những đồng minh lâu đời nhất; khôi phục quan hệ đối tác quốc phòng với New Zealand và công nhận tầm quan trọng của các quốc đảo ở Nam Thái Bình Dương - cửa ngõ của Mỹ để ra vào khu vực ẤĐD-TBD. Quân đội Mỹ cũng tăng

[8] Phỏng vấn trực tiếp PGS, TS Vũ Tiến Trọng, Viện trưởng Viện Quan hệ Quốc tế về Quốc phòng, Bộ Quốc phòng, tại Viện Quan hệ Quốc tế về Quốc phòng, ngày 20/12/2021.

cường can dự, kết nối với các đồng minh có lực lượng đang đồn trú ở Thái Bình Dương như Anh, Pháp và Canada để thúc đẩy lợi ích tương đồng. Bên cạnh việc củng cố cũng như thiết lập mới mạng lưới đồng minh, đối tác Mỹ cũng nhấn mạnh việc ủng hộ tự do cho mọi quốc gia, ủng hộ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Song song với đó, là đầu tư cho an ninh, kinh tế và phát triển; thể hiện mạnh mẽ sự ủng hộ tầm nhìn về một khu vực ẤĐD-TBD an toàn, an ninh, tự do và thịnh vượng dựa trên các nguyên tắc chung cho tất cả các quốc gia lớn nhỏ. Đây là một biện pháp hết sức tinh vi của Mỹ nhằm phối hợp nhiều lực lượng trong mặt trận chống Trung Quốc. Mục đích nhằm tạo ra một "sân chơi" mà những nước nhỏ như Việt Nam cũng có thể tham gia. Chiến lược ẤĐD-TBD đóng vai trò quan trọng để Mỹ thực hiện tham vọng bá chủ, ngăn chặn các thế lực mới nổi đe dọa và thiết lập trật tự do Mỹ dẫn đầu ở khu vực.

Thứ năm, Mỹ vẫn lấy tập hợp lực lượng là xương sống cho việc hiện thực hóa chiến lược. Trong đó, việc thành lập AUKUS được xem là bước triển khai cụ thể nhất của Chiến lược trên khía cạnh an ninh quân sự thời kỳ hậu D.Trump. Liên minh này cho thấy Chiến lược ẤĐD-TBD tiếp tục là ưu tiên an ninh, chiến lược và đối ngoại số một của Mỹ, vượt trên cả khu vực Trung Đông. Điều này được thể hiện rất rõ trong nội dung bài phát biểu của Tổng thống Biden, cũng như trong Tuyên bố chung của 3 nước đánh dấu sự ra đời của Hiệp định. Sự ra đời của AUKUS chính là nhằm thực hiện các mục tiêu chính sách được đề ra trong Chiến lược ẤĐD-TBD của Mỹ. Đây cũng là lần đầu tiên chính quyền Tổng thống Biden đề cập chính thức và ở cấp cao các thứ bậc ưu tiên trong quan hệ với các đồng minh, đối tác trong khu vực ẤĐD-TBD. Trong chiến lược này, các liên minh hay quan hệ trong khuôn khổ đa phương được xếp ở hàng đầu, trong đó AUKUS vừa ra đời nhưng được xếp ngay vị trí đầu tiên. Trong quan hệ song phương, 5 đồng minh quân sự lâu đời của Mỹ, bao gồm Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Philippines và Australia được xếp ở vị trí đầu tiên, tiếp đó là các đối tác ở khu vực ẤĐD-TBD, sau đó mới đến quan hệ của Mỹ với các đồng minh và đối tác ở châu Âu và các khu vực khác trên thế giới, nhưng có lợi ích trong việc duy trì hòa bình an ninh ở khu vực ẤĐD-TBD. Đặc biệt, AUKUS chính là liên minh quân sự chính thức và đa phương đầu tiên được hình thành ở khu vực ẤĐD-TBD trong thế kỷ

XXI. Các liên minh quân sự ra đời trước đó ở khu vực là Nhóm Hiệp ước Phòng thủ Ngũ cường (FPDA - Five Powers Defense Agreement), gồm Anh, Australia, Brunei, Malaysia và Singapore, ra đời năm 1971, cách đây 50 năm. Lần đầu tiên sau 67 năm kể từ khi tổ chức hiệp ước Đông Nam Á (SEATO) ra đời năm 1954, Mỹ mới khởi xướng và tham gia một liên minh quân sự đa phương mới ở khu vực. Đây là bước đi đầu tiên và có thể khởi đầu cho sự ra đời tiếp theo, của các liên minh an ninh-quân sự bán chính thức, hoặc chính thức, ở khu vực trong tương lai [128].

Cuối cùng, ẤĐD-TBD tự do và rộng mở trên khía cạnh an ninh quân sự được triển khai toàn diện, trên hầu khắp các mặt. Trong đó, động thái của Mỹ trong tập hợp lực lượng, tái bố trí các căn cứ, ra các đạo luật, thành lập các lực lượng mới… đều có màu sắc nhằm kiềm chế Trung Quốc. Mỹ chủ động ngăn chặn quân đội Trung Quốc tiếp cận các sản phẩm công nghệ cao của mình; hạn chế Trung Quốc mua bán vũ khí, trang bị hiện đại của Nga thông qua trừng phạt. Đồng thời, chú trọng nâng cao tiềm lực quân sự như tăng ngân sách quốc phòng lên mức kỷ lục, thành lập Bộ tư lệnh ẤĐD-TBD, Bộ Tư lệnh Vũ trụ, tái thành lập Hạm đội 2, thành lập liên minh AUKUS, hiện đại hóa Không quân, Hải quân, điều chuyển lực lượng, vũ khí hiện đại tới khu vực Chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở… Trong các vấn đề của khu vực, Mỹ thể hiện thái độ đối đầu, công khai lên án Trung Quốc. Ví dụ như về vấn đề Biển Đông, Mỹ chỉ trích mạnh mẽ việc Trung Quốc quân sự hóa các đảo nhân tạo, bao gồm việc triển khai tên lửa đất đối hải, đất đối không, các hệ thống radar gây nhiễu và triển khai máy bay ném bom cỡ lớn ở Hoàng Sa. Song song với đó, Mỹ mở rộng sự quan tâm đối với không gian biển, duy trì các không gian chung trên biển bằng cách trợ giúp cho các đối tác xây dựng lực lượng Hải quân và lực lượng thực thi pháp luật mạnh, tăng cường năng lực giám sát, bảo vệ lợi ích và trật tự trên biển; về phía mình, Mỹ cũng tăng cường tần suất các hoạt động tuần tra thực thi tự do hàng hải cả về phạm vi, quy mô và tính chất. Thông qua NDAA, yêu cầu báo cáo về việc Trung Quốc bố trí vũ khí và các trang, thiết bị mới ở Biển Đông; hủy lời mời Quân đội Trung Quốc tham gia Diễn tập RIMPAC. Về vấn đề Đài Loan, Mỹ thông qua Đạo luật Thăm viếng Đài Loan, bán vũ khí cho Đài Loan, khánh thành Viện Mỹ ở Đài Loan, đón Tổng thống Thái

Anh Văn ghé qua Mỹ, phản đối các quốc gia cắt đứt quan hệ ngoại giao với Đài Loan do sức ép của Trung Quốc, thậm chí sẵn sàng xem xét lại chính sách "Một Trung Quốc"… để gây sức ép.

4.1.2. Một số kết quả và hạn chế của bản thân Chiến lược

* Một số kết quả của Chiến lược

Sau hơn 3 năm triển khai, Chiến lược ẤĐD-TBD đã đạt được một số kết quả nhất định:

Thứ nhất, Chiến lược đã thành công trong việc thu hút sự chú ý và quan tâm từ nhiều nước ẤĐD-TBD, đặc biệt là các cường quốc trong khu vực. Dưới tầm ảnh hưởng của Mỹ, ngay từ khi ra đời, Chiến lược này đã nhận được sự chú ý lớn. Giới học giả, chuyên gia cũng như bộ máy hoạch định chính sách của các nước, cả trong và ngoài khu vực liên tục nghiên cứu và cập nhật về Chiến lược, với mục tiêu tìm hiểu, phân tích để đưa ra các phản ứng hợp lý đối với Chiến lược mới của Mỹ. Tuy nhiên, dù phản ứng tích cực hay tiêu cực thì không thể phủ nhận, ẤĐD-TBD là cụm từ liên tục được nhắc đến trong các tuyên bố, chương trình nghị sự lẫn công trình nghiên cứu hơn ba năm vừa qua. Điều này không chỉ thuận lợi cho việc triển khai Chiến lược mà còn tạo nên hiệu ứng tích cực về sự quay trở lại mạnh mẽ của Mỹ với một khu vực rộng hơn, mục tiêu cao hơn và tham vọng lớn hơn. Một phần của thành công này đến từ việc Chiến lược được triển khai tại thời điểm mà BRI đang bắt đầu bộc lộ những hạn chế và chính sách bá quyền cùng những hành động cứng rắn của Trung Quốc trong lĩnh vực an ninh, quân sự làm gia tăng lo ngại ở các nước trong khu vực.

Thứ hai, Chiến lược phần nào lôi kéo được sự ủng hộ của đa số các đồng minh và đối tác trong khu vực. Các cường quốc đồng minh chủ chốt của Mỹ như Nhật Bản, Australia, Hàn Quốc đều bày tỏ thái độ thiện chí và mong muốn hợp tác trong quá trình triển khai Chiến lược. Không chỉ lôi kéo được các đồng minh truyền thống, Chiến lược ẤĐD-TBD còn cho thấy sức hấp dẫn đối với các nước đối tác mới của Mỹ. Đặc biệt là những nước cùng chia sẻ mối lo ngại về Trung Quốc. Dù theo đuổi những mục tiêu khác nhau do lợi ích khác biệt nhưng nhìn chung, tất cả các nước đồng minh và đối tác của Mỹ đều không muốn Trung Quốc thiết lập bá quyền và chi phối khu vực. Chính vì vậy, việc xích lại gần hơn với Mỹ

dường như là lựa chọn khả dĩ và hợp lý. Đây cũng chính là nguyên nhân đưa đến sự ủng hộ Chiến lược khu vực này.

Thứ ba, Chiến lược góp phần duy trì môi trường hòa bình, ổn định khu vực. Việc Mỹ tiếp tục cam kết can dự nhiều mặt ở ÁĐD-TBD và chú trọng việc triển khai quân sự ở khu vực đã giúp duy trì sự "cân bằng" chiến lược giữa các nước lớn, nhất là giữa Trung Quốc - Mỹ, qua đó góp phần vào duy trì xu thế hòa bình, ổn định ở khu vực ÁĐD-TBD nói chung và khu vực Đông Nam Á nói riêng. Trong bối cảnh thế giới vẫn duy trì ổn định với trật tự nhất siêu đa cường, thì sự hiện diện của siêu cường Mỹ sẽ khiến mọi tính toán của các nhân tố khác sẽ phải trên cơ sở cân nhắc và thận trọng hơn, từ đó tạo ra môi trường hòa bình, ổn định cho khu vực.

Thứ tư, việc Mỹ gia tăng can dự vào vấn đề Biển Đông buộc Trung Quốc phải có tính toán, bước đi thận trọng hơn trong giải quyết tranh chấp với các nước có liên quan. Một trong những mục tiêu của Mỹ trong triển khai chiến lược ÁĐD-TBD là đảm bảo tự do hàng hải, hàng không ở các vùng biển của khu vực, trong đó có Biển Đông. Từ khi tuyên bố về Chiến lược, Mỹ đã có sự quan tâm và không ngừng can dự vào vấn đề Biển Đông. Mỹ cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của các quốc gia ở khu vực; đề cao luật pháp quốc tế, trong đó có Công ước LHQ về Luật biển (UNCLOS) 1982; ủng hộ giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình. Mỹ khẳng định cam kết thực sự trong việc duy trì các vùng biển mở tại Biển Đông, sẽ không lùi bước và hoạt động tại bất cứ nơi nào luật pháp quốc tế cho phép. Mỹ cũng tỏ thái độ cứng rắn, trực diện với Trung Quốc trong vấn đề Biển Đông thể hiện qua việc từ Tổng thống đến các lãnh đạo BNG, BQP, Cố vấn An ninh Quốc gia… chỉ trích đích danh, đưa ra các tuyên bố chưa có tiền lệ đối với Trung Quốc. Bên cạnh đó, Quốc hội Mỹ cũng luật hóa nội dung Biển Đông trong các đạo luật: Đạo luật Sáng kiến Trấn an châu Á (ARIA-2018), Luật Ngân sách Quốc phòng (NDAA-2019) nhằm củng cố nguồn lực và thể hiện rõ cam kết lâu dài của Mỹ ở khu vực. Ngoài ra, trên thực địa Mỹ tăng cường tần suất hoạt động tuần tra đảm bảo tự do hàng hải FONOPs ở Biển Đông… Sự can dự của Mỹ ở Biển Đông tuy chưa thể buộc Trung Quốc dừng các hoạt động quân sự hóa Biển Đông, nhưng có tác dụng tạo sự răn đe cần thiết, ngăn chặn

Trung Quốc đẩy căng thẳng quá xa đến mức đe dọa hòa bình, an ninh khu vực; đồng thời, buộc Trung Quốc phải có những tính toán, bước đi thận trọng hơn trong giải quyết tranh chấp với các nước, qua đó góp phần giữ vững hòa bình, ổn định khu vực.

* Những hạn chế của bản thân Chiến lược

Thứ nhất, tính cụ thể và khả thi của Chiến lược. Chiến lược ẤĐD-TBD ban đầu chỉ được biết đến là một "tầm nhìn" được Tổng thống D.Trump đưa ra tại Hội nghị APEC tháng 11/2017. Nguyên văn tên Chiến lược là "ẤĐD-TBD tự do và rộng mở nâng cao một Tầm nhìn chung" (Free and Open Indo-Pacific Advancing a Shared Vision). Có thể nói ẤĐD-TBD tự do và rộng mở chưa phải là một chiến lược cụ thể với các mục tiêu, biện pháp thực hiện, kế hoạch hành động (Action Plan) và khung thời gian (Time Frame) chi tiết. Dù Mỹ đã đưa ra một khuôn khổ hợp tác rất tầm cỡ, liên quan đến chiến lược, an ninh và đối ngoại, nhưng thiếu đi tính chi tiết, thiếu cơ sở hay nền tảng và tầm nhìn nếu so sánh với BRI của Trung Quốc. Mỹ đưa ra nhiều tuyên bố nhưng những biện pháp triển khai thì chưa được như cam kết. Chiến lược chưa vạch ra được gì cụ thể ngoài việc tiếp tục lôi kéo các nước đồng minh như Ấn Độ, Nhật Bản..., và hoạt động thực tế hầu hết chỉ thiên về đối ngoại. Chính điều này là trở ngại khá lớn cho việc triển khai Chiến lược. Đồng thời là nguyên nhân dẫn đến việc hiệu quả của Chiến lược chưa được như mong đợi, không chỉ trong lĩnh vực an ninh quân sự mà cả kinh tế và quan trị.

Để biến một Tầm nhìn trở thành Chiến lược, Mỹ cần từng bước cụ thể hóa mục tiêu, cụ thể hóa nội hàm và cụ thể hóa các định hướng chính sách lớn được thực hiện. Tuy nhiên, khác biệt của chiến lược này là cho đến nay vẫn không có một Kế hoạch hành động rõ ràng nào. Trong lịch sử, khi Mỹ đưa các chiến lược thì sẽ kèm theo một kế hoạch hành động, như Chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh, đã được Mỹ triển khai bằng những hành động cụ thể như dần cho quân đội Việt Nam Cộng hòa đảm nhiệm các vị trí của lính Mỹ cũng như các kế hoạch rút dần quân Mỹ ra khỏi các vị trí tác chiến chủ chốt... Bên cạnh đó, ý tưởng về ẤĐD-TBD của Mỹ ngoài trên cơ sở tiếp nối chiến lược "Tái cân bằng" của người tiền nhiệm Obama, còn dựa trên nền tảng của nhóm Bộ Tứ với tầm nhìn về một khu vực tự do, rộng mở. Nhóm bốn nước trụ cột này được cho là sẽ đảm nhận những

vai trò tương đối ngang nhau và hợp tác chặt chẽ với nhau. Tuy nhiên, trái với tầm nhìn trên, cho đến nay, Chiến lược vẫn chưa có một cơ chế ràng buộc thiết thực nào được tạo nên giữa 4 nước. Mặc dù có điểm chung khi đều là những cường quốc dân chủ và có chung mối lo ngại về Trung Quốc, song bốn nước trụ cột của ÁĐD-TBD lại khá khác nhau về nhiều mặt. Về vị trí địa lý, 4 nước phân bổ ở các vị trí khá xa cách nhau (Mỹ ở Bắc Mỹ, Nhật Bản ở Đông Bắc Á, Ấn Độ ở Nam Á và Australia ở Thái Bình Dương). Điều này đồng nghĩa với những khác biệt lớn trong đặc điểm tình hình nội bộ, lợi ích, trình độ phát triển, văn hóa và mục tiêu chiến lược. Trong khi đó, muốn phối hợp tốt về mặt chiến lược đòi hỏi các nước ngoài việc cần có nhận thức và năng lực tương đương thì cần có sự hiểu biết lẫn nhau một cách sâu sắc. Vì những khác biệt này, việc điều phối, phân chia vai trò và nhiệm vụ cụ thể giữa các nước sẽ không đơn giản.

Nhìn chung, ý tưởng Chiến lược ÁĐD-TBD được phác họa rất hứa hẹn, nhưng chưa nêu rõ rằng liệu các nước sẽ phải phân bổ nguồn lực kinh tế, chính trị, quân sự một cách cụ thể như thế nào. Các tuyên bố nhìn chung mới chỉ dừng lại ở việc chia sẻ tầm nhìn, giá trị chung, cùng một vài hướng giải pháp khá chung chung về quân sự. Việc Mỹ rút khỏi TPP - trong tình cảnh thiếu vắng một trụ cột về kinh tế sẽ khiến ÁĐD-TBD trở nên kém hấp dẫn hơn so với BRI (và phải đến tháng 5/2022, Mỹ mới công bố một khung chiến lược về kinh tế cho khu vực - IPEF). Điều đáng nói là, dù không có Mỹ, các thành viên đàm phán TPP còn lại vẫn quyết tâm đi đến ký kết một thỏa thuận tương tự khác - Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) - một động thái cho thấy, nếu Mỹ rút đi, khu vực vẫn có thể hợp tác trong những khuôn khổ phù hợp với điều kiện thực tế của mình.

Thứ hai, tính không chắc chắn và dễ biến động của Chiến lược. Việc D.Trump công khai gạt bỏ chính sách của Tổng thống tiền nhiệm để đưa ra chính sách của mình cũng đồng nghĩa với việc chính quyền Joe Biden hoàn toàn có thể có thể từ bỏ Chiến lược ÁĐD-TBD, và lấy lại tên gọi cũ là "xoay trục sang châu Á" hay "tái cân bằng", nếu cần thiết. Điều may mắn đối với D.Trump là, chính quyền Joe Biden vẫn tiếp tục triển khai chiến lược này và còn mở rộng khuôn khổ hợp tác, như mở rộng thành viên nhóm Bộ Tứ và đưa ra một phiên bản Chiến lược

ẤĐD-TBD tự do và rộng mở mới (tháng 02/2022). Nếu Joe Biden loại bỏ chiến lược này và thay thế bằng một chiến lược khác hoặc quay lại với "Tái cân bằng" thời Obama, thì tính dễ biến đổi trong các chiến lược khu vực của Mỹ không chỉ gây ảnh hưởng đến việc triển khai Chiến lược mà còn ảnh hưởng đến thái độ của các nước trong khu vực đối với Chiến lược này, tạo tác động tiêu cực đến quá trình triển khai và hiệu quả của Chiến lược. Nỗi lo ngại về việc Mỹ sẽ thay đổi chính sách với khu vực khi những thay đổi về chính trị trong nước diễn ra sẽ làm giảm sự nhiệt tình của khu vực đối với các chiến lược do Mỹ lãnh đạo và có thể đẩy các nước xích lại gần Trung Quốc.

Thứ ba, hạn chế trong tư duy xác định đối tác của Chiến lược. Chiến lược ẤĐD-TBD chủ yếu tập trung vào các cường quốc đồng minh mà chưa cân nhắc đúng vai trò của các nước vừa và nhỏ trong khu vực. Nhìn chung, Chiến lược ẤĐD-TBD nhấn mạnh sự hợp tác với các cường quốc lớn và các nước thành viên Bộ Tứ là Nhật Bản, Australia và Ấn Độ, mà chưa nhận định và đánh giá đúng vai trò của các nước khác trong khu vực, trong đó có các nước Đông Nam Á (đặc biệt là vai trò của ASEAN), Hàn Quốc,... Nhìn chung, Chiến lược ẤĐD-TBD nói riêng và tư duy chiến lược của Mỹ nói chung vẫn chỉ coi các nước vừa và nhỏ như một con bài mặc cả trong các cuộc đàm phán. Trong khi đó, các nước này mong muốn được công nhận về giá trị của mình chứ không chỉ đơn thuần là giá trị trao đổi giữa các cường quốc. Ví dụ, nếu Trung Quốc đề nghị hợp tác với Mỹ trong vấn đề Triều Tiên để đổi lấy việc cho phép Bắc Kinh tự do hơn ở Biển Đông sẽ là điều không thể chấp nhận được đối với các nước trong khu vực. Các nước Đông Nam Á nói riêng và các nước vừa và nhỏ trong khu vực nói chung cùng chia sẻ nỗi lo ngại này. Sự đảm bảo xua tan những lo lắng như vậy có vai trò quan trọng đối với Chiến lược của Mỹ. Việc xây dựng và áp đặt một Chiến lược khu vực mà không quan tâm đến các quốc gia sẽ bị ảnh hưởng trực tiếp bởi nó sẽ khiến Chiến lược khó được các nước này chấp nhận và ủng hộ. Vì vậy, Chiến lược nên dành không gian thích hợp để các nước vừa và nhỏ tham gia vào việc đưa ra các quyết định quan trọng vì những nước này cũng có ý nghĩa quan trọng đối với sự ổn định tổng thể của khu vực.

Thứ tư, sự thiên lệch giữa các lĩnh vực và hoạt động triển khai Chiến lược.

Việc triển khai Chiến lược về mặt an ninh quân sự trên thực tế vẫn chưa tương xứng với mục tiêu đề ra. Mặc dù hướng đến việc ngăn cản Trung Quốc thống trị khu vực về mặt an ninh quân sự nhưng trên thực tế, các nước thuộc Bộ Tứ vẫn chưa thể đoàn kết thành một khối thống nhất, đặc biệt là trong các vấn đề an ninh, do lo ngại về phản ứng của Trung Quốc. Sự hợp tác quân sự giữa các thành viên Bộ Tứ có tiến triển nhưng nhóm này vẫn gặp khó khăn trong việc thực hiện bất kỳ sáng kiến chung nào, ngay cả với mục tiêu xây dựng một liên minh an ninh thống nhất có khả năng điều phối sự hợp tác quân sự phức tạp trong môi trường tác chiến. Tương lai của nhóm Bộ Tứ chủ yếu sẽ phụ thuộc vào Mỹ nhưng các đồng minh cũng cảm thấy lo ngại nếu như thực sự phụ thuộc vào cam kết quốc phòng với Mỹ [124]. Bên cạnh đó, về phạm vi triển khai, phải tới năm cuối nhiệm kỳ của D.Trump, khu vực biển Tây Thái Bình Dương mới được chú ý, thông qua việc cải tạo đảo Wake, đảo Midway. Các biện pháp triển khai mạnh mẽ nhất chủ yếu diễn ra ở khu vực Đông Bắc Á để giải quyết các thách thức từ Triều Tiên và bảo vệ Đài Loan. Đối với Đông Nam Á, Mỹ sử dụng các biện pháp thiên về đối ngoại hơn. Vấn đề Biển Đông chủ yếu vẫn dùng đối ngoại và quốc phòng; ngoài FONOPs, các hoạt động phô trương sức mạnh như tập trận ở Biển Đông chưa phải là nhiều, đặc biệt đến thời Joe Biden, tần xuất FONOPs còn giảm hơn so với năm cuối nhiệm kỳ của D.Trump.

4.2. TÁC ĐỘNG VÀ PHẢN ỨNG CỦA CÁC NƯỚC

4.2.1. Tác động của Chiến lược đối với khu vực ẤĐD-TBD

Thứ nhất, nâng cao vị thế của khu vực ẤĐD-TBD trong tính toán chiến lược của các cường quốc. Mỹ là một siêu cường, có tầm ảnh hưởng và chi phối toàn cầu. Chính vì vậy, mỗi tính toán địa chiến lược của Mỹ đều sẽ kéo theo cân nhắc và phản ứng từ các nước khác, đặc biệt là những nước có mâu thuẫn lợi ích và đối địch với Mỹ. Theo hiệu ứng dây chuyền, các nước này sẽ phải xem xét yếu tố Chiến lược trong hoạch định chính sách của mình, giúp nâng tầm vị thế của ẤĐD-TBD. Điều này được chứng minh qua thực tế, từ khi Mỹ công bố Chiến lược ẤĐD-TBD, tần suất sử dụng cụm từ này trong các nghiên cứu, tuyên bố tăng lên nhanh chóng. Các nước đồng minh như Nhật Bản, Australia, Ấn Độ cho đến các nước cạnh tranh như Nga, Trung Quốc đều có các chính sách, chiến lược hướng

đến khu vực.

Thứ hai, thúc đẩy sự phát triển của chủ nghĩa đơn phương, song phương và tiểu đa phương trong khu vực. Có thể nhận thấy rõ xu thế này qua việc Mỹ rút khỏi các cam kết đa phương như UNESCO và INF, hay Trung Quốc chối bỏ các phán quyết của Tòa trọng tài thường trực trong vụ kiện của Philippines năm 2016. Một số thể chế đa phương của khu vực đã và đang phải chịu tác động mạnh mẽ bởi kế hoạch của các cường quốc, như Chiến lược ẤĐD-TBD của Mỹ, hay BRI của Trung Quốc. Với Chiến lược ẤĐD-TBD, Mỹ đang thúc đẩy sự phát triển của chủ nghĩa đơn phương (rút khỏi các cơ chế đa phương), song phương (củng cố quan hệ với từng đồng minh, đối tác thân thiết) và tiểu đa phương (thúc đẩy sự phát triển của nhóm Bộ Tứ, AUKUS) lên một mức mới cao hơn, làm ảnh hưởng đến các cơ chế đa phương của khu vực.

Đối với ASEAN, Chiến lược ẤĐD-TBD đang tạo ra thách thức đối với vai trò trung tâm của Hiệp hội. Lý do chính cho sự tồn tại của ASEAN là giữ cho các cường quốc chủ chốt ở thế kiềm chế và cân bằng, không thể áp đảo và thống trị Đông Nam Á. Mục tiêu này sẽ khó đạt được khi Chiến lược của Mỹ đang từng bước đẩy Mỹ và Trung Quốc vào cuộc đối đầu chiến lược gay gắt. Mặc dù Mỹ và các nước đồng minh luôn nhấn mạnh rằng, ASEAN vẫn đóng vai trò trung tâm trong cấu trúc an ninh khu vực. Tuy nhiên, trên thực tế, Chiến lược ẤĐD-TBD có khả năng che mờ và bỏ qua ASEAN bằng cách thực hiện hành động cấp khu vực theo những phương cách không yêu cầu ASEAN đóng vai trò chủ đạo. Với việc liên tục phê phán ARF là "vai trò có hạn", "tiến triển chậm chạp trong việc làm sâu sắc các vấn đề an ninh" [4], Mỹ mong muốn thể chế hóa các cơ chế ASEAN+1 để cùng ASEAN bàn luận sâu hơn các vấn đề khu vực một cách cân bằng mà không bị các nước lớn khác như Trung Quốc hay Nga cản trở.

Thứ ba, tạo đối trọng với Trung Quốc, duy trì cân bằng quyền lực và trật tự ở khu vực, nhưng đồng thời đẩy nóng cạnh tranh nước lớn, tác động trực tiếp đến tình hình ở Biển Đông và eo biển Đài Loan. Với Chiến lược ẤĐD-TBD, Mỹ đã tạo ra sân chơi mới, cạnh tranh tự do và cởi mở. Giúp các quốc gia trong khu vực có thêm sự lựa chọn, không bị lệ thuộc vào Trung Quốc. Chiến lược của Mỹ cũng thúc đẩy hợp tác an ninh và kinh tế song phương và đa phương giữa các nước

trong khu vực. Làm giảm mức độ chi phối của Trung Quốc đối với các nước ẤĐD-TBD. Đồng thời góp phần tăng tiến trình cải cách dân chủ ở khu vực. Có thể nói, với Chiến lược của mình, Mỹ đã khẳng định tầm quan trọng của việc duy trì trật tự và các chuẩn mực hành vi quốc tế trên cơ sở luật lệ chung. *Tuy nhiên, mặt khác, hoạt động quân sự của Mỹ ở Biển Đông trong khuôn khổ Chiến lược đã trở thành cái cớ để Trung Quốc đẩy mạnh các hoạt động quân sự hóa ở Biển Đông, tác động trực tiếp đến quốc phòng, an ninh của các nước trong khu vực.* Xuất phát từ lợi ích chiến lược, Mỹ tăng cường sự hiện diện quân sự ở khu vực, gia tăng các hoạt động tuần tra bảo đảm tự do hàng hải, hàng không ở khu vực Biển Đông… Trung Quốc lấy cớ nhằm đối phó lại sự hiện diện và đe dọa quân sự của Mỹ để triển khai các bước đi quyết đoán, bao gồm tiến hành cải tạo và quân sự hóa các đảo ở khu vực Trường Sa cũng như không ngừng có những hành động làm thay đổi nguyên trạng ở Biển Đông, vi phạm chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam ở Biển Đông. Không loại trừ vì lợi ích riêng, Mỹ và Trung Quốc sẽ "thỏa hiệp" với nhau sau lưng các nước có tuyên bố chủ quyền khác trong khu vực về vấn đề Biển Đông, tác động tiêu cực đến chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia của các nước có liên quan. Thực tế cho thấy, sang năm 2021, do những thay đổi trong ưu tiên chiến lược, Mỹ không còn duy trì các hoạt động FONOPs như dưới thời D.Trump (chỉ 5 lần so với 10 lần năm 2020), thì Trung Quốc lại gia tăng các hoạt động diễn tập trên thực địa, tiến hành ít nhất 58 cuộc diễn tập quân sự trên Biển Đông và khu vực eo biển Đài Loan, nhiều hơn năm 2020 (37 cuộc) và năm 2019 (35 cuộc).

Thứ tư, làm tăng mâu thuẫn và cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc khu vực ẤĐD-TBD. Chiến lược ẤĐD-TBD làm sự cạnh tranh trong quan hệ giữa các nước lớn trở nên gay gắt hơn. Không chỉ là cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc mà còn là cạnh tranh giữa Trung Quốc và Nhật Bản, Trung Quốc và Ấn Độ... Quy mô cạnh tranh cũng ngày càng rộng, đặc biệt là trong lĩnh vực an ninh quân sự. Không giống cách đề cập về hợp tác và cạnh tranh nước lớn trong chiến lược "Xoay trục" của chính quyền tiền nhiệm, mọi văn bản, tuyên bố của chiến lược ẤĐD-TBD đều chỉ đích danh Trung Quốc là đối thủ cạnh tranh cần phải kiềm chế. Với việc hoạch định và triển khai Chiến lược ẤĐD-TBD, Mỹ đang

đẩy cao căng thẳng không chỉ giữa mình với Trung Quốc mà còn là giữa các cường quốc thuộc nhóm Bộ Tứ như Nhật Bản, Australia và Ấn Độ với Trung Quốc. Mối quan hệ giữa Mỹ và các đồng minh với Trung Quốc sẽ ngày càng nghiêm trọng khi Trung Quốc nhận định mục tiêu sâu xa của Chiến lược này là bao vây, kiềm chế mình.

Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung liên tục được đẩy lên cao điểm trong suốt nhiệm kỳ của D.Trump. Hai cường quốc này trực tiếp cạnh tranh trên nhiều lĩnh vực và sử dụng các biện pháp đáp trả lẫn nhau. Ở khía cạnh an ninh quân sự, cạnh tranh giữa Mỹ và Trung Quốc kéo dài trên 2 dải đất trên cả hai bờ của Thái Bình Dương. Với Nhật Bản, việc là thành viên ủng hộ tích cực nhất đối với Chiến lược của Mỹ cũng khiến Nhật Bản trở thành đối tượng đề phòng cao độ của Trung Quốc. Mâu thuẫn chủ quyền giữa hai nước cũng vì thế mà trở nên phức tạp hơn. Với Ấn Độ, thái độ tiếp cận mâu thuẫn giữa cường quốc Tây Á này với Trung Quốc trước hết là mâu thuẫn biên giới lãnh thổ trong đó, đặc biệt là trong xử lý quan hệ với Pakistan. Có thời điểm mâu thuẫn biên giới bị đẩy lên thành xung đột quân sự. Tuy Trung Quốc và Ấn Độ đồng ý kết thúc việc đối đầu quân sự dọc theo vùng biên giới tranh chấp, nhưng hậu quả của nó là ngay cả những người ủng hộ Trung Quốc nhất tại Ấn Độ cũng trở nên cứng rắn hơn. Ấn Độ ngày càng xem Trung Quốc như một đối thủ tiềm tàng, đe dọa đến an ninh và phát triển. Đặc biệt việc ủng hộ Chiến lược và đứng vào hàng ngũ "đồng minh" của Mỹ cũng khiến Ấn Độ trở thành quốc gia nằm trong danh sách cần phải đối phó của Trung Quốc.Với Australia, sự ủng hộ và tham gia Chiến lược ẤĐD-TBD của nước này là sự đe dọa đến Trung Quốc. Ngày 01/07/2020, BQP Australia đưa ra chiến lược cập nhật và kế hoạch bố trí lực lượng nhằm đối phó với Trung Quốc.

Thứ năm, thúc đẩy xu hướng tập hợp lực lượng, chạy đua vũ trang, làm phức tạp thêm tình hình an ninh khu vực. Việc Mỹ mở rộng sự hiện diện quân sự tại các khu vực rộng lớn theo Chiến lược ẤĐD-TBD có nguy cơ dẫn tới leo thang căng thẳng giữa nước này với Trung Quốc, gây tổn hại đến hòa bình và ổn định của khu vực. Khi Chiến lược được triển khai, không chỉ buộc các cường quốc tiếp tục xu hướng gia tăng chi tiêu quốc phòng mà còn thúc đẩy các nước nhỏ hơn trong khu vực tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh dưới sự ủng hộ của Mỹ.

Chiến lược ẤĐD-TBD còn tác động đến tư duy quốc phòng và xây dựng quân đội của các nước trong khu vực. Đẩy các nước vừa và nhỏ vào công cuộc chọn phe, tập hợp lực lượng và tạo nên làn sóng chạy đua vũ trang mới.

Theo báo cáo của Viện Nghiên cứu Hòa bình Quốc tế Stockholm (SIPRI), chi tiêu quân sự của các nước ở khu vực ẤĐD-TBD đang tiếp tục tăng. Chi tiêu quân sự của Trung Quốc trong năm 2019 đã vươn lên mức 261 tỷ USD, tăng 5,1% so với năm 2018, trong khi chi tiêu quốc phòng của Ấn Độ đã đạt 71,1 tỷ USD, tăng xấp xỉ 6,8% so với năm trước. Các quốc gia chi tiêu quân sự lớn khác ở ẤĐD-TBD gồm có Nhật Bản với 47,6 tỷ USD và Hàn Quốc là 43,9 tỷ USD. Khu vực Đông Nam Á cũng ghi nhận sự gia tăng chi tiêu quân sự với tỷ lệ gia tăng 4,2% trong năm 2019, lên mức 40,5 tỷ USD [94].

Có thể xem thái độ cùng những hành động hiếu chiến của Trung Quốc trong việc tuyên bố chủ quyền ở khu vực là nguyên nhân khởi điểm nhưng Chiến lược ẤĐD-TBD của Mỹ là nhân tố thúc đẩy thêm làn sóng chạy đua vũ trang ở khu vực. Dưới sự khuyến khích, ủng hộ của Mỹ cùng với tình hình phức tạp mà việc triển khai Chiến lược đem lại, các nước vừa và nhỏ càng có lý do để tham gia vào làn sóng chạy đua vũ trang, mà mục tiêu không gì khác hơn là để chuẩn bị cho mình trước những biến động của khu vực. Chính vì lý do này mà xu hướng chạy đua vũ trang này nhiều khả năng sẽ tiếp diễn.

Nhìn một cách tổng thể thì làn sóng chạy đua vũ trang ở ẤĐD-TBD chứa đựng nhiều rủi ro. Mặc dù có nền kinh tế phát triển năng động nhưng ẤĐD-TBD vốn là một khu vực đang tồn tại nhiều điểm nóng có nguy cơ xảy ra xung đột cao như Bán đảo Triều Tiên, Biển Đông, biên giới Trung - Ấn hay Ấn Độ-Pakistan. Phần nhiều các điểm nóng này bắt nguồn từ các vấn đề biên giới và lãnh thổ cũng như chủ quyền chưa thể giải quyết. Việc các nước trong khu vực nâng cao năng lực quân sự và chạy đua vũ trang vì an ninh của mình lại có nguy cơ đẩy khu vực vào tình trạng mất an ninh. Lý thuyết trò chơi "có tổng bằng không" sẽ tiếp tục làm cho cuộc chạy đua vũ trang trong khu vực có xu hướng gia tăng, diễn biến phức tạp hơn.

4.2.2. Phản ứng của các nước trong khu vực đối với Chiến lược

4.2.2.1. Trung Quốc

Mặc dù Chiến lược ẤĐD-TBD của Mỹ mới triển khai trong thời gian ngắn nhưng những tác động mà nó tạo nên đối với Trung Quốc là khá đáng kể. Về chính trị, vị thế, vai trò và hình ảnh của Trung Quốc trên thế giới cũng bị tác động đáng kể khi hầu hết các nước lớn như Mỹ, Nhật Bản, EU, Ấn Độ, thậm chí có thể cả Nga không ủng hộ BRI dù có quan hệ kinh tế chặt chẽ với nước này (Nga lo ngại ý đồ của Trung Quốc đối với vùng Viễn Đông của mình và khu vực Trung Á). Các nước láng giềng như Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ và một số thành viên ASEAN rất thận trọng do nghi ngại ý đồ địa-chính trị của Trung Quốc, trong khi đó các nước nhỏ hơn thì chỉ muốn tận dụng nguồn vốn của Trung Quốc chứ không chấp nhận sự lãnh đạo của nước này. Về quân sự, Trung Quốc không ngừng củng cố lực lượng ở các khu vực mà Mỹ coi là trọng tâm trong chiến khai Chiến lược ẤĐD-TBD như Biển Đông, Biển Hoa Đông và eo biển Đài Loan. Chỉ riêng trong năm 2020, 2021, Trung Quốc đã ban hành hàng loạt văn bản luật để củng cố lực lượng trên biển, như luật Hải cảnh, luật Quốc phòng, ban hành Quy định công tác của Ủy ban kiểm tra quân đội, ra luật bảo vệ quyền, lợi ích của quân nhân, Quy chế về hoạt động hợp tác quân sự quốc tế… Trên thực địa, Trung Quốc gia tăng các hoạt động tập trận bắn đạn thật, diễn tập quân sự chung. Riêng năm 2021, Trung Quốc đã tiến hành 47 cuộc tập trận lớn nhỏ ở Biển Đông. Đồng thời, Trung Quốc TQ gia tăng mạnh mẽ các cuộc tập trận, diễn tập, hiện diện xung quanh khu vực eo biển Đài Loan, đặc biệt là việc nước này đưa máy bay chiến đấu với số lượng kỷ lục vào vùng nhận dạng phòng không (ADIZ) của Đài Loan [49]. Có thể nói, Chiến lược của Mỹ đã có tác động rất lớn đến Trung Quốc buộc nước này phải tính toán lại đường hướng chính sách của mình.

Ngay từ khi Mỹ tuyên bố các nội hàm đầu tiên của Chiến lược trong Chiến lược An ninh Quốc gia 2017, Trung Quốc đã tỏ thái độ quan tâm một cách thận trọng. Điều này được thể hiện qua phát biểu của người phát ngôn BNG Cảnh Sảng tại buổi họp báo thường kỳ của BNG Trung Quốc tháng 11/2017. Khi đó, với 4 câu hỏi liên quan đến ẤĐD-TBD của Mỹ, quan điểm của Trung Quốc còn khá chung khi cho rằng các quốc gia liên quan đều có trách nhiệm đóng góp cho hòa

bình, thịnh vượng ở CÁ-TBD và một khuôn khổ hợp tác trong khu vực không thể để nhằm vào một nước thứ ba. Quan điểm chung của các quan chức Trung Quốc khi đánh giá về chiến lược của Mỹ là không được dùng để nhằm vào nước thứ ba, cũng như việc chỉ cần dùng cụm từ CÁ-TBD là đã bao gồm cả Ấn Độ Dương trong đó. Qua các phát ngôn có thể nhận ra rằng Trung Quốc không hoàn toàn phủ nhận khái niệm ẤĐD-TBD, nhưng đã bắt đầu thể hiện sự thận trọng đối với Chiến lược này. Ngoài ra, nội dung trả lời cũng cho thấy Trung Quốc đang e ngại bị gạt ra ngoài hoặc trở thành mục tiêu của Chiến lược mới do Mỹ phát động. Đồng thời, thể hiện quan điểm của Trung Quốc trong đó cho rằng "CÁ-TBD" sẽ phù hợp hơn "ẤĐD-TBD" với ý nghĩa là một khái niệm khu vực. Việc Trung Quốc cảnh giác với khái niệm "ẤĐD-TBD" là bởi "nguồn gốc phương Tây" của nó [145]. Các quan chức và giới nghiên cứu Trung Quốc cũng thường xuyên lảng tránh sử dụng thuật ngữ "ẤĐD-TBD" tại các cuộc đối thoại công khai, đặc biệt khi có sự hiện diện của giới chuyên gia, học giả quốc tế. Đơn cử, tại "Đối thoại Cấp cao về hợp tác ẤĐD-TBD" vào tháng 3/2019, Thứ trưởng Ngoại giao Trung Quốc Kong Xuanyou tham dự và có bài phát biểu. Tuy nhiên, dù đây là đối thoại về "hợp tác ẤĐD-TBD", nhưng Kong Xuanyou lại hoàn toàn không nhắc đến khái niệm này một cách trực tiếp. Liên quan đến quan điểm của Trung Quốc xoay quanh thuật ngữ cùng Chiến lược mà Mỹ đưa ra, BTNG Trung Quốc Vương Nghị trong lần trả lời phỏng vấn bên lề phiên họp đầu tiên Quốc hội khóa XIII (tháng 3/2018) đã nhận định, "việc lấy tên là gì không quan trọng, vì nó chỉ như bọt biển ở ẤĐD hay TBD". Đồng thời, Vương Nghị cũng khẳng định, ngày nay, tư duy chiến tranh lạnh để kích động hình thành các khối đối đầu nhau không còn phù hợp nữa. Lời nhắc nhở, cảnh báo của Vương Nghị đã thể hiện sự lo ngại, dù vẫn còn khá mơ hồ của Trung Quốc đối với Chiến lược của Mỹ. Tiếp đó, trong chuyến thăm Thái Lan tham dự Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN - Trung Quốc tháng 7/2019, Vương Nghị đã đưa ra quan điểm: (i) Hợp tác này trước tiên phải tập trung vào Đông Á và châu Á nhưng không được làm ảnh hưởng đến các cơ chế và thành quả hợp tác khu vực đã đạt được; (ii) Phải tập trung vào hợp tác và đồng thuận, không được mang tính đối đầu; và (iii) Phải tập trung vào tính mở và toàn diện, không được hình thành các phe nhóm. Cũng tại Hội nghị này, Vương Nghị đã có bài phát

biểu tập trung vào hai điểm chính: Một là, Trung Quốc cảnh giác với Chiến lược ẤĐD-TBD trong bối cảnh bị Mỹ và các đồng minh loại ra khỏi cuộc chơi và xem như một mục tiêu; hai là sáng kiến này thiếu tính rõ ràng và động lực cần thiết để có thể trở thành một khái niệm lâu dài. Việc đặc biệt nhấn mạnh rằng Chiến lược và việc hợp tác không được làm ảnh hưởng đến các cơ chế và thành quả cũ cũng như không đối đầu và lôi kéo đồng minh, tạo lập phe nhóm chứng tỏ sự lo ngại về Chiến lược ẤĐD-TBD của Trung Quốc đã gia tăng. Không còn nhắc nhở gián tiếp, Trung Quốc đã bộc lộ thái độ phản đối và bài trừ Chiến lược ẤĐD-TBD thông qua việc đưa ra những hạn chế của Chiến lược này. Ngày 07/3/2022, bên lề kỳ họp Lưỡng Hội 2022, chủ trì họp báo về "Chính sách ngoại giao và quan hệ đối ngoại của Trung Quốc", BTNG Vương Nghị nhấn mạnh Mỹ đang nỗ lực hình thành cấu trúc "5-4-3-2" (Ngũ nhãn, QUAD, quan hệ đối tác an ninh ba bên (AUKUS) và liên minh quân sự song phương) để triển khai ý đồ tại khu vực CÁ - TBD. Mục đích của Mỹ là tại ra một phiển bản NATO ở ẤĐD-TBD nhằm duy trì hệ thống bá quyền do Mỹ lãnh đạo, đã tác động đến cấu trúc hợp tác khu vực và đi ngược lại tầm nhìn chung của các quốc gia trong khu vực.

Có thể nhận thấy rằng, phản ứng cơ bản của Trung Quốc về Chiến lược ẤĐD-TBD là bi quan. Trong các tuyên bố của mình, Trung Quốc tỏ rõ sự lo ngại, đồng thời nghi ngờ rằng ẤĐD-TBD là Chiến lược Mỹ sử dụng để kiềm chế mình. Quan điểm chung tại Trung Quốc là Mỹ và đồng minh dùng Chiến lược ẤĐD-TBD như một công cụ để làm suy yếu BRI cũng như kiềm chế ảnh hưởng ngày càng gia tăng của Trung Quốc. Thứ trưởng Ngoại giao Trung Quốc Lạc Ngọc Thành từng tuyên bố rằng Trung Quốc hoan nghênh các sáng kiến khu vực nhưng cũng kiên quyết chống lại mọi nỗ lực sử dụng Chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở để kiềm chế BRI nói riêng và Trung Quốc nói chung. Trung Quốc coi Chiến lược ẤĐD-TBD là một công cụ chính trị quyền lực của Mỹ, với mục đích ngăn chặn quan hệ của Trung Quốc với các nước láng giềng. Đáp lại những phát biểu của BTQP Mỹ Mark Esper rằng Trung Quốc đang làm xáo trộn khu vực ẤĐD-TBD bằng những hành động hung hăng của mình, Trung Quốc cho rằng chính Mỹ trong suốt thời gian dài vừa qua đã can thiệp thô bạo vào các vấn đề của các nước ở khu vực CÁ-TBD thông qua cái gọi là "chiến lược ẤĐD-TBD".

Trên cơ sở quan điểm tiêu cực về Chiến lược cùng nhận thức rằng ÁĐD-TBD của Mỹ, xác định đây là mối đe dọa trực tiếp tới các tham vọng chiến lược của mình, Trung Quốc phải nghiên cứu các cách thức đối phó khác nhau, trong đó có báo cáo đáng chú ý của Viện Nghiên cứu Trung - Mỹ: (1) Tăng cường hợp tác với các nước trong các vấn đề toàn cầu. Trung Quốc cần chung tay giải quyết các các thách thức an ninh phi truyền thống và có thể đóng vai trò lãnh đạo để thể hiện hình ảnh một cường quốc có trách nhiệm trong hệ thống quốc tế. (2) Không được chủ quan, đánh giá thấp Mỹ. Dù có những đánh giá cho rằng Mỹ đang suy yếu, nhưng Mỹ vẫn là siêu cường duy nhất trên thế giới. Từ khi D.Trump lên nắm quyền, kinh tế Mỹ đã được phục hồi, sức mạnh quân sự đã được củng cố. Ngoài ra, Mỹ có hệ thống đồng minh rộng khắp sẵn sàng chung tay cùng Mỹ và đi theo sự lãnh đạo của Mỹ. (3) Sẵn sàng đối mặt với chủ nghĩa dân tộc đang lên ở Mỹ và châu Âu. (4) Chống lại các cáo buộc về "thương mại bất công bằng" của Mỹ và phương Tây do lo sợ sẽ bị lép vế và cho rằng sự thịnh vượng của Trung Quốc là do cướp đoạt lợi ích từ các nước này. (5) Chống lại cáo buộc về ngoại giao bẫy nợ, dẫn chứng trường hợp Trung Quốc thuê cảng Hambantota của Sri Lanka. Cho rằng Trung Quốc có ý định dùng các công cụ kinh tế kết hợp quân sự để chi phối các nước châu Á và châu Phi. Vì vậy, các công ty, tập đoàn lớn phải rất cẩn trọng với các khoản cho nước ngoài vay, tránh bị các nước lồng ghép ý đồ chính trị cáo buộc Trung Quốc. (6) Làm cho các nước tham gia BRI thấy được lợi ích về mặt kinh tế để đáp lại những cáo buộc rằng Trung Quốc dùng BRI như một phần trong đại chiến lược nhằm mở rộng ảnh hưởng và thiết lập căn cứ quân sự trên lãnh thổ các nước khác. (7) Cẩn trọng với các dự án phát triển khoa học công nghệ. Nhiều nước phương Tây cáo buộc Trung Quốc đã đánh cắp công nghệ nhưng lại bảo hộ chặt chẽ thị trường công nghệ nước mình, không để các nước khác tham gia cùng là không công bằng. Vì vậy, Trung Quốc cần cẩn trọng, nâng cao tính pháp lý của các dự án nghiên cứu phát triển và tránh gián điệp mạng từ phương Tây. (8) Giảm thiểu các tuyên truyền thù địch. Theo đó, các phương tiện truyền thông Trung Quốc không nên quá gay gắt hay thù địch với phương Tây dù điều đó là cần thiết để ổn định tình hình trong nước. (9) Giải quyết các tranh chấp trên Biển Đông và biển Hoa Đông. Tranh chấp trên Biển Đông và biển Hoa Đông, đặc biệt là việc

Trung Quốc triển khai và xây dựng các đơn vị quân đội trên các đảo này đã khiến các nước cho rằng Trung Quốc đang tìm kiếm bá quyền và phớt lờ luật pháp quốc tế. Vì vậy Trung Quốc cần nỗ lực giải quyết các tranh chấp này trên cơ sở cân nhắc đến lợi ích của các quốc gia khác trong khu vực. (10) Tăng cường các quan hệ đa phương và song phương để chống lại sức ép và các cáo buộc của Mỹ, thông qua các trao đổi kênh 1, kênh 2 và kênh 1.5 với các nước trong khu vực [133].

Quan sát cách Trung Quốc triển khai chiến lược khu vực của mình cho thấy sự bài bản, ổn định của nước này tại khu vực Tây Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, chứ không phải chỉ là phản ứng riêng với Chiến lược ẤĐD-TBD. Tuy nhiên, từ khi có Chiến lược ẤĐD-TBD thì phản ứng của Trung Quốc có một số nét mới như sau:

Một là, khác biệt trong phản ứng của Trung Quốc với Chiến lược ẤĐD-TBD của Chính quyền D.Trump và Tái cân bằng của chính quyền Obama. Dưới tác động của Chiến lược ẤĐD-TBD, Trung Quốc đẩy mạnh vươn ra xa với phương thức nhanh hơn, quyết liệt hơn. Có thể thấy tốc độ đóng tàu, tốc độ sản xuất vũ khí, phương tiện, trang bị để có thể vươn ra ngoài cho cả lực lượng Không quân và Hải quân ngày càng cao, đặc biệt trong khoảng từ năm 2018 đến năm 2020.[9] Tuy phần lớn các diễn tiến này vẫn là do chiến lược đã có của Trung Quốc khi tích lũy đủ về lượng sẽ chuyển sang chất nhưng phản ứng với Chiến lược ẤĐD-TBD vẫn là một phần nguyên nhân. Việc Hải quân Trung Quốc tập trận xa, mượn cớ diễn tập chống khủng bố để đưa quân đến Vịnh Aiden tập trận với những khoa mục khác so với những cuộc tập trận trước đây. Hay như việc trước đây, Trung Quốc thường tham gia các hoạt động tập trận với nội dung là chống khủng bố, còn hiện nay là tập trận chống một kẻ thù là nước lớn nào đó. Có thể thấy rõ sự khác biệt này qua giả định đổ bộ lên Guam. Trung Quốc đã thay đổi cách thức, các bài huấn luyện, đi vào thực chất hơn và nhằm vào đối tượng khác chứ không chỉ nhằm đối phó với khủng bố.

Hai là, về tăng cường thực lực để ứng phó với các nguy cơ có thể xảy ra trong các không gian địa chiến lược quan trọng. Các vòng cung chiến lược được

[9] Theo báo cáo của Trung tâm Nghiên cứu Chiến lược và Quốc tế (CSIS), trong khi chi tiêu tổng thể của chính quyền trung ương Trung Quốc đang trên đà giảm (ở mức 0,2%), song ngân sách quốc phòng của Bắc Kinh lại tăng từ mức 5,1% năm 2020 lên 5,4% năm 2021, mức cao nhất trong những năm gần đây.

xây dựng, bố trí lại. đặc biệt là tên lửa tầm trung, tầm ngắn, tầm xa, mang và không mang đầu đạn. Củng cố hơn tư duy điểm - tuyến - diện cả trên biển và trên không, đầu tư nhiều hơn vào công nghệ vệ tinh, trinh sát điện tử, như hệ thống vệ tinh Bắc Đẩu được đẩy nhanh hơn. Khi vệ tinh này được hoàn thiện, hệ thống chỉ huy trung tâm của Trung Quốc sẽ đạt được bước tiến lớn trong chu trình C4ISR (chỉ huy, kiểm soát, thông tin liên lạc, tình báo và trinh sát). Trung Quốc cũng đẩy nhanh hơn tiến độ các dự án đưa người lên quỹ đạo, đẩy nhanh quá trình phóng vệ tinh, hiện đại hóa thông tin liên lạc. Song song với đó, Trung Quốc củng cố năng lực quân sự tại các điểm đã chiếm đóng trên quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và bước vào quá trình hoàn thiện hệ thống vệ tinh như Bắc Đẩu.

Ba là, về đối ngoại. Trung Quốc lôi kéo ASEAN, mở ra các diễn đàn mới, để thảo luận về các vấn đề an ninh chung có liên quan trực tiếp đến Trung Quốc và các nước trong khu vực nhưng theo chương trình nghị sự của riêng Trung Quốc như Diễn đàn Hương Sơn - Bắc Kinh, Diễn đàn Bác Ngao... Đồng thời Trung Quốc đẩy mạnh triển khai các sáng kiến tập hợp lực lượng đã có và đưa ra thêm nhiều sáng kiến mới như Sáng kiến phát triển toàn cầu (GDI) do Chủ tịch Tập Cận Bình đưa ra tại phiên thảo luận chung cao cấp của Đại hội đồng Liên Hợp quốc Khóa 76 (21/9/2021); sáng kiến "Cộng đồng chung vận mệnh trên biển" trong phát biểu của Tập Cận Bình tại lễ kỷ niệm 70 năm thành lập Hải quân Trung Quốc (23/4/2019); Sáng kiến toàn cầu về an ninh dữ liệu được Ủy viên Quốc vụ, BTNG Vương Nghị đưa ra tại Hội thảo quốc tế "Nắm bắt cơ hội số, cùng mưu cầu hợp tác phát triển" tại Bắc Kinh (08/9/2020); sáng kiến "An ninh toàn cầu" được Chủ tịch Tập Cận Bình đưa ra tại Hội nghị thường niên Diễn đàn châu Á Bác Ngao (21/4/2022)… Bên cạnh đó, Trung Quốc chia rẽ, làm suy yếu nền tảng các mối quan hệ hoặc cơ chế hợp tác có thể gây hại cho các lợi ích của Trung Quốc như cặp quan hệ Mỹ - Nhật, Mỹ - Australia, Mỹ - Ấn Độ hoặc chia rẽ Campuchia, Philippines với các nước còn lại trong ASEAN, làm suy yếu ASEAN trong thảo luận về tranh chấp ở Biển Đông... Trung Quốc tiếp tục đẩy mạnh triển khai các sáng kiến, khẩu hiệu tập hợp lực lượng mới như Cộng đồng chung vận mệnh nhân loại, Cộng đồng tương lai chung, an ninh châu Á phải do người châu Á giải quyết,… Ngay khi Joe Biden mới nhậm chức, tận dụng thời gian chính quyền mới

của Mỹ còn chưa có những định hướng chính sách rõ ràng, Trung Quốc đã đẩy mạnh tập hợp lực lượng nhằm hóa giải sức ép của Mỹ và khẳng định vị thế tại khu vực ÁĐD-TBD. Trong đó BTNG Vương Nghị đã tổ chức các cuộc gặp với BTNG một loạt các nước Đông Nam Á, như với Singapore (01-02/4/2021), Indonesia và Philippines (31/3-01/4/2021); tổ chức Diễn đàn châu Á Bác Ngao (trực tuyến) với sự tham dự của lãnh đạo nhiều nước khu vực (02/4/2021).

Nhìn chung, có thể thấy tác động của Chiến lược đối với Trung Quốc khá đáng kể và thái độ phản ứng của nước này đối với Chiến lược là đề phòng và chống đối. Trung Quốc liên tiếp đưa ra những biện pháp đáp trả Mỹ, nhưng cũng kiểm soát để tránh leo thang căng thẳng với Mỹ.

4.2.2.2. Các nước thuộc nhóm Bộ Tứ

** Nhật Bản*

Với thái độ ủng hộ Chiến lược ÁĐD-TBD, đa phần những phản ứng của Nhật Bản đối với Chiến lược này là những động thái hợp tác và hỗ trợ. Giới chức Nhật Bản chủ trương tăng cường quan hệ với Mỹ, đặc biệt trong quan hệ an ninh, quân sự. Bản hướng dẫn thực hiện Chương trình quốc phòng Nhật Bản năm 2018 khẳng định lợi ích an ninh của Mỹ và Nhật Bản là tương đồng và có quan hệ mật thiết với nhau. Tháng 12/2018, Nhật Bản công bố bản Định hướng chương trình Quốc phòng năm tài khóa 2019 và Chương trình quốc phòng trung hạn (năm tài khóa 2019-2023) [52]. Các tài liệu này là định hướng chiến lược quốc phòng quan trọng, vạch ra một chiến lược kép vừa phát triển chương trình quốc phòng của riêng mình, đồng thời tăng cường hợp tác an ninh với Mỹ và các quốc gia khác. Hướng dẫn chương trình quốc phòng 2019 của Nhật Bản cũng cho thấy sự thay đổi rõ ràng. Tài liệu này nhấn mạnh các nỗ lực phòng thủ của riêng Nhật Bản độc lập với hợp tác an ninh cùng Mỹ, nêu rõ "khả năng phòng thủ của Nhật Bản là chốt chặn cuối cùng đối với an ninh của Nhật Bản, thể hiện rõ ràng ý chí và sự kiên định của Nhật Bản là một quốc gia yêu chuộng hòa bình" [52].

Dù có chiến lược riêng và cũng manh nha có những phát triển mới mang tính độc lập hơn trong quan hệ an ninh truyền thống với Mỹ, nhưng các đời Thủ tướng Nhật Bản luôn nỗ lực làm sâu sắc hợp tác quốc phòng với Mỹ. Điều này được thể hiện qua việc cùng Mỹ nâng cấp bản định hướng hợp tác quốc phòng

song phương, diễn giải lại một điều khoản hiến pháp cho phép Nhật Bản tham gia các hoạt động phòng thủ tập thể, thúc đẩy các văn bản luật cho phép phối hợp sâu rộng hơn với Mỹ và đẩy mạnh việc xây dựng một căn cứ Không quân của Mỹ ở Okinawa dù phải đối mặt với nhiều tranh cãi. Nhật Bản tiếp tục đặt liên minh với Mỹ là trung tâm trong chiến lược an ninh bất chấp những khác biệt về chính sách đối ngoại dưới thời Tổng thống D.Trump. Chính phủ Nhật Bản còn đóng góp tài chính cho việc đóng quân của lực lượng Mỹ tại Nhật Bản thông qua Thỏa thuận về các biện pháp đặc biệt. Đóng góp chiến lược này hỗ trợ trực tiếp cho sự sẵn sàng hoạt động của các lực lượng Mỹ tại Nhật.

Nhìn chung, Nhật Bản xác định tiếp tục dựa vào cái ô an ninh của Mỹ, tích cực tham gia vào quá trình hoạch định và hoàn thiện Chiến lược ẤĐD-TBD vì Chiến lược này không chỉ phục vụ mục tiêu của Mỹ mà cũng đồng thời phản ảnh rõ nét lợi ích và phù hợp với chủ trương của Nhật Bản.

** Australia*

Liên quan đến tầm nhìn ẤĐD-TBD, BTQP Australia từng phát biểu: "tầm nhìn ẤĐD-TBD của Australia phản ánh tính cách dân tộc và sự nhạy cảm rất độc đáo của chúng tôi. Chúng tôi muốn một khu vực mở và bao trùm; tôn trọng chủ quyền; nơi các tranh chấp được giải quyết một cách hòa bình và không bị cưỡng bức. Tầm nhìn của Australia cũng bao gồm việc hoan nghênh Mỹ can dự đầy đủ vào khu vực" [192]. Sự hoan nghênh Mỹ của Australia có một phần nguyên nhân từ sự thay đổi trong nhận thức của Australia về Trung Quốc. Thái độ phổ biến của người dân Australia về Trung Quốc được định hình chủ yếu bởi các nguy cơ bị chi phối về kinh tế, can thiệp chính trị nội bộ, môi trường học thuật đại học và phương tiện truyền thông... Những nguy cơ này đã tác động tiêu cực đến quan điểm của người Australia về Trung Quốc, dẫn đến việc chính phủ Australia phải triển khai các biện pháp để chống lại ảnh hưởng ngày càng gia tăng của Trung Quốc tại khu vực này. Ngày 28/6/2018, Quốc hội Australia đã thông qua một đạo luật mới về gián điệp, can thiệp nước ngoài và ảnh hưởng nước ngoài để có chế tài "xử lý mạnh tay hơn với các loại tội phạm gián điệp và câu kết với nước ngoài can thiệp vào công việc nội bộ của Australia" [209]. Tháng 8/2018, Australia cũng đã cấm Tập đoàn Huawei của Trung Quốc tham gia mạng di động 5G của nước này [40].

Australia theo dõi sát sao các hoạt động can dự chính trị, đầu tư và các chiến dịch mở rộng ảnh hưởng toàn cầu của Trung Quốc tại các quốc đảo Thái Bình Dương. Trả lời về báo cáo cho rằng Trung Quốc đang tìm kiếm khả năng xây dựng căn cứ quân sự tại Vanuatu, cựu Thủ tướng Malcolm Turnbull tuyên bố "đặc biệt quan ngại với bất cứ hành động thiết lập căn cứ quân sự nào trên các đảo quốc Thái Bình Dương" [203]. Australia cũng lo lắng về tác động của viện trợ phát triển của Trung Quốc tại các đảo quốc Thái Bình Dương mà theo công bố của Viện nghiên cứu Bản đồ viện trợ nước ngoài Lowy, Trung Quốc đã tăng đáng kể các cam kết viện trợ tích lũy trong giai đoạn từ 2006-2016 lên 1,78 tỷ USD [148]. Để giành lại ảnh hưởng của mình, tháng 2/2019, Thủ tướng Australia Morrison đã đi thăm Vanuatu và Fiji, tăng viện trợ cho các đảo quốc Nam Thái Bình Dương, đồng thời nghiên cứu cùng Mỹ và Papua New Guinea phát triển một căn cứ Hải quân trên đảo Manus của Papua New Guinea [167]. Các đảo quốc Thái Bình Dương nhận đươc 31% tổng số viện trợ nước ngoài của Australia trị giá 3,1 tỷ USD. Australia, New Zealand và Mỹ đã tuyên bố thiết lập cơ chế Đối thoại hợp tác an ninh Thái Bình Dương vào tháng 6/2018 "để thảo luận về một loạt các thách thức an ninh và các lĩnh vực có thể tăng cường hợp tác với các nước Thái Bình Dương trong đối phó với các thách thức chung của khu vực" [210].

Dưới thời D.Trump, quan hệ giữa hai nước cũng có lúc trở nên bất định [208], nhưng trong quan điểm chiến lược của Australia, Mỹ vẫn đối tác chiến lược quan trọng nhất và là nhân tố chính cho ổn định ở khu vực CÁ-TBD. Quan hệ quốc phòng song phương Mỹ - Australia cũng như các kết nối đa phương ngày càng phát triển, được thể hiện qua các hoạt động tập trận chung như cuộc tập trận Talisman Sabre gồm 34.000 binh lính từ Mỹ, Australia, Canada, Nhật Bản, New Zealand, Anh và các quan sát viên từ Hàn Quốc, Ấn Độ [168]. Nghiên cứu của Viện Lowy cho thấy, 73% người Australia đánh giá liên minh với Mỹ "là sự mở rộng tự nhiên các giá trị và lý tưởng của Australia" [121]. Một nghiên cứu của Trung tâm nghiên cứu Mỹ, Đại học Sydney lo ngại rằng "Mỹ không còn muốn đóng vai trò chi phối quân sự ở ÁĐD-TBD và khả năng duy trì cân bằng quyền lực có lợi cho Mỹ đang ngày càng thiếu chắc chắn". Trên cơ sở đó, báo cáo khuyến nghị "một chiến lược phòng thủ tập thể là đặc biệt cần thiết để bù đắp những thiếu

hụt về sức mạnh quân sự khu vực của Mỹ và kiềm chế ảnh hưởng đang lên của Trung Quốc" [16].

Nhìn chung, Australia đang đối phó với sự bất ổn địa chính trị ngày càng tăng và sự trỗi dậy của Trung Quốc ở khu vực ẤĐD-TBD bằng cách duy trì mối quan hệ đồng mình mạnh mẽ với Mỹ, tăng chi tiêu quốc phòng (tăng thêm 2,3 tỷ AUD thành 38,7 tỷ AUD trong năm tài khóa 2019-2020 và dự kiến sẽ lên 48,7 tỷ AUD trong năm tài khóa 2022-2023) [189], mua các hệ thống vũ khí trọng yếu từ nhiều nhà cung cấp khác nhau (như mua 72 tiêm kích cơ hỗn hợp F35 từ Mỹ), đồng thời tìm kiếm phát triển mối quan hệ đối tác chiến lược với Nhật Bản, Ấn Độ. Trong đó, đáng chú ý là việc Australia cùng với Mỹ, Anh thiết lập Thỏa thuận Quốc phòng ba bên mang tên AUKUS giúp Australia phát triển và triển khai tàu ngầm hạt nhân, làm tăng thêm sự hiện diện quân sự của phương Tây ở khu vực Thái Bình Dương.

Có thể nói, các động thái của Australia liên quan đến các vấn đề an ninh quân sự trong hợp tác với Mỹ là rất nhất quán. Tất cả những hành động trên thể hiện thái độ ủng hộ rõ ràng đối với rõ ràng đối với Chiến lược ẤĐD-TBD của Mỹ.

**Ấn Độ*

Về cơ bản, Ấn Độ hoan nghênh Chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở của Mỹ, đồng thời chống lại Trung Quốc trong hầu hết các lĩnh vực, điển hình là việc không tham gia BRI. Quan điểm ủng hộ Chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở của Mỹ ngay từ đầu của New Delhi có một phần từ việc hưởng lợi do được Mỹ nâng tầm vai trò toàn cầu trong một cấu trúc địa lý mà cái tên "Ấn Độ" là một phần quan trọng trong đó. Tuy nhiên, dù quan tâm đến việc hợp tác chặt chẽ hơn với Mỹ trong khuôn khổ Chiến lược này, nhưng Ấn Độ vẫn không từ bỏ hoàn toàn quan điểm "không liên kết" mà nước này đã duy trì trong suốt thời kỳ Chiến tranh Lạnh (gần đây Ấn Độ đổi tên cách tiếp cận này là tự chủ chiến lược hoặc chính sách đối ngoại theo hướng thực dụng, hướng đến kết quả) [118]. Ấn Độ tiếp tục ủng hộ chủ nghĩa đa phương và tìm kiếm biện pháp cân bằng quan hệ với Mỹ và nước láng giềng Trung Quốc. New Delhi coi Trung Quốc là một đối thủ mạnh hơn cả về chính trị và kinh tế, đồng thời lo ngại việc nước này tăng cường hiện diện và ảnh hưởng ở Nam Á và khu vực Ấn Độ Dương. Vì vậy, Thủ tướng Modi đưa ra

một tầm nhìn riêng về một ẤĐD-TBD tự do, rộng mở và bao trùm, trong đó coi Nga, Nhật Bản, Australia và các nước khác trong khu vực ẤĐD-TBD là những đối trọng tiềm năng trước ảnh hưởng của Trung Quốc nhưng vẫn cảnh giác gia nhập các cấu trúc an ninh mà mục đích là để kiềm chế Trung Quốc. Vì vậy, mặc dù bày tỏ ủng hộ Chiến lược ẤĐD-TBD của Mỹ, nhưng cách tiếp cận của Ấn Độ có những điểm khác biệt so với các thành viên còn lại trong nhóm Bộ Tứ. Điều này được thể hiện trong bài phát biểu của Thủ tướng Modi tại Đối thoại Shangri-la năm 2018, trong đó nhấn mạnh yếu tố "bao trùm", không loại trừ nước nào trong phạm vi địa lý ẤĐD-TBD, những nước cùng theo đuổi tiến bộ và thịnh vượng; Ấn Độ không xem ẤĐD-TBD là một chiến lược hay một câu lạc bộ với một số lượng hạn chế thành viên; Ấn Độ không xem ẤĐD-TBD là một chỉ dẫn địa lý để chống lại bất kỳ quốc gia nào, hay một nhóm đi tìm kiếm sự thống trị [82].

Trong đối sách với Chiến lược ẤĐD-TBD của Mỹ, Ấn Độ đang cho thấy những bước đi đầy thận trọng và khôn khéo. Hầu hết các đánh giá đều cho rằng chiến thắng của Thủ tướng Modi và đảng BJP trong kỳ bầu cử Quốc hội mùa xuân năm 2019 đã trao đặc quyền đối nội và đối ngoại cho Modi để ông có thể tự tin chống lại sự quyết đoán của Trung Quốc, đồng thời tiến gần hơn đến Mỹ trong khi không từ bỏ cách tiếp cận đa phương [126]. Tuy nhiên, giới hạn cho một mối quan hệ gần gũi hơn giữa Mỹ và Ấn Độ vẫn còn: Nhiều nhà hoạch định chính sách và tư tưởng chiến lược Ấn Độ tin rằng lợi ích quốc gia của Ấn Độ là phải tiếp tục tăng cường quan hệ với Nga và Iran và do đó cho rằng sẽ có những giới hạn nếu New Delhi theo đuổi những "lợi ích ngắn hạn với Washington" [198].

4.2.2.3. Các nước đồng minh, đối tác khác

** Hàn Quốc*

Vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên là mối quan ngại lớn nhất và CHDCND Triều Tiên là đối tượng tác chiến lớn nhất của liên minh Mỹ - Hàn. Trước khi D.Trump lên nắm quyền và tuyên bố về Chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở, Triều Tiên liên tục có những phát triển mới, củng cố năng lực hạt nhân, tên lửa đạn đạo liên lục địa có tầm bắn vươn tới lãnh thổ Mỹ. Năm 2016, Triều Tiên có bước tiến lớn khi tuyên bố đã thử nghiệm thành công tên lửa đạn đạo gắn đầu đạn hạt nhân có thể vươn tới lục địa Mỹ. Dù có cách tiếp cận khác nhau,

nhưng từ đầu năm 2018, cả D.Trump và người đồng cấp Moon Jae-in đều có mục tiêu chung là can dự tích cực hơn nhằm thay đổi chiến lược sử dụng răn đe hạt nhân của Triều Tiên. Khi đó Chủ tịch Triều Tiên Kim Jong-un tuyên bố nước này sẽ dừng chương trình hạt nhân và thử nghiệm tên lửa tầm xa cũng như sẵn sàng bước vào các vòng đàm phán phi hạt nhân hóa trên bán đảo Triều Tiên. Đến năm 2019, Kim Jong-un đã có ba cuộc gặp cấp cao với D.Trump (lần đầu tại Singapore ngày 12/6/2018, lần 2 tại Hà Nội ngày 28/2/2019, lần 3 tại Khu phi quân sự trên bán đảo Triều Tiên giữa D.Trump, Moon Jae-in và Kim Jong-un ngày 30/6/2019). Tuy nhiên, nỗ lực phi hạt nhân hóa đã chấm dứt sau hội nghị Thượng đỉnh Mỹ - Triều lần 2 tại Hà Nội mà không có thỏa thuận nào được ký kết. Hai bên bất đồng về phạm vi phi hạt nhân hóa cũng như những nhượng bộ tương ứng từ việc Mỹ dỡ bỏ cấm vận đối với Triều Tiên. Từ tháng 5/2019, Triều Tiên tiếp tục thử nghiệm hàng loạt tên lửa đạn đạo tầm ngắn, vi phạm các lệnh cấm của HĐBAA LHQ. Tháng 12/2019, Kim Jong-un tuyên bố nếu còn lệnh cấm vận, sẽ không bao giờ từ bỏ chương trình hạt nhân, đồng thời chỉ trích Mỹ tiếp tục khiêu khích Triều Tiên khi tổ chức tập trận chung với Hàn Quốc và cho biết sẽ phát triển một loại "vũ khí chiến lược mới" để đối phó với liên minh Mỹ - Hàn.

Về quan hệ an ninh, Hàn Quốc nằm dưới sự bảo vệ của cái ô hạt nhân của Mỹ và chi trả 50% phí đồn trú của lính Mỹ trên lãnh thổ nước này (khoảng 800 triệu USD mỗi năm). Đến ngày 07/3/2021, theo thông báo của BNG Mỹ, Hàn Quốc đã đồng ý tăng đóng góp tài chính cho lực lượng đồn trú Mỹ theo tinh thần Thỏa thuận các biện pháp đặc biệt (SMA) được ký giữa hai nước. Trước đó, phía Hàn Quốc đã đề xuất sẽ tăng thêm 13% chi phí đóng quân Mỹ, nhưng vẫn còn khoảng cách quá xa so với yêu cầu của D.Trump (đề nghị Hàn Quốc tăng 400% mức đóng góp để duy trì 28.500 quân Mỹ tại đây) [158]. Không chỉ với Hàn Quốc, vì vấn đề chi phí, D.Trump đã gây nhiều xung đột với các đồng minh trên phạm vi toàn cầu. Bên cạnh đó, để tạo thuận lợi cho các vòng đàm phán với Triều Tiên, D.Trump đã hủy nhiều cuộc tập trận chung đã được lên kế hoạch với Hàn Quốc. Cùng với những diễn biến phức tạp do dịch Covid-19 gây ra, dư luận Hàn Quốc tỏ ra hoài nghi về những cam kết của D.Trump đối với khu vực và hòa bình trên bán đảo Triều Tiên.

** Các nước ASEAN*

Về mặt địa lý, Đông Nam Á được xác định là trung tâm của khu vực ẤĐD-TBD, là nơi mà các cường quốc, can dự, tập hợp lực lượng nhằm kiềm chế, ngăn chặn lẫn nhau. Các nước ASEAN không thể tránh khỏi việc trở thành đối tượng lôi kéo giữa Mỹ và Trung Quốc. Có thể nói Chiến lược ẤĐD-TBD đang tác động đến các nước ASEAN ở nhiều khía cạnh và mức độ, dẫn đến mức độ phản ứng khác nhau của các nước này với Chiến lược do Mỹ triển khai. Giống như bản chất của chính ASEAN, quan điểm và phản ứng của các quốc gia thành viên tổ chức này đối với Chiến lược ẤĐD-TBD rất đa dạng và không hoàn toàn thống nhất. Dựa theo lợi ích và tính toán riêng, mỗi nước ASEAN đang có những thái độ đối xử riêng đối với Chiến lược. Indonesia là nước ủng hộ mạnh mẽ các quan niệm về ẤĐD-TBD đồng thời tự coi mình là ở trung điểm địa lý nối khu vực Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương. Tuyên bố Tầm nhìn ASEAN về ẤĐD-TBD là một sáng kiến được thúc đẩy mạnh mẽ nhất bởi Indonesia [51]. Tại Đối thoại Toàn cầu của CSIS (Trung tâm Nghiên cứu Quốc tế và Chiến lược Indonesia) ngày 8/5/2019 tại Jakarta, Ngoại trưởng Indonesia Retno Marsudi đã nhắc đến hợp tác giữa ASEAN với Chiến lược ẤĐD-TBD, trong đó đề cao vai trò trung tâm của ASEAN đối với chiến lược này. Tuy nhiên, với tư cách là người sáng lập và lãnh đạo Phong trào Không liên kết, Indonesia luôn do dự trong việc tăng cường quan hệ đối tác an ninh với cả Mỹ và Trung Quốc. Các quốc gia như Việt Nam, Thái Lan, Lào, Myanmar cũng cho thấy thái độ tương tự đối với Chiến lược. Điều này xuất phát từ mối quan hệ gắn kết của họ với Trung Quốc quá lớn, từ vị trí địa lý đến các mối quan hệ kinh tế, xã hội khác. Ví dụ, xét bề ngoài, Chiến lược ẤĐD-TBD của Mỹ khá tương thích với các lợi ích quốc gia của Việt Nam. Với tư cách là một trong những quốc gia tham gia trực tiếp vào tranh chấp Biển Đông, đồng thời cũng là một trong các đối tượng dễ bị tổn thương nhất trước sức mạnh và sự quyết đoán đang gia tăng của Trung Quốc, Việt Nam sẽ được hưởng lợi từ một trật tự khu vực dựa trên luật pháp và không tồn tại sự cưỡng ép. Như vậy, mong đợi Việt Nam sẽ ủng hộ chiến lược này là có cơ sở. Tuy nhiên, phản ứng của Việt Nam đối với chiến lược trong giai đoạn cầm quyền của D.Trump vẫn không thực sự rõ ràng. Những nước nằm trong tầm ảnh hưởng lớn của Trung Quốc như Philippines,

Malaysia và Campuchia cũng hạn chế việc bày tỏ quan điểm. Dù chưa đưa ra tuyên bố chính thức; nhưng trong một phát biểu vào ngày 15/11/2018, thủ tướng Malaysia Mahathir Mohamad cho rằng sẽ hoan nghênh chiến lược này nếu nó không bao gồm việc gửi Hạm đội 7 của Mỹ vào khu vực [153]. Với trường hợp Philippines, dù là đồng minh chiến lược của Mỹ, nhưng do những mâu thuẫn trong thời gian gần đây như việc BNG Mỹ chỉ trích về cuộc chiến chống ma túy của Philippines cũng như những ràng buộc lớn về kinh tế với Trung Quốc mà hiện tại những chính sách của Tổng thống Duterte có xu hướng xa rời Mỹ. Điều này kéo theo những phản ứng không tích cực đối với Chiến lược ẤĐD-TBD, Duterte thậm chí còn cho rằng sự hiện diện của Mỹ và các nước đồng minh chỉ làm gia tăng căng thẳng và phức tạp thêm tình hình khu vực, xáo trộn và gây ảnh hưởng tiêu cực đến các nỗ lực giải quyết vấn đề giữa Bắc Kinh và ASEAN. Singapore là một trong những đối tác an ninh quan trọng nhất của Mỹ ở Đông Nam Á. Tuy nhiên, trong khi thúc giục sự can dự của Mỹ ở châu Á, nước này cũng đã thận trọng cảnh báo rằng những luận điệu chống Trung Quốc hoặc những nỗ lực kiềm chế sự trỗi dậy của Trung Quốc sẽ phản tác dụng. Trong một bài phát biểu vào tháng 5/2019 tại Washington DC, Bộ trưởng Ngoại giao Singapore Vivian Balakrishnan cho biết "căn cứ vào toàn bộ các vấn đề đòi hỏi sự hợp tác giữa Mỹ và Trung Quốc, việc coi Trung Quốc là một đối thủ cần kiềm chế sẽ không hiệu quả trong dài hạn" [188]. Trước đó, vào tháng 5/2018, khi được hỏi về quan điểm của Singapore với Chiến lược ẤĐD-TBD của Chính quyền D.Trump, Balakrishnan cũng khẳng định: "cái gọi là ẤĐD-TBD mở và tự do vẫn chưa giải quyết được những câu hỏi mà Singapore đã đặt ra... Singapore không bao giờ ký vào bất kỳ thứ gì trừ khi chúng tôi biết chính xác nó có nghĩa gì" [207].

Nhìn chung, dù được đích thân Tổng thống D.Trump nhiều lần tán dương và khẳng định vai trò quan trọng của ASEAN trong Chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở, nhưng ASEAN phản ứng tương đối cẩn trọng, đủ để thể hiện có sự quan tâm đến chiến lược của Mỹ, nhưng không làm mất lòng Trung Quốc và đặc biệt không làm chia rẽ nội bộ khối. Làm thế nào để tạo được một ASEAN đoàn kết, có sự đồng thuận cao trong một số vấn đề then chốt, giữ được vai trò trung tâm trong cấu trúc an ninh khu vực và không bị kéo vào vòng xoáy cạnh tranh chiến

lược giữa các nước lớn vẫn là những ưu tiên hàng đầu của ASEAN.

4.3. DỰ BÁO TƯƠNG LAI CỦA CHIẾN LƯỢC

Việc dự báo về tương lai của chiến lược tương đối khó khăn và tùy thuộc nhiều vào 4 yếu tố, đó là: Cơ hội, thách thức bên ngoài; Thuận lợi, khó khăn bên trong. Trong đó:

*** Về những cơ hội và thách thức bên ngoài:**

Lợi thế bên ngoài lớn nhất đối với việc triển khai Chiến lược là việc các nước đồng minh và đối tác ở khu vực ÁĐD-TBD vẫn cần đến Mỹ. Mặc dù Trung Quốc đang từng bước xác lập địa vị của mình ở ÁĐD-TBD nhưng Mỹ vẫn là lựa chọn khó thay thế cho vai trò lãnh đạo khu vực nói riêng và thế giới nói chung. Mặt khác việc liên tục nâng cao sức mạnh quân sự cộng với chính sách bá quyền cùng những yêu sách lãnh thổ ở nhiều khu vực của Trung Quốc đã động chạm đến an ninh và lợi ích thiết thân của khá nhiều quốc gia trong khu vực, trong đó có những cường quốc như Nhật Bản, Ấn Độ... Nói cách khác, sự can dự và cam kết của Mỹ vẫn được nhiều nước kỳ vọng nhằm tạo nên một đối trọng ôn hòa để kiềm chế sự trỗi dậy của Trung Quốc.

Không chỉ vậy, tầm nhìn về một khu vực mở và tự do của Mỹ được nhiều quốc gia chia sẻ. Nhìn chung, các nước đều muốn thiết lập một trật tự mà trong đó mình có tiếng nói và thực sự được tham gia vào việc kiến thiết và vận hành trật tự khu vực chứ không phải hoàn toàn lệ thuộc vào một cường quốc cụ thể nào. Đặc biệt, các nước Đông Nam Á rất tích cực theo đuổi mục tiêu đóng vai trò trung tâm của khu vực. Thêm vào đó, các giá trị Mỹ nói chung như tự do cũng được chia sẻ bởi khá nhiều nước.

Tuy nhiên, việc các nước trong khu vực cần Mỹ không đồng nghĩa với việc đặt hoàn toàn niềm tin vào vai trò lãnh đạo của cường quốc số một thế giới. Tương lai của sự lãnh đạo của Mỹ ở khu vực ÁĐD-TBD phụ thuộc vào mạng lưới các đồng minh trong khu vực. Ở mức độ nào đó, Mỹ đang ngày càng trở nên xa dần các đối tác châu Á của mình. Ví dụ ở khu vực Đông Nam Á: một nghiên cứu gần đây lấy ý kiến của giới tinh hoa Đông Nam Á cho thấy 51,1% tin rằng quyền lực Mỹ suy giảm, hơn 21,2% cho rằng ảnh hưởng của Mỹ không thay đổi, và đáng báo động có tới 68% số người được hỏi cảm thấy sự can dự của Mỹ với ASEAN dưới

thời D.Trump đã suy giảm [151]. Độ đáng tin cậy của Washington ở khu vực vực ÁĐD-TBD là một câu hỏi bỏ ngỏ, theo đó, các đồng minh và đối tác của Mỹ có thể tìm cách "phòng bị nước đôi". Thực tế là nhiều nước trong khu vực vừa thúc đẩy quan hệ với Mỹ, vừa tìm cách tìm kiếm các liên kết khác để giảm tính lệ thuộc vào tình trạng không ổn định trong chính sách của Chính quyền D.Trump. Trong khi đó, Trung Quốc tận dụng tình trạng đan xen lợi ích kinh tế giữa hai nước để giảm thiểu khả năng Mỹ mạnh tay trừng phạt kinh tế hơn, đồng thời trả đũa Mỹ trên nhiều lĩnh vực. Ngoài ra, nguồn lực và sự tập trung của Mỹ cũng có thể bị phân tán do Mỹ phải quan tâm đến lợi ích và bị động trước diễn biến tình hình ở các khu vực khác nhau trên thế giới.

Một thách thức khác đối với Chiến lược là mức độ phản ứng và ảnh hưởng ở khu vực của Trung Quốc. Vị thế của Trung Quốc đối với khu vực là một trong những trở ngại lớn nhất của Chiến lược. Trung Quốc hiện là đối tác thương mại và nguồn du lịch lớn nhất của khu vực, đặc biệt, ở Đông Nam Á Trung Quốc còn là nhà đầu tư lớn, nhà tài trợ viện trợ và đối tác cơ sở hạ tầng lớn nhất. Sự phụ thuộc quá mức vào Trung Quốc còn khiến cho Đông Nam Á có khả năng trở thành "sân sau" của Trung Quốc. Vì vậy, việc đẩy các nước trong khu vực vào tình thế phải lựa chọn hoặc Mỹ hoặc Trung Quốc có thể gây nên những tác dụng ngược không mong muốn cho Chiến lược. Đặc biệt trong tình thế Trung Quốc ngày càng có xu hướng gia tăng sử dụng các biện pháp trừng phạt kinh tế để đạt được mục tiêu chính sách và dựa vào ảnh hưởng lớn của mình để can dự vào chính trị và xã hội của các nước có liên quan. Các quốc gia Đông Nam Á sẽ đều không muốn bị vướng vào một cuộc cạnh tranh quyền lực lớn, mà nếu trở nên tồi tệ, có thể biến ngôi nhà của họ thành chiến trường. Ở Biển Đông đang tranh chấp, ASEAN vẫn có thái độ thận trọng vì nhận thấy khả năng hạn hẹp của Mỹ trong việc trừng phạt các hành động gây hấn hoặc quyết đoán của Trung Quốc. Các nước Đông Nam Á lo ngại về việc phụ thuộc quá nhiều vào một cường quốc nước ngoài quá xa cách về mặt địa lý để đối phó với mối nguy gần kề. Tình hình tương tự ở Nam Á nơi Sáng kiến BRI cũng như Cộng đồng chung vận mệnh của Trung Quốc đang được công nhận rộng rãi.

Phản ứng tiêu cực của Trung Quốc đối với Chiến lược cũng là trở ngại lớn.

Việc đưa ra các giá trị dân chủ, tự do, rộng mở, trật tự dựa trên luật pháp... mang tính cốt lõi của Chiến lược ẤĐD-TBD, có thể được xem là động thái tấn công nhằm Trung Quốc trước những cáo buộc về vi phạm dân chủ nhân quyền, quân sự hóa các đảo tranh chấp.... Đồng thời, có thể không đem lại hiệu quả thiết thực trong một khu vực vốn rất đa dạng về văn hóa và thể chế chính trị và có lịch sử quan hệ với các nước lớn phức tạp (đô hộ, chiến tranh, ý thức hệ, phe cánh và phong trào không liên kết) vốn tồn tại lâu dài trong khu vực.

Thêm vào đó, Ấn Độ, một cường quốc khu vực, được Mỹ kỳ vọng neo giữ hợp tác Bộ Tứ để kiềm chế Trung Quốc, sẽ khó chấp nhận trở thành "quân cờ" của Mỹ. Ngược lại, nếu có chính sách cân bằng tốt, Ấn Độ có thể hưởng lợi trực tiếp từ cả Mỹ và Trung Quốc, thay vì chỉ có Mỹ. Hơn nữa, Ấn Độ còn là quốc gia thành viên của các tổ chức mà Trung Quốc cũng tham gia và có vai trò sáng lập, như nhóm các nền kinh tế đang lên BRICS (Brazil, Nga, Ấn Độ, Trung Quốc và Nam Phi), Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO) và đang được hưởng rất nhiều lợi ích từ các tổ chức này. Thủ tướng Modi từng phát biểu sẽ không xem ẤĐD-TBD là một chiến lược để chống lại bất kỳ quốc gia nào. Nếu không có sự ủng hộ của Ấn Độ, Chiến lược ẤĐD-TBD của Mỹ sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

*** Về những thuận lợi và khó khăn bên trong:**

Bên cạnh tác động của các yếu tố bên ngoài, tương lai của Chiến lược cũng phụ thuộc vào một vài điều kiện bên trong. Có một số thuận lợi trong việc triển khai chiến lược đối ngoại nói chung và Chiến lược ẤĐD-TBD nói riêng.

Trong nội bộ, mục tiêu kiềm chế Trung Quốc và duy trì vị trí lãnh đạo của Mỹ là mục tiêu chung của nước Mỹ bất kể đảng nào lên nắm quyền. Chính vì vậy, cho dù Nhà trắng có thay đổi đảng hay người cầm quyền thì mục tiêu chính sách đối với khu vực cũng không thể có sự đảo chiều hoàn toàn. Chiến lược này nhiều khả năng vẫn là một điểm cốt lõi trong chính sách an ninh khu vực của Mỹ trong những năm tới do xu hướng tiếp tục tăng cường cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc.

Mặc dù suy giảm tương đối về thế và lực, song Mỹ vẫn tiếp tục là siêu cường toàn diện, duy nhất trên thế giới về thực lực và tầm ảnh hưởng. Mỹ vẫn là nền kinh tế lớn nhất thế giới (dự đoán ít nhất đến năm 2030); có lực lượng quân sự

lớn và được trang bị hiện đại nhất thế giới, đặc biệt về Không quân và Hải quân. Chi tiêu quốc phòng của Mỹ lớn nhất thế giới, chiếm gần 50% chi phí quân sự toàn cầu (năm 2017 là 618,7 tỷ USD, bằng tổng chi tiêu của 12 nước tiếp sau). Mỹ là quốc gia duy nhất có hệ thống đồng minh quân sự toàn cầu với gần 800 căn cứ quân sự tại 38 quốc gia và vùng lãnh thổ với khoảng 200.000 quân (chiếm hơn 15% tổng số Quân đội Mỹ), do đó là quốc gia duy nhất có khả năng triển khai quân đội đến các khu vực khác nhau trên thế giới thông qua hệ thống đồng minh/đối tác và căn cứ quân sự ở nước ngoài. Mỹ vẫn dẫn đầu thế giới về khoa học - công nghệ, đặc biệt trong các lĩnh vực khoa học - công nghệ của tương lai, như trí tuệ nhân tạo, internet vạn vật, công nghệ sinh học.

Tuy nhiên, bên cạnh đó, vẫn có những thách thức với Chiến lược. Đầu tiên là xã hội Mỹ bị chia rẽ sâu sắc do hệ quả của một cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ với nhiều biến cố chưa từng xảy ra (như việc người ủng hộ D.Trump xông vào tấn công Đồi Capitol để phản đối kết quả bầu cử có lợi cho Joe Biden). Ngay khi lên nắm quyền, D.Trump đã xóa bỏ những di sản đối nội và đối ngoại quan trọng của chính quyền tiền nhiệm Obama, làm mất lòng những người ủng hộ Obama. D.Trump thậm chí còn bị xem xét luận tội do dính dáng đến can thiệp bầu cử từ Nga và sau này là tội kích động bạo loạn. Nội bộ Mỹ dưới thời của Chính quyền Tổng thống D.Trump phức tạp và chia rẽ chưa từng thấy; cá tính của Tổng thống D.Trump cũng làm tăng tính bất định trong chính sách của Mỹ; bộ máy nhân sự của chính quyền chậm được hoàn thiện, thiếu nhiều nhân sự cấp cao, có nhiều bất hòa giữa các phe phái và thường xuyên biến động. Tất cả những điều này đã đưa đến chiến thắng cho Joe Biden - Tổng thống thứ 46 của Mỹ với 306 phiếu Đại cử tri [197]. Việc một tổng thống thuộc đảng đối lập với tư tưởng và lối tư duy khác hẳn D.Trump cầm quyền làm dấy lên lo ngại sẽ tạo nên tác động lớn đối với Chiến lược ẤĐD-TBD (Tuy nhiên, thực tế cho thấy, chính quyền Joe Biden vẫn tiếp tục thực hiện chiến lược do chính quyền tiền nhiệm công bố, có bổ sung và điều chỉnh cho phù hợp với tình hình mới, đặc biệt về nâng cao vai trò và sát cánh cùng các đồng minh khu vực).

Sức mạnh quốc gia tổng thể của Mỹ nhìn chung cũng đang suy giảm, nên việc hỗ trợ các mục tiêu của Chiến lược ẤĐD-TBD sẽ trở nên khó khăn hơn. Đặc

biệt, về mặt an ninh quân sự, giới hoạch định quân sự cho rằng có khoảng cách giữa mức độ sẵn sàng can dự của Mỹ so với mức độ sẵn sàng của Nga và Trung Quốc. Cách tiếp cận của Mỹ đã bị cản trở do hạn chế nguồn lực cũng như hạn chế trong công tác phối hợp giữa các nhà hoạch định chính sách và lĩnh vực tư nhân.

*** Dự báo tương lai của Chiến lược:**

Dựa trên những kết quả phân tích và tổng hợp những khó khăn và thách thức đối với Chiến lược cũng như nhận xét rút ra về cạnh tranh Mỹ - Trung từ nay đến năm 2030, có thể xuất hiện một số kịch bản sau đối với tương lai Chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở:

Kịch bản 1: Mỹ tiếp tục triển khai chiến lược nhưng không chú trọng vào khía cạnh an ninh quân sự mà chỉ tập trung vào khía cạnh kinh tế và quản trị để tránh mất kiểm soát trong quan hệ với Trung Quốc.

Giả định của kịch bản này là Mỹ thất bại trong việc kiềm chế sự phát triển và sức mạnh của Trung Quốc trên hầu khắp các lĩnh vực, đặc biệt là thực lực quân sự trong khu vực. Việc Mỹ triển khai chiến lược trên khía cạnh an ninh quân sự không những không làm Trung Quốc mất vị thế mà còn khiến Trung Quốc ngày càng mạnh hơn, quyết đoán hơn. Không chỉ vậy, những vấn đề bộc lộ trong nước, như tác động của đại dịch Covid-19,... buộc Mỹ phải tập trung nguồn lực và sự ưu tiên để giải quyết, trong đó ưu tiên vào hợp tác để phục hồi kinh tế. Hoặc sự khác biệt trong tư duy chiến lược của thế hệ lãnh đạo kế nhiệm dẫn đến việc siêu cường này phải từ bỏ cuộc đấu tranh với Trung Quốc trên mặt trận ẤĐD-TBD. Việc từ bỏ khía cạnh an ninh quân sự và rời khỏi khu vực đồng nghĩa với việc giảm mức độ cam kết của Mỹ đối với các nước đồng minh và đối tác nói chung. Các đồng minh và đối tác, khi không còn sự bảo trợ của Mỹ sẽ phải lựa chọn giữa hai phương án là đẩy mạnh quan hệ với Trung Quốc, chấp nhận vị trí lãnh đạo của nước này với khu vực hoặc tiếp tục đi theo hướng ngược lại trong bối cảnh đơn độc, không còn sự ủng hộ từ sức mạnh Mỹ.

Với phương án đầu tiên, việc đẩy mạnh quan hệ hữu hảo với Trung Quốc sẽ làm giảm căng thẳng giữa Trung Quốc với các nước này. Bước đầu tạo điều kiện để Trung Quốc thiết lập trật tự khu vực của mình. Sự hiện diện và ảnh hưởng của Mỹ ở khu vực, đặc biệt là trong lĩnh vực quân sự, giảm cũng có nghĩa là những

căng thẳng chính trị - quân sự trong khu vực có khả năng suy giảm, cả về số lượng cũng như mức độ. Điều này là bởi vì các nước đồng minh, đối tác không còn được bảo vệ, tình hình khu vực không còn được điều chỉnh bởi cường quyền Mỹ nên tính dễ tổn thương của các quốc gia tăng lên, nên phải điều chỉnh mức độ cứng rắn trong hành động, tránh để xung đột leo thang.

Mặt khác, việc Mỹ rút khỏi khu vực và để lại khoảng trống quyền lực không nhất thiết diễn tiến theo chiều hướng là Trung Quốc sẽ tiếp quản khoảng trống này. Các cường quốc đồng minh, đối tác của Mỹ cũng có khả năng liên kết lại với nhau chặt chẽ hơn nữa nhằm hình thành một liên minh mới. Do lo ngại sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc, Nhật Bản, Australia, Ấn Độ cùng các nước khác có thể sẽ liên kết để tạo thành một trật tự khu vực vì lợi ích chung.

Tuy nhiên, dựa trên tình hình thực tế thì kịch bản này đã đúng một phần, khi Mỹ bên cạnh tiếp tục triển khai các nội dung về mặt an ninh quân sự, cũng thúc đẩy Sáng kiến "khuôn khổ kinh tế ÂDĐ-TBD vì thịnh vượng" (IPEF) được Tổng thống Joe Biden công bố ngày 23/5/2022 nhân dịp thăm chính thức Nhật Bản. Dù có bất cứ Tổng thống nào cầm quyền hay chính phủ bị chi phối bởi đảng phái nào thì những lợi ích thiết thân của Mỹ đều vẫn nằm ở khu vực ÁĐD-TBD và sự tồn tại của Trung Quốc đang xâm phạm đến những lợi ích này. Chính vì vậy, việc triển khai chiến lược nhằm kiềm chế Trung Quốc sẽ là một trong những mục tiêu ưu tiên của Mỹ.

Kịch bản 2: Mỹ tiếp tục thực hiện Chiến lược, tiếp tục coi an ninh quân sự là trọng tâm để củng cố lực lượng và kiềm chế Trung Quốc, đảm bảo cho Mỹ và đồng minh an tâm, an toàn trước sự phát triển lớn mạnh của Trung Quốc.

Kịch bản này dựa trên giả định rằng Mỹ vẫn duy trì hiện trạng khu vực nhưng đang bị tác động nặng nề bởi đại dịch Covid-19, khiến chính quyền Joe Biden phải cân bằng trong giải quyết các vấn đề bên trong và bên ngoài, nhưng vẫn coi sức mạnh quân sự là ưu tiên số một cần củng cố để khẳng định vị thế siêu cường số một thế giới của Mỹ. Tuy nhiên, do chịu tác động từ những khó khăn bên trong và bên ngoài, sức mạnh không nghiêng hẳn về Mỹ hoặc Trung Quốc mà sẽ ở thế cân bằng. Trung Quốc tiếp tục phát triển nhưng không đủ để vượt qua Mỹ. Mỹ buộc phải vừa hợp tác, vừa cạnh tranh với Trung Quốc trên các lĩnh vực, đồng thời

coi kiểm soát Trung Quốc về mặt quân sự là ưu tiên số một, nhưng chỉ triển khai ở mức độ vừa phải, đủ để duy trì sự hiện diện và vị thế của Mỹ ở khu vực. Mỹ tiếp tục xây dựng niềm tin với các đồng minh và đối tác ÁĐD-TBD, thu hút, lôi kéo thêm đồng minh để củng cố lực lượng, đồng thời, tiếp tục ngăn chặn, kiềm chế Trung Quốc trong khả năng có thể. Mặc dù vẫn chủ trương theo đuổi một trật tự khu vực mà trong đó Mỹ đóng vai trò chủ đạo, chi phối nhưng cường quốc này sẽ ngày càng nhấn mạnh hơn đến vai trò của các nước đồng minh, đối tác và đòi hỏi sự chia sẻ trách nhiệm lớn hơn nữa của các nước này trong việc đảm bảo an ninh và trật tự ÁĐD-TBD. Trước những động thái triển khai Chiến lược của Mỹ, Trung Quốc cũng sẽ không ngừng nỗ lực gây dựng tầm ảnh hưởng của mình đối với các quốc gia trong khu vực, thậm chí với các đồng minh, đối tác của Mỹ. Khi đó, đa phần các nước sẽ gặp khó khăn trong cân bằng quan hệ với hai cường quốc. Trong kịch bản này, dù có thể có những thay đổi nhỏ, về cơ bản, mối quan hệ giữa các quốc gia trong khu vực vẫn được duy trì nguyên trạng. Đây cũng là kịch bản có nhiều khả năng xảy ra nhất.

Điều này được thể hiện rõ qua cách sắp xếp nhân sự bộ máy lãnh đạo đối ngoại, an ninh và quân sự của chính quyền Joe Biden ngay trong những ngày đầu nhậm chức, gồm Jake Sullivan (Cố vấn An ninh Quốc gia), Anthony Blinken (Ngoại trưởng), và Kurt Campbell (Điều phối viên chính sách Indo-Pacific). Đó là "bộ ba xe, pháo, mã" của "Team Biden" để điều hành chính sách đối ngoại, vẫn theo tầm nhìn ÁĐD-TBD, nhằm "xoay trục 2.0" sang châu Á. Tuy họ cũng có quan điểm cứng rắn với Trung Quốc, nhưng không cực đoan như phái "diều hâu". Ở cấp thấp hơn, Biden đã bổ nhiệm Ely Ratner làm trợ lý đặc biệt cho BTQP Loyd Austin, và đề cử đại sứ Daniel Krittenbrink làm trợ lý ngoại trưởng đặc trách khu vực Đông Á-Thái Bình Dương. Đó là những vị trí then chốt để định hình chính sách đối ngoại, tập trung đối phó với Trung Quốc ở khu vực ÁĐD-TBD, đồng thời chứng tỏ vị trí chiến lược quan trọng của Việt Nam và Biển Đông trong bàn cờ địa chính trị khu vực. Những quan chức này cũng sẽ chú trọng củng cố đồng minh và đối tác, dựa trên các hiệp ước cũ và cơ chế mới như Bộ Tứ và "Bộ Tứ Mở rộng" với Hàn Quốc, Việt Nam, New Zealand (Bộ Tứ+3). Tại Hội nghị Cấp cao đầu tiên của Bộ Tứ (12/3/2021), nguyên thủ 4 nước này đã ra tuyên bố chung và chương

trình hành động cụ thể nhằm tăng cường vai trò Bộ Tứ và từng bước thể chế hóa với các "tổ công tác" (working groups).

Có thể thấy, dưới thời Biden, kịch bản này ngày càng rõ nét hơn, điển hình như việc Mỹ rút toàn bộ quân khỏi Afghanistan để tập trung cho khu vực ẤĐD-TBD. Sau một năm cầm quyền, chính quyền Biden cơ bản kế thừa quan điểm của chính quyền tiền nhiệm về tầm nhìn tự do và rộng mở song bổ sung một số nội hàm như an toàn, thịnh vượng, đa dạng, bao trùm, lành mạnh… Trọng tâm của các hoạt động đối ngoại tập trung vào cạnh tranh nước lớn với Trung Quốc; củng cố quan hệ đồng minh, đối tác, cải thiện quan hệ với các nước thông qua các chuyến thăm,[10] hỗ trợ các nước ứng phó với dịch Covid-19, tăng cường hợp tác trên nhiều lĩnh vực an ninh - quốc phòng, năng lượng sạch, kinh tế - thương mại, biến đổi khí hậu, y tế…. Ngoài ra, Mỹ cũng tích cực can dự với khu vực thông qua các cơ chế đa phương, hay hợp tác ba bên, bốn bên về an ninh (nhóm Bộ Tứ, AUKUS, JUMPP…), trong đó đặc biệt coi trọng vai trò trung tâm của ASEAN và nối lại hoạt động tham dự cấp cao đối với khuôn khổ ASEAN-Mỹ, EAS (trong khi trước đó, Tổng thống D.Trump chỉ dự hội nghị này duy nhất một lần năm 2017). Trong báo cáo ẤĐD-TBD của chính quyền Joe Biden công bố tháng 02/2020, an ninh quân sự vẫn là trụ cột trong chiến lược kiềm chế Trung Quốc của Mỹ. Báo cáo khẳng định, *"Trung Quốc đang kết hợp sức mạnh kinh tế, ngoại giao, quân sự và công nghệ nhằm xây dựng tầm ảnh hưởng ở ẤĐD-TBD, cũng như hướng tới trở thành cường quốc có tầm ảnh hưởng lớn nhất thế giới. Các hành vi cưỡng ép và gây hấn của Trung Quốc trải rộng trên toàn cầu, nhưng gay gắt nhất là ở ẤĐD-TBD. Từ việc cưỡng ép kinh tế đối với Australia, cuộc xung đột tại Đường kiểm soát thực tế với Ấn Độ, cho đến sức ép ngày càng tăng đối với Đài Loan và các hành vi áp bức các nước láng giềng của Trung Quốc ở Biển Đông và Biển Hoa Đông; các đồng minh và đối tác của Mỹ trong khu vực đã phải trả những cái giá quá đắt cho những hành vi gây hại của Trung Quốc. Đồng thời, Trung Quốc cũng đang gây tổn hại đến nhân quyền và luật pháp quốc tế, bao gồm quyền tự do đi lại trên biển, cũng như những nguyên tắc mang lại ổn định và thịnh vượng cho ẤĐD-*

[10] Thứ trưởng Thứ nhất Bộ Ngoại giao Wendy Sherman thăm Indonesia, Campuchia, Thái Lan (6/2021); BTQP Lloyd Austin thăm Singapore, Việt Nam, Philippines (7/2021); Phó Tổng thống Kamala Harris thăm Singapore và Việt Nam (8/2021)

TBD" [107]. Điều này tiếp tục được khẳng định trong Chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở mới được công bố ngày 12/02/2022, cho thấy chính quyền Joe Biden có sự kế thừa chính quyền tiền nhiệm trong xác định mục tiêu, nội dung, biện pháp triển khai Chiến lược để tăng cường hiện diện khu vực và kiềm chế Trung Quốc. Đây là cách tiếp cận có sự kế thừa và tiếp nối, đặc biệt trên khía cạnh an ninh quân sự khá toàn diện và được các nước đồng minh chủ chốt của Mỹ đón nhận.

Kịch bản 3: Mỹ tăng cường lực lượng quân sự ở khu vực và đưa Chiến lược phát triển lên một cấp độ mới, coi an ninh là khía cạnh chính trong cạnh tranh Mỹ - Trung, đẩy Trung Quốc vào thế buộc phải chạy đua để tìm kiếm an ninh cho mình.

Kịch bản này dựa trên những giả định ngược với kịch bản 1. Trong kịch bản này thì Trung Quốc mới là nước bị khủng hoảng và không thể duy trì mức độ phát triển của mình. Trong khi đó, Mỹ giải quyết được những khó khăn nội tại, có khả năng duy trì ưu thế về các mặt kinh tế, quân sự, công nghệ... thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội do Covid-19 gây ra và những rạn nứt, chia rẽ thời kỳ hậu D.Trump và tiếp tục nắm giữ vị thế siêu cường của mình. Mặt khác, các chính sách nhằm kiềm hãm Trung Quốc của Mỹ mang lại hiệu quả tích cực và buộc Trung Quốc phải nhượng bộ Mỹ trong nhiều vấn đề. Mỹ tiếp tục gia tăng ảnh hưởng tại khu vực thông qua củng cố, tăng cường năng lực với các đồng minh, đối tác, tăng cường tập trận, điều thêm quân, vũ khí trang bị ở các nơi khác về ẤĐD-TBD. ẤĐD-TBD vẫn là khu vực tự do hàng hải và hàng không, được đảm bảo bởi Mỹ và các nước đồng minh, đối tác. Các đồng minh và đối tác ẤĐD-TBD thể hiện sự gắn kết mạnh mẽ hơn nữa trong quan hệ với Mỹ bởi siêu cường này nắm vai trò chi phối và đặt ra luật chơi cho khu vực. Sự cứng rắn và quyết tâm của Mỹ buộc Trung Quốc phải xuống thang, không còn thái độ quyết đoán ở các khu vực nhạy cảm có liên quan đến Mỹ.

Nếu kịch bản này xảy ra, có khả năng các căng thẳng tranh chấp lãnh thổ trong khu vực sẽ dịu đi, nhưng vẫn không được giải quyết hoàn toàn. Đồng thời, với vai trò lãnh đạo khu vực Mỹ sẽ thường xuyên khởi xướng các chương trình nghị sự nhằm giải quyết những tranh chấp này. Cách tiếp cận của Mỹ sẽ là đồng thời chủ động tăng cường quan hệ với đồng minh truyền thống, mở rộng và làm

sâu sắc thêm quan hệ với các đối tác mới nhằm nâng cao hơn nữa vị thế và sức ảnh hưởng của mình ở khu vực, nhưng đồng thời Mỹ buộc các nước có liên quan phải hoặc là tham gia vào một liên minh quân sự cứng với Mỹ, hoặc là đứng về phía Trung Quốc.

Trong các kịch bản thì kịch bản này thể hiện tính chất tương đối ổn định bởi sự xuất hiện của nhân tố lãnh đạo đơn nhất, chi phối an ninh toàn khu vực do các chủ thể khác đều không đủ khả năng là đối trọng với Mỹ. Tính ổn định của kịch bản này cũng phụ thuộc nhiều vào thái độ của Mỹ đối với Trung Quốc. Mặc dù vị thế của Trung Quốc suy giảm nhưng việc phải đối mặt với một Chiến lược ngăn chặn và luôn trong hoàn cảnh bị đe dọa an ninh, không thể tự bảo vệ được các lợi ích cốt lõi của mình sẽ kích động một sự phản kháng mạnh mẽ ngầm từ Trung Quốc, từ đó dẫn tới một cuộc chạy đua vũ trang, là cơ sở cho một cuộc chiến tranh thế giới toàn diện giữa hai cường quốc hàng đầu thế giới để chia lại khu vực ảnh hưởng. Vì vậy, khả năng xảy ra kịch bản này khó có thể xảy ra trong tương lai gần (dưới 20 năm) nhưng không loại trừ có thể xảy ra trong tương lai xa (trên 20 năm).

4.4. MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI VIỆT NAM

Năm 2017, ngay khi nhậm chức, Tổng thống D.Trump đã điều chỉnh tư duy chiến lược từ "Tái cân bằng CÁ-TBD" sang chiến lược "ẤĐD-TBD tự do và rộng mở" nhằm duy trì ảnh hưởng và sự hiện diện của Mỹ trong khu vực. Trong phát biểu của mình tại Hội nghị APEC tháng 11/2017, D.Trump khẳng định Việt Nam là "trung tâm của ẤĐD-TBD" [156], cho thấy tầm quan trọng của Việt Nam trong chiến lược. Tuy nhiên, trong suốt ba năm sau đó, Việt Nam chưa bao giờ tuyên bố sẽ tham gia hoặc trở thành một phần của chiến lược do Mỹ khởi xướng.

Sau khi Joe Biden lên nắm quyền, những đánh giá cơ bản cho thấy chính quyền mới của Mỹ sẽ tiếp tục thực hiện chiến lược, thay vì đảo ngược hoặc thay thế nó bằng một chiến lược mới [182]. Trên cơ sở "đồng thuận lưỡng đảng", chính quyền Biden sẽ tiếp tục chính sách của Chính quyền D.Trump, tăng cường hợp tác với Việt Nam để đối phó với Trung Quốc. Quan hệ Việt-Mỹ sẽ tiếp tục phát triển tốt hơn trên cơ sở "đối tác toàn diện", mà "trên thực tế" (de facto) đã là "đối tác chiến lược", tuy đến nay vẫn chưa được chính thức hóa. Trong khi Việt Nam cần Mỹ làm đối trọng với Trung Quốc, nhưng lại không muốn "chọn phe" thì Mỹ coi

Việt Nam như một trong các đối tác quan trọng nhất. Điều này được thể hiện qua phát biểu chính thức của tất cả giới chức Mỹ cũng như các tài liệu An ninh quốc gia Mỹ dưới thời D.Trump và Joe Biden. Trước khi rời Việt Nam về nhận nhiệm vụ mới (trợ lý ngoại trưởng đặc trách Đông Á-Thái Bình Dương), Đại sứ Daniel Krittenbrink nhấn mạnh Việt Nam cũng như ASEAN sẽ đóng vai trò trung tâm trong chiến lược ẤĐD-TBD của Mỹ, khẳng định điều nước Mỹ muốn đạt được ở khu vực ẤĐD-TBD và trên thế giới là làm việc với những đối tác, bạn bè có cùng chung tư tưởng như Việt Nam và vô số các đối tác và bạn bè khác để thúc đẩy không chỉ một tầm nhìn trừu tượng mà là một chính sách cụ thể có thể giúp tất cả quốc gia và người dân trong toàn khu vực [147].

Câu hỏi quan trọng ở đây là Việt Nam nên ứng xử với Chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở của Mỹ như thế nào và làm thế nào để có thể tận dụng những lợi ích mà Chiến lược này mang lại trong khi vẫn duy trì quan hệ đối tác chiến lược ổn định và mang tính xây dựng với Trung Quốc. Trong bối cảnh cạnh tranh nước lớn, đặc biệt là cạnh tranh Mỹ - Trung ngày càng gay gắt và diễn biến phức tạp, Việt Nam cần có một chính sách cân bằng để vừa tận dụng được nguồn lực phát triển đất nước, vừa không phải "chọn bên" dẫn tới các nguy cơ về chính trị, đối ngoại và phát triển kinh tế - xã hội. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng chỉ rõ "Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại với quốc phòng, an ninh và giữa quốc phòng, an ninh với kinh tế, văn hóa, xã hội và đối ngoại. Cụ thể hóa và thực hiện có hiệu quả quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược bảo vệ Tổ quốc; trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; trong từng địa phương, vùng, địa bàn chiến lược và trong từng nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch cụ thể" [3]. Đồng thời, Đảng Cộng sản Việt Nam cũng xác định phương châm chỉ đạo sự nghiệp quốc phòng toàn dân là "Có kế sách ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa. Nỗ lực phấn đấu để ngăn ngừa xung đột, chiến tranh và giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình phù hợp với luật pháp quốc tế" [3]. Củng cố quốc phòng và an ninh ngay trong thời bình, bảo đảm đủ sức mạnh đấu tranh, phòng ngừa, ngăn chặn, đẩy lùi từ sớm, từ xa những nhân tố bất ổn có thể dẫn đến các tình

huống quốc phòng, an ninh và các thế lực thù địch lợi dụng gây hấn, tạo cớ gây xung đột, chiến tranh. Vì vậy, trong xử lý quan hệ với Mỹ cũng như các nước lớn khác, Việt Nam cần cân nhắc tất cả các yếu tố có thể ảnh hưởng/tác động đến tổng thể chiến lược xây dựng và bảo vệ tổ quốc như Nghị quyết Đại hội Đảng XIII đã đề cập. Để trả lời câu hỏi này, thì cần xem xét đến những lợi ích và thách thức mà Chiến lược này đem lại. Tham gia vào Chiến lược có thể đem lại cho Việt Nam những lợi ích như:

Có cơ hội nâng cao vị thế và thúc đẩy toàn diện quan hệ Việt - Mỹ. Với vị trí địa chiến lược quan trọng, Việt Nam dễ trở thành tâm điểm trong cạnh tranh Mỹ - Trung. Vì vậy, hai nước sẽ phải tìm cách lôi kéo Việt Nam về phía mình. Quan hệ Mỹ - Trung căng thẳng về tổng thể, cũng như khi Mỹ triển khai Chiến lược ẤĐD-TBD thì Việt Nam sẽ có vị thế tốt, có nhiều cơ hội để phát triển. Ví dụ như có thể tranh thủ sự giúp đỡ của Mỹ về thông qua nâng cao năng lực của cảnh sát biển, Không quân (máy bay huấn luyện T6), cứu hộ - cứu nạn,... để xây dựng năng lực quân sự hay trong các vấn đề khác như vấn đề thực thi pháp luật; chia sẻ thông tin tình báo; các hoạt động xây dựng năng lực cho các nước cũng như các cơ chế tham vấn. Mặt khác, nếu cần Việt Nam hợp tác thì Mỹ phải giảm căng thẳng về các vấn đề dân chủ, nhân quyền, kinh tế thương mại... Đây là điểm mà Việt Nam có thể tận dụng để tối đa hóa lợi ích của mình.

Nhìn chung, về cơ bản, nội hàm của Chiến lược ẤĐD-TBD phù hợp với lợi ích chiến lược của Việt Nam. Nội dung chính của Chiến lược ẤĐD-TBD như xây dựng trật tự khu vực dựa trên quy tắc không ép buộc, đề cao quyền tự do hàng hải và hàng không, xây dựng cơ sở hạ tầng mở, thương mại và đầu tư mở… đều phù hợp với lợi ích chiến lược với một nước nhỏ và có vị trí đặc thù như Việt Nam. Việt Nam cũng có lợi ích trong việc duy trì trật tự khu vực dựa trên luật pháp quốc tế và một cấu trúc an ninh khu vực không bị cường quốc nào chi phối. Ngoài ra, việc tham gia một phần vào các sáng kiến của Mỹ và đồng minh như Nhật Bản, Australia, EU, Ấn Độ… sẽ củng cố lập trường thương lượng của Việt Nam trước Trung Quốc, đặc biệt trong vấn đề Biển Đông. Trung tướng Nguyễn Đức Hải, Viện trưởng Viện Chiến lược Quốc phòng từng khẳng định "trên tinh thần chung, Việt Nam ủng hộ chiến lược này, với mục tiêu rõ ràng là đảm bảo môi trường hòa

bình, ổn định trong khu vực, bảo vệ lợi ích quốc gia của Việt Nam như cũng như các quốc gia khác trong khu vực" [152].

Việt Nam cũng quan tâm đến việc duy trì một trật tự khu vực dựa trên luật lệ và một cấu trúc an ninh khu vực không bị chi phối bởi bất kỳ cường quốc lớn nào. Bên cạnh đó, việc tham gia một phần vào sáng kiến của Mỹ và các đồng minh như Nhật Bản, Australia, Ấn Độ… sẽ củng cố lập trường đàm phán của Việt Nam trước Trung Quốc, nhất là trong vấn đề Biển Đông.

Tuy nhiên, việc tham gia vào Chiến lược cũng đem đến những thách thức không nhỏ. *Đầu tiên* là tình thế tiến thoái lưỡng nan giữa Mỹ và Trung Quốc. Trong trường hợp đẩy mạnh Chiến lược ÁĐD-TBD, Mỹ sẽ lôi kéo Việt Nam đứng vào hàng ngũ chống Trung Quốc, do đó, nguy cơ Việt Nam bị mắc kẹt vào thế lưỡng nan, phải chọn bên và xử lý quan hệ phức tạp với các nước là rất cao. Nếu xử lý không khéo léo, có thể làm phật lòng Trung Quốc, cường quốc láng giềng có lịch sử bang giao lâu đời và rất phức tạp với Việt Nam. *Thứ hai,* triển khai Chiến lược ÁĐD-TBD trên lĩnh vực an ninh quân sự có nghĩa là Mỹ triển khai bố trí chiến lược, mang vũ khí, khí tài quân sự vào khu vực, gây ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường hòa bình, ổn định của ÁĐD-TBD nói chung và Đông Nam Á nói riêng. Đây là điều rất bất lợi cho việc phát triển kinh tế của Việt Nam. Trong trường hợp Trung Quốc phản ứng mạnh và đẩy nhanh việc bố trí lực lượng, thiết bị khí tài ở phía Nam Biển Đông thì Việt Nam sẽ ngày càng ở vào thế nguy hiểm. *Thứ ba,* cạnh tranh giữa Mỹ và Trung Quốc dẫn đến sự tăng cao của tính bất định. Những vấn đề mới nảy sinh mà có thể không lường trước được, đặt ra nhiều thách thức hơn cho đường lối đối ngoại của Việt Nam.

Trong bối cảnh quan hệ Việt - Mỹ đang phát triển tốt, Mỹ đã chính thức đề nghị nâng cấp quan hệ Việt-Mỹ từ Đối tác Toàn diện lên thành Đối tác Chiến lược vào năm 2020 tại Đối thoại Chính sách Quốc phòng song phương Việt-Mỹ tổ chức ở Việt Nam tháng 10/2018, giới chức Mỹ ủng hộ Việt Nam tham gia Sáng kiến Tầm nhìn Kinh tế ÁĐD-TBD... thì việc Việt Nam lựa chọn tách biệt hoàn toàn khỏi Chiến lược khu vực của Mỹ không phải là lựa chọn hợp lý. Tuy nhiên, nếu lựa chọn đứng hẳn về phía Mỹ trong chiến lược này, Việt Nam sẽ bị rơi vào thế lưỡng nan do cạnh tranh Mỹ-Trung. Ngoài ra, việc Việt Nam tham gia vào Chiến lược

này cũng có thể bị có thể được hiểu là liên minh chống Trung Quốc. Điều này không phù hợp với chủ trương, đường lối đối ngoại, của Việt Nam đó là không liên minh quân sự, không liên kết với một nước để chống lại nước thứ ba. Mặc dù vậy, Việt Nam vẫn có thể tận dụng và tham gia một cách khéo léo Chiến lược ở một số mặt, thông qua việc:

Một là, xác định cạnh tranh nước lớn ở khu vực là tất yếu và các nước đều sẽ phải có đối sách xử lý phù hợp. Việt Nam cần kiên định đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa các mối quan hệ, thực hiện nghiêm các phương châm, đường lối mà các văn kiện của Đảng đã vạch ra. Kiên quyết thực hiện chính sách quốc phòng "4 không" và "1 tùy" về an ninh quân sự ("4 không" gồm: Không tham gia bất kỳ một liên minh quân sự nào, không cho bất cứ bên nào sử dụng lãnh thổ của mình để gây phương hại cho nước thứ ba, không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự trên lãnh thổ Việt Nam và không sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế. "1 tùy": Vì Việt Nam tăng cường quốc phòng chỉ để bảo vệ chủ quyền quốc gia trên đất liền, vùng trời và biển đảo nên một khi chủ quyền quốc gia bị xâm phạm, Việt Nam sẽ tùy theo tình hình thực tế để áp dụng tổng hợp mọi biện pháp nhằm bảo vệ các không gian chủ quyền của mình). Việt Nam là một quốc gia có chủ quyền, vì vậy lựa chọn ứng xử với Chiến lược của Mỹ như thế nào hoàn toàn là quyền của Việt Nam. Tuy nhiên, trong quá trình hợp tác và đấu tranh phải khôn khéo, biết cương - nhu đúng lúc, tuyệt đối không chọn bên.[11]

Hai là, tích cực tranh thủ các dự án tăng cường năng lực trong hợp tác an ninh - quốc phòng như chuyển giao trang bị quốc phòng, chia sẻ và bảo vệ thông tin tình báo, hợp tác công nghiệp quốc phòng, hợp tác quân y, nâng cao năng lực thực thi pháp luật trên biển. Quan điểm chung là hợp tác quốc phòng - quân sự Việt - Mỹ phải phù hợp với lợi ích chung, có nhịp độ, lộ trình phù hợp, kết hợp nhịp nhàng giữa các kênh khác nhau (kênh Đảng, Nhà nước, Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an).[12]

Ba là, tích cực tranh thủ các sáng kiến thúc đẩy trật tự pháp quyền, luật pháp quốc tế, tự do hàng hải, tăng cường phối hợp trên các diễn đàn đa phương để

[11] Phỏng vấn trực tiếp PGS, TS Vũ Tiến Trọng, Viện trưởng Viện Quan hệ Quốc tế về Quốc phòng, Bộ Quốc phòng, tại Viện Quan hệ Quốc tế về Quốc phòng, ngày 20/12/2021.

[12] Nt

đạt được mục tiêu chiến lược của mình.

Về biện pháp cụ thể, Việt Nam cần:

Một là, trong nội bộ thống nhất đánh giá về Chiến lược ẤĐD-TBD và các sáng kiến khác tại khu vực, thống nhất nguyên tắc và định hướng tham gia của Việt Nam vào các sáng kiến này.

Hai là, hợp tác quốc phòng - an ninh là yếu tố làm gia tăng sự tin cậy và giá trị chiến lược của quan hệ song phương, cần được tăng cường với các bước đi phù hợp với lợi ích của hai nước Việt Nam và Mỹ. Quá trình hợp tác quốc phòng - an ninh là quá trình đấu tranh và hợp tác, một mặt, đấu tranh để giữ vững nguyên tắc; mặt khác, linh hoạt về đối sách, từng bước phát triển quan hệ hợp tác theo hướng thiết thực và hiệu quả.

Ba là, tăng cường hoạt động nghiên cứu để xây dựng chiến lược và đối sách trong phát triển quan hệ quốc phòng - an ninh Việt Nam - Mỹ, là văn bản đề ra các định hướng và đối sách, nhằm chủ động đề ra sáng kiến trong từng hoạt động cũng như trong quan hệ với các tổ chức, cơ quan thuộc bộ máy quốc phòng và an ninh của Mỹ không để rơi vào tình trạng bị động.

Bốn là, trên cơ sở Bản Ghi nhớ về hợp tác quốc phòng ký năm 2011 và Tầm nhìn chung Việt Nam - Mỹ về quan hệ quốc phòng (6/2015), tiến hành nghiên cứu ký kết Bản ghi nhớ mới về thúc đẩy quan hệ quốc phòng Việt Nam - Mỹ cho phù hợp với tình hình mới.

Năm là, luôn giành thế chủ động trong quan hệ quốc phòng - an ninh với Mỹ. Đây là một trong những phương pháp hiệu quả để làm cho các mối quan hệ này tiến triển theo đúng các mục tiêu, yêu cầu và định hướng của Việt Nam, tạo được sức mạnh tổng hợp của các lực lượng tham gia đồng thời hạn chế đến mức thấp nhất các hậu quả không mong muốn. Trên cơ sở chủ trương "bốn không" mà Sách trắng Quốc phòng Việt Nam đã công bố vào tháng 01/2020, cần chủ động trong việc thực hiện các chương trình hợp tác và đưa ra sáng kiến trên lĩnh vực quốc phòng - an ninh phù hợp với các lợi ích của quốc gia. Đồng thời, nghiên cứu các sáng kiến về quốc phòng - an ninh mà Mỹ đưa ra với cộng đồng quốc tế, để xác định mức độ mà Việt Nam có thể tham gia; từ đó chủ động đề ra chủ trương và biện pháp thực hiện các sáng kiến này có lợi cho đất nước.

Sáu là, về hợp tác với nhóm Bộ Tứ: Hiện Việt Nam đang duy trì và phát triển quan hệ với cả 04 nước Mỹ, Nhật Bản, Ấn Độ, Australia thuộc Bộ Tứ với các khung quan hệ khác nhau (Việt Nam đã thiết lập quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với Ấn Độ, quan hệ đối tác chiến lược sâu, rộng và hòa bình và thịnh vượng với Nhật Bản, quan hệ đối tác chiến lược với Australia và quan hệ đối tác toàn diện với Mỹ). Trong hợp tác quốc phòng song phương giữa Việt Nam với từng nước đều có những bước phát triển tích cực và các quốc gia Bộ Tứ đều bảy tỏ sự ủng hộ và tăng cường hợp tác quốc phòng với Việt Nam, trong đó có việc tài trợ, hỗ trợ lực lượng chấp pháp trên biển (Mỹ đã bàn giao tàu tuần duyên Hamilton và 24 xuồng tuần tra cho Cảnh sát Biển Việt Nam (năm 2019); Nhật Bản đã hỗ trợ đóng 06 tàu tuần tra cho Cảnh sát biển Việt Nam theo Hiệp định vốn vay ODA (giai đoạn 2020 2025); Ấn Độ cam kết hợp tác, nâng cao năng lực quốc phòng với gói tín dụng 600 triệu USD, trong đó có 12 tàu tuần tra cao tốc; Australia cũng bổ sung nhiều chương trình hợp tác quốc phòng với Việt Nam về tham vấn chính sách, trao đổi kinh nghiệm tác chiến trong lĩnh vực Hải quân, đào tạo cán bộ). Việc nhóm Bộ Tứ có cơ chế mở, sẵn sàng hợp tác với các nước trong khu vực, trong đó có mời Việt Nam tham gia cơ chế Bộ Tứ mở rộng sẽ tạo những nguy cơ về an ninh, quốc phòng. Nếu Việt Nam tham gia hợp tác quốc phòng với từng nước trong Bộ Tứ ở các lĩnh vực nhạy cảm như tham gia tuần tra chung, tập trận chung thì vô hình chung Việt Nam có thể bị "hiểu lầm" là đang tham gia vào nhóm Bộ Tứ một cách không chính thức và rơi vào "bẫy" của nhóm Bộ Tứ. Đồng thời, việc có thông tin các nước Bộ Tứ, đặc biệt là Mỹ, Nhật Bản quan tâm muốn tác động lôi kéo Việt Nam tham gia vào nhóm sẽ thu hút sự chú ý của Trung Quốc và tạo ra sự phản ứng bất lợi của Trung Quốc đối với Việt Nam. Đối với Trung Quốc, hợp tác của nhóm Bộ Tứ mang nhiều yếu tố nhạy cảm, thậm chí còn bị liên tưởng đến mô hình "NATO châu Á". Tuy nhiên, hợp tác Bộ Tứ không chỉ trên khía cạnh an ninh quân sự, còn có các khuôn khổ hợp tác về cơ sở hạ tầng, năng lượng, y tế, phòng chống Covid-19… Vì vậy, Việt Nam cần rất khôn khéo trong xử lý mọi đề xuất hợp tác mà nhóm Bộ Tứ đưa ra, đồng thời tận dụng tốt nguồn lực của Nhóm này phục vụ cho mục tiêu phát triển đất nước.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 4

Trải qua hơn 3 năm triển khai thực hiện trên thực tế, Chiến lược ẤĐD-TBD đã tạo nên nhiều sự khác biệt trong đời sống chính trị quốc tế nói chung và khu vực ẤĐD-TBD nói riêng. Chiến lược đã tạo ra cả những tác động tích cực và tiêu cực đến cục diện tình hình khu vực ẤĐD-TBD. Về mặt tích cực, Chiến lược đã nâng cao vị thế của khu vực ẤĐD-TBD trong tính toán chiến lược của các cường quốc; tạo đối trọng với Trung Quốc, duy trì cân bằng quyền lực và trật tự ở khu vực; nâng cao vai trò của các nước vừa và nhỏ trong khu vực như Singapore, Indonesia, Việt Nam trong định hình cấu trúc an ninh khu vực; thúc đẩy vai trò, tiến tới kêu gọi Ấn Độ thể hiện rõ hơn vai trò cường quốc của mình trong khu vực. Tuy nhiên, Chiến lược cũng đem lại tác động tiêu cực như thúc đẩy sự phát triển của chủ nghĩa đơn phương và song phương trong khu vực; làm tăng mâu thuẫn và cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc ẤĐD-TBD và thúc đẩy xu hướng tập hợp lực lượng, chạy đua vũ trang, làm phức tạp thêm tình hình an ninh khu vực. Những tác động đối với toàn khu vực cũng như ở các nước không giống nhau kéo theo phản ứng đa dạng của các nước ẤĐD-TBD đối với Chiến lược như đối thủ mục tiêu của Chiến lược - Trung Quốc; sau đó là các nước thuộc nhóm Bộ Tứ Nhật Bản, Australia, Ấn Độ; các nước đồng minh và đối tác khác như Hàn Quốc, Đài Loan; các nước ASEAN, các nước Thái Bình Dương.

Tuy phản ứng từ các nước khá đa dạng và nhiều màu sắc, nhưng nhìn chung đều đón nhận với thái độ tích cực một cách thận trọng, trừ một số nhân tố chủ chốt như Nhật Bản và Australia. Trong đó có việc thu hút được sự chú ý và quan tâm từ nhiều nước ẤĐD-TBD và phần nào lôi kéo được sự ủng hộ của đa số các đồng minh và đối tác của Mỹ. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đáng ghi nhận thì Chiến lược cũng bộc lộ nhiều hạn chế. Những tuyên bố một cách chung chung, thiếu vắng chương trình hành động, kế hoạch cụ thể cộng với tính không chắc chắn và dễ biến động cũng như các hạn chế trong tư duy xác định đối tác và sự thiên lệch giữa các lĩnh vực, hoạt động triển khai chắc chắn sẽ gây trở ngại cho hiệu quả Chiến lược.

Việc dự đoán tương lai của Chiến lược không chỉ phải dựa vào những kết

quả và hạn chế đó mà còn phải xét đến những yếu tố tác động từ bên trong và bên ngoài, từ đó, đưa ra các kịch bản có thể xảy đến với Chiến lược trong tương lai gần và cả những tác động của nó đến môi trường an ninh chung của khu vực ÁĐD-TBD. Trong số 3 kịch bản được đưa ra, kịch bản thứ nhất ít có khả năng xảy ra, kịch bản thứ 2 đang và dự báo sẽ tiếp tục xảy ra. Kịch bản thứ 3 có thể chỉ xảy ra trong tương lai xa (20-30 năm tới), là khi cạnh tranh Mỹ - Trung bước vào giai đoạn khốc liệt mới, cần đến sức mạnh quân sự để phân tranh. Việc vạch ra các kịch bản này sẽ góp phần đưa ra được những khuyến nghị xác đáng với Việt Nam, thực hiện mục tiêu đảm bảo an ninh và phát triển của đất nước trong bối cảnh tình hình khu vực ÁĐD-TBD nói riêng và thế giới nói chung vẫn đang biến động đầy phức tạp. Việt Nam cần tận dụng tốt nhất vị thế của mình, triển khai đồng bộ, hiệu quả đường lối đối ngoại đã được vạch ra, để một mặt không bị rơi vào thế phải chọn bên, nhưng mặt khác vẫn tận dụng tốt nguồn lực để phát triển đất nước.

KẾT LUẬN

Từ việc nghiên cứu đề tài *"Chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở của Mỹ trên khía cạnh an ninh quân sự*", nghiên cứu sinh rút ra một số kết luận sau đây:

Với sự ra đời của Chiến lược ẤĐD-TBD, một khái niệm khu vực mới đã xuất hiện trong hoạch định chiến lược quân sự của Mỹ. Tuy không phải là một thuật ngữ hoàn toàn mới nhưng chỉ cho đến khi được sử dụng bởi siêu cường số một thế giới thì "ẤĐD-TBD" mới trở thành một khái niệm phổ biến và được sử dụng rộng rãi bởi giới nghiên cứu cũng như các nhà hoạch định chính sách. Việc đưa ra một khái niệm nối liền hai đại dương và khu vực năng động bậc nhất thế giới là một điều hợp lý, thể hiện tham vọng cũng như tư duy chiến lược bao quát của Mỹ. Đồng thời khẳng định vị thế của khu vực không chỉ đối với bản thân nước Mỹ mà còn với cả thế giới. Thực hiện Chiến lược là cách để Mỹ cảm thấy an tâm, an toàn hơn trong bối cảnh cạnh tranh nước lớn ngày càng diễn biến phức tạp ở khu vực có nhiều điểm nóng mà Mỹ có ảnh hưởng và có lịch sử can dự lâu dài. Chiến lược ẤĐD-TBD là một bước cụ thể hóa Chiến lược An ninh Quốc gia mà mỗi đời Tổng thống Mỹ thường vạch ra ngay đầu nhiệm kỳ, nhằm thực thi các đại chiến lược để duy trì vị thế siêu cường số một thế giới của Mỹ. Chiến lược này cũng phù hợp với các lý thuyết quan hệ quốc tế đã vạch ra về cạnh tranh nước lớn, cân bằng quyền lực, hợp tác và cạnh tranh… Vì vậy, Chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở ra đời là phù hợp và để phục vụ cho lợi ích của nước Mỹ, dù tên gọi có thể khác so với các chính quyền tiền nhiệm, nhưng mục tiêu, nội dung, biện pháp không có nhiều thay đổi. Trên khía cạnh an ninh quân sự, Chiến lược đã ghi dấu ấn rõ ràng với hàng loạt các sắp xếp, điều chỉnh lại lực lượng; tái bố trí căn cứ; nâng cấp hệ thống trang bị vũ khí; tăng cường, gắn chặt hơn lợi ích an ninh giữa Mỹ với các đồng minh, đối tác chủ chốt ở khu vực; sự hiện diện của Mỹ tại các điểm nóng trở nên bình thường và phổ biến hơn, đưa Mỹ trở thành một nhân tố không thể thiếu và có vai trò đặc biệt quan trọng trong cấu trúc an ninh khu vực. Dưới ảnh hưởng của Chiến lược, các điểm nóng của khu vực như Đài Loan, Biển Đông, biển Hoa Đông cơ bản ổn định, không có những xung đột lớn dẫn tới nguy cơ về một cuộc chiến tranh nóng có thể xảy ra.

Việc hoạch định và triển khai Chiến lược thể hiện thái độ và quyết tâm nắm giữ vai trò chủ chốt của Mỹ ở khu vực ẤĐD-TBD. Chiến lược ẤĐD-TBD cũng cho thấy tầm quan trọng của quyền lực cứng của nước Mỹ. Việc sử dụng sức mạnh kinh tế và quân sự để thị uy và răn đe vẫn là nền tảng để Mỹ duy trì vị thế của mình. Tuy nhiên, xu hướng từ nay đến năm 2030, quan hệ Mỹ - Trung sẽ ở trạng thái giằng co, không có bên thắng - thua rõ ràng, duy trì trật tự "nhất siêu đa cường" tương đối ổn định. Mỹ vẫn là siêu cường số một thế giới về sức mạnh tổng hợp quốc gia, duy trì được hệ thống đồng minh, đối tác rộng khắp để bao vây, kiềm chế các đối thủ như Trung Quốc và Nga. Đồng thời, Mỹ xác định cuộc đua với Trung Quốc là lâu dài và Trung Quốc sẽ vươn lên, có thể vượt qua Mỹ từ khoảng sau năm 2030. Để chuẩn bị cho kịch bản có thể bị thay thế vị trí siêu cường số một thế giới trong tương lai không xa trước sức ép cạnh tranh từ đối thủ đầy tiềm năng, Mỹ liên tục có những điều chỉnh, bổ sung về mặt chiến lược mà một trong số đó là sự ra đời của Chiến lược ẤĐD-TBD tự do và rộng mở. Trong báo cáo Chiến lươc ẤĐD-TBD do chính quyền Joe Biden công bố tháng 02/2022, Trung Quốc vẫn được nhắc đến là đối thủ chính cần kiềm chế. Dù Chiến lược được xây dựng trên 3 trụ cột (kinh tế - quản trị - an ninh), nhưng an ninh quân sự vẫn là xương sống được Mỹ chú trọng triển khai trong giai đoạn D.Trump nắm quyền. Hàng loạt các phát biểu chính sách, tài liệu báo cáo, văn bản luật, thay đổi tên gọi, điều chỉnh lực lượng, triển khai quân đã được Mỹ tiến hành trong suốt nhiệm kỳ của D.Trump và được tiếp tục phát triển sang thời chính quyền Joe Biden để hiện thực hóa các nội dung của trụ cột quan trọng này. Báo cáo Chiến lược ẤĐD-TBD công bố tháng 02/2022 đã khẳng định răn đe tổng hợp sẽ là nền tảng trong cách tiếp cận của Mỹ. Mỹ sẽ tích hợp chặt chẽ hơn các nỗ lực của mình trên các lĩnh vực chiến tranh và phạm vi xung đột để đảm bảo rằng Mỹ, cùng với các đồng minh và đối tác có thể can ngăn hoặc đánh bại sự xâm lược dưới bất kỳ hình thức hoặc lĩnh vực nào. Mỹ sẽ thúc đẩy các sáng kiến nhằm củng cố khả năng răn đe và chống lại sự ép buộc, phản đối các nỗ lực nhằm thay đổi biên giới lãnh thổ hoặc phá hoại quyền của các quốc gia có chủ quyền trên biển.

Cạnh tranh Mỹ - Trung tuy là nhân tố quan trọng hàng đầu có ý nghĩa định hình cục diện ở khu vực này nhưng không phải là nhân tố chi phối duy nhất. Sự ra

đời của Chiến lược cũng đã phơi bày rõ ràng cạnh tranh giữa các nước lớn, mà ở đây là giữa Mỹ và các nước đồng minh với Trung Quốc. Bước vào thế kỷ XXI, ẤĐD-TBD chứng kiến sự trỗi dậy của Trung Quốc với sự phát triển vượt bậc về nhiều mặt, trong đó có quân sự - điều đã khiến nước này trở thành mối lo ngại của các cường quốc khác, đặc biệt là Mỹ - quốc gia luôn muốn duy trì vị thế bá chủ toàn cầu. Khi tương quan so sánh lực lượng thay đổi, mâu thuẫn giữa Mỹ với Trung Quốc ngày càng bộc lộ rõ và phát triển khá gay gắt. Mỹ bắt đầu thi hành nhiều chính sách để kiềm chế Trung Quốc, đến khi Chiến lược ẤĐD-TBD ra đời, cuộc cạnh tranh ngầm giữa hai cường quốc này càng được bộc lộ rõ ràng hơn. Mặc dù trên thực tế, bản thân Chiến lược khi được công bố không trực tiếp việc đối đầu với Trung Quốc nhưng những biện pháp triển khai và thi hành đều nhắm tới mục tiêu củng cố vị thế, sức mạnh của khối đồng minh Mỹ, thiết lập trật tự tự do do Mỹ đứng đầu, đồng thời bao vây, kiềm chế Trung Quốc. Việc triển khai Chiến lược ẤĐD-TBD trên khía cạnh an ninh quân sự cũng không chỉ tạo nên chuyển biến lớn trong quan hệ giữa Mỹ và Trung Quốc mà còn giữa các cường quốc đồng minh của Mỹ với Trung Quốc. Sự tương tác phức tạp giữa các cường quốc đã tác động sâu sắc đến an ninh và phát triển của khu vực ẤĐD-TBD, điển hình là việc hình thành và phát triển của các cơ chế tiểu đa phương, hợp tác an ninh bốn bên, ba bên như nhóm Bộ Tứ, AUKUS... Tình hình khu vực ẤĐD-TBD cũng từ đó có nhiều thay đổi, dẫn đến khả năng hình thành của một cấu trúc an ninh khu vực mới.

Cuối cùng, Chiến lược ẤĐD-TBD có tác động lớn đến tình hình khu vực nói chung và Việt Nam nói riêng. Việt Nam là một trung tâm trong thế giới "đa trung tâm", là trung tâm sản xuất của châu Á và thế giới, do đó cần thay đổi tư duy hoạch định chiến lược, chính sách. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã 5 lần đề cập khái niệm "quản trị quốc gia" (với ý nghĩa tạo điều kiện, khuyến khích, tạo kết nối liên thông giữa các thành phần chủ thể, đối tượng), khác với tư duy "quản lý" (là theo ngành dọc, cứng nhắc, từ trên xuống dưới). Trong xử lý quan hệ đối ngoại, nhất là quan hệ đối ngoại với Mỹ và Trung Quốc, cần giữ vững lập trường không chọn bên, không "ngả" về bên nào, kể cả bên thứ ba. Phải xác định, cạnh tranh Mỹ - Trung tuy là cặp quan hệ song phương quan trọng nhất nhưng không có khả năng chi phối và kiểm soát cục diện như quan hệ Mỹ - Xô trước đây, do đó tư duy chiến

lược của Việt Nam là đảm bảo cao nhất lợi ích quốc gia dân tộc, lựa chọn lập trường, quan điểm phù hợp với lợi ích quốc gia của Việt Nam và luật pháp quốc tế. Việt Nam sẽ ủng hộ bất cứ sáng kiến, chiến lược nào mang lại hòa bình, ổn định cho khu vực, phù hợp với lợi ích của Việt Nam, đồng thời phản đối những khuôn khổ làm phức tạp môi trường an ninh chung, xâm phạm chủ quyền, quyền chủ quyền và các lợi ích chính đáng của Việt Nam. Đồng thời, Việt Nam cũng tận dụng tốt nguồn lực từ các sáng kiến đưa ra để phục vụ mục tiêu đa phương hóa, đa dạng hóa các mối quan hệ, phát triển đất nước. Là một nước láng giềng có lịch sử phức tạp với Trung Quốc, Việt Nam đang đứng trước nhiều thách thức lẫn cơ hội mà Chiến lược ẤĐD-TBD đem lại. Vấn đề đặt ra cho Việt Nam là tìm kiếm những biện pháp hữu hiệu để hóa giải những tiêu cực và phát huy những tích cực mà Chiến lược đặt ra, đặc biệt trong lĩnh vực an ninh quân sự.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyen Huu Tuc (2021), "Is Vietnam open to Washington's Indo-Pacific strategy?" *East Asia Forum*, https://www.eastasiaforum.org/2021/03/04/is-vietnam-open-to-washingtons-indo-pacific-strategy/.

2. Nguyen Huu Tuc (2021), "US priorities in implementing the FOIP strategy in the new situation and issues posed for the regional security environment", *International Conference Proceeding on "The security and development issues in the new situation"*, Thế Giới Publisher, Hanoi, pp. 85-101.

3. Nguyen Hong Quan, Nguyen Huu Tuc (2022), "Possible Scenarios in the post Donald Trump period of the USA's Free and Open Indo-Pacific Strategy", *The Journal of the United Service Institution of India*, Vol CLII (67), pp.36-43.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Bộ Quốc phòng (2004), *Từ điển Bách khoa Quân sự Việt Nam,* Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội, tr. 25, tr. 26, tr. 211, tr. 844.
2. Lê Trí Dũng (2016), *Quy trình hoạch định chính sách đối ngoại của Mỹ: Trường hợp xây dựng quan hệ đối tác chiến lược Việt - Mỹ,* Luận án Tiến sĩ, Học viện Ngoại giao Việt Nam, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII,* Tập I, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 156, tr. 157.
4. Nguyễn Hoàng Giáp, Nguyễn Thị Quế và Nguyễn Thị Lệ (2007), *Chiến lược An ninh Quốc gia của Mỹ với Đông Nam Á sau Chiến tranh Lạnh,* NXB Lý luận Chính trị, Hà Nội, tr. 206.
5. Nguyễn Huy Hoàng (chủ biên, 2021), *Đông Nam Á trong Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bìn Dương của Hoa Kỳ,* Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội.
6. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2018), *Hợp tác phát triển Việt Nam - Ấn Độ trên lĩnh vực kinh tế, quốc phòng, an ninh trong bối cảnh ÁĐD-TBD tự do và rộng mở*/ Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế, Hà Nội.
7. Nguyễn Thái Yên Hương (chủ biên, 2011), *Các vấn đề nghiên cứu về Mỹ,* Nhà Xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
8. Nguyễn Thái Yên Hương (chủ biên, 2011), *Quan hệ Mỹ - Trung hợp tác và cạnh tranh luận giải dưới góc độ cân bằng quyền lực,* Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
9. Nguyễn Đình Luân (2014), "Về chiến lược lớn của Mỹ tới 2025-2030", *Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế,* (1), tr. 73-102.
10. Hoàng Khắc Nam (2016), *Giáo trình nhập môn quan hệ quốc tế,* Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, Hà Nội, tr. 31.
11. Hoàng Khắc Nam (2017), *Lý thuyết quan hệ quốc tế,* Nhà xuất bản Thế giới, Hà Nội, tr. 37.
12. Lê Đình Tĩnh (2013), *Chính sách đối ngoại của Mỹ từ góc nhìn hiện thực*

mới: Trường hợp đối với Việt Nam kể từ khi bình thường hóa quan hệ, Luận án Tiến sĩ, Học viện Ngoại giao Việt Nam, Hà Nội.

13. Tô Anh Tuấn và Đỗ Mạnh Hoàng (2018), "Tổng thống D.Trump với các cam kết khi tranh cử: nhìn nhận và dự báo", *Tạp chí châu Mỹ ngày nay*, (02), tr. 3-15.
14. Tô Anh Tuấn (2019), *Tác động của nhân tố nội bộ đối với chính sách đối ngoại của Mỹ dưới thời Donald Trump*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 153, tr. 172.
15. Võ Xuân Vinh (2018), "Sự tiếp cận của Ấn Độ đối với ý tưởng ẤĐD-TBD", Bài tham luận tại Hội thảo Khoa học Quốc tế *Hợp tác phát triển Việt Nam - Ấn Độ trên lĩnh vực kinh tế, quốc phòng, an ninh trong bối cảnh Ấn Độ Dương - Thái Bìn Dương tự do và rộng mở*, tổ chức tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh ngày 24/8/2018.

Tiếng Anh

16. A. Townshend, B. Thomas-Noone, and M. Steward (2019), "Averting Crisis: American Strategy, Military Spending and Collective Defence in the Indo-Pacific", *United States Studies Centre*, University of Sydney, https://www.ussc.edu.au/analysis/averting-crisis-american-strategy-military-spending-and-collective-defence-in-the-indo-pacific, truy cập ngày 27/5/2021.
17. Admiral Phil Davidson (2019), "On Ensuring a Free and Open Indo-Pacific", *Fullerton Lecture Series*, Singapore, https://www.pacom.mil/Media/Speeches-Testimony/Article/1779396/fullerton-lecture-series-hosted-by-iiss-on-ensuring-a-free-and-open-indo-pacific/, truy cập ngày 20/9/2020.
18. Admiral Richardson (2017), "Statement Before the Senate Committee on Armed Services", *House Armed Services Committee*, p. 4, https://www.armed-services.senate.gov/imo/media/doc/Richardson_09-19-17.pdf, truy cập ngày 23/5/2019.
19. Alex N. Wong (2018), "Briefing on the Indo-Pacific Strategy", https://www.state.gov/r/pa/prs/ps/2018/04/280134.htm, truy cập ngày 02/3/2019.
20. Anak Agung Banyu Perwinta và Denisa Rizkiy (2014), "The US Rebalance

Policy and the Management of Power Politics in Asia Pacific", *Journal of ASEAN Studies*, pp. 19-28.

21. Andrew Haywood (2011), *Global Politics*, Palgrave Macmillan, p.128, p.217.
22. Ankit Panda (2020), "Australia Returns to the Malabar Exercise", https://thediplomat.com/2020/10/australia-returns-to-the-malabar-exercise/, truy cập ngày 15/7/2021.
23. Ashok Kapur (2019), *Geopolitics and the Indo-Pacific Region*, Routledge Publisher.
24. Asia Reassurrance Initiative Act of 2018, p.16, https://www.congress.gov /115/bills/s2736/BILLS-115s2736enr.pdf, truy cập ngày 18/02/2019.
25. Bruce W. Jentleson (2010), *American Foreign Policy: The Dynamics of Choice in the 21st century (4th Edition)*, W. Norton & Company, New York, p. 10.
26. C. Todd Lopez (2019), "Esper Details Approach for Strengthening Alliances, Partnerships", https://www.defense.gov/News/News-Stories/Article/Article/ 2387595/esper-details-approach-for-strengthening-alliances-partnerships/, truy cập ngày 01/11/2021.
27. Christopher L. Kolakowski (2018), "A Short History of US Involvement in the Indo-Pacific", *JIPA Journal*, Vol 01, Issue 1, https://www.airuniversity. af.edu/Portals/10/JIPA/journals/Vol-01_Issue-1/JIPA_2018-Fall.pdf, truy cập ngày 12/6/2020.
28. Christopher Layne (2018), "The US-Chinese power shift and the end of the Pax Americana", *International Affairs*, Vol 94, Issue 1, pp. 89-111; Joseph S. Nye, Jr (2019), "The rise and fall of American hegemony from Wilson to Trump", *International Affairs*, Vol 95, Issue 1, pp. 63-80.
29. Congressional Research Service (2018), "The Asia Pacific: Challenges and Opportunities for U.S. Policy", https://fas.org/sgp/crs/row/IF11047.pdf, truy cập ngày 14/6/2019.
30. Congressional Research Service (2019), *China Naval Modernization: Implications for U.S. Navy Capabilities—Background and Issues for*

Congress, https://crsreports.congress.gov/product/pdf/RL/RL3315, truy cập ngày 15/6/2020.

31. Dan Reiter (2012), "Democratic Peace Theory", *Oxford Bibliograhpies*, https://www.oxfordbibliographies.com/view/document/obo-9780199756223/obo-9780199756223-0014.xml, truy cập ngày 30/01/2022.
32. David Ochmanek, Peter A. Wilson, Brenna Allen, John Speed Meyers and Carter C. Price (2017), "U.S. Military Capabilities and Forces for a Dangerous World: Rethinking the U.S. Approach to Force Planning", *RAND Corporation*, https://www.rand.org/pubs/research_reports/RR1782-1.html, p. xii, truy cập ngày 20/6/2019.
33. Department of Defence (2018), "Base structure Report - Fiscal Year 2018 Baseline: A summary of the Real Property Inventory Data", https://www.acq.osd.mil/eie/Downloads/BSI/Base%20Structure%20Report%20FY18.pdf, truy cập ngày 15/6/2020.
34. Department of Defence (2019), "Indo-Pacific Strategy Report: Preparedness, Partnerships, and Promoting a Networked Region", https://s3.documentcloud.org/documents/6111634/DOD-INDO-PACIFIC-STRATEGY-REPORT-JUNE-2019.pdf, truy cập ngày 27/3/2020.
35. Department of Defense (2019), "FY 2020 Budget Rollout Brief", https://media.defense.gov/2019/Mar/12/2002099931 /-1 /-1/1/FY-2020-BuDGET-ROLLOuT- BRIEF.PDF, truy cập ngày 17/5/2021.
36. Emma Chanlett-Avery (2016), "Singapore: Background and US Relations", Congressional Research Service, pp. 2, https://sgp.fas.org/crs/row/RS20490.pdf, truy cập ngày 28/4/2020.
37. Eric Edelman (2018), *Providing for the Common Defense: The Assessment and Recommendations of the National Defence Strategy Commission*, Washington Publisher, pp. 11-12.
38. Eric Edelman, Gary Roughead, Christine Fox, Kathleen Hicks, Jack Keane, Andrew Krepinevich, Jon Kyl, Thomas Mahnken, Michael McCord, Michael Morell, Anne Patterson, and Robert Zakhein (2018), "Providing for the Common Defense: The Assessment and Recommendations of the

National Defense Strategy Commission", *United States Institute of Peace*, https://www.usip.org/sites/default/files/2018-11/providing-for-the-common-defense.pdf, truy cập ngày 153/2020.

39. General Daniel Allyn (2017), "Statement Before the House Armed Services Committee", *US House of Representatives*, https://wenstrup.house.gov/uploadedfiles/gen._allyn_statement.pdf, p. 4, truy cập ngày 15/3/2020.
40. Grant Wyeth (2018), "Why Did Australia Block Huawei?", https://thediplomat.com/2018/08/why-did-australia-block-huawei-zte-from-5g-roll-out/, truy cập ngày 19/3/2021.
41. Gregory Polin (2018), "Congress fires a warning shot to China with defence budget", *The Hill*, https://thehill.com/opinion/national-security/400527-congress-fires-a-warning-shot-to-china-with-defense-budget, truy cập ngày 15/6/2019.
42. Gurapreet S.Khurana (2007), "Security of Sea Lines: Prospects for India-Japan Cooperation", *Strategic Analysis*, Vol. 31 (1), pp. 139-153.
43. H.S Reiss (ed, 1992), *Kant Political Writing*, Cambridge University Press, Cambridge, pp. 93-131.
44. Hans J.Morgenthau (1948), *Polictics among nations: the struggle for power and peace*, A.A. Knopf, New York, p.13.
45. Hans M. Kristensen and Matt Korda (2019), "United States Nuclear Forces, 2019," *Bulletin of the Atomic Scientists*, vol. 75, https://www.tandfonline.com/doi/full/10.1080/ 00963402.2019.1701286, truy cập ngày 25/7/2020.
46. He Qisong (2016), "Space-based Silk Road to facilitate the BRI", *International Security Study, (3)*, pp. 73-89.
47. Hilary Clinton (2010), "America's enagagement in the Asia-Pacific", https://2009-2017.state.gov/secretary/20092013clinton/rm/2010/10/150141.htm, truy cập ngày 11/2/2019.
48. Hilary Clinton (2011), "America's Pacific Century", *Foreign Policy Magazine*, pp. 20-26.
49. IISS (2021), "The Military Balance 2021", https://www.routledge.com/The-

Military-Balance-2021/IISS/p/book/9781032012278, truy cập ngày 13/1/2022.

50. Jagannath P. Panda (2020), The Korean Peninsula and Indo-Pacific Power Politics: Status Security at Stake, Routledge Publisher.
51. Jansen Tham (2019), "What's in Indonesia's Indo-Pacific Cooperation Concept?", https://thediplomat.com/2018/05/whats-in-indonesias-indo-pacific-cooperation-concept/, truy cập ngày 24/3/2020.
52. Japan Ministry of Defense (2018), "National Defense Program Guidelines for FY2019 and Beyond," http://www.mod.go.jp/j/approach/agenda/guideline/2019/pdf/20181218_e.pdf, truy cập ngày 27/10/2020.
53. Jennifer Lind and William C. Wohlforth (2019), "The Future of the Liberal Order is Conservative", *Foreign Affairs*, https://www.foreignaffairs.com/articles/2019-02-12/future-liberal-order-conservative, truy cập ngày 29/7/2020.
54. Joel Wuthnow (2017), "Chinese perspectives on the Belt Road Initiative: strategic rationales, risks, and implications', *Center for the Study of Chinese Military Affairs*, (12), p. 25.
55. Joe Biden (2021), "Remarks by President Biden, Prime Minister Morrison of Australia, and Prime Minister Johnson of the United Kingdom Announcing the Creation of AUKUS", https://www.whitehouse.gov/briefing-room/speeches-remarks/2021/09/15/remarks-by-president-biden-prime-minister-morrison-of-australia-and-prime-minister-johnson-of-the-united-kingdom-announcing-the-creation-of-aukus/, truy cập ngày 12/11/2021.
56. John R. Harvey (2019), "Assessing the Risks of a Nuclear 'No First Use' Policy", https://warontherocks.com/2019/07/assessing-the-risks-of-a-nuclear-no-first-use-policy/, truy cập ngày 12/6/2020.
57. Karan K. Bhatia (2007), "U.S. Trade Relations with Asia", https://www.files.ethz.ch/isn/98860/SF239.pdf, truy cập ngày 22/12/2019.
58. Karen A.Mings, Ivan M.Arreguin-Toft (2017), *Essetials of International Relations (Seventh edition)*, W.W. Norton & Company, New York, p.83.

59. Karla Jones (2019), “The Asia Reassuarance Innitiative Act - A Strategic Vision for the Indo-Pacific”, *American Legislative Exchange Council*, https://www.alec.org/article/the-asia-reassurance-initiative-act-a-strategic-vision-for-the-indo-pacific/, truy cập ngày 17/9/2020.
60. Kevin Rudd (2008), “It’s time to build an Asia Pacific Community”, Remark at the Asia Society Centre, Sydney, https://pmtranscripts.pmc.gov.au/release/transcript-15947, truy cập ngày 21/3/2020.
61. Kevin X. Li and Jin Cheng (2016), “Maritime Law and Policy for Energy Security in Asia: A Chinese Perspective”, *Journal of Maritme Law and Commerce* Vol 37 (4), p. 23.
62. Kurt Campbell (2016), *The pivot: The future of American Statedraft in Asia*, Twelve Pubisher.
63. Liu Lei and He Jian (2017), “Sino-African maritime cooperation under the BRI”, *International Security Study, (1),* pp. 98-117.
64. Liu Zhongmin (2018), “Political and security risks for the BRI in the Middle East and policy responses”, *Global Review, (2),* pp. 36-49.
65. Lucio Blanco Pitlo III (2018), “Making a ‘Free and Open Indo-Pacific’ Appealing to Southeast Asia”, *Centre for Strategic and International Study*, https://amti.csis.org/making-foip-appealing-southeast-asia/, truy cập ngày 23/4/2019.
66. M.H.Rajesh (2017), *Strategic Balance in the Indo-Pacific Region: Challenges and Prospects*, Vij Books India.
67. Major Victor Huang (2018), “Building Maritime Security in Southeast Asia: Outsiders Not Welcome?” *Naval War Review*, p. 30.
68. Michael Green (2017), *By More Than Providence: Grand Strategy and American Power in the Asia Pacific Since 1783*, New York: Columbia University Press, p. 8, pp. 272-296.
69. Michael J. Mazarr (2015), “The Risks of Ignoring Strategic Insolvency”, pp. 11; David Ochmanek (2015), “Sustaining US Leadership in the Asia-Pacific Region: Why a Strategy of Direct Defense Against Antiaccess and Area Denial Threats is Desirable and Feasible”, *RAND Corporation*,

https://www.rand.org/pubs/perspectives/PE142.html, pp. 2-4, truy cập ngày 12/3/2019.

70. Michael K. Connors, Remy Davison and Jorn Dosch (2018), *The New Global Politics of the Asia Pacific*, Routledge Publisher, p. 22.
71. Micheal J. Green (2019), *By More than Providene: Grand Strategy and American Power in the Asia Pacific Since 1783*, Columbia University Press, pp.19-55.
72. Mingjiang Li (2020), "The Belt and Road Initiative: Geo-economics and Indo-Pacific security competition", *International Affairs*, Vol 96, Issue 1, pp. 169-187.
73. Ministry of Defence of Australia (1987), *The Defence of Australia 1987*, Canberra, Australia Government Publishing Service, p.viii.
74. Nadege Rolland (2015), "China's new Silk Road", *NBR Commentary*, pp. 25-31, https://www.nbr.org/publication/chinas-new-silk-road/, truy cập ngày 12/5/2020.
75. Navy League of the United states (2019), "Military sealift Command ships," *SeaPorner 2019 Almanac*, Vol 62 (1), pp.36-37.
76. Nick Bisley (2019), **"**Trump's incomplete Asia strategy**",** https://www.eastasiaforum.org/2019/07/25/trumps-incomplete-asia-strategy/, truy cập ngày 20/10/2020.
77. Office of Management and Budget (2019), "Table 6.1 - Composition of Outlays: 1940-2024", The White House, https://www.whitehouse.gov/omb/historical-tables/, truy cập ngày 15/7/2020.
78. Patrica Zengerle và Mike Stone (2018), "Senate Passes Defence Bill, Battle looms with Trump over China's ZTE", *Reuters*, https://www.reuters.com/article/us-usa-defense-spending/senate-passes-defense-bill-battle-looms-with-trump-over-chinas-zte-idUSKBN1JE2XA, truy cập ngày 12/6/2019.
79. Patrick M. Shanahan (2019), "Acting Secretary Shanahan's Remarks at the IISS Shangri-La Dialogue 2019", https://www.defense.gov/Newsroom/Transcripts/Transcript/Article/1871584/acting-secretary-shanahans-remarks-

at-the- iiss-shangri-la-dialogue-2019/, truy cập ngày 20/9/2020.

80. Peter Varghese (2013), "Australia and Asia", https://www.dfat.gov.au /news/speeches/Pages/asia-society-luncheon-australia-and-asia, truy cập ngày 21/2/2020.
81. Phil Davidson (2019), "Ensuring a Free and Open Indo-Pacific", https:// www.pacom.mil/Media/Speeches-Testimony/Article/1779396/fullerton-lecture-series-hosted-by-iiss-on-ensuring-a-free-and-open-indo-pacific/, truy cập ngày 29/4/2021.
82. Rahaul Choudhury (2018), "Modi Spells Out Free, Open, Inclusive Indo-Pacific Policy", IISS, https://www.iiss.org/blogs/analysis/2018/08/modi-free-open-inclusive, truy cập ngày 13/4/2019.
83. Ralph A. Cossa (2009), "The United States and the Asia-Pacific Region: Security Strategy for the Obama Administration", *Center for a New American Security*, p.11.
84. Richard Javad Heydarian (2019), *The Indo-Pacific: Trump, China, and the New Struggle for Global Mastery*, Palgrave Macmillan.
85. Robert Gilpin (1981), *War and Change in World Politics*, The University of Cambridge Press, p. 34.
86. Robert Haddick (2014), *Fire on the water: China, America, and the Future of the Pacific*, Naval Institute Press.
87. Robert Jackson, George Sorense (2013), *Introduction to International Relations: Theories and Appoachs (Fifth edition)*, Oxford University Press, New York, p.106.
88. Rory Medcalf (2020), *Contest for the Indo-Pacific: Why China Won't Map the Future*, La Trobe University Press.
89. Satish Chandra và Baladas Ghoshal (2018), *The Indo-Pacific Axis: Peace and Prosperity or Conflict?*, Routledge Publisher.
90. Saul McLeod (2019), "Constructivism as a theory for teaching and learning", https://www.simplypsychology.org/constructivism.html, truy cập ngày 30/ 01/2022.
91. Secretary James N. Mattis (2018), "Remarks by Secretary Mattis on the

National Defense Strategy", *US Department of Defense*, https://dod.defense.gov/News/Transcripts/Transcript-View/Article/1420042/remarks-by-secretary-mattis-on-the-national-defense-strategy/, truy cập ngày 12/4/2020.

92. Sharad Tewari và Roshan Khanijo (2016), *The Indo Pacific Region: Security Dynamics and Challenges*, Vij Books India.
93. Abe Shinzo (2007), "Confluence of the Two Seas", https://www.mofa.go.jp/region/asia-paci/pmv0708/speech-2.html, truy cập ngày 12/4/2019.
94. SIPRI (2019), "Global military expenditure sees largest annual increase in a decade", https://www.sipri.org/media/press-release/2020/global-military-expenditure-sees-largest-annual-increase-decade-says-sipri-reaching-1917-billion#:~:text=China's%20military%20expenditure%20reached%20%24261,spending%2C'%20says%20Siemon%20T, truy cập ngày 14/9/2019.
95. SIPRI Fact Sheet, "Trends In World Military Expenditure 2015", https://www.sipri.org/sites/default/files/EMBARGO%20FS1604%20Milex%202015.pdf.
96. SIPRI Fact Sheet, "Trends In World Military Expenditure 2016", https://www.sipri.org/sites/default/files/Trends-world-military-expenditure-2016.pdf.
97. SIPRI Fact Sheet, "Trends In World Military Expenditure 2017", https://www.sipri. org/sites/default/files/Trends-world-military-expenditure-2017.pdf.
98. Stephen Walt (2018), *The Hell of Good Intentions: America's Foreign Policy Elite and the Decline of U.S. Primacy*, New York: Farrar, Straus and Giroux, p. 13.
99. Subhasish Sarangi (2019), Evolving Geopolitics of Indo-Pacific Region: Challenges and Prospects, Vij Books India.
100. The State Council Information Office of China (2019), "China's National Defense in the New Era", https://english.www.gov.cn/archive/whitepaper/201907/24/content_WS5d3941ddc6d08408f502283d.html, truy cập ngày 28/5/2021.

101. The White House (2002), “National Security Strategy”, https://georgewbush-whitehouse.archives.gov/nsc/nssall.html, truy cập ngày 12/4/2019.
102. The White House (2011), “Remarks by President Obama to the Australian Parliament”, https://obamawhitehouse.archives.gov/the-press-office/20, truy cập ngày 18-5-2020.
103. The White House (2017), “National Security Strategy of the United States of America”, https://www.whitehouse.gov/wp-content/uploads/2017/12/NS, truy cập ngày 28-11-2019.
104. The White House (2017), “National Security Strategy of the United States of America”, p. 47, https://trumpwhitehouse.archives.gov/wp-content/uploads/2017/12/NSS-Final-12-18-2017-0905.pdf, truy cập ngày 13/6/2020.
105. The White House (2021), “U.S. Strategic Framework for the Indo-Pacific”, https://assets.documentcloud.org/documents/20455499/ips-final-declass_ocr.pdf, truy cập ngày 05/12/2021.
106. The White House (2021), “Interim National Security Strategic Guidance”, pp. 10, https://www.whitehouse.gov/wp-content/uploads/2021/03/NSC-1v2.pdf, truy cập ngày 23/9/2021.
107. The White House (2022), “The Indo-Pacific Strategy of the United States”, https://www.whitehouse.gov/wp-content/uploads/2022/02/U.S.-Indo-Pacific-Strategy.pdf, truy cập ngày 16/02/2022.
108. Timothy Doyle và Dennis Rumley (2020), *The Rise and Return of the Indo-Pacific*, Oxford University Press.
109. Udayan Das (2019), “What is the Indo-Pacific”, https://thediplomat.com/2019/07/what-is-the-indo-pacific/, truy cập ngày 01-10-2019.
110. Usaf Almanac (2019), “Major Commands and Air National Guard,” *Air Force Association*, pp.64-74.
111. USAF ALMANAC (2019), “Strategic Weapons,” *Air Force Association*, pp.123- 124.
112. Yuanfa Liu (2016), “Analysing national security strategy in the promotion of the BRI”, *Journal of Jiangnan Social University*, pp. 8-21.

113. Zhao Minghao (2016), “Analysing the security measures for the BRI”, *International Forum*, Vol 18 (2), pp. 1-6.

Websites

114. http://baoquocte.vn/my-da-chuyen-trong-tam-sang-chau-a-tbd-nhu-the-nao-339.html, truy cập ngày 28/10/2018.
115. http://cis.org.vn/article/4502/phan-2-cua-nhom-22-dau-moc-trong-quan-he-chien-luoc-an-do-my.html, truy cập ngày 12/5/2020.
116. http://english.hani.co.kr/arti/english_edition/e_northkorea/994915.html#:~:text=Edgard%20Kagan%2C%20senior%20director%20for,by%20the%20Chey%20Institute%20for, truy cập ngày 20/7/2021.
117. http://maxpark.com/community/13/content/6575759;https://chinalogist.ru/articles/sdelano-v-kitae-2025-kto-pridyot-na-smenu-mirovoy-fabrike-12708, truy cập ngày 20/6/2019.
118. http://mea.gov.in/Uploads/PublicationDocs/29788_MEA-AR-2017-18-03-02-2018.pdf, truy cập ngày 25/10/2021.
119. http://www.census.gov/foreign-trade/balance /c0016.html, truy cập ngày 14/6/2020.
120. http://www.globaltimes.cn/content/861573.shtml, truy cập ngày 16/5/2019.
121. http://www.lowyinstitute.org/publications/lowy-institute-poll-2019, truy cập ngày 15/01/2021.
122. http://www.rfi.fr/tw/M /20190321, truy cập ngày 16/6/2020.
123. http://www.xinhuanet.com/asia/2017-06/11/c_129630013.html, truy cập ngày 15/3/2020.
124. https://amti.csis.org/making-foip-appealing-southeast-asia/, truy cập ngày 16/9/2020.
125. https://asia.nikkei.com/Editor-s-Picks/Interview/Pompeo-aims-to-institutionalize-Quad-ties-to-counter-China, truy cập ngày 23/7/2021.
126. https://asia.nikkei.com/Opinion/Election-triumph-will-boost-Modi-s-international-clout, truy cập ngày 23/4/2020.
127. https://assets.documentcloud.org/documents/20455499/ips-final-declass_ocr.pdf, truy cập ngày 24/6/2020.

128. https://baoquocte.vn/10-dieu-rut-ra-tu-su-ra-doi-cua-thoa-thuan-aukus-159099.html, truy cập ngày 30/01/2022.
129. https://baoquocte.vn/de-mat-den-trung-quoc-bo-tu-nang-cap-hop-bo-truong-101910.html, truy cập ngày 12/6/2020.
130. https://baoquocte.vn/hoi-nghi-thuong-dinh-bo-tu-trung-quoc-canh-bao-tuyen-bo-chung-tinh-than-bo-tu-co-gi-139148.html, truy cập ngày 15/6/2021.
131. https://baoquocte.vn/my-hoi-thuc-nhom-bo-tu-doi-pho-trung-quoc-bac-kinh-phan-don-125600.html, truy cập ngày 15/6/2020.
132. https://baotintuc.vn/vu-khi-khi-tai/my-cung-cap-lo-vu-khi-moi-cho-philippines-20170605172451505.htm, truy cập ngày 15/7/2020.
133. https://chinaus-icas.org/wp-content/uploads/2019/10/Indo-Pacific-Strategy-and-Chinas-Response.pdf, truy cập ngày 22/10/2020.
134. https://crsreports.congress.gov/product/pdf/IF/IF10165, truy cập ngày 18/7/2020, truy cập ngày 14/8/2020.
135. https://crsreports.congress.gov/product/pdf/IF/IF11208, truy cập ngày 15/6/2021.
136. https://crsreports.congress.gov/product/pdf/R/R42784, truy cập ngày 26/8/2020.
137. https://crsreports.congress.gov/product/pdf/RL/RL32665/264, truy cập ngày 16/4/2020.
138. https://crsreports.congress.gov/product/pdf/RL/RL32665/264, truy cập ngày 16/4/2020.
139. https://dangcongsan.vn/thoi-su/co-quan-hop-tac-quoc-te-nhat-ban-hop-bao-thuong-nien-mo-dau-nam-tai-khoa-2017-434937.html, truy cập ngày 12/5/2019.
140. https://dod.defense.gov/Portals/1/Documents/pubs/2018-National-Defense-Strategy-Summary.pdf, truy cập ngày 20/5/2019.
141. https://edition.cnn.com/2018/08/10/politics/south-china-sea-flyover-intl/index.html; https://abcnews.go.com/International/reporters-notebook-flying-us-military-tabs-china-south/story?d=57745253, truy cập ngày

24/3/2021.
142. https://giaoduc.net.vn/tieu-diem/la-bai-dai-loan-giup-my-gay-suc-ep-voi-trung-quoc-post197998.gd, truy cập ngày 26/8/2020.
143. https://globalnation.inquirer.net/162460/philippine-news-updates-donald-trump-asean-2017-asean-philippine-us-relations-military-bases, truy cập ngày 18/9/2021.
144. https://history.defense.gov/Historical-Sources/National-Security-Strategy/, truy cập ngày 30/01/2022
145. https://jamestown.org/program/the-prcs-cautious-stance-on-the-u-s-indo-pacific-strategy/, truy cập ngày 15/6/2021.
146. https://news.usni.org/2019/04/18/pacific-commander-davidson-asks-congress-to-fund-regain-the-advantage-plan-aimed-at-china, truy cập ngày 30/6/2021.
147. https://nld.com.vn/thoi-su/dai-su-my-viet-nam-dong-vai-tro-trung-tam-trong-chien-luoc-an-do-duong-thai-binh-duong-20210407161650451.htm, truy cập ngày 19/12/2021.
148. https://pacificaidmap.lowyinstitute.org/, truy cập ngày 25/3/2021.
149. https://thanhnien.vn/the-gioi/my-tang-cuong-hop-tac-philippines-tiep-tuc-tuan-tra-tu-do-hang-hai-o-bien-dong-1150334.html, truy cập ngày 14/4/2020.
150. https://theasiadialogue.com/2018/02/13/2018-u-s-nuclear-posture-review/, truy cập ngày 15/6/2020.
151. https://thediplomat.com/2019/10/assessing-trumps-indo-pacific-strategy-2-years-in/, truy cập ngày 20/4/2021.
152. https://tuoitre.vn/bien-dong-trong-chien-luoc-an-do-duong-thai-binh-duong-20180618094127348.htm, truy cập ngày 15/6/2021.
153. https://tuoitre.vn/malaysia-philippines-than-trong-voi-cam-ket-cua-my-20181116094418281.htm, truy cập ngày 16/10/2021.
154. https://tuoitre.vn/ngoai-truong-my-thao-go-tat-ca-gioi-han-tu-dat-ra-trong-quan-he-voi-dai-loan-20210110062752262.htm, truy cập ngày 12/9/2020.
155. https://viettimes.vn/nam-2018-the-gioi-truoc-buoc-ngoat-lich-su-phan-2-

311694.html, truy cập ngày 23/4/2019.
156. https://vn.usembassy.gov/20171110-remarks-president-trump-apec-ceo-summit/, truy cập ngày 12/12/2021.
157. https://vn.usembassy.gov/wp-content/uploads/sites/40/U.S.-Strategic-Approach-to-The-Peoples-Republic-of-China-Report-5.20.20-VN.pdf, truy cập ngày 21/6/2021.
158. https://vnexpress.net/my-han-dat-thoa-thuan-phi-bao-ve-4245133.html, truy cập ngày 25/6/2021.
159. https://vtc.vn/my-gia-han-su-dung-can-cu-quan-su-singapore-them-15-nam-ar500331.html, truy cập ngày 14/6/2020.
160. https://world.kbs.co.kr/service/contents_view.htm?lang=v&menu_cate=issues&id=&board_seq=399916, truy cập ngày 19/5/2020.
161. https://www. marforpacmarines.mil/Unit-Home/About/, truy cập ngày 20/2/2020.
162. https://www.ainonline.com/aviation-news/defense/2018-06-28/australia-confirms-mq-4c-triton-buy, truy cập ngày 23/6/2020.
163. https://www.airforcemag.com/wilsbach-nominated-to-lead-pacific-air-forces/, truy cập ngày 15/6/2020.
164. https://www.americanprogress.org/article/trumps-defense-budget/, truy cập ngày 12/5/2019.
165. https://www.andersen.af.mil/CBP/, truy cập ngày 20/02/2020.
166. https://www.armed-services.senate.gov/imo/media/doc/FY%202021%20NDAA%20-%20Report.pdf, truy cập ngày 12/9/2021.
167. https://www.aspi.org.au/report/australias-pacific-pivot, truy cập ngày 25/3/2020.
168. https://www.australiandefence.com.au/defence/land/china-watches-as-talisman-sabre-gets-underway, truy cập ngày 13/02/2021.
169. https://www.bangkokpost.com/business/1807664/china-competes-with-us-for-weapons-sales-to-thailand, truy cập ngày 8/12/2019.
170. https://www.bitchute.com/video/Nvmfc9o0fdQ9/, truy cập ngày 20/4/

2020.
171. https://www.bitchute.com/video/Nvmfc9o0fdQ9/, truy cập ngày 20/4/2020.
172. https://www.bitchute.com/video/Nvmfc9oOfdQ9/, truy cập ngày 16/8/2020.
173. https://www.c7f.navy.mil/Media/News/Display/Article/1858150/pacific-partnership-2019-mission- concludes/, truy cập ngày 16/9/2020.
174. https://www.congress.gov/bill/115th-congress/house-bill/2621?q=%7B%22search%22%3A%5B%22actionDate%3A%5C%22115%7C2017-03-16%5C%22+AND+%28billIsReserved%3A%5C%22N%5C%22+or+type%3A%5C%22AMENDMENT%5C%22%29%22%5D%7D, truy cập ngày 02/3/2019.
175. https://www.cpf.navy.mil/about/, truy cập ngày 20/02/2020.
176. https://www.defense.gov/News/Transcripts/TranscriptView/Article/1538599/remarks-by-secretary-mattis-at-plenary-session-of-the-2018-shangri-ladialogue/, truy cập ngày 12/6/2019.
177. https://www.defensenews.com/congress/2019/12/19/pentagon-finally-gets-its-2020-budget-from-congress/, truy cập ngày 15/7/2021.
178. https://www.defensenews.com/global/asia-pacific/2020/04/02/inside-us-indo-pacific-commands-20-billion-wish-list-to-deter-china-and-why-congress-may-approve-it/, truy cập ngày 12/7/2021.
179. https://www.dvidshub.net/feature/PacificAngel 19, truy cập ngày 20/6/2020.
180. https://www.dvidshub.net/image/4594749/socpac-change-command, truy cập ngày 20/3/2020.
181. https://www.eastasiaforum.org/2019/08/15/expanding-aseans-indo-pacific-role/, truy cập ngày 23/12/2021.
182. https://www.eastasiaforum.org/2020/11/08/a-biden-presidencys-impact-on-the-asia-pacific/, truy cập ngày 12/12/2021.
183. https://www.everycrsreport.com/reports/R46217.html#fn11, truy cập ngày

13/7/2021.
184. https://www.globalaffairs.ru/valday/Indo-Tikhookeanskaya-strategiya-SShA-19762, truy cập ngày 15/3/2019.
185. https://www.govtrack.us/congress/bills/115/hr2621/summary, truy cập ngày 02/3/2019.
186. https://www.jag.navy.mil/organization/documents/Reagan%200cean%20Policy%20statement.pdf, truy cập ngày 28/6/2020.
187. https://www.japantimes.co.jp/news/2020/07/10/national/u-s-state-department-f35-sale/, truy cập ngày 12/6/2021.
188. https://www.mfa.gov.sg/Newsroom/Press-Statements-Transcripts-and-Photos/2019/05/20190516_FMV-Washington—CSIS-Speech, truy cập ngày 17/10/2021.
189. https://www.minister.defence.gov.au/minister/cpyne/media-releases/safer-australia-budget-2019-20-defence-overview, truy cập ngày 12/5/2021.
190. https://www.minister.defence.gov.au/minister/lreynolds/media-releases/adf-exercises-capability-rimpac, truy cập ngày 15/7/2021.
191. https://www.minister.defence.gov.au/minister/lreynolds/media-releases/adf-exercises-capability-rimpac, truy cập ngày 17/7/2021.
192. https://www.minister.defence.gov.au/minister/lreynolds/speeches/shangri-la-dialogue-2019, truy cập ngày 12/7/2020.
193. https://www.navy.mil/navydata/fact_display.asp?cid=4100&tid=200&ct=4, truy cập ngày 16/9/2020.
194. https://www.navy.mil/navydata/fact_display.asp?cid=4200&tid=200&ct=4, truy cập ngày 20/02/2020.
195. https://www.navy.mil/navydata/fact_display.aspkcid =4600&tid =200&ct =4, truy cập ngày 15/6/2021.
196. https://www.navy.mil/navydata/our_ships.asp, truy cập ngày 15/6/2020.
197. https://www.nytimes.com/interactive/2020/11/03/us/elections/results-president.html, truy cập ngày 26/3/2021.
198. https://www.orfonline.org/expert-speak/india-we-trust-would-be-good-us-policy-52345/, truy cập ngày 16/3/2021.

199. https://www.pacom.mil/About-USINDOPACOM, truy cập ngày 17/12/2019.
200. https://www.pacom.mil/ About-USINDOPACOM, truy cập ngày 20/02/2020.
201. https://www.pacom.mil/About-USINDOPACOM/, truy cập ngày 15/4/2020.
202. https://www.presidency.ucsb.edu/documents/2016-republican-party-platform, truy cập ngày 24/6/2019.
203. https://www.reuters.com/article/us-china-defence-vanuatu-idUSKBN1HH019, truy cập ngày 13/2/2021.
204. https://www.scmp.com/week-asia/politics/article/3105299/indo-pacific-nato-chinas-wang-yi-slams-us-led-quad-underlying, truy cập ngày 20/6/2021.
205. https://www.socom.mil/socpac, truy cập ngày 20/3/2020.
206. https://www.sourcewatch.org/index.php/Project_for_the_New_American_Century, truy cập ngày 15/3/2019.
207. https://www.straitstimes.com/singapore/singapore-not-joining-us-japan-led-free-and-open-indo-pacific-for-now-vivian-balakrishnan, truy cập ngày 23/2/2021.
208. https://www.theguardian.com/australia-news/2018/jun/20/trump-drives-australian-trust-in-us-to-all-time-low, truy cập ngày 12/01/2021.
209. https://www.theguardian.com/australia-news/2018/jun/29/sweeping-foreign-interference-and-spying-laws-pass-senate, truy cập ngày 25/4/2021.
210. https://www.theguardian.com/australia-news/2018/nov/18/america-to-partner-with-australia-to-develop-naval-base-on-manus-island, truy cập ngày 19/01/2021.
211. https://www.usarpac.army.mil/comgen.asp, truy cập ngày 20/02/2020.
212. https://www.ussc.edu.au/analysis/averting-crisis-american-strategy-military-spending-and-collective-defence-in-the-indo-pacific, truy cập ngày 15/6/2019.

213. https://www.ussc.edu.au/analysis/averting-crisis-american-strategy-military-spending-and-collective-defence-in-the-indo-pacific, truy cập ngày 14/01/2020.
214. https://www.vietnamplus.vn/my-phe-chuan-hop-dong-ban-usd-vu-khi-cho-indonesia-tri-gia-2-ty-usd/650453.vnp, truy cập ngày 26/8/2020.